

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP NAM BỘ**



BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP NAM BỘ
NĂM 2022

Tiền Giang, tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường Cao đẳng Nông nghiệp
Nam Bộ năm 2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP NAM BỘ

- Căn cứ Quyết định số 479/QĐ-BGDĐT ngày 28/1/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về thành lập Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ;

- Căn cứ Quyết định số Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 9/12/2019, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ;

- Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về quy định xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường cao đẳng;

- Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/2/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng;

- Theo đề nghị của Trưởng phòng Kiểm định & Bảo đảm chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2022 (báo cáo kèm theo).

Điều 2. Ông Trưởng phòng Kiểm định & Bảo đảm chất lượng, các thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2022 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Đăng website;
- Lưu VT, KĐ&BDCL, thư viện.



ThS. NGUYỄN TIẾN HUYỀN

MỤC LỤC

CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	3
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	4
1. Thông tin chung	4
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật	4
2.1. Thông tin khái quát và lịch sử phát triển	4
2.2. Thành tích nổi bật.....	5
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự	6
3.1. Cơ cấu tổ chức	6
3.2. Danh sách cán bộ chủ chốt của Trường.....	8
3.3. Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên	9
4. Các ngành/ nghề và quy mô đào tạo	10
4.1. Các ngành/ nghề và quy mô đào tạo	10
4.2. Số lượng học sinh, sinh viên.....	15
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính.....	16
5.1. Cơ sở vật chất.....	16
5.2. Thư viện	17
5.3. Tài chính	17
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH.....	19
1. Đặt vấn đề.....	19
2. Tổng quan chung.....	19
2.1. Căn cứ tự đánh giá	19
2.2. Mục đích tự đánh giá	20
2.3. Yêu cầu tự đánh giá	20
2.4. Phương pháp tự đánh giá	20
2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá	20
3. Tự đánh giá.....	21
3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá	21
3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn.....	31
3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	31
3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	47
3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	69
3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.....	87
3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.....	108
3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	144
3.2.7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	149
3.2.8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	157
3.2.9. Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng.....	171
PHẦN III.TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	179
PHẦN IV: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	182
PHỤ LỤC	183
Phụ lục 1: Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng năm 2022.....	183
Phụ lục 2: Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2022 ..	186
Phụ lục 3: Bảng mã minh chứng	191

CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCH	Ban chấp hành
BM	Bộ môn
CBVC	Cán bộ viên chức
CQ	Cơ quan
DN	Doanh nghiệp
ĐTN	Đoàn Thanh niên
ĐV-TN	Đoàn viên - Thanh niên
HĐ	Hội đồng
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
Hội cựu CB	Hội cựu chiến binh
HSSV	Học sinh sinh viên
HCSN	Hành chính sự nghiệp
KĐCL	Kiểm định chất lượng
KHCN	Khoa học công nghệ
KTX	Ký túc xá
NN-PTNT	Nông nghiệp - Phát triển nông thôn
NSNN	Ngân sách nhà nước
TNCSHCM	Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
TT	Trung tâm

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Thông tin chung

Tên trường: Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ

Tên tiếng Anh: Nam Bo Agriculture College

Cơ quan chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ:

- Cơ sở chính: xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

- Cơ sở phân hiệu: 511, An Dương Vương, phường An Lạc A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 02733 850 136. Fax: 02733 850 247

Website: www.nbac.edu.vn. Email: info@nbac.edu.vn

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập: 1976

- Năm hợp nhất thành trường Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ: 1996

- Năm nâng cấp thành trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ: 2008

Loại hình trường: Công lập ; Tư thực

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

2.1. Thông tin khái quát và lịch sử phát triển

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ được thành lập vào ngày 28 tháng 01 năm 2008 theo Quyết định số 479/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở nâng cấp Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ.

Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ được thành lập theo Quyết định số 2360/QĐ-BNN-TCCB ngày 30 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở hợp nhất và tổ chức lại Trường Trung học Thủy lợi 3 và Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định.

Trong đó, Trường Trung học Thủy lợi 3 được thành lập và hoạt động từ ngày 29/6/1976, đặt tại xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định có tiền thân là Trường Trung cấp Nông nghiệp được thành lập và hoạt động năm 1974 tại Chiến khu Lộc Ninh. Năm 1976, Trường được thành lập lại với tên Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định, tọa lạc tại xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Như vậy tới ngày sáp nhập, hai trường đã có trên 20 năm hoạt động của riêng mình. Tính đến ngày mang tên Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, trường đã có trên 31 năm hoạt động.

Từ năm 2008, sau khi nâng cấp lên thành Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, song song với nhiệm vụ đào tạo nghề, Nhà trường còn tăng cường công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Năm 2019, Trường được Bộ lao động - Thương binh và Xã hội quyết định cho sáp nhập Trường Trung cấp Thủy sản vào Trường (Quyết định số 1128/QĐ-LĐTBXH ngày 9/8/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Tóm lại, lịch sử thành lập Trường có thể tóm tắt qua 4 thời kỳ chính:

- Thời kỳ thứ nhất (1976 - 1996): Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định và Trường Trung học Thủy lợi 3 là 2 cơ sở giáo dục đào tạo trung cấp chuyên nghiệp độc lập (bao gồm hai trường: Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định và Trường Trung học Thủy lợi 3).

- Thời kỳ thứ hai (1997 - 2007): Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ (sáp nhập 2 Trường Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định và Trường Trung học Thủy lợi 3 thành Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ).

- Thời kỳ thứ ba (2008 - 2018): Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ (nâng cấp từ Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ).

- Thời kỳ thứ tư (2019 - 2022): Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ (có sáp nhập Trường Trung cấp Thủy sản và thành lập phân hiệu của Trường tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Trải qua hơn 45 năm hoạt động và trưởng thành, Nhà trường luôn giữ vững và phát huy vai trò tiên phong trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực nông nghiệp phục vụ cho khu vực Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung. Nhà trường có 01 phân hiệu, 06 phòng chức năng, 04 khoa chuyên môn, 02 trung tâm với chức năng nhiệm vụ đào tạo 3 cấp trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp; bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động; nghiên cứu ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ; tổ chức sản xuất kinh doanh; liên kết đào tạo.

2.2. Thành tích nổi bật

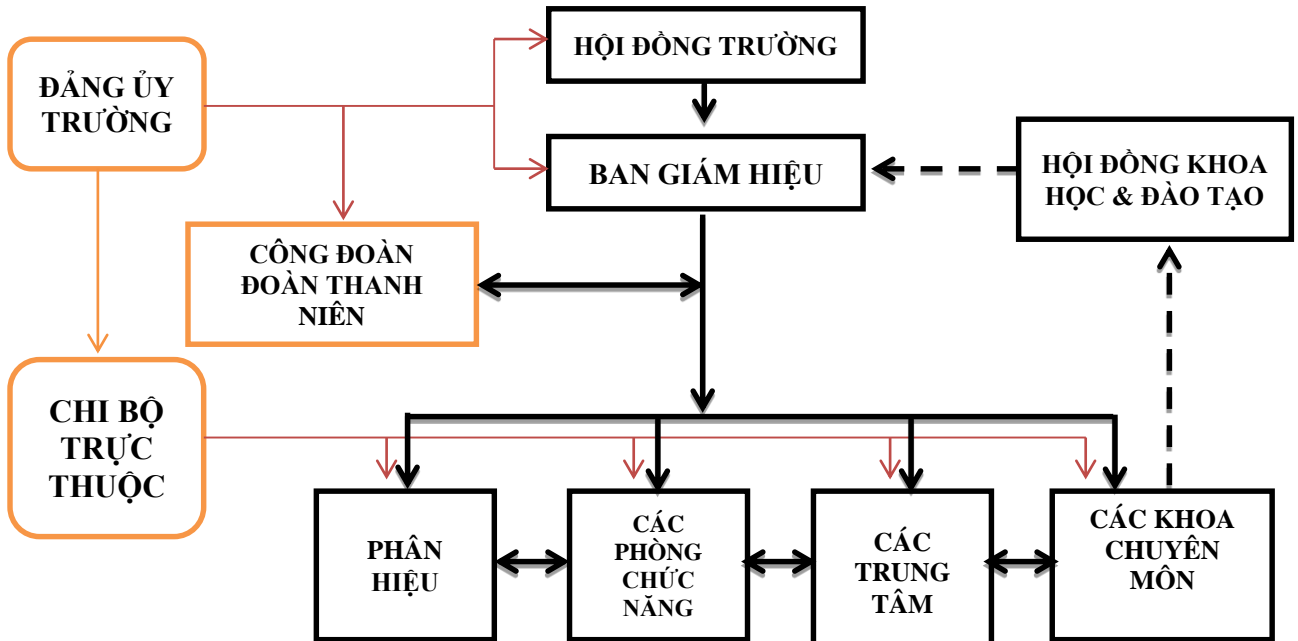
Năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020 tập thể Trường đều đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc và nhận được Bằng khen của UBND Tỉnh Tiền Giang. Năm học 2020 - 2021 tập thể Trường đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc nhận được Bằng khen của UBND Tỉnh Tiền Giang và vinh dự nhận được Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp & PTNT.

Ngoài ra, một số đơn vị trực thuộc Trường cũng đạt được nhiều thành tích trong công tác như: Phòng Tổ chức, Hành chính và Quản trị nhận Bằng khen Thủ tướng Chính

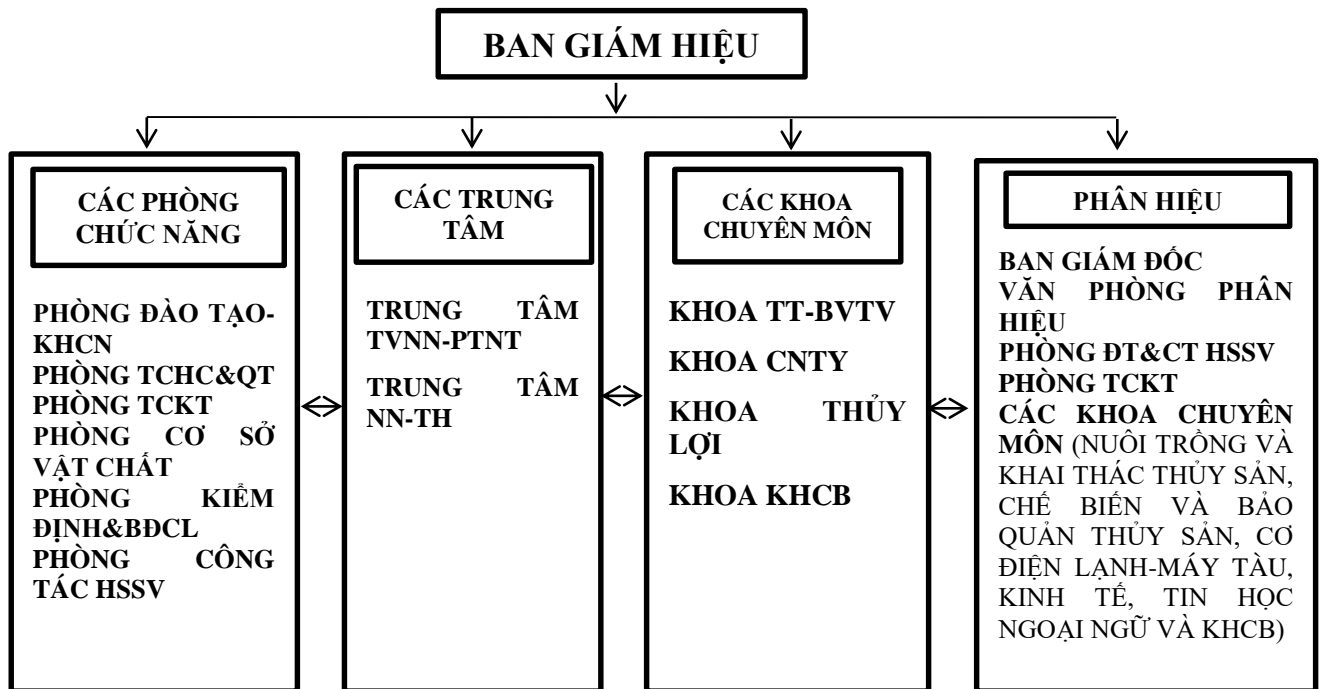
phủ (2018 - 2019), Bằng khen Bộ trưởng (2019 – 2020); Phòng Kiểm định & Bảo đảm chất lượng, Trung tâm Tư vấn Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Khoa Chăn nuôi, Thú y nhận Bằng khen Bộ trưởng (2020 – 2021).

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự

3.1. Cơ cấu tổ chức



Ghi chú:
 → : Quan hệ lãnh đạo chính trị
 → : Quan hệ chỉ huy hành chính
 ↔ : Quan hệ phối hợp
 - - → : Quan hệ tư vấn chuyên môn



Hình: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Nhà trường

Theo Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB ngày 09/02/2019 của Bộ được Bộ Nông nghiệp và PTNT về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, cơ cấu tổ chức Trường như sau:

- Ban Giám hiệu: 04 người (01 Hiệu trưởng và 03 Phó hiệu trưởng).
- Đơn vị trực thuộc: 12 đơn vị (6 Phòng; 4 Khoa và 2 Trung tâm)
- Phân hiệu tại Tp. Hồ Chí Minh:
 - + 01 giám đốc và 02 phó giám đốc
 - + 3 phòng và 5 khoa

Trường cơ bản đã xây dựng được bộ máy quản lý thống nhất sau khi sáp nhập trường Trung cấp Thủy sản và tổ chức thành Phân hiệu Trường tại TP. Hồ Chí Minh, Bộ máy hoạt động có hiệu quả từ Ban Giám hiệu đến các đơn vị trực thuộc, góp phần vào hoàn thành được chức năng, nhiệm vụ và đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường.

3.2. Danh sách cán bộ chủ chốt của Trường

Đơn vị	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh
1. Ban Giám hiệu	Nguyễn Tiến Huyền	02/09/1975	Thạc sĩ	Hiệu trưởng
	Nguyễn Văn Côn	01/05/1963	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
	Trần Thị Thu Bình	14/06/1972	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
	Trần Văn Tám	26/07/1974	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn				
Đảng bộ	Nguyễn Tiến Huyền	02/09/1975	Thạc sĩ	Bí thư Đảng bộ
Chi bộ 1	Trần Văn Lên	01/01/1973	Tiến sĩ	Bí thư chi bộ
Chi bộ 2	Nguyễn Văn Dũng	07/05/1978	Thạc sĩ	Bí thư chi bộ
Chi bộ 3	Dương Văn Thọ	01/07/1978	Thạc sĩ	Bí thư chi bộ
Chi bộ 4	Nguyễn Văn Ngọc	12/05/1976	Đại học	Bí thư chi bộ
Công đoàn	Trần Văn Thanh	23/12/1965	Thạc sĩ	Chủ tịch công đoàn
Đoàn thanh niên	Trần Quốc Hùng	10/07/1988	Đại học	Bí thư đoàn
3. Các phòng chức năng				
Phòng Tổ chức Hành chính và Quản trị	Trần Văn Thanh	23/12/1965	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Đào tạo và Khoa học công nghệ	Cao Hồ Thanh Xuân	31/08/1969	Tiến sĩ	Trưởng phòng
Phòng Tài chính, Kế toán	Dương Văn Thọ	01/07/1978	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng	Bùi Ngọc Phước Hào	22/02/1970	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Công tác Học sinh, Sinh viên	Hà Chí Trực	13/09/1963	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Cơ sở vật chất	Nguyễn Văn Ngọc	12/05/1976	Đại học	Trưởng phòng
4. Các khoa				
Khoa Trồng trọt – Bảo vệ thực vật	Nguyễn Văn Dũng	07/05/1978	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
Khoa Chăn nuôi, Thú y	Trần Văn Lên	01/01/1973	Tiến sĩ	Trưởng Khoa
Khoa Thủy lợi	Huỳnh Lê Ninh Khoa	07/03/1983	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
Khoa Khoa học cơ bản	Nguyễn Triệu Phú Quý	27/11/1968	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
5. Trung tâm				
Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học	Lê Trọng Hiếu	24/05/1971	Đại học	Giám đốc

Trung tâm Tư vấn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nguyễn Văn Côn	01/05/1963	Thạc sĩ	Giám đốc
6. Các cơ sở				
Phân hiệu tại TP.HCM	Nguyễn Tiến Huyền	02/09/1975	Thạc sĩ	Giám đốc
	Trần Thị Thu Bình	14/06/1972	Thạc sĩ	Phó Giám đốc thường trực
	Trần Văn Tám	26/07/1974	Thạc sĩ	Phó Giám đốc

3.3. Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên

Tổng số cán bộ viên chức – người lao động trong nhà trường là: 124 người

Trong đó:

- + Cán bộ quản lý: 36 người.
- + Viên chức, Hợp đồng lao động: 06
- + Giảng viên dạy chuyên môn nghề: 85

Trong đó:

Nam: 63 người, Nữ: 61 người

Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sĩ	5
Thạc sĩ	56
Đại học	51
Cao đẳng	4
Trung cấp	3
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0
Trình độ khác	5
Tổng số	124

Có thể thấy rằng, số người làm việc cần thiết tập trung chủ yếu ở khối công việc hoạt động nghề nghiệp (giảng dạy), điều này cũng phản ánh đúng với thực trạng hoạt động của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, công việc chủ yếu là giảng dạy và nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ; đây cũng là những vị trí việc làm thường biến động theo ngành đào tạo và phụ thuộc nhiều vào kết quả tuyển sinh hàng năm; nếu ngành tuyển sinh được đông thì các vị trí việc làm trong ngành phải tăng cường hoạt động để bù lại những ngành có năm không tuyển sinh được; đồng thời các ngành tuyển sinh không được các vị trí việc làm tạm thời phải kiêm thêm công việc của các vị trí việc làm phục vụ hỗ trợ để đảm bảo không tăng biên chế và các vị trí cùng có đủ việc làm.

4. Các ngành/ nghề và quy mô đào tạo

4.1. Các ngành/ nghề và quy mô đào tạo

Tại trụ sở chính: Xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV
1	Bảo vệ thực vật	Cao đẳng	100	462	100	382	100	202	100	266
		Trung cấp	30	10	30	33	30	21	30	14
2	Thú y	Cao đẳng	100	377	100	305	100	116	100	180
		Trung cấp	30	0	30	0	30	39	30	51
3	Kế toán doanh nghiệp	Cao đẳng	30	0	30	0	30	0	30	0
		Trung cấp	30	41	30	31	30	9	30	8
4	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng	30	0	30	0	30	0	30	0
		Trung cấp	30	19	30	169	30	0	30	0
5	Quản lý đất đai	Cao đẳng	40	0	40	0	40	9	40	16
		Trung cấp	30	0	30	0	30	0	30	0
6	Khoa học cây trồng	Cao đẳng	40	47	40	34	40	7	40	7
7	Chăn nuôi	Cao đẳng	60	23	60	9	60	0	60	0
8	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Cao đẳng	40	15	40	15	40	0	40	0
9	Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước	Cao đẳng	40	5	40	5	40	0	40	0
10	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	Cao đẳng	30	0	30	0	30	0	30	0

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV
11	Công nghệ sinh học	Cao đẳng	30	0	30	0	30	0	30	0
12	Khảo sát địa hình	Cao đẳng	30	0	30	0	30	0	30	0
13	Xây dựng công trình thủy	Cao đẳng	30	0	30	0	30	0	30	0
14	Chế biến thực phẩm	Cao đẳng	30	0	30	0	30	0	30	0
15	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Trung cấp	60	128	60	195	60	161	60	244
16	Chăn nuôi - Thú y	Trung cấp	60	217	60	111	60	76	60	123
17	Thủy lợi tổng hợp	Trung cấp	40	53	40	59	40	72	40	126
18	Công nghệ thực phẩm	Trung cấp	40	17	40	12	40	0	40	0
19	Chăn nuôi gia súc gia cầm	Trung cấp	35	0	35	0	35	0	35	0
20	Cấp thoát nước	Trung cấp	30	0	30	0	30	0	30	0
21	Chế biến và bảo quản thủy sản	Trung cấp	30	0	30	0	30	0	30	0
22	Kỹ thuật xây dựng	Cao đẳng	30	15	30	0	30	0	30	0
		Sơ cấp	25	0	25	0	25		25	
23	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Cao đẳng	20	0	20	0	20	0	20	0
		Trung cấp	30	0	30	0	30	0	30	0
24	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	Cao đẳng	20	0	20	0	20	41	20	0
		Trung cấp	30	0	30	27	30	0	30	33

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV
25	Xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
26	Trồng rau công nghệ cao	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
27	Trồng mai vàng, mai chiếu thủy	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
28	Trồng sầu riêng, măng cụt	Sơ cấp	25	0	25	15	25	0	25	0
29	Trồng rau hữu cơ	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
30	Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
31	Trồng ca cao xen dứa	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
32	Trồng thanh long	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
33	Trồng cây có múi	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
34	Trồng hoa lan	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
35	Vì nhân giống hoa	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
36	Trồng rau an toàn	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
37	Trồng lúa năng suất cao	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
38	Trồng hoa huệ, lay ơn, đồng tiền, hồng môn	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
39	Trồng dưa hấu, dưa bở	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV
40	Nhân giống cây ăn quả	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
41	Quản lý dịch hại tổng hợp	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
42	Trồng xoài, ôi, chôm chôm	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
43	Trồng dứa (khóm, thơm)	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
44	Trồng bầu, bí, dưa chuột	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
45	Nuôi lợn rừng, lợn nuôi thả	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
46	Nuôi và phòng bệnh cho gà	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
47	Nuôi và phòng bệnh cho lợn	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
48	Nuôi và phòng bệnh cho trâu, bò	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
49	Nuôi chim cú, chim bồ câu thương phẩm	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
50	Nuôi rắn, tất kè, kỳ đà	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
51	Chăn nuôi gà, lợn hữu cơ	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
52	Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV
53	Nuôi cá diêu hồng, cá rô phi	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
54	Nuôi cá tra, cá ba sa	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
55	Nuôi tôm thẻ chân trắng	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
56	Chế biến sản phẩm từ đậu nành	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
57	Quản lý công trình thủy nông	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
58	Kỹ thuật đo đạc	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
59	Nề và hoàn thiện công trình	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
60	Gia công cốt thép	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
61	Điện nước	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0	25	0
	Tổng			1.429		1.402		753		1.068

Tại phân hiệu Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Tên ngành, nghề	Trình độ đào tạo	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSS V	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSS V	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HSSV
1	Công nghệ thông tin	Cao đẳng			30	28	30	44	30	30
		Trung cấp								
2	Kế toán doanh nghiệp	Cao đẳng			30	20	30	29	30	26
		Trung cấp	140	52	120	71	120	92	120	68
3	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Cao đẳng			30	33	30	28	30	29
		Trung cấp								

4	Nuôi trồng thủy sản	Cao đẳng			30	8	30	33	30	8
		Trung cấp	90	43	30	14	30	5	30	13
5	Chế biến thực phẩm	Cao đẳng			30	18	30	20	30	10
		Trung cấp								
6	CNKT chế biến và bảo quản thực phẩm	Cao đẳng								
		Trung cấp	80	39	30	31	30	2	30	23
7	Tin học ứng dụng	Cao đẳng								
		Trung cấp	90	51	90	83	30	46	30	44
8	Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt	Cao đẳng								
		Trung cấp	140	119	140	124	90	152	90	79
9	Điện công nghiệp	Cao đẳng			30	8	30	14	30	
		Trung cấp								
10	Điện công nghiệp và dân dụng	Cao đẳng								
		Trung cấp	105	39	30	16	30	41	30	65
11	Chế biến và bảo quản thủy sản	Cao đẳng			30		30		30	
		Trung cấp	80	71	30		30		30	29
12	Khai thác đánh bắt hải sản	Cao đẳng			30	8	30		30	
		Trung cấp	30		30		30		30	
Tổng cộng				414		462		506		424

4.2. Số lượng học sinh, sinh viên

Tại cơ sở chính

Trình độ	Năm học			
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Cao đẳng	643	418	323	305
Trung cấp	604	570	419	497
Trình độ Sơ cấp	0	0	0	0
Liên thông Trung cấp lên Cao đẳng, CD lên ĐH	0	12	11	0
Tổng cộng	1.247	1.000	753	802

Tại Phân hiệu

Trình độ	Năm học			
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Cao đẳng		16	38	27
Trung cấp	414	339	338	321
Trình độ Sơ cấp		0	0	0
Liên thông Trung cấp lên Cao đẳng, CĐ lên ĐH		107	130	76
Tổng cộng	414	462	506	424

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Cơ sở vật chất

- Tổng diện tích đất đai toàn trường: 97.659,9 m², trong đó:

Cơ sở chính: 79.633,3 m²

Phân hiệu: 18.026,6 m²

+ **Cơ sở chính:** 79.633,3 m²

Diện tích xây dựng tại cơ sở chính: 17.847 m²

Diện tích cây xanh, sân, đường nội bộ, trại thực hành, ao thủy sản, sân thể thao ngoài trời: 61.786,3 m²

TT	Hạng mục, công trình	Sàn đã xây dựng (m ²)	Đang xây dựng (m ²)
1	Khu hiệu bộ	1.972	
2	Phòng học lý thuyết	4122	
3	Xưởng/Phòng thực hành	2.147	
4	Phòng tin học	336	
5	Hội trường	1249	
6	Thư viện	128	
7	Ký túc xá	2.394	
8	Nhà ăn	300	
9	Phòng y tế	32	
10	Khu thể thao, nhà thi đấu	3238	
11	Vật kiến trúc khác	2771	

+ **Phân hiệu:** 18.026,6 m²

Giảng đường: diện tích 5.174 m², 35 phòng

Hội trường: 414 m²

Thư viện: diện tích 300 m², 4 phòng

Phòng thí nghiệm: diện tích 536 m², 12 phòng

Xưởng thực tập, thực hành: diện tích 606 m², 6 phòng

Nhà ở học sinh: diện tích 2.956 m², 48 phòng trong khuôn viên trường, dạng căn hộ khép kín, sức chứa 500 học sinh.

Diện tích cây xanh, sân, đường nội bộ, trại thực hành, ao thủy sản, sân thể thao ngoài trời: 8.040,6 m².

5.2. Thư viện

- Cơ sở chính:

Tổng số đầu sách trong thư viện của Nhà trường: 2.479 đầu sách với số lượng bản: 13.172 bản. Trong đó:

Sách tham khảo: 2.369 đầu sách

Giáo trình, bài giảng, sách giáo khoa: 110 đầu sách.

Tổng số đầu tạp chí, báo: 10 đầu được cập nhật thường xuyên.

Tổng số máy vi tính có nối mạng internet: 30 máy.

- Phân hiệu:

Tổng số đầu sách trong thư viện Phân hiệu: 900 đầu sách với số lượng bản: 12.450 bản. Trong đó:

Sách tham khảo: 750 đầu sách

Giáo trình, bài giảng, sách giáo khoa: 150 đầu sách.

Tổng số đầu tạp chí: 01 (Tạp chí Thủy sản).

Tổng số máy vi tính có nối mạng internet: 06 máy

5.3. Tài chính

Cơ sở chính

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. Nguồn thu	27.027.674.507	24.343.083.738	21.887.942.834
<i>NSNN cấp</i>	21.646.024.000	20.332.757.000	18.409.367.000
<i>Thu học phí</i>	2.922.996.000	2.017.306.500	1.712.502.050
<i>ODA</i>	0	0	
<i>Nguồn khác</i>	2.458.684.507	1.993.020.238	1.766.073.784
2. Tổng quyết toán	27.000.262.623	24.343.083.738	21.841.054.719

Phân hiệu

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. Nguồn thu	20.216.180.072	19.754.076.509	17.929.614.684
<i>NSNN cấp</i>	9.882.795.329	9.663.379.000	9.689.379.000
<i>Thu học phí</i>	3.422.460.000	3.659.061.000	3.757.260.000
<i>ODA</i>			
<i>Nguồn khác</i>	6.910.924.743	6.431.636.509	4.482.975.684
2. Tổng quyết toán	20.216.180.072	19.754.076.509	17.929.614.684

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH

1. Đặt vấn đề

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, giáo dục nghề nghiệp giữ một vị trí quan trọng trong việc nâng cao dân trí và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần xây dựng nền kinh tế tri thức. Tuy nhiên, những năm gần đây, giáo dục nghề nghiệp đang phải đối mặt với những khó khăn và thách thức mới, một trong những khó khăn đó là chất lượng giáo dục nghề nghiệp chưa được đảm bảo. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta đã đưa ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm cải thiện vấn đề này và một trong số đó là công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục của các trường trung cấp, cao đẳng trên toàn quốc.

Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp là việc đánh giá và công nhận các hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục nghề nghiệp đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. Tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp là quá trình Trường tự xem xét, nghiên cứu trên cơ sở các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác. Từ đó, Trường tiến hành điều chỉnh các nguồn lực cũng như quá trình thực hiện nhiệm vụ đào tạo nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn đã đề ra.

Căn cứ vào quy trình tự đánh giá theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các tiêu chí, tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn theo hướng dẫn tại Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tiến hành xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác tự kiểm định chất lượng giáo dục của Nhà trường cho năm 2022.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Công văn số 23/TCGDNN-KĐCL ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng;

Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng.

2.2. Mục đích tự đánh giá

Rà soát tình hình thực tế của Nhà trường so với tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để đánh giá chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Từ kết quả tự kiểm định chất lượng năm 2022, tiếp tục phát huy những tiêu chí, tiêu chuẩn đạt yêu cầu; đồng thời lập kế hoạch khắc phục những nội dung chưa đạt theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định.

Hướng tới phục vụ công tác kiểm định chất lượng bên ngoài trong năm 2022.

Nâng cao nhận thức của CBVC, HSSV về tầm quan trọng của công tác tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong trường cùng nhau tham gia công tác này.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Công tác tự đánh giá được thực hiện khách quan và trung thực.

Quá trình thực hiện tự đánh giá được thực hiện công khai và minh bạch.

Thông tin minh chứng phải rõ ràng, chính xác, phản ánh đúng thực trạng của tiêu chuẩn.

Kế hoạch nâng cao chất lượng phải thiết thực, hiệu quả.

Thực hiện công tác tự đánh giá đúng tiến độ.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

Thu thập thông tin, minh chứng.

Phân tích, đánh giá thực trạng của Nhà trường thông qua các minh chứng thu được.

Nhận xét điểm mạnh để phát huy và hạn chế để nêu ra kế hoạch để cải tiến.

Tổng hợp thành báo cáo kết quả tự kiểm định hằng năm.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Thực hiện công tác chuẩn bị tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Tiến hành rà soát báo cáo tự đánh giá năm 2021, lập kế hoạch cải tiến những tiêu chí chưa đạt yêu cầu.

Tổng hợp các báo cáo thực hiện cải tiến chất lượng các tiêu chí chưa đạt yêu cầu trong năm 2021 của các đơn vị, cập nhật vào báo cáo kết quả tự đánh giá cho năm 2022.

Họp Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp Nhà trường thông qua Báo cáo tự đánh giá năm 2022.

Triển khai lấy ý kiến CBVC và HSSV toàn trường về báo cáo tự đánh giá.

Hoàn thiện và công bố báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường và gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Tiền Giang.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Cơ sở GDNN tự đánh giá
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt tiêu chuẩn chất lượng</i>
	Tổng điểm	100	99
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	12
	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành nghề đào tạo và quy mô đào tạo cho phù hợp.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường	1	1
	Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả	1	1
	Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Cơ sở GDNĐ tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	1
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	17	17
	Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Cơ sở GDNN tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	1
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	15
	Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Cơ sở GDNĐ tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỉ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỉ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Cơ sở GDNĐ tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.14: Hằng năm trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	1
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	15	15
	Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.8: Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Cơ sở GDNN tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, Trường thực hiện lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	1
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	14
	Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Cơ sở GDNN tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn; khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sự phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Cơ sở GDNN tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	0
	Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	1
6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	5
	Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, Trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	1
	Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	1
	Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Cơ sở GDNN tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	6	6
	Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh dịch vụ đúng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng của các hoạt động của trường.	1	1
8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	9	9
	Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Cơ sở GDNN tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá bảo đảm đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	1
9	Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng	6	6
	Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	1
TỔNG ĐIỂM		100	99

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quát

Sứ mạng và mục tiêu của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ được xác định ngay từ khi thành lập trường (theo Quyết định số 479/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 01 năm 2008) trên cơ sở sứ mạng và mục tiêu của Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ nhưng với một tầm cao hơn. Sứ mạng và mục tiêu của Trường được xác định rất rõ ràng và công khai, được nêu trong “Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ giai đoạn 2021 - 2030” xây dựng vào năm 2020. Sứ mạng và mục tiêu của Trường phù hợp với chức năng nhiệm vụ cũng như với các nguồn lực của Trường để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho địa phương và cho cả khu vực Nam Bộ trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn.

Ngoài ra mục tiêu chất lượng của Trường và các đơn vị trực thuộc cũng được xây dựng và công bố trong hệ thống bảo đảm chất lượng của trường từ tháng 01/2021.

Việc ổn định và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý là vấn đề nền tảng đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ. Trường đã xây dựng được cơ cấu tổ chức quản lý theo đúng quy định của Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị, của cá nhân cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, nhân viên trong Trường đều được thể chế hoá bằng văn bản thông qua *Quy chế tổ chức hoạt động của trường*, được triển khai nghiêm túc và có hiệu quả. Bên cạnh đó, Đảng bộ là hạt nhân chính trị, là lực lượng nòng cốt luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị được giao. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, các tổ chức chính quyền và đoàn thể trong trường phối hợp hoạt động với nhau nhịp nhàng xây dựng nên một tập thể vững mạnh.

*** Những điểm mạnh:**

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ xác định sứ mạng và mục tiêu rất rõ ràng, phù hợp với chức năng, nguồn lực, định hướng phát triển của Trường. Đồng thời phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương nói riêng và của khu vực nói chung.

Sứ mạng và mục tiêu của Trường được định kỳ rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp với yêu cầu thực tế khách quan và được công khai trên website của Trường.

Hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường đã được xây dựng và đưa vào vận hành từ đầu năm 2021 và được thường xuyên kiểm tra, đánh giá, cải tiến hàng năm.

Trường có ban hành quy chế tổ chức và hoạt động, các đơn vị trong trường có quy định rõ ràng về cơ cấu và nhiệm vụ đúng với quy định của Điều lệ trường cao đẳng; Có thành lập Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng, có quy chế quy định chức năng nhiệm vụ của phòng rất rõ ràng.

Tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh, đoàn kết, phát huy được vai trò lãnh đạo, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Nhà trường; Các đoàn thể, tổ chức trong trường hoạt động tích cực và có hiệu quả cao.

*** Những tồn tại:**

Mặc dù sứ mạng, mục tiêu của Trường được công khai qua nhiều hình thức nhưng vẫn còn một số ít HSSV chưa nắm bắt được sứ mạng này.

Các tổ chức Đoàn thể chưa phát huy hết nguồn lực nhằm nâng cao, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBVC và HSSV.

Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức của Trường thiếu đồng bộ, còn thiếu những cán bộ, giáo viên đầu ngành. Công tác lựa chọn, sắp xếp cán bộ theo cơ cấu tổ chức mới đòi hỏi ở mức cao hơn, số cán bộ trẻ còn thiếu kinh nghiệm, cán bộ lớn tuổi có một số mang tính an phận, chờ nghỉ hưu, trì trệ trong điều hành công việc.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tăng cường biện pháp phổ biến nội dung sứ mạng và mục tiêu của Trường trong cán bộ công chức, viên chức và HSSV toàn trường. Đồng thời mở rộng giới thiệu sứ mạng, mục tiêu của Trường đến các tổ chức, công ty, doanh nghiệp... nhằm quảng bá thương hiệu của Trường.

Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý để đảm bảo vượt tiêu chuẩn đề ra.

Tổ chức Đảng các cấp thường xuyên cải tiến phương thức hoạt động để phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện đối với mọi hoạt động của Trường. Tăng cường hơn nữa công tác phát triển Đảng trong HSSV. Tăng cường công tác tập huấn, học tập nghiệp vụ công tác Đảng cho đảng viên. Tiếp tục nghiên cứu và cụ thể hóa quy chế lãnh đạo của chi uỷ; đặc biệt là đối với các đoàn thể quần chúng cùng cấp.

Các đoàn thể đa dạng hoá các hình thức hoạt động ngày càng phong phú thiết thực và có chiều sâu góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, thu hút hơn nữa sự quan tâm ủng hộ của CBVC và HSSV.

Điểm đánh giá tiêu chí 1:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	12
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1

Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định

Năm 1974 tại chiến khu Lộc Ninh (gọi là R), một bộ phận tiền thân của Trường Trung cấp Nông nghiệp được thành lập. Đến năm 1976 sau ngày đất nước thống nhất, Trường được đặt tên là Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định và chuyển về trú đóng tại xã Long Định, Châu Thành (Tiền Giang). Cũng trong năm 1976 nhận thức được vai trò và vị trí chiến lược quan trọng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Bộ Thủy lợi quyết định thành lập Trường Trung học Thủy lợi III đặt tại xã Tân Mỹ Chánh, Mỹ Tho, Tiền Giang.

Ngày 30/12/1996, Bộ Nông nghiệp và PTNT ký quyết định số 2360 NN-TCCB/QĐ thành lập Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ, trên cơ sở sáp nhập Trường Trung học Thủy lợi III và Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định, trụ sở đặt tại Trường Trung học Thủy lợi III. Từ đó Nhà trường không ngừng xây dựng và phát triển. Ngày 28/01/2008 Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT (*1.1.01 – Quyết định số 479/QĐ-BGDĐT, ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ*).

Năm 2017, Trường chuyển từ giáo dục chuyên nghiệp sang giáo dục nghề nghiệp theo quy định. Ngày 09/08/2019, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành quyết định sáp nhập Trường Trung cấp Thủy sản vào Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ và tổ chức thành Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Tp. Hồ Chí Minh (*5.1.04- Quyết định 1128/QĐ-LĐTĐ ngày 09/8/2019 về việc sáp nhập Trường trung cấp Thủy sản vào Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ*).

Sứ mạng và mục tiêu của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ được xác định ngay từ khi thành lập trường trên cơ sở sứ mạng và mục tiêu của Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ nhưng với một tầm cao hơn và được điều chỉnh cho phù hợp theo từng giai đoạn phát triển.

Sứ mạng, mục tiêu của Trường được xác định rất rõ ràng tại Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ đến năm 2030 (*1.1.02 - QĐ số 1805/QĐ-BNN-TCCB, ngày 27 tháng 4 năm 2021, của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phê duyệt chiến lược phát triển trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ đến năm 2030*).

Sứ mạng, mục tiêu của trường được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của trường. Chức năng, nhiệm vụ của Trường được quy định tại Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 9 tháng 12 năm 2019, của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ (1.1.03 - *Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 9 tháng 12 năm 2019, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ*; 1.1.04 - *Quyết định số 4746/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh*).

Sứ mạng của Trường được xây dựng từ Nghị quyết của Đảng uỷ Nhà trường và Nghị quyết của Đảng bộ Tỉnh Tiền Giang nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành (1.1.05 - *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020-2025*; 1.1.06 - *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025*). Sứ mạng được công bố công khai dưới nhiều hình thức như trong Kỷ yếu kỷ niệm 40 năm thành lập trường được lưu tại thư viện (1.1.07- *Kỷ yếu 40 năm thành lập trường*) hay được nêu công khai trên website của Trường (1.1.08 - <http://nbac.edu.vn/read.php?m=2021328&g=2>) với nội dung cụ thể như sau: “Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, thuộc hệ thống giáo dục nhà nước, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ngành nghề đào tạo được xác lập trên nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đào tạo đa cấp trình độ, đa ngành theo hướng tiếp cận chất lượng cao, trọng tâm đào tạo các ngành nghề nông nghiệp chất lượng cao. Góp phần nâng cao nguồn nhân lực của ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế xã hội của địa phương và khu vực Nam Bộ, là đơn vị sự nghiệp có khả năng tự chủ, hoạt động hiệu quả, có năng lực quản lý hiện đại”. Mục tiêu tổng quát: Đổi mới cơ bản về cấp, quy mô, chất lượng đào tạo và diện mạo của Nhà trường. Phần đầu là trường Cao đẳng đạt các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, đào tạo đa cấp, đa ngành, hướng tới đào tạo các ngành nông nghiệp chất lượng cao. Đào tạo nguồn nhân lực phát triển ngành nông nghiệp góp phần phát triển kinh tế xã hội ở địa phương và khu vực Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu và hội nhập với khu vực và quốc tế.

Qua kết quả khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo, người lao động Nhà trường cho thấy 100% người được khảo sát biết và quán triệt mục tiêu sứ mạng của Trường trong giai đoạn mới (1.1.09 - *Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form*; 1.1.10 - *Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành nghề đào tạo và quy mô đào tạo cho phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ theo mục tiêu, sứ mạng đã công bố, Nhà trường tiến hành đánh giá nhu cầu nhân lực tại địa phương thông qua các đợt khảo sát, phân tích các nhu cầu của xã hội và các đợt lấy ý kiến của các đơn vị tuyển dụng lao động nhằm xác định việc mở rộng các ngành nghề đào tạo của mình.

Trên cơ sở kết quả khảo sát nhu cầu tuyển dụng của các công ty, doanh nghiệp và biên bản thỏa thuận hợp tác giữa Trường và các doanh nghiệp (1.2.03 - *Bảng tổng hợp thông tin tuyển dụng hàng năm 2019, 2020, 2021*; 1.2.04 - *Biên bản làm việc với các doanh nghiệp*); căn cứ vào nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 1.1.05 - *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020-2025*; 1.1.06 - *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025*) và văn bản của Bộ có dự báo về nhu cầu nhân lực (1.2.01 - *Quyết định 124/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính Phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030*), Hội đồng Khoa học và Đào tạo tổ chức thảo luận, phân tích đánh giá nhân lực cho từng ngành nghề đào tạo, dựa trên đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, trang thiết bị,...và phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho từng ngành, nghề đào tạo (1.2.02 - *Biên bản họp Hội đồng Khoa học và đào tạo từ năm 2019, 2020 và 2021*; 1.2.05 - *Thông báo tuyển sinh 2019, 2020, 2021, 2022*; 1.2.06 - *Các thông báo của Bộ Nông nghiệp & PTNT về giao chỉ tiêu tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Các ngành, nghề đào tạo của Trường đều được phê duyệt và cấp phép đào tạo thể hiện trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trong đó nêu rõ tên nghề, trình độ đào tạo, quy mô đào tạo mà Nhà trường được phép đào tạo.

Đối với cơ sở Phân hiệu, hàng năm, Trường chủ động liên hệ với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chi cục, Phòng Giáo dục nghề nghiệp và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, trường học, công ty ở các địa phương từ miền Trung trở vào Nam để xác định nhu cầu đào tạo ở địa phương. Sau khi cập nhật thông tin nhu cầu nâng cao trình độ cho nguồn nhân lực ở các địa phương, Nhà trường đã đăng ký xin mở lớp đào tạo tại địa phương với Sở LĐTĐ TP.HCM.

Nhà trường đã đăng ký tăng chỉ tiêu tuyển sinh cho 7 ngành đào tạo và bổ sung đào tạo tại TT GDNN-GDTX huyện Bình Chánh, huyện Cần Giò và đào tạo cho công ty cổ phần Sài Gòn Food (1.2.07 - *Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017*; 1.2.08 - *Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 41c/2017/GCNDKHD-TCDN ngày 13/06/2018*; 1.2.09 - *Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019*; 1.2.10 - *Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020*; 1.2.11 - *Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Phân hiệu*; 1.2.12 - *Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 77/2021/GCNDKHD-TCGDNN ngày 23/7/2021*; 1.2.13 - *Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo*

dục nghề nghiệp số 56/2022/GCNDKHD-TCGDNN ngày 14/7/2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.3: *Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Năm 2008, Trường được thành lập trên cơ sở nâng cấp từ Trường Trung học Dự bị Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ theo quyết định (1.1.01 – Quyết định số 479/QĐ-BGDĐT, ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ), Nhà trường đã xây dựng quy chế tổ chức hoạt động của Trường từ khi được nâng cấp lên thành trường Cao đẳng theo quy định (1.3.01 - Quyết định số 16/QĐ-CDNB ngày 01/01/2008 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường). Những năm qua, căn cứ vào quy chế đó Nhà trường đã hoạt động và hoàn thành tốt nhiệm vụ và sứ mạng của mình. Tháng 12 năm 2019, sau khi có quyết định sáp nhập trường Trung cấp Thủy sản vào Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ với quy định về cơ cấu tổ chức, chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ mới (1.1.02 - Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 9 tháng 12 năm 2019, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ; 1.1.03 - Quyết định số 4746/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh), Trường tiến hành xây dựng lại quy chế tổ chức và hoạt động của Trường (1.3.02 - Quyết định số 238/QĐ-CDNB ngày 15/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường; 1.3.03 - Quyết định số 96/QĐ-CDNBPH-VP ngày 01/02/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ Phân hiệu tại TP.HCM).

Việc thực hiện tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị theo Quyết định của Bộ (1.3.04 - QĐ số 2154/QĐ-BNN-TCCB ngày 30/5/2017 quyết định tạm giao quyền tự chủ tài chính năm 2017 cho Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ), trong đó có trung tâm tư vấn nông nghiệp và phát triển nông thôn tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm (1.3.05 - Quyết định số 2195/ QĐ-BNN- TCCB ngày 16/8/2010 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc thành lập Trung tâm Tư vấn Nông nghiệp và phát triển nông thôn trực thuộc trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ). Nhà trường đều cụ thể hóa và được thể hiện trong Quy định về hoạt động Nhà trường (3.1.01 Quy định hoạt động trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022)..

Quy định này được xây dựng trên cơ sở Hội nghị CCVC hàng năm của Trường và được công bố rộng rãi cho tất cả CCVC làm căn cứ cho tất cả các hoạt động khi thực hiện nhiệm vụ (1.1.09 - *Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form*; 1.1.10 - *Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.4: *Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường đã xây dựng quy chế tổ chức hoạt động của Trường từ khi được nâng cấp lên thành trường Cao đẳng theo quy định (1.3.01 - *Quyết định số 329/QĐ-CDNB ngày 10 tháng 6 năm 2008 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường*). Cuối năm 2019 sau khi sáp nhập Trường Trung cấp Thủy sản vào trường và thành lập phân hiệu của Trường tại Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà trường tiến hành xây dựng lại quy chế tổ chức và hoạt động cho phù hợp với tình hình mới (1.3.02 - *Quyết định số 238/QĐ-CDNB ngày 15/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường*; 1.3.03 - *Quyết định số 96/QĐ-CDNBPH-VP ngày 01/02/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ Phân hiệu tại TP.HCM*).

Ngoài ra, để có văn bản pháp quy điều chỉnh các hoạt động trong trường, Nhà trường đã xây dựng quy định về hoạt động trong đó bao gồm: Quy chế công tác quản lý lưu trữ các loại hồ sơ; quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô; Quy chế thực hiện dân chủ; quy định nâng lương trước thời hạn; quy định về thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý; quy định về tiêu chuẩn sáng kiến và quy trình xét công nhận sáng kiến; quy chế quản lý và sử dụng tài sản công và quy chế chi tiêu nội bộ (3.1.01 - *Quy định hoạt động Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022*)

Hàng năm căn cứ vào các văn bản, quy định mới, những thay đổi trong cơ cấu tổ chức nếu có, Nhà trường thành lập tiểu ban soạn thảo và sửa đổi quy định về hoạt động của Nhà trường (1.4.01 - *Quyết định thành lập tiểu ban soạn thảo và sửa đổi quy định về hoạt động của Nhà trường các năm 2019; 2020; 2021*) tiến hành rà soát, điều chỉnh bổ sung và ban hành lại quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.. Quy trình xây dựng luôn đảm bảo tính dân chủ, có sự nhất trí của tập thể cán bộ viên chức Nhà trường, được coi như một văn bản pháp quy để điều chỉnh các hoạt động trong trường, cũng như của mỗi cán bộ, viên chức Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định

Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, trong đó quy định rõ nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, phân công, phân cấp rõ ràng nhiệm vụ của Hội đồng Trường, các Hội đồng tư vấn, các phòng chức năng, các khoa, đơn vị trực thuộc trong Trường (1.3.02 - Quyết định số 238/QĐ-CĐNB ngày 15/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường; 1.5.01 – Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Trường).

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, cũng như cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường (1.2.07 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017; 1.2.08 – Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 41c/2017/GCNĐKHD-TCĐN ngày 13/06/2018; 1.2.09 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019; 1.2.10 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020; 1.2.11 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Phân hiệu; 1.2.12 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 77/2021/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 23/7/2021; 1.2.13 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56/2022/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 14/7/2022), Trường cơ bản đã xây dựng được bộ máy quản lý thống nhất sau khi sáp nhập trường Trung cấp Thủy sản và tổ chức thành Phân hiệu Trường tại Tp. Hồ Chí Minh. Bộ máy hoạt động có hiệu quả từ Ban Giám hiệu đến các đơn vị trực thuộc, góp phần vào hoàn thành được chức năng, nhiệm vụ và đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường.

Nhà trường hoạt động theo nguyên tắc “tập trung dân chủ”. Mọi vấn đề trong Nhà trường đều được bàn bạc công khai và lấy ý kiến rộng rãi thông qua các lần hội nghị CBVC hoặc họp giao ban hàng tháng. Hiệu trưởng là người có trách nhiệm cao nhất và đưa ra quyết định cuối cùng trên cơ sở ý nguyện của đa số CBVC trong trường. Hằng năm, thông qua hoạt động đánh giá phân loại viên chức và xét thi đua đơn vị, tất cả các đơn vị đều báo cáo tổng kết các hoạt động của đơn vị trong năm làm cơ sở cho Hội đồng thi đua xem xét đánh giá hoạt động của đơn vị (1.5.03 – Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, 2020, 2021 của các đơn vị trực thuộc Trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả

Mô tả, phân tích, nhận định

Năm 2019, Nhà trường đã thành lập Hội đồng trường theo (1.6.01 - Quyết định 2551/QĐ-BNN-TCCB ngày 01/7/2019 về việc thành lập Hội đồng Trường CDNN Nam Bộ khóa I; 1.6.02 - Quyết định 4218/QĐ-BNN-TCCB ngày 28/10/2021 về việc thành lập Hội đồng trường CDNN Nam Bộ khóa II). Hàng năm, Hội đồng trường xây dựng kế hoạch và thực hiện các nghị quyết, báo cáo hàng năm (1.6.03 – Kế hoạch hoạt động; Nghị quyết; Biên bản họp của Hội đồng trường năm 2019, 2020, 2021, 2022). Cơ cấu tổ chức hoạt động của trường cũng được thực hiện từ BGH đến các đơn vị phòng, khoa, trung tâm theo đúng chức năng, nhiệm vụ đã được ban hành (1.3.02 - Quyết định số 238/QĐ-CDNB ngày 15/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường; 1.5.01 – Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Trường). Hội đồng làm việc theo chức năng và nhiệm vụ được xác định và hàng năm đều có văn bản báo cáo kết quả hoạt động (1.6.05 – Báo cáo số: 14/BC-HĐT, ngày 15/12/2021, Báo cáo về việc thực hiện công tác của Hội đồng trường năm 2021; 1.6.06 – Báo cáo số 10/BC-HĐT, ngày 20/12/2020, Báo cáo về việc thực hiện công tác của Hội đồng trường năm 2020).

Để các hoạt động của Nhà trường được thực hiện đúng quy định và đạt hiệu quả cao, Nhà trường tiến hành xây dựng các Hội đồng tư vấn để điều hành các hoạt động (1.6.07 - Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn). Các hội đồng được thành lập và hoạt động dựa trên chức năng và nhiệm vụ đã được quy định trong quyết định thành lập hội đồng. Hàng năm, các đơn vị thực hiện việc báo cáo tổng kết công tác hoạt động của đơn vị mình chi tiết và đầy đủ (1.5.03 – Báo cáo tổng kết năm học của các phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc trường từ năm 2019, 2020 và 2021), trên cơ sở các báo cáo của các đơn vị, nhà trường thực hiện việc tổng hợp kết quả công tác hàng năm báo cáo Bộ (1.6.08 – Báo cáo kết quả thực hiện công tác trong năm của trường).

Qua kết quả công tác của các đơn vị, nhà trường thực hiện việc đánh giá, xếp loại, khen thưởng cho các đơn vị (1.6.09 – Các quyết định khen thưởng hàng năm 2019, 2020, 2021). Kết quả đánh giá cho thấy các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn và các đơn vị trực thuộc Trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, những năm qua Ban Giám hiệu đã phân công đơn vị phụ trách công tác đảm bảo chất lượng nghiên cứu và từng bước xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định của Bộ này.

Trong năm 2020, Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng (1.7.01 - Quyết định 266/QĐ-CĐNB ngày 22/4/2020 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến HTBĐCL giai đoạn 2020 – 2022; Quyết định số 158/QĐ-CĐNB ngày 16/2/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ giới nhiệm vụ phụ trách xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng cho Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng), lập kế hoạch xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng giai đoạn 2020 – 2022 (1.7.02 - Kế hoạch 277/KH-CĐNB ngày 5/5/2020 về xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến HTBĐCL giai đoạn 2020 - 2022; 1.7.03 - Kế hoạch số 526/KH-CĐNB ngày 25/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, quy trình công cụ đảm bảo chất lượng).

Theo kế hoạch, Nhà trường đã thực hiện việc xây dựng và công bố hệ thống đảm bảo chất lượng vào tháng 01 năm 2021 với chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng và 23 quy trình đảm bảo chất lượng được ban hành và đưa vào vận hành trong năm 2021 (1.7.04 – Quyết định số 90/QĐ-CĐNB ngày 29/01/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc công bố Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng và hệ thống các quy trình đảm bảo chất lượng).

Trong năm 2021, sau thời gian vận hành các quy trình đảm bảo chất lượng. Đại diện Ban Giám hiệu, Phòng Kiểm định & BĐCL phối hợp với Ban Thanh tra tiến hành kiểm tra việc vận hành các quy trình (1.7.05 – Kế hoạch số 368/KH-CĐNB ngày 28/4/2021 về việc kiểm tra vận hành 23 quy trình đảm bảo chất lượng đã ban hành; 1.7.07 – Báo cáo kết quả kiểm tra việc vận hành 23 quy trình ĐBCL đã ban hành). Từ kết quả việc kiểm tra, Nhà trường lập kế hoạch điều chỉnh và xây dựng mới một số quy trình đảm bảo chất lượng trong năm 2021 (1.7.06 – Kế hoạch số 676/KH-CĐNB ngày 20/9/2021 về điều chỉnh các quy trình đảm bảo chất lượng đang vận hành và xây dựng mới một số quy trình đảm bảo chất lượng trong năm 2021; 1.7.08 – Quyết định số 270/QĐ-CĐNB ngày 30/3/2022 về điều chỉnh bổ sung hệ thống các quy trình đảm bảo chất lượng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ).

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện báo cáo về hệ thống đảm bảo chất lượng (1.7.09 - Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2019, 2020, 2021) và báo cáo tự đánh giá theo quy định (1.7.10 - Báo cáo tổng hợp công tác tự đánh giá chất lượng năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định

Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng Nhà trường được thành lập theo Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB ngày 9 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông

ng nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ (1.1.02 - QĐ 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT).

Phân hiệu có phòng Đào tạo&CTHSSV phối hợp cùng Phòng Kiểm định & BĐCL của cơ sở chính Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ thực hiện công tác kiểm định chất lượng hàng năm (1.1.03 - Quyết định số 4746/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng Nhà trường đề ra kế hoạch và thực hiện tốt công tác đảm bảo chất lượng (1.8.01 – Kế hoạch số 151/KH-CĐNB ngày 22/2/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện công tác bảo đảm chất lượng năm 2021; 1.8.02 - Kế hoạch số 131/KH-CĐNB ngày 08/2/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện công tác bảo đảm chất lượng năm 2022). Hàng năm, đơn vị đều hoàn thành nhiệm vụ được giao và được thể hiện trong báo cáo tổng kết hoạt động của đơn vị (1.8.03 – Báo cáo tổng kết công tác phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).

Nhìn chung, thời gian qua đơn vị đảm bảo thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ của mình và đạt được một số thành tích đáng kể trong quá trình hoạt động như: đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc nhiều năm liền; nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT (1.8.04 – Quyết định 654/QĐ-CĐNB ngày 10/8/2020 công nhận danh hiệu thi đua học kỳ II và năm học 2019-2020; 1.8.05 – Quyết định 598/QĐ-CĐNB ngày 20/7/2021 công nhận danh hiệu thi đua học kỳ II và năm học 2020-2021; 1.8.06 – Quyết định 649/QĐ-CĐNB ngày 6/7/2022 công nhận danh hiệu thi đua học kỳ II và năm học 2021-2022; 1.8.07 - Quyết định 4479/QĐ-BNN-TCCB ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc tặng bằng khen cho phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2019-2020 và 2020-2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Mô tả, phân tích, nhận định

Đảng bộ Trường Cao Đẳng Nông nghiệp Nam Bộ là tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Tiền Giang, gồm 04 chi bộ trực thuộc với 42 Đảng viên (1.9.01 – Quyết định số 66-QĐ/ĐU ngày 06/08/2019 về đổi tên các chi bộ trực thuộc). Ban chấp hành Đảng bộ gồm 08 đồng chí đều là cán bộ kiêm nhiệm, có phẩm

chất đạo đức tốt, có năng lực lãnh đạo và uy tín với quần chúng (1.9.02 - *Quyết định chuẩn y của Đảng uỷ Khối*). Đảng bộ không ngừng được củng cố, phát triển đã phát huy được vai trò lãnh đạo toàn diện các hoạt động của Nhà trường (1.9.03 - *Báo cáo văn kiện Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 – 2025*). Đảng uỷ đã xây dựng được quy chế làm việc trong từng nhiệm kỳ (1.9.04 – *Quyết định số 01-QĐ/ĐU ngày 01/07/2020 - Quy chế làm việc của BCH Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025*). Đảng bộ Trường rất quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đảng viên và làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển Đảng nên Đảng bộ được tăng cường cả về số lượng và chất lượng đảng viên hằng năm (1.9.05 – *Kế hoạch số 05-KH/ĐU ngày 12/03/2021 về tạo nguồn và kết nạp đảng viên năm 2021*). Các chi bộ Đảng được củng cố và đổi mới hoạt động, thực sự là hạt nhân cho mọi hoạt động của Trường và là trung tâm đoàn kết của mọi đoàn thể quần chúng, đồng thời tạo điều kiện cho các đoàn thể phát huy tính chủ động, sáng tạo trong tổ chức giáo dục đoàn viên (1.9.06 - *Kế hoạch số 65-KH/ĐU về Chuẩn bị và tổ chức đại hội chi bộ trực thuộc và Đại hội Đảng bộ Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020-2025, ban hành ngày 20 tháng 09 năm 2019*). Đảng uỷ trường đã thực hiện lãnh đạo chính quyền thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, qua đó đã xây dựng được đội ngũ cán bộ đảm bảo số lượng, chất lượng và đồng bộ về cơ cấu (1.9.07 – *Quyết định 354/QĐ-CDNB ngày 23/04/2021 công nhận danh sách Quy hoạch cán bộ lãnh đạo đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu năm 2021 và giai đoạn 2021-2026*).

Dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ, các tổ chức đoàn thể trong Trường hoạt động tương đối hiệu quả có tác dụng tích cực góp phần thúc đẩy toàn diện các hoạt động giáo dục trong Trường (1.9.08 - *Nghị quyết số 18-NQ/ĐU về lãnh đạo tổ chức Đại hội công đoàn cơ sở nhiệm kỳ 2017-2022, ban hành ngày 20/4/2017; 1.9.09 - Nghị quyết số 78-NQ/ĐU ngày 10/02/2020 về cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với tổ chức công đoàn, Nghị quyết số 79-NQ/ĐU ngày 10/02/2020 về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với tổ chức đoàn thanh niên*). Đảng bộ đã lãnh đạo các đoàn thể quần chúng trong Nhà trường phát huy quyền làm chủ của mình, qua đó đẩy mạnh các phong trào thi đua và thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao. Trong nhiều năm liền, Đảng bộ Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao (1.1.07- *Kỷ yếu 40 năm thành lập trường*).

Chi bộ Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM là tổ chức cơ sở Đảng thuộc Đảng uỷ Khối cơ sở Bộ Nông nghiệp và PTNT (ĐUK). Chi bộ Trường có 14 đảng viên với Chi uỷ gồm 03 đ/c (1.9.10 - *Quyết định số 112-QĐ/ĐUK ngày 19/8/2021 công nhận kết quả bầu ban chấp hành, bí thư, phó bí thư Chi bộ Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh*). Đến tháng 01/2022 Đảng uỷ khối cơ quan và Doanh nghiệp tra Quyết định tiếp nhận Chi bộ Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ trực thuộc Đảng uỷ Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ (B/s minh chứng). Khi này Đảng bộ có 5 chi bộ trực thuộc.

Các Chi bộ sinh hoạt định kỳ hàng tháng đảm bảo các nội dung như: phổ biến văn bản của Đảng cấp trên, thông tin thời sự, kiểm điểm công tác chi bộ, công tác chuyên môn, công tác xây dựng Đảng. Số đảng viên tham gia sinh hoạt đảm bảo trên 90% (1.9.11 - Sổ ghi biên bản sinh hoạt Chi bộ hàng tháng).

Bên cạnh các buổi sinh hoạt định kỳ hàng tháng, Chi bộ còn có các cuộc sinh hoạt chuyên đề hoặc đột xuất theo chỉ đạo của ĐUK hay do yêu cầu hoạt động của Trường, Phân hiệu. (1.9.12 - Kế hoạch và sổ ghi biên bản báo cáo chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh).

Cấp ủy, đảng viên nhận thức sâu sắc yêu cầu, tầm quan trọng của việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; xem đây là một trong những nội dung của công tác xây dựng Đảng, tổ chức học tập sâu rộng nhiều chuyên đề theo Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị. Chi bộ thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, hàng năm, theo nhiệm kỳ và đột xuất (1.9.13 - Báo cáo định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng của chi bộ gửi Đảng ủy khối cơ sở Bộ Nông nghiệp và PTNT).

Sự phối hợp giữa Đảng, chính quyền và Công đoàn, Đoàn TNCS HCM Phân hiệu rất nhịp nhàng và hiệu quả trên cơ sở đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng trong đơn vị. Nhờ sự phối hợp nhịp nhàng này nên việc triển khai các công việc của Phân hiệu và việc phát huy dân chủ, chăm lo đến đời sống của cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh được đảm bảo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 1: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định

Các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban nữ công... của Nhà trường được thành lập và hoạt động theo đúng quy định điều lệ của tổ chức (1.10.01 – Quyết định số 321/QĐ-CDN, ngày 24/10/2017, của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về công nhận Ban Chấp hành, Ủy ban Kiểm tra Công đoàn Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ khóa VIII, nhiệm kỳ 2017-2022; 1.10.02 – Quyết định số 141-QĐ/TĐTN-TCKT ngày 19/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn Tiền Giang về việc công nhận Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Trường Cao Đẳng Nông nghiệp Nam Bộ lần thứ XIV nhiệm kỳ 2019-2022). Các tổ chức này ngày càng phát huy tính năng động, vai trò chăm lo tổ chức các hoạt động để phục vụ đời sống tinh thần của CBVC và HSSV toàn trường (1.10.03 – Kế hoạch hoạt động Công đoàn năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 1.10.04 – Kế hoạch công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022). Nhiều năm qua các phong trào chào mừng các ngày lễ lớn như: Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Thống nhất đất nước 30/4, Quốc tế lao động 1/5, Quốc tế thiếu nhi 1/6, Tết Trung thu,

ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11... được Công đoàn và Đoàn thanh niên tổ chức rất chu đáo và được sự ủng hộ và nhiệt tình tham gia của toàn thể CBVC và HSSV toàn trường (1.10.05 - Báo cáo công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 1.10.06 - Báo cáo kết quả hoạt động Công đoàn năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).

Hàng năm, qua kết quả hoạt động trong năm, các tổ chức đoàn thể của Nhà trường nhận được rất nhiều bằng khen từ các tổ chức đoàn thể cấp trên (1.10.07 – Thông báo kết quả bảng điểm đánh giá, xếp loại Công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học đơn vị Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2019, 2020, 2021; 1.10.08 – Quyết định của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về xếp loại chất lượng hoạt động công đoàn cơ sở năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020 - 2021; 1.10.09 – Quyết định của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về tặng Bằng khen của BCH Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam 2018 – 2019, 2019-2020; 1.10.10 – Quyết định số 122/QĐ-CDN, ngày 29/9/2021, của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về tặng cờ thi đua năm học 2010-2021; 1.10.11 – Quyết định số 208/QĐ-CDN, ngày 5/9/2019, của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về tặng Bằng khen của BCH Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; 1.10.12 – Quyết định số 167/QĐ-CDN, ngày 10/7/2019, của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về tặng Bằng khen của BCH Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam).

Đoàn Thanh niên Phân hiệu hoạt động dựa theo điều lệ của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh khóa X và hướng dẫn số 22HD/TWĐTN về việc Hướng dẫn Thực hiện điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Đoàn thanh niên trong thời gian qua đã thể hiện được vai trò của mình trong công tác hỗ trợ cho Phân hiệu nâng cao chất lượng đào tạo, bám sát các hoạt động của học sinh, sinh viên, tổ chức các hoạt động thể thao văn nghệ và góp phần hỗ trợ phòng Đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên trong việc ổn định nề nếp (1.10.13 – Kế hoạch số 04/KH-ĐTN ngày 21/9/2020 của Đoàn Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM về việc Tổ chức giải bóng đá Mini chào mừng năm học (2020-2021); 1.10.14 – Kế hoạch số 06/KH-ĐTN ngày 12/10/2020 của Đoàn Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TPHCM về việc Thực hiện ổn định trật tự nề nếp học sinh; 1.10.15 – Kế hoạch số 08/KH-ĐTN ngày 30/10/2020 của Đoàn Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TPHCM về việc Tổ chức chương trình chào mừng ngày Nhà Giáo Việt Nam 20/11/2020).

Công tác phát triển đoàn viên mới luôn được quan tâm và triển khai thực hiện qua các năm; nhằm củng cố lực lượng đoàn viên thanh niên của Phân hiệu cũng như khuyến khích tinh thần hoàn thiện bản thân trong các bạn học sinh, sinh viên. Trong năm 2021 Đoàn thanh niên Phân hiệu đã kết nạp được 99 đoàn viên mới (1.10.16 – Thông báo số 15/TB-ĐTN ngày 05/3/2021 của Đoàn Phân hiệu Trường Cao đẳng

Nông nghiệp Nam Bộ tại TP HCM về việc mở lớp đối tượng đoàn năm 2021; 1.10.17 – Danh sách kết nạp đoàn năm 2021).

Ngoài các hoạt động thường niên, Đoàn thanh niên Phân hiệu cũng luôn đổi mới kịp thời chăm lo, hỗ trợ đoàn viên thanh niên nói riêng và học sinh sinh viên nói chung bằng nhiều hình thức nhất là trong tình hình dịch Covid-19 (1.10.18 – Kế hoạch số 13/KH-ĐTN ngày 04/01/2021 của Đoàn thanh niên Phân hiệu về việc tổ chức chăm lo Tết Nguyên Đán năm 2021; 1.10.19 – Kế hoạch số 20/KH-ĐTN ngày 18/7/2021 của Đoàn thanh niên Phân hiệu về việc Hỗ trợ học sinh, sinh viên Kí túc xá trong tình hình dịch Covid-19).

Qua kết quả khảo sát ý kiến của HSSV và CBVC về hoạt động của các tổ chức đoàn thể của Trường, cho thấy đa số HSSV và CBVC đánh giá cao hoạt động của các đoàn thể (1.10.20 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.09 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form; 1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022). Nhìn chung, các tổ chức đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội ở trong Trường hoạt động rất tốt mang lại hiệu quả thiết thực và luôn hoạt động theo qui định của pháp luật góp phần không nhỏ trong việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Nhà trường. Hằng năm, mỗi tổ chức đoàn thể đều có báo cáo tổng kết rút kinh nghiệm và đề ra phương hướng hành động cụ thể cho đơn vị của mình.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có cán bộ thanh tra giáo dục, cán bộ thanh tra xây kế hoạch thanh tra theo năm học. Trường thành lập tổ kiểm tra, thanh tra giáo dục thành phần phối hợp giữa cán bộ thanh tra giáo dục và thanh tra Nhân dân tiến hành thanh tra theo kế hoạch đã được ban giám hiệu phê duyệt và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo (1.11.01 – Quyết định số 04/QĐ-CĐCS-NK8, ngày 20/01/2020 về việc công nhận Ban thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 2020-2021; 1.11.02 – Quyết định số 1003/QĐ-CĐNB, ngày 8/12/2011 về việc phân công phụ trách thanh tra giáo dục Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ). Tổ kiểm tra, thanh tra giáo dục tiến hành kiểm tra, thanh tra theo kế (1.11.03 – Các Kế hoạch của Thanh tra giáo dục về công tác thanh tra năm học 2018-2019; 2019-2020; 2020 -2021; 2021 - 2022). Việc thanh tra, kiểm tra được thực hiện thường xuyên bằng các sổ theo dõi hoặc căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch thanh tra năm học, cán bộ phụ trách thành lập đoàn thanh tra tiến hành thanh tra theo quyết định (1.11.04 – Sổ biên bản thanh tra).

Hàng năm, tổ kiểm tra, thanh tra giáo dục có văn bản báo cáo kết quả kiểm tra, thanh tra giáo dục trong năm qua đó tổ kiểm tra, thanh tra sẽ rút kinh nghiệm và cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát cho năm học sau (1.11.05 – Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra công tác giáo dục năm học 2018-2019; 2019-2020; 2020 -2021; 2021 - 2022).

Qua kết quả khảo sát CBVC về hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, 100% CBVC đều đồng ý là Nhà trường có phân công Ban thanh tra nhân dân thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định (1.1.09 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form; 1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường có văn bản quy định về chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng được thể hiện trong quy chế hoạt động của Trường (1.3.05 - QĐ số 141/QĐ-CDNB ngày 19/2/2021 Quyết định ban hành quy định hoạt động Trường năm 2021; 1.3.04 - Quyết định số 96/QĐ-CDNBPH ngày 01/02/2021 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021).

Căn cứ vào những quy định này, Nhà trường thực hiện các chế độ, chính sách ưu đãi: thâm niên nhà giáo, nâng lương trước thời hạn, 25% ưu đãi giáo viên (kinh phí nhà nước cấp), (1.12.01 - Quyết định số 433/QĐ-CDNB, ngày 21/5/2021 của Hiệu trưởng về cấp phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy năm 2021; 1.12.02 - Quyết định số 434/QĐ-CDNB, ngày 21/5/2021 của Hiệu trưởng về nâng mức hưởng thâm niên nhà giáo năm 2021; 1.12.03 - Quyết định số 467/QĐ-CDNB, ngày 21/5/2021 của Hiệu trưởng về nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn và nâng mức hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung năm 2021; 1.12.04 - QĐ số 97/QĐ-CDNBPH ngày 01/02/2021 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021; 1.12.05 - Quyết định nâng lương, thâm niên vượt khung, thâm niên nhà giáo, nâng lương trước thời hạn của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021).

Theo các văn bản chỉ đạo của cấp trên, nhà trường đã ban hành quy chế học sinh, sinh viên trong đó có nêu rõ những chính sách ưu đãi của nhà nước dành cho các đối tượng học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình có công với cách mạng, gia đình thương binh, liệt sỹ,...(1.12.06 – Quyết định ban hành quy chế học sinh, sinh viên).

Trên cơ sở các quy định của Nhà nước, nhằm có chính sách trợ cấp, khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện, nhà trường đã ban hành quy định khen thưởng, học bổng dành cho học sinh, sinh viên (8.3.11 – Quy trình xét thi đua khen thưởng HSSV; Quy trình xét bổng khuyến khích học tập). Nhằm tạo điều kiện hỗ trợ học sinh, sinh viên trong quá trình học tập có hoàn cảnh gia đình khó khăn và khuyến khích học sinh, sinh viên có thành tích học tập xuất sắc, nhà trường đã ban hành quy định học bổng từ quỹ khuyến học của Nhà trường (8.3.09- Quyết định 1096/QĐ-CDNB ngày 10/10/2016 quy định về quản lý và sử dụng quỹ khuyến học). Bên cạnh khen thưởng, đối với những học sinh, sinh viên có kết quả học tập, rèn luyện cao được hưởng học bổng khuyến khích học nghề hàng năm, nhằm hỗ trợ tốt cho người học trong quá trình học tập (1.12.10 – Quyết định cấp học bổng khuyến khích học nghề năm 2019, 2020, 2021).

Đối với những học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình nghèo, nhà trường đã có chính sách giảm học phí ngoài chính sách của nhà nước (1.12.11 – Quyết định giảm học phí học sinh, sinh viên ngoài chế độ chính sách). Nhà trường đã xây dựng Quỹ học bổng khuyến học dành cho học sinh, sinh viên nghèo vượt khó trong học tập (1.12.12 – Quyết định cấp học bổng khuyến học đối với HSSV nghèo vượt khó học tập năm 2018, 2019, 2020).

Những trường hợp được nhận ưu đãi, trợ cấp theo quy định đều có danh sách người nhận, hồ sơ thanh quyết toán hợp pháp (1.12.13 – Hồ sơ thanh toán chế độ ưu đãi lưu tại phòng TCKT).

Về thực hiện bình đẳng giới, Nhà trường đã thành lập Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ (bình đẳng giới) do đồng chí Phó Hiệu trưởng làm trưởng ban (1.12.4 - QĐ số 17/QĐ-CDNB, ngày 6/01/2020 của Hiệu trưởng về thành lập Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ), chủ tịch Công đoàn cơ sở làm phó ban, qua đó đã tạo sự an tâm trong công tác và bình đẳng giới trong đội ngũ CCVC Nhà trường. Tất cả các hoạt động của Nhà trường từ công tác chuyên môn đến hoạt động đoàn thể, công tác tuyển sinh, xét bổng khuyến khích học tập,... đều không đề cập đến phân biệt giới tính, dân tộc hay tôn giáo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 1: 01 điểm

3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát

Hoạt động đào tạo của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ luôn tuân thủ theo các quy định, quy chế của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Công tác tuyển sinh, giảng dạy, tổ chức thi kết thúc môn học, thi tốt nghiệp đảm bảo đúng quy chế, công bằng, khách quan và công khai. Năm 2017, sau khi chuyển sang sự quản lý về đào tạo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, căn cứ vào thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 13/3/2017 của Bộ này quy định về

tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, Nhà trường đã ban hành Văn bản Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo Giáo dục nghề nghiệp theo niên chế.

Từ năm 2017 đến năm 2019, Nhà trường tổ chức đào tạo theo hai phương thức: phương thức đào tạo niên chế (dùng cho hệ trung cấp chuyên nghiệp và dùng cho các lớp đào tạo theo hệ thống giáo dục nghề nghiệp) và phương thức đào tạo theo tích lũy tín chỉ (dùng cho các lớp hệ cao đẳng khóa 7, khóa 8 và khóa 9) và số lượng học sinh sinh viên được đào tạo theo hai phương thức trên là tương đương nhau. Từ tháng 11 năm 2019 đến nay, sau khi sinh viên cao đẳng khóa 9 tốt nghiệp ra trường, các hoạt động đào tạo của trường được tiến hành theo phương thức đào tạo theo niên chế, tuy nhiên, trong từng chương trình đào tạo của các ngành nghề đang được đào tạo tại trường các học phần vẫn được tiến hành đào tạo theo hai hình thức: môn học (dùng cho các học phần chung, học phần cơ sở ngành) và mô-đun (dùng cho các học phần kiến thức chuyên ngành và các học phần thực hành, thực tập), số lượng các học phần được tiến hành đào tạo theo hình thức mô-đun chiếm tỉ lệ 55%. Các ngành nghề đào tạo đa dạng, việc tổ chức đào tạo thực hiện theo nhiều trình độ khác nhau, nên đáp ứng được nhu cầu của người học. Bên cạnh đó, ngoài khung giờ hành chính (từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần), Nhà trường còn tổ chức đào tạo các lớp vào ngày thứ 7 và chủ nhật tạo điều kiện thuận lợi để người học có thể tham gia học tập tại trường.

*** Những điểm mạnh:**

Các ngành nghề đào tạo tại Trường đều có giấy phép đúng quy định, có ban hành quy định về chuẩn đầu ra cụ thể cho từng ngành.

Phương thức tổ chức đào tạo và hình thức tổ chức đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học.

Có xây dựng được quy chế tuyển sinh riêng của Trường dựa theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Nhà trường tổ chức tuyển sinh đảm bảo đúng quy định.

Hoạt động tổ chức đào tạo thực hiện có kế hoạch, đúng tiến độ, được kiểm tra giám sát và theo dõi thường xuyên.

Công tác tổ chức thi kết thúc môn học, thi và xét tốt nghiệp, cấp phát văn bằng chứng chỉ được thực hiện nghiêm túc, khách quan, đúng quy định.

Có hướng dẫn và thực hiện việc đào tạo liên thông.

*** Những tồn tại:**

Do ảnh hưởng của dịch COVID-19, việc tiến hành đào tạo gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên Nhà trường đã chuyển sang hình thức đào tạo trực tuyến, vận dụng công nghệ thông tin vào việc tổ chức giảng dạy và thi trực tuyến, có quy định riêng của trường về dạy, học và thi trực tuyến, nên trường vẫn đảm bảo tiến độ đào tạo và học sinh sinh viên vẫn ra trường đúng hạn.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tiếp tục đa dạng hóa các loại hình đào tạo, mở rộng hơn nữa các ngành nghề đào tạo để thu hút người học.

Tăng cường công tác bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên-giáo viên, về các nghiệp vụ chuyên môn và công tác quản lý hành chính, để nâng cao chất lượng giảng dạy.

Trang bị thêm sách giáo khoa, giáo trình, bài giảng các tài liệu tham khảo các môn học phong phú, đa dạng.

Điểm đánh giá tiêu chí 2:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	17
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1
Tiêu chuẩn 16	1
Tiêu chuẩn 17	1

Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

Mô tả, phân tích, nhận định

Những năm trước đây, do đặc thù đào tạo ở nhiều trình độ, bậc đào tạo, hệ đào tạo khác nhau nên chương trình đào tạo của Trường được xây dựng dựa trên chương trình khung của nhiều cơ quan Bộ ban hành. Năm 2017, đào tạo trung cấp và cao đẳng chính thức trao về cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý, gọi chung là giáo

dục nghề nghiệp và chương trình đào tạo cũng không còn phân biệt giữa chuyên nghiệp và nghề. Từ đó, số lượng ngành nghề được cơ quan có thẩm quyền cấp phép đào tạo của Trường tăng lên với 26 ngành hệ cao đẳng, 30 ngành hệ trung cấp và 38 nghề hệ sơ cấp (1.2.07 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017; 1.2.08 – Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 41c/2017/GCNĐKHD-TCDN ngày 13/06/2018; 1.2.09 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019; 1.2.10 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020; 1.2.11 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Phân hiệu; 1.2.12 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 77/2021/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 23/7/2021; 1.2.13 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56/2022/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 14/7/2022).

Thực hiện theo hướng dẫn của thông tư số 12/2017/TT- BLĐT BXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Năm 2017, Trường tiến hành xây dựng và ban hành Chuẩn đầu ra cho các ngành trường được phép đào tạo (2.1.03 – Quyết định số 1340/QĐ-CĐNB ngày 10 tháng 12 năm 2017 Ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ).

Năm 2020, Nhà trường đã tiến hành cập nhật các thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp của Bộ LĐTB&XH và áp dụng chuẩn này để làm chuẩn đầu ra cho HSSV đào tạo của Trường (2.1.01 - QĐ 27/QĐ-CĐNB ngày 13/1/2020 thực hiện quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp của Bộ LĐTB&XH).

Chuẩn đầu ra các ngành nghề đang đào tạo tại Trường được công bố công khai cho HSSV ngay từ đầu khoá học thông qua buổi sinh hoạt đầu khoá và được công bố công khai trên website của trường (2.1.02 – Chuẩn đầu ra đăng website của Trường. Link: <http://nbac.edu.vn/read.php?m=2021184&g=9>).

Theo kết quả khảo sát trên CBVC và HSSV đang học tập tại trường cho thấy đa số cá nhân được khảo sát đồng ý rằng chuẩn đầu ra của các ngành được công bố công khai trên website của Trường. (1.10.20 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.09 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form; 1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ Thông tư 05/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 02/03/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và xã hội Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ Trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư 07/2019/TT-BLĐTĐBXH ngày 7/3/2019 của Bộ Lao động, Thương binh và xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 05/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 02/03/2017 quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng, hằng năm, Phòng Kiểm định & BĐCL đã tham mưu cho Ban Giám hiệu xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh với những tiêu chí riêng của Trường nhưng vẫn đảm bảo không đi ngược lại quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2.2.01 - Quy chế tuyển sinh trung cấp, cao đẳng trường CĐNNNB – cơ sở chính năm 2019, 2020, 2021, 2022; 2.2.05 - Quy chế tuyển sinh của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ - Phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh năm 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ vào mục tiêu, nhu cầu và khả năng, Nhà trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh, quy định cụ thể hình thức, đối tượng, chính sách ưu tiên, trình tự, thủ tục tuyển sinh đối với từng trình độ, là cơ sở để nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ LĐTB&XH (2.3.01 – Công văn về việc đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Sau khi xác định chỉ tiêu tuyển sinh và được cấp chỉ tiêu tuyển sinh (1.2.06 - Thông báo của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về giao Nhiệm vụ thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp năm 2019, 2020, 2021, 2022), Nhà trường tiến hành triển khai công tác tuyển sinh bao gồm các bước như: thành lập Hội đồng tuyển sinh, lập kế hoạch tuyển sinh, soạn thông báo tuyển sinh, chuẩn bị tài liệu tư vấn tuyển sinh, hồ sơ đăng ký xét tuyển (2.3.03 - Quyết định Thành lập hội đồng tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022; 2.3.04 - Kế hoạch tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022; 2.3.05 – Hồ sơ đăng ký tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021 lưu tại Kho lưu trữ; 1.2.05 – Thông báo tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022; 2.3.07 – Tờ bướm tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Sau khi thực hiện công tác tư vấn, hướng nghiệp và quảng bá tuyển sinh, Nhà trường tiến hành nhận và kiểm tra hồ sơ đăng ký của thí sinh, nhập dữ liệu xét tuyển, dự kiến phương án xét tuyển trình hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh sẽ tổ chức họp bàn và kết luận phương án tuyển sinh cho từng năm cụ thể (2.3.08 - Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh 2019, 2020, 2021). Căn cứ vào kết luận của Hội đồng, Ban thư ký sẽ thảo quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển và trình Hội đồng ký duyệt (2.3.09 – Bộ Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển trung cấp, cao đẳng năm 2019, 2020, 2021).

Sau đó bộ phận tuyển sinh sẽ thông báo kết quả tuyển sinh đến thí sinh đăng ký thông qua Giấy báo nhập học (2.3.10 – *Giấy báo nhập học năm 2019, 2020, 2021*).

Phòng Công tác HSSV có nhiệm vụ nhận hồ sơ nhập học của thí sinh trúng tuyển, tiến hành phân lớp và thảo quyết định thành lập lớp trình Ban Giám hiệu ký duyệt (2.3.11 - *Quyết định phân lớp và danh sách kèm theo năm 2019, 2020; 2021*).

Từ năm 2020, sau khi được sáp nhập, cơ sở phân hiệu tại TP. HCM của Trường đã thực hiện công tác tuyển sinh theo quy trình tuyển sinh tại cơ sở chính (2.3.12 – *Quyết định Thành lập Hội đồng tuyển sinh tại Phân hiệu 2020, 2021; 2.3.13 - Kế hoạch tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022; 2.3.14 – Thông báo tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022*).

Nhằm đạt chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao, Phân hiệu đã thực hiện đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh hướng đến nhiều đối tượng tuyển sinh như tuyển sinh trực tiếp tại các trường THCS (khối lớp 9) trên địa bàn gần Phân hiệu, tư vấn tuyển sinh tại các trường THCS, THPT, phong trào “đưa bạn đến trường”, gửi thư qua bưu điện, đăng ký trực tuyến, liên kết với các đơn vị trong công tác tuyển sinh (2.3.15 – *Công văn số 01/KHLT-HNDNNTP-TTĐVVLTN ngày 19/01/2021 của hộ GDNN Thành phố và Trung tâm DVVL Thanh niên về tổ chức ngày hội “Hướng nghiệp - Dạy nghề” lần IX năm 2021, Chủ đề “Đánh thức tiềm năng – Vững tin lập nghiệp”*; 2.3.16 – *Công văn số 389/KHLT-GDDT-GDNN-GDTX ngày 22/3/2021 của Trưởng Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Bình Chánh, Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX Huyện Bình Chánh về Tư vấn hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau Tốt nghiệp THCS năm học 2020-2021*).

Ngoài ra Phân hiệu còn tư vấn tuyển sinh tại các địa bàn như Long An, Bến Tre, Tiền Giang, Tây Ninh... đến các đối tượng đang học lớp 9 (THCS) hoặc đang học tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên (TT GD TX), các Trường THPT... gọi điện tư vấn trực tiếp, gửi thư theo đường bưu điện, đăng ký trực tuyến...

Công tác tuyển sinh hằng năm được thực hiện nghiêm túc, công bằng theo quy chế tuyển sinh, hồ sơ nhập học đầy đủ theo thông báo tuyển sinh. Các thủ tục hồ sơ tuyển sinh đầu vào của học sinh, sinh viên đều được thực hiện đầy đủ theo quy định (2.3.17 – *Biên bản họp xét tuyển sinh Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM năm 2021; 2.3.18 – Quyết định trúng tuyển Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM năm 2021*).

Việc thực hiện công tác tuyển sinh của Trường luôn chú trọng đến an toàn, chất lượng, nghiêm túc, đúng kế hoạch, đúng quy chế và hiệu quả. Trường thực hiện qui trình xét tuyển nhanh, tinh gọn, chính xác, đảm bảo quy chế tuyển sinh riêng của Trường đồng thời không đi ngược lại quy chế của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Các thông tin về hồ sơ xét tuyển, điều kiện đăng ký xét tuyển, điểm chuẩn, danh sách trúng tuyển,... đều được công bố công khai và thông báo rộng rãi đến thí sinh. Các hoạt động kiểm tra công tác tuyển sinh và báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh được thực hiện

định kỳ và đúng quy định (2.3.19 – *Biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021*; 2.3.20 – *Báo cáo Tổng kết công tác tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021*).

Theo kết quả khảo sát CBVC và HSSV đang học tập tại trường, trên 90% người được khảo sát cho rằng Trường thực hiện công tác tuyển sinh đúng quy định, công bằng, khách quan (1.10.20 - *Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022*; 1.1.09 - *Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form*; 1.1.10 - *Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: *Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Năm 2017, sau khi chuyển sang sự quản lý về đào tạo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, căn cứ vào Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 13/3/2017 của Bộ này quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, Nhà trường đã ban hành Văn bản Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo Giáo dục nghề nghiệp theo niên chế (2.4.01 - *Quyết định số 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế và Quyết định số 1306/QĐ-CĐNB ngày 18/12/2017 Bổ sung một số Điều của Quyết định 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế*; 2.4.02 - *Quyết định số 825/QĐ-CĐNB ngày 12/10/2020, về việc sửa đổi một số Điều của Quyết định số 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế*; 2.4.03 - *Quyết định số 331/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 29/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc Ban hành Hướng dẫn thực hiện đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam bộ Phân hiệu tại TP.HCM*; 2.4.04 - *Quyết định số 433/QĐ-CĐNB ngày 13/05/2022 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hệ GDNN theo niên chế*).

Từ năm 2017 đến năm 2019, Nhà trường tổ chức đào tạo theo hai phương thức: phương thức đào tạo niên chế (dùng cho hệ trung cấp chuyên nghiệp và dùng cho các lớp đào tạo theo hệ thống giáo dục nghề nghiệp) và phương thức đào tạo theo tích lũy tín chỉ (dùng cho các lớp hệ cao đẳng khóa 7, khóa 8 và khóa 9) và số lượng học sinh sinh viên được đào tạo theo hai phương thức trên là tương đương nhau. Từ tháng 11 năm 2019 đến nay, sau khi sinh viên cao đẳng khóa 9 tốt nghiệp ra trường, các hoạt động đào tạo của trường được tiến hành theo phương thức đào tạo theo niên chế, tuy nhiên, trong từng chương trình đào tạo của các ngành nghề đang được đào tạo tại trường các học phần vẫn được tiến hành đào tạo theo hai hình thức: môn học (dùng cho các học phần chung, học phần cơ sở ngành) và mô-đun (dùng cho các học phần kiến thức chuyên

ngành và các học phần thực hành, thực tập), số lượng các học phần được tiến hành đào tạo theo hình thức mô-đun chiếm tỉ lệ 55%. Ngoài các lớp học theo khung giờ hành chính (từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần), Nhà trường còn tổ chức các lớp học vào thứ Bảy và Chủ nhật hàng tuần, các lớp đào tạo tại địa phương, đào tạo cho các trung tâm GDNN-GDTX, đào tạo cho doanh nghiệp nhằm đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng nguyện vọng của người học. Việc tổ chức giảng dạy và phân công giảng viên-giáo viên cho từng môn học/mô-đun được thực hiện theo kế hoạch được Ban Giám hiệu phê duyệt hàng năm (2.4.05 - *Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên*; 2.4.06 - *Kế hoạch đào tạo*; 2.4.07 - *Kế hoạch giáo viên*; 2.4.08 - *Tiến độ đào tạo năm học*; 2.4.09 – *Lịch học toàn khóa*).

Theo kết quả khảo sát trên HSSV đang học tập tại trường, trên 90% HSSV được khảo sát cho rằng phương thức đào tạo Nhà trường đang áp dụng đáp ứng được nhu cầu của người học. Các thông tin về phương thức tổ chức đào tạo của Trường, ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo luôn được cập nhập trên các thông báo tuyển sinh và trên website của Trường (1.10.20 - *Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022*; 1.1.10 - *Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô-đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, căn cứ vào số lượng HSSV tuyển mới, Phòng Đào tạo và KHCN xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể cho khóa mới. Bên cạnh đó, đầu mỗi năm học, kế hoạch và tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành nghề cũng được xây dựng, phê duyệt theo đúng quy định (2.4.05 - *Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên*; 2.4.06 - *Kế hoạch đào tạo*; 2.4.07 - *Kế hoạch giáo viên*; 2.4.08 - *Tiến độ đào tạo năm học*; 2.4.09 – *Lịch học toàn khóa*).

Căn cứ vào chương trình đào tạo đã được phê duyệt (2.5.01 – *Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020*) và kết quả xét tiến độ học tập của phòng Đào tạo & KHCN (2.5.02 – *Quyết định số 757/QĐ-CĐNB-ĐT ngày 19/09/2019 điều chỉnh tiến độ học sinh/sinh viên cao đẳng khóa 10, 11 và trung cấp khóa 32 năm 2019*; 2.5.03 – *Quyết định số 954/QĐ-CĐNB ngày 09/11/2020 công nhận Kết quả xét tiến độ học tập trong năm 2020*; *Quyết định số 1137/QĐ-CĐNB&KHCN ngày 17/12/2020 công nhận Kết quả xét tiến độ học tập trong năm 2020 đợt 2*; 2.5.04 – *Quyết định số 1047/QĐ-CĐNB&KHCN ngày 28/12/2021 công nhận tiến độ học tập cho sinh viên, học sinh cao đẳng và trung cấp năm 2021*), đầu mỗi năm học các Khoa thực hiện phân bổ môn học/

mô đun và phân công giáo viên giảng dạy cho năm. Nội dung các kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập, phù hợp với các chương trình đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo của Trường.

Tại Phân hiệu, tổ chức đào tạo theo phương thức “đào tạo theo niên chế” với các lớp học vào các buổi, thứ Bảy và Chủ nhật hàng tuần, các lớp đào tạo tại địa phương nhằm đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng nguyện vọng của người học. Tất cả các lớp đều có kế hoạch đào tạo cụ thể được xây dựng vào đầu mỗi năm học, thời khóa biểu được sắp xếp dựa trên kế hoạch đào tạo đầu năm và được công bố công khai cho nhà giáo và HSSV theo dõi và thực hiện (2.5.05 – Bộ Quyết định Ban hành chương trình đào tạo năm 2020 tại Phân hiệu).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ vào kế hoạch và tiến độ đào tạo phê duyệt vào đầu mỗi năm học (2.4.05 – Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên). Phòng Đào tạo và KHCN lập kế hoạch đào tạo cụ thể, kế hoạch phân công giáo viên giảng dạy cho từng lớp theo từng học kỳ, năm học, thông qua thời khóa biểu chi tiết đến từng tuần (2.6.01 - Thời khóa biểu các tuần trong năm học 2019 – 2020; 2020 - 2021; 2021- 2022). Các giảng viên, giáo viên lên lớp đều có đầy đủ các hồ sơ giảng dạy như: sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo được lưu tại Phòng Đào tạo & KHCN (2.6.02 - Sổ lên lớp; 2.6.03 – Sổ tay và giáo án nhà giáo).

Sau khi kết thúc năm học, Nhà trường tiến hành họp xét tiến độ học tập của HSSV từng khóa để kịp thời thông báo kết quả học tập cho HSSV, từ đó có giải pháp thúc đẩy tiến độ học tập theo đúng kế hoạch đào tạo đã phê duyệt từ đầu khóa học (2.5.02 – Quyết định số 757/QĐ-CĐNB-ĐT ngày 19/09/2019 điều chỉnh tiến độ học sinh/sinh viên cao đẳng khóa 10, 11 và trung cấp khóa 32 năm 2019; 2.5.03 – Quyết định số 954/QĐ-CĐNB ngày 09/11/2020 công nhận Kết quả xét tiến độ học tập trong năm 2020; Quyết định số 1137/QĐ-CĐNB&KHCN ngày 17/12/2020 công nhận Kết quả xét tiến độ học tập trong năm 2020 đợt 2; 2.5.04 – Quyết định số 1047/QĐ-CĐNB&KHCN ngày 28/12/2021 công nhận tiến độ học tập cho sinh viên, học sinh cao đẳng và trung cấp năm 2021).

Hàng tháng, các phòng khoa có liên quan trong Nhà trường đều phối hợp tổ chức kiểm tra các hoạt động dạy và học của giảng viên, giáo viên và HSSV (2.6.04 – Kế hoạch kiểm tra công tác đào tạo năm 2019, 2020, 2021, 2022; 2.6.05 – Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm 2019, 2020, 2021, 2022), có sơ tổng kết đầy đủ báo cáo đến Ban Giám hiệu (2.6.06 – Báo cáo sơ kết hoạt động dạy và học học kỳ 1 năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021 – 2022; 2.6.07 – Báo cáo tổng kết hoạt động dạy và học năm học 2019-

2020, 2020-2021, 2021 – 2022). Từng học kỳ, Trường đều có các văn bản báo cáo kết quả hoạt động của Trường về công tác đào tạo gửi đến Bộ chủ quản, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định

Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt thể hiện rõ nét trên kế hoạch hoạt động của từng khoa, tổ bộ môn chuyên môn. Ngoài ra, mục tiêu của chương trình đào tạo còn được thể hiện rõ trong giáo án, bài giảng, giáo trình đã được biên soạn và thẩm định của mỗi giảng viên giảng dạy (2.6.02 - Sổ lên lớp; 2.6.03 – Sổ tay và giáo án nhà giáo).

Việc đưa người học đến thực hành, thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động đều có kế hoạch thể hiện trong quyết định phân công khối lượng công tác giáo viên hàng năm (2.4.05 – Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên) và được thực hiện căn cứ vào các Quyết định cử HSSV đến thực tập cuối khóa tại các cơ sở sản xuất và các đơn vị sử dụng lao động trên các tỉnh thành Nam Bộ (2.7.01 – Các Quyết định thực tập cho HSSV năm học 2021-2022 ở cơ sở chính; 2.7.02 – Các Quyết định Phân công giảng viên hướng dẫn và học sinh đủ điều kiện thực tập tốt nghiệp năm học 2021 – 2022 – Phân hiệu). Việc thỏa thuận với các đơn vị sử dụng lao động về việc gửi HSSV đến thực tập cuối khóa đều được đảm bảo thông qua email hoặc gửi văn bản trực tiếp (2.7.03 - Danh sách các doanh nghiệp liên kết với trường về đào tạo thực hành và thực tập cho HSSV).

Đối với Phân hiệu, trước khi triển khai cho HSSV đi thực tập tại các doanh nghiệp, Khoa chuyên môn lập danh sách giáo viên hướng dẫn thực tập (2.7.04 – Quyết định số 492/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 20/8/2020 về việc cử học sinh đi thực tập).

Trước khi triển khai cho HSSV đi thực tập tại các doanh nghiệp, Khoa chuyên môn xây dựng đề cương thực hành, thực tập gửi đến các đơn vị nhận HSSV thực tập và phổ biến cho HSSV (2.7.05 – Đề cương thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp). Cuối mỗi đợt thực tập, đơn vị sử dụng lao động đều gửi nhận xét đánh giá của về kết quả thực hành, thực tập của người học về khoa, tổ bộ môn chuyên môn có liên quan. Sau mỗi đợt thực tập người học đều thực hiện báo cáo kết quả thực hành tại cơ sở thông qua các báo cáo/đồ án thực tập cuối khóa nộp về khoa, tổ bộ môn chuyên môn có liên quan (2.7.06 – Báo cáo thực tập của HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Theo quy định chung của Nhà trường, sau mỗi đợt thực tập tại đơn vị sản xuất, HSSV đều phải viết báo cáo về quá trình thực tập và kết quả đạt được sau khi đi thực

tập, những báo cáo này được các khoa chuyên môn kiểm duyệt và đánh giá. Kết hợp với ý kiến đánh giá của đơn vị nhận thực tập để đánh giá học phần thực tập của HSSV (2.7.07 - *Văn bản nhận xét của đơn vị sử dụng lao động về HSSV thực tập*).

Căn cứ vào kết quả học tập của các môn học có thực tập tại các đơn vị có liên quan cho thấy, kết quả học tập thực hành của học sinh sinh viên đều đạt từ 5,0 điểm đến 9,0 điểm, trong đó mức điểm khá, giỏi chiếm tỷ lệ cao.

Căn cứ vào bảng nhận xét đánh giá của các cơ sở thực hành, thực tập cho thấy các học sinh sinh viên thực tập đều có chuyên môn khá và tốt, đạo đức ý thức kỷ luật tốt.

Ngoài ra còn có sự gắn kết giữa trường và doanh nghiệp (2.7.08 - *Biên bản ghi nhớ sử dụng lao động ngày 31/12/2020 giữa Phân hiệu và Công ty Sài Gòn Food*; 2.7.09 - *Biên bản ghi nhớ sử dụng lao động giữa Phân hiệu và Công ty THNN TM DV Cơ điện lạnh Phú Trọng*; 2.7.10 - *Biên bản ghi nhớ sử dụng lao động giữa Phân hiệu và Công ty THNN TM DV Hùng Tấn Phát*; 2.7.11 - *Biên bản ghi nhớ sử dụng lao động ngày 31/12/2020 giữa Phân hiệu và công ty TNHH Tôm giống Châu Phi*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.8: *Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường đã thực hiện đúng thời lượng thực hành, thực tập của người học đảm bảo kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn theo quy định được thể hiện trong sổ lên lớp, giáo án của nhà giáo. Các giáo án giảng dạy của các giảng viên-giáo viên trong từng ngành nghề, từng mô đun, môn học đã sử dụng phương pháp dạy học phát huy được tính tích cực, tính tự giác, sự năng động, khả năng làm việc độc lập và khả năng làm việc nhóm của người học (2.6.02 - *Sổ lên lớp*; 2.6.03 – *Sổ tay và giáo án nhà giáo*).

Trong quá trình đào tạo ở mỗi giờ giảng, sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học như: thảo luận nhóm, vấn đáp, thuyết trình, tình huống, ... đều được lồng ghép một cách phù hợp để phát huy tối đa tính năng động, tự chủ của học sinh sinh viên, luôn đảm bảo lấy người học làm trung tâm. Các ngành về công nghệ kỹ thuật, phần lớn các môn học, mô-đun học sinh sinh viên đều được thực hành, thực tập tại phòng thực hành, phòng thí nghiệm, trại thực nghiệm, đảm bảo được kỹ năng, năng lực thực hành của người học (2.8.01 - *Nhật ký phòng thí nghiệm, thực hành*).

Hàng năm, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học cũng như để các giảng viên học hỏi kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, Nhà trường thường xuyên tổ chức các đợt Hội giảng cấp Khoa, cấp Cơ sở. Việc tổ chức dự giờ luôn đi kèm với việc phân tích các

mặt mạnh và yếu trong từng giờ giảng, giúp đội ngũ giảng viên-giáo viên nhanh chóng hoàn thiện bài giảng, đáp ứng được yêu cầu dạy học theo hướng tích cực và hiện đại (2.6.05 – *Biên bản dự giờ/ kiểm tra hoạt động giảng dạy 2020, 2021*; 2.8.03 – *Kế hoạch hội giảng; Quyết định số 314/QĐ-CDNB-ĐT ngày 10/05/2019 về việc công nhận kết quả Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Trường năm 2019; Báo cáo tổng kết hội giảng*; 2.8.04 - *Kế hoạch hội giảng; Quyết định số 610/QĐ-CDNB-ĐT ngày 22/07/2020 về việc công nhận kết quả Hội giảng nhà giáo GDNN cấp Trường năm 2020; Báo cáo tổng kết hội giảng*; 2.8.05 - *Kế hoạch hội giảng; Quyết định số 491/QĐ-CDNB-ĐT ngày 28/05/2021 về việc công nhận kết quả Hội giảng nhà giáo GDNN cấp Trường năm 2021; Báo cáo tổng kết hội giảng*; 2.8.06 - *các Quyết định đạt giải tại hội giảng, hội thi các cấp*).

Qua khảo sát ý kiến của người học, đa số HSSV đánh giá là Nhà trường thực hiện đúng thời lượng về giờ học thực hành và lý thuyết theo chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy phát huy được tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học (1.10.20 - *Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022*; 1.1.10 - *Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.9: *Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Năm 2021, Nhà trường đặt hàng với VNPT Tiền Giang xây dựng lại phần mềm quản lý đào tạo cho phù hợp với quy định, đặc thù của hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Phần mềm đã được xây dựng đến giai đoạn thử nghiệm sử dụng, nhưng chưa được đưa vào sử dụng chính thức (2.9.01 – *Công văn số 543/CDNB-ĐT về việc đề nghị triển khai thí điểm Hệ thống thông tin Quản lý đào tạo GDNN*).

Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong các hoạt động dạy và học tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ. Hầu hết các giảng viên-giáo viên lên lớp đều có bài giảng điện tử và sử dụng thông thạo các phương tiện trình chiếu hiện đại (2.9.02 - *Thống kê trang thiết bị ở lớp học, giảng đường*; 2.9.03 - *Giáo án điện tử của giáo viên*). 100% nhà giáo đều sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong việc tổ chức giảng dạy và đánh giá người học. Đặc biệt, trong khoảng thời gian diễn ra dịch COVID-19 (từ tháng 02 năm 2020 đến tháng 4 năm 2020, từ tháng 8 năm 2021 đến hết tháng 3 năm 2022), các nhà giáo của trường tiến hành dạy trực tuyến và đánh giá người học bằng hình thức trực tuyến qua các phần mềm khác nhau như zoom, google meet, zalo, thi và kiểm tra trên zalo, google form và azota trong tất cả các chương trình đang được đào tạo tại trường, đảm bảo được tỉ lệ 100% nhà giáo sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong việc tổ chức giảng dạy và đánh giá người học. Trong từng ngành đào tạo đều có các môn học có sử dụng các phần mềm mô phỏng thực hành tạo điều kiện cho

người học dễ dàng tiếp cận thực tế sản xuất trong xã hội sau khi tốt nghiệp (phần mềm kế toán Misa, phần mềm đồ họa, phần mềm phối hợp khẩu phần thức ăn, ...). 100% học sinh sinh viên đều sử dụng các phần mềm xử lý số liệu trong quá trình thực tập cuối khóa, làm báo cáo thực tập cuối khóa và bảo vệ báo cáo thực tập cuối khóa.

Ý kiến của người học, CBVC về việc Trường sử dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giảng dạy và học được thể hiện trong phiếu khảo sát và báo cáo thống kê kết quả khảo sát HSSV, CBVC nhà trường (1.10.20 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.09 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form; 1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Tại Phân hiệu, đơn vị cũng không ngừng nâng cao việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học. Phân hiệu đã trang bị máy chiếu ở tất cả các phòng học, 4 phòng máy vi tính để thực hành liên quan đến Tin học; thư viện cũng trang bị máy vi tính để học sinh, sinh viên chủ động tìm kiếm, làm bài trên máy tính (2.9.04 - Bảng kiểm kê tài sản năm 2020). Trong công tác quản lý đào tạo, Phân hiệu đã sử dụng phần mềm quản lý đào tạo ccsTrain của công ty cổ phần Chip Chip để thuận tiện trong công tác quản lý học sinh, sinh viên quản lý đào tạo, điểm số,... Các Trường khoa, chuyên viên phòng Đào tạo và công tác học sinh, sinh viên đều có tài khoản để kiểm tra theo phân quyền (2.9.05 - Hợp đồng kinh tế số 41/CCS-HĐ/2021 ngày 04/01/2021 hợp đồng nâng cấp và bảo trì phần mềm quản lý đào tạo CCSTrain giữa Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh và công ty TNHH Giải pháp công nghệ Chip Chip).

Tại cơ sở chính, kể từ năm học 2022-2023, Nhà trường đưa vào sử dụng phần mềm “Hệ thống tích hợp thông tin Quản lý đào tạo” của Trung tâm Công nghệ phần mềm trường Đại học Cần Thơ theo Hợp đồng số 95/2022/HĐ-CĐNB-CUSC. Việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu của trường sẽ được tiến hành trong 3 năm 2022, 2023 và 2024 theo hướng dẫn của các chuyên viên kỹ thuật đến từ Trung tâm Công nghệ phần mềm trường Đại học Cần Thơ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

Mô tả, phân tích, nhận định

Việc kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học được tổ chức thường xuyên và liên tục theo từng buổi học và được thực hiện ở tất cả các địa bàn đào tạo thông qua Phòng Đào tạo & KHCN. Đây là nhiệm vụ thường xuyên của Phòng và được đưa vào chương trình công tác hàng tháng của đơn vị (2.10.01 – Chương trình công tác các tháng trong năm 2019, 2020, 2021, 2022 của Trường).

Phòng Đào tạo & KHCN thực hiện kiểm tra giờ giấc giảng dạy của giáo viên, kiểm tra hồ sơ giảng dạy, sổ sách của giáo viên theo kế hoạch đào tạo đã ban hành từ đầu năm học và theo thời khóa biểu lên lớp (2.4.05 - *Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên*; 2.6.01 - *Thời khóa biểu các tuần trong năm học 2019 – 2020; 2020 -2021; 2021-2022*) và lưu lại kết quả kiểm tra trong sổ nhật ký kiểm tra (2.10.02 – *Báo cáo tình hình dạy bù của giảng viên, giáo viên năm 2019, 2020, 2021, 2022*; 2.10.03 – *Thống kê tình hình ghi sổ lên lớp năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Cuối mỗi tháng căn cứ vào sổ nhật ký kiểm tra, Phòng Đào tạo & KHCN tiến hành tổng kết, đánh giá và báo cáo lên Ban Giám hiệu Nhà trường thông qua cuộc họp giao ban đầu tháng (2.10.04 - *Biên bản họp giao ban trong năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Việc giám sát hoạt động giảng dạy và học tập của học sinh tại Phân hiệu được thực hiện thông qua Phòng Đào tạo và Công tác HSSV với những công việc cụ thể sau: Đầu năm học, Khoa phải xây dựng kế hoạch giảng dạy của từng lớp theo năm học, kế hoạch giáo viên gửi Phòng ĐT&CTHSSV kiểm tra đúng chương trình đào tạo đã ban hành. Sau đó Phòng ĐT&CTHSSV sẽ trình BGD duyệt để có cơ sở xây dựng thời khóa biểu từng học kì. Hàng ngày, Phòng ĐT&CTHSSV kiểm tra tình hình giảng dạy của giáo viên, ghi chép sổ lên lớp. Đồng thời kiểm tra tình hình học tập của học sinh (2.10.06 - *Bảng theo dõi tình hình ghi chép sổ lên lớp hàng tháng*; 2.10.07 - *Sổ theo dõi ý thức học tập*). Hàng tháng, Trưởng Khoa kiểm tra hồ sơ sổ sách của giáo viên trong khoa như: giáo án, sổ tay giáo viên, lịch giảng dạy, đề thi, đáp án... và thực hiện báo cáo với Ban Giám đốc trong họp giao ban định kì hàng tháng.

Đây là công việc mang tính chất thường nhật nên Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện cũng như lập biên bản kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm bằng văn bản (2.6.04 – *Kế hoạch kiểm tra công tác đào tạo năm 2019, 2020, 2021, 2022*; 2.6.05 – *Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm 2019, 2020, 2021, 2022*; 2.6.06 – *Báo cáo sơ kết hoạt động dạy và học học kỳ 1 năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021 – 2022*; 2.6.07– *Báo cáo tổng kết hoạt động dạy và học năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.11: *Hàng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Theo từng năm học Nhà trường có kế hoạch tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của các đơn vị tham gia hoạt động đào tạo (2.6.04 – *Kế hoạch kiểm tra công tác đào tạo năm 2019, 2020, 2021, 2022*). Trên cơ sở kết quả các hoạt động kiểm tra, giám sát việc dạy và học, Phòng Đào tạo và KHCN với vai trò là đơn vị phụ trách về công tác đào tạo của Trường có những kiến nghị kịp thời đến Ban Giám hiệu Nhà trường,

đồng thời thông báo về các khoa và tổ bộ môn chuyên môn có liên quan, để điều chỉnh các hoạt động dạy và học nếu thấy cần thiết thông qua cuộc họp giao ban hàng tháng (2.10.04 - *Biên bản họp giao ban trong năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Ở Phân hiệu, trong công tác quản lý đào tạo, phòng Đào tạo & CTHSSV thường xuyên báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học. Hàng tháng, phòng Đào tạo & CTHSSV luôn có những báo cáo về đào tạo tại Phân hiệu cũng như những lớp liên kết ngoài tỉnh. Trong đó là những cập nhật về tình hình, tiến độ dạy theo đúng kế hoạch, những bất cập xảy ra trong quá trình dạy và học. Báo cáo được trình bày trong các cuộc họp giao ban hàng tháng để kịp thời giải quyết, điều chỉnh cũng như có những đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo (2.11.01 - *Biên bản họp giao ban hàng tháng của Văn phòng Phân hiệu năm 2020, 2021*; 2.10.06 - *Bảng theo dõi tình hình ghi chép sổ lên lớp hàng tháng*).

Để nâng cao chất lượng giảng dạy của đội ngũ nhà giáo, hàng năm Trường đã tổ chức nhiều hoạt động khác nhau như: Hội giảng giáo viên giỏi cấp trường, biên soạn tài liệu giảng dạy (giáo trình, bài giảng), thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, viết báo đăng Tập san trường, đăng các tạp chí chuyên ngành uy tín trong và ngoài nước, đưa nhà giáo tham gia các buổi Hội thảo khoa học các cấp, ..., thông qua đó nhà giáo của trường có điều kiện trao đổi về việc đổi mới phương pháp giảng dạy, kịp thời chấn chỉnh lại hoạt động dạy học của nhà giáo, tích cực đẩy mạnh việc thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Căn cứ vào kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học (2.10.02 – *Báo cáo tình hình dạy bù của giảng viên, giáo viên năm 2019, 2020, 2021, 2022*; 2.10.03 – *Thống kê tình hình ghi sổ lên lớp năm 2019, 2020, 2021, 2022*), các Khoa chuyên môn tổ chức họp đơn vị để giáo viên của khoa và lãnh đạo Khoa có cơ hội trao đổi từ đó đề xuất những biện pháp để điều chỉnh hoạt động giảng dạy các chương trình đào tạo do đơn vị triển khai (2.11.02 – *Biên bản họp định kỳ của các Khoa chuyên môn*).

Qua khảo sát ý kiến của CBVC, hầu hết đều cho rằng việc thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học là rất cần thiết, từ những kết quả kiểm tra đã giúp cho giáo viên có được những thông tin hữu ích để làm căn cứ điều chỉnh lại hoạt động dạy của bản thân theo hướng cải tiến chất lượng dạy và học (1.1.09 - *Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form*; 1.1.10 - *Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Nhà trường thực hiện nội dung này theo kế hoạch được lập từ đầu năm học và có báo cáo tổng kết hoạt động này vào cuối năm học (2.6.04 – *Kế hoạch kiểm tra công tác đào tạo năm 2019, 2020, 2021, 2022*; 2.6.07 – *Báo cáo tổng kết hoạt động dạy và học năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*).

Trong năm 2020 – 2021, do đại dịch Covid-19 nên Nhà trường luôn cập nhật, điều chỉnh các hoạt động dạy và học, đưa ra kế hoạch thay đổi phương pháp dạy và học để phù hợp với tình hình thực tế của xã hội và kịp tiến độ đào tạo của các lớp (2.11.03 - Kế hoạch nhập học ngày 08/5/2020; 2.11.04 - Kế hoạch điều chỉnh hoạt động dạy và học).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Năm 2017, sau khi được chuyển giao về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Nhà trường tiến hành tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, áp dụng quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp cho các lớp khóa mới theo quy định tại thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Từ hướng dẫn của Thông tư, Nhà trường cụ thể hóa thành Quy chế riêng áp dụng cho trường (1.8.02 - Quyết định 601/QĐ-CĐNB ngày 20/6/2022 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô đun). Các quy định về tổ chức thi và xét công nhận tốt nghiệp được thể hiện trong hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo GDNN theo niên chế (2.4.01 - Quyết định số 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế và Quyết định số 1306/QĐ-CĐNB ngày 18/12/2017 Bổ sung một số Điều của Quyết định 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế; 2.4.02 - Quyết định số 825/QĐ-CĐNB ngày 12/10/2020, về việc sửa đổi một số Điều của Quyết định số 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế; 2.4.04 - Quyết định số 433/QĐ-CĐNB ngày 13/05/2022 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hệ GDNN theo niên chế).

Đối với Phân hiệu, dựa trên những quy định của Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, Phân hiệu đã ban hành Hướng dẫn thực hiện đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế và Quy chế quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến (2.4.03 - Quyết định số 331/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 29/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc Ban hành Hướng dẫn thực hiện đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ Phân hiệu tại TP.HCM; 2.12.01 - Quyết định số 664/QĐ-CĐNB ngày 05/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành Quy chế quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến; 2.12.02 - Quyết định số 137/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/2/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP. HCM về việc ban hành quy chế công tác học sinh sinh viên của Phân hiệu; 2.12.03 - Hướng dẫn số 155/HD-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 01/30/2021 của Giám đốc Phân hiệu

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP. HCM về việc hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện học sinh sinh viên hệ chính quy của Phân hiệu).

Về cấp phát văn bằng, chứng chỉ, thực hiện theo thông tư số 10/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Các khóa trước vẫn áp dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường có sổ sách quản lý và cấp phát văn bằng (2.12.04 - *Sổ cấp phát văn bằng năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.13: *Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Trong quá trình học tập tại trường, HSSV được tham gia nhiều đợt thực tập tại các cơ quan doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động (2.7.01 - *Danh sách các Quyết định thực tập cho HSSV ở cơ sở chính; 2.7.03 - Danh sách các doanh nghiệp liên kết với trường về đào tạo thực hành và thực tập cho HSSV*). Sau khi thực tập, các đơn vị nhận thực tập sẽ cho ý kiến nhận xét đối với từng HSSV về thái độ, kết quả thực tập. Giáo viên hướng dẫn sẽ sử dụng những thông tin đó làm một trong những căn cứ cho điểm HSSV (2.7.07 - *Văn bản nhận xét của đơn vị sử dụng lao động về HSSV thực tập*).

Tại Phân hiệu, Khoa chuyên môn đã mời cán bộ công ty phối hợp giảng dạy, tham gia hướng dẫn thực hành, kết thúc các môn học/mô đun, Khoa luôn mời cán bộ có chuyên môn phù hợp của công ty tham gia chấm thi kết thúc môn học/mô đun. (2.13.01 - *Hợp đồng giảng dạy, bảng điểm quá trình, bài thi*). Khi đi thực tập, học sinh được làm việc trực tiếp tại xưởng chế biến, tại đây các cán bộ kỹ thuật, KCS đều tham gia hướng dẫn tận tình. Cuối đợt thực tập, HSSV được sự nhận xét, đánh giá trực tiếp của cán bộ quản lý, người hướng dẫn thực tập tốt nghiệp của doanh nghiệp tất cả các ngành (2.13.02 - *Phiếu đánh giá thực tập tay nghề, thực tập tốt nghiệp*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.14: *Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Trong những năm qua, Trường thực hiện đúng các quy chế của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của người học. Căn cứ vào quy chế và tình hình thực tế, Trường đã ban hành một số quy định nhằm cụ thể hóa một số nội dung trong quy chế để công tác ra đề thi, tổ chức thi và đánh giá kết quả đảm bảo thống nhất, đồng bộ, khách quan, công bằng, chính xác. Nhìn chung, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả người học được đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình

thức đào tạo (1.8.02 - Quyết định 601/QĐ-CĐNB ngày 20/6/2022 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô đun). Các quy định về tổ chức thi và xét công nhận tốt nghiệp được thể hiện trong hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo GDNN theo niên chế (2.4.01 - Quyết định số 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế và Quyết định số 1306/QĐ-CĐNB ngày 18/12/2017 Bổ sung một số Điều của Quyết định 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế; 2.4.02 - Quyết định số 825/QĐ-CĐNB ngày 12/10/2020, về việc sửa đổi một số Điều của Quyết định số 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế; 2.4.03 - Quyết định số 331/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 29/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc Ban hành Hướng dẫn thực hiện đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam bộ Phân hiệu tại TP.HCM; 2.4.04 - Quyết định số 433/QĐ-CĐNB ngày 13/05/2022 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hệ GDNN theo niên chế).

Việc thực hiện tổ chức thi kết thúc môn học/ mô đun, thực hiện theo đúng quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan và có hồ sơ lưu đầy đủ theo quy định (2.14.01 – Hồ sơ tổ chức thi kết thúc môn học năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022 lưu tại Phòng Kiểm định & BĐCL).

Quy trình tổ chức thi, xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện một cách nghiêm túc đúng theo quy định trong hướng dẫn thực hiện đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ từ bước đầu ra kế hoạch thi tốt nghiệp, quyết định thành lập hội đồng thi tốt nghiệp, họp xét điều kiện thi đến tổ chức coi thi, chấm thi và họp xét công nhận tốt nghiệp. Đề thi luôn được bảo mật và niêm phong cẩn thận trước giờ thi. Mỗi môn thi viết luôn có 2 giáo viên chấm thi độc lập trên các phiếu chấm thi sau khi bài thi đã được rọc phách (2.14.02 – Hồ sơ tổ chức thi tốt nghiệp 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 – 2022 lưu tại Phòng Kiểm định & BĐCL; 2.14.03 – Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 – 2022 lưu tại Phòng Đào tạo & KHCN).

Trong quá trình học, học sinh luôn được quan sát phẩm chất, thái độ và đưa ra đánh giá hạnh kiểm thông qua bảng điểm đánh giá rèn luyện từng học kỳ do cán sự lớp và giáo viên chủ nhiệm thực hiện (2.14.04 – Hồ sơ xét kết quả rèn luyện 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022 lưu tại Phòng Công tác HSSV).

Đó chính là minh chứng rõ nét cho việc dạy và học hướng đến coi trọng quá trình và mang tính khách quan. Qua đó, giáo viên đánh giá được kết quả học tập, rèn luyện của học sinh trong suốt quá trình học một cách khách quan và xuyên suốt.

Việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ cho HSSV thực hiện đúng theo các quy định chung. Sau khi có kết quả tốt nghiệp, Nhà trường tiến hành cho in bằng cấp tốt nghiệp và phát cho HSSV tại Lễ tốt nghiệp được tổ chức vào tháng 6 và tháng 11 hằng năm,

trong đó những HSSV nào được xét công nhận tốt nghiệp thì sẽ được nhận bằng. Nhà trường có sổ theo dõi việc cấp, phát văn bằng, chứng chỉ theo đúng quy định (2.12.04 - Sổ cấp phát văn bằng năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định

Việc rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ được Nhà trường thực hiện định kỳ vào đầu mỗi năm học. Thông qua việc rà soát để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với quy định mới hoặc tình hình thực tế của Trường. Từ năm 2017 đến nay Nhà trường đã ban hành 4 quyết định quy định về thi kết thúc môn học (2.15.01 - Quyết định 417/QĐ-CDNB ngày 11/5/2017 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô-đun; 2.15.02 - Quyết định 847/QĐ-CDNB ngày 13/9/2018 ban hành quy định Điều chỉnh, bổ sung một số điều trong Quy định thi kết thúc môn học, mô-đun ban hành kèm theo Quyết định số 417/QĐ-CDNB ngày 11/5/2017 của Hiệu trưởng; 2.15.03 - Quyết định 722/QĐ-CDNB ngày 11/8/2020 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô-đun; 1.8.02 - Quyết định 601/QĐ-CDNB ngày 20/6/2022 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô-đun).

Các quy định về tổ chức thi và xét công nhận tốt nghiệp được thể hiện trong hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo GDNN theo niên chế. Từ năm 2017 đến nay Nhà trường đã điều chỉnh 3 lần để hướng dẫn thực hiện quy chế cho đúng với quy định hiện hành của Bộ LĐ-TB&XH (2.4.01 - Quyết định số 1046/QĐ-CDNB ngày 05/09/2017 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế và Quyết định số 1306/QĐ-CDNB ngày 18/12/2017 Bổ sung một số Điều của Quyết định 1046/QĐ-CDNB ngày 05/09/2017 Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế; 2.4.02 - Quyết định số 825/QĐ-CDNB ngày 12/10/2020, về việc sửa đổi một số Điều của Quyết định số 1046/QĐ-CDNB ngày 05/09/2017 hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế; 2.4.04 - Quyết định số 433/QĐ-CDNB ngày 13/05/2022 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hệ GDNN theo niên chế).

Phân hiệu thực hiện nghiêm túc quy chế đào tạo cũng như những quy định về đánh giá rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ. Trong các kỳ thi tốt nghiệp hàng năm, hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp thường xuyên có những cuộc họp đánh giá điều kiện thi theo đúng quy chế, qua đó giải đáp những vướng mắc, nhìn nhận, rà soát lại những vấn đề phát sinh trong quá trình đào tạo để kịp thời đề xuất những giải pháp (2.4.03 - Quyết định số 331/QĐ-CDNBPH-VP ngày 29/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc Ban hành Hướng dẫn thực hiện đào

tao trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam bộ Phân hiệu tại TP.HCM).

Trong các buổi họp, Phân hiệu sẽ thấy được những kết quả đạt được và rà soát, phát hiện những bất cập trong quy định đào tạo, đánh giá rèn luyện, từ đó kịp thời điều chỉnh.

Năm 2021, do phát sinh đại dịch ảnh hưởng đến việc học, thi, kiểm tra của người học, nhà trường đã kịp thời điều chỉnh, ban hành quy chế đào tạo hình thức trực tuyến để phù hợp với tình hình của xã hội (2.12.02 - Quyết định số 664/QĐ-CDNB ngày 05/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành Quy chế quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến; 2.15.04 - Quyết định số 674/QĐ-CDNB ngày 17/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ quy định tạm thời về nội quy thi trực tuyến).

Qua khảo sát ý kiến của CBVC, hầu hết đều cho rằng Trường có thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết (1.1.09 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form; 1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Để thực hiện việc tổ chức đào tạo liên thông, Trường đã tiến hành xây dựng hướng dẫn thực hiện công tác này dựa trên nội dung thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2.16.01 - Quyết định số 738/QĐ-CDNB ngày 08/8/2018 của Hiệu trưởng về hướng dẫn đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp được cụ thể hóa từ nội dung của Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Nhà trường có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng đối với những ngành nghề dự kiến đăng ký đào tạo liên thông (1.2.07 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017; 1.2.08 – Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 41c/2017/GCNDKHH-TCDN ngày 13/06/2018; 1.2.09 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019; 1.2.10 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020; 1.2.11 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Phân hiệu; 1.2.12 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 77/2021/GCNDKHH-TCGDNN ngày 23/7/2021; 1.2.13 - Giấy chứng nhận

đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56/2022/GCNDKHD-TCGDNN ngày 14/7/2022).

Phòng Đào tạo và KHCN có trách nhiệm xem xét việc chuyển đổi kết quả học tập và các khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đối với từng người học và trình Ban Giám hiệu quyết định khối lượng kiến thức được miễn giảm cho từng người học (2.16.02 - *Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông*). Năm 2020, Trường tuyển sinh và tổ chức được 1 lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng ngành Thú y, năm 2021 trường tuyển sinh được 1 lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng ngành Bảo vệ thực vật (2.16.03 – *Danh sách lớp liên thông cao đẳng thú y*; 2.16.04 – *Danh sách lớp liên thông cao đẳng bảo vệ thực vật*). Các lớp này được xây dựng kế hoạch đào tạo từ đầu khóa học và thực hiện đào tạo theo thời khóa biểu cụ thể (2.16.05 – *Thời khóa biểu lớp liên thông cao đẳng thú y*; 2.16.06 – *Thời khóa biểu lớp liên thông cao đẳng bảo vệ thực vật*). Hiện lớp này chưa hoàn thành khóa học nên chưa có báo cáo kết quả tổ chức khóa đào tạo liên thông.

Các ngành đang đào tạo liên thông đều có chương trình đào tạo ban hành đúng quy định (2.16.07 - *Quyết định số 1034/QĐ-CDNB ngày 22/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng liên thông ngành Thú y*; 2.16.08 - *Quyết định số 767/QĐ-CDNB ngày 1/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng liên thông ngành Bảo vệ thực vật*).

Để đảm bảo cho người học tốt nghiệp từ Trung cấp trở lên có thể học liên thông lên Cao đẳng cho các ngành/ nghề tại Phân hiệu, Phân hiệu đã thực hiện đầy đủ các hồ sơ theo quy định (2.16.09 – *Quyết định 256/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 10/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về đào tạo liên thông*; 2.16.10 – *Bộ Quyết định Ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng liên thông từ Trung cấp tại Phân hiệu*).

Ngoài ra, Phân hiệu cũng lập kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu học kỳ đầy đủ cho các lớp và thực hiện Báo cáo với Ban Giám đốc (2.16.11 - *Thời khóa biểu học kỳ I, II các lớp liên thông Cao đẳng từ Trung cấp bao gồm: 20CTP01-TC, 20CML01-TC, 20CDC01-TC, 20CKT01-TC, 20CCT01-TC*).

Qua khảo sát ý kiến của CBVC và HSSV, hầu hết đều cho rằng Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định (1.10.20 - *Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022*; 1.1.09 - *Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form*; 1.1.10 - *Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 16, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định

Để đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý đào tạo cũng như việc sử dụng có hiệu quả các dữ liệu về hoạt động đào tạo, Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ đã xây dựng quy định cụ thể (2.4.01 - Quyết định số 1046/QĐ-CDNB ngày 05/09/2017 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế và Quyết định số 1306/QĐ-CDNB ngày 18/12/2017 Bổ sung một số Điều của Quyết định 1046/QĐ-CDNB ngày 05/09/2017 Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế; 2.4.02 - Quyết định số 825/QĐ-CDNB ngày 12/10/2020, về việc sửa đổi một số Điều của Quyết định số 1046/QĐ-CDNB ngày 05/09/2017 hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế; 2.4.03 - Quyết định số 331/QĐ-CDNBPH-VP ngày 29/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu trường CD Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc Ban hành Hướng dẫn thực hiện đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam bộ Phân hiệu tại TP.HCM; 2.4.04 - Quyết định số 433/QĐ-CDNB ngày 13/05/2022 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hệ GDNN theo niên chế). Trong năm 2021 Nhà trường hợp tác với VNPT Tiền Giang xây dựng phần mềm quản lý đào tạo và chỉ dừng lại ở giai đoạn dùng thử phần mềm (2.9.01 – Công văn số 543/CDNB-ĐT về việc đề nghị triển khai thí điểm Hệ thống thông tin Quản lý đào tạo GDNN). Hiện nay, Trường đang liên hệ với Trung tâm Công nghệ phần mềm của Trường Đại học Cần Thơ để có được quyền sử dụng phần mềm quản lý đào tạo từ Trung tâm này với yêu cầu phải tiến hành phân quyền một cách chặt chẽ trên phần mềm, đảm bảo độ bảo mật và an toàn cho các thông tin đào tạo. Dự kiến triển khai phần mềm này trong 3 giai đoạn. Trong thời gian tới khi phần mềm được đưa vào sử dụng chính thức sẽ góp phần trong việc sử dụng cơ sở dữ liệu đào tạo đạt hiệu quả cao, an toàn và bảo mật.

Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo, gồm có: xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; tuyển sinh; kiểm tra, thi, xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học; khảo sát học sinh sau tốt nghiệp; khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động; cơ sở dữ liệu về nhà giáo; cơ sở vật chất thiết bị; thư viện. Tất cả dữ liệu về các hoạt động đào tạo hiện nay Nhà trường vẫn thực hiện lưu theo đơn vị quản lý và hệ thống lưu trữ dữ liệu của văn thư (2.17.02 – Hồ sơ lưu trữ của văn thư). Hằng năm, các đơn vị trực thuộc trường đều tiến hành báo cáo tổng kết công tác của đơn vị trong năm trong đó thể hiện rõ những dữ liệu liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ được giao của đơn vị (1.5.03 – Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, 2020, 2021 của các đơn vị trực thuộc Trường).

Ngoài ra, việc quản lý số liệu tốt nghiệp hàng năm còn được thực hiện trên Hệ thống tra cứu văn bằng GDNN và Phần mềm quản lý số liệu tuyển sinh, tốt nghiệp, việc làm của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (2.17.01 – <http://csdl.gdnn.gov.vn>).

Để phục vụ quản lý dữ liệu học sinh điểm số, kết quả thi tốt nghiệp, nghỉ học, kỷ luật... Từ nhiều năm nay, Phân hiệu đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý cơ sở dữ liệu đào tạo sử dụng phần mềm ccsTrain của công ty TNHH – Thương mại dịch vụ Chip Chip (2.9.05 - Hợp đồng kinh tế số 41/CCS-HĐ/2021 ngày 04/01/2021 hợp đồng nâng cấp và bảo trì phần mềm quản lý đào tạo CCSTrain giữa Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh và công ty TNHH Giải pháp công nghệ Chip Chip).

Tại cơ sở chính, kể từ năm học 2022-2023, Nhà trường đưa vào sử dụng phần mềm “Hệ thống tích hợp thông tin Quản lý đào tạo” của Trung tâm Công nghệ phần mềm trường Đại học Cần Thơ theo Hợp đồng số 95/2022/HĐ-CĐNB-CUSC. Việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu của trường sẽ được tiến hành trong 3 năm 2022, 2023 và 2024 theo hướng dẫn của các chuyên viên kỹ thuật đến từ Trung tâm Công nghệ phần mềm trường Đại học Cần Thơ.

Qua khảo sát ý kiến của HSSV và CBVC cho rằng Nhà trường có đầy đủ cơ sở dữ liệu cho các hoạt động đào tạo, tuy nhiên vì chưa áp dụng phần mềm quản lý đào tạo nên việc tra cứu cũng như sử dụng một số dữ liệu chung còn bất tiện và mất nhiều thời gian (1.10.20 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.09 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form; 1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 17, tiêu chí 2: 01 điểm

3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Đánh giá tổng quát

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ hiện có 124 CBVC (65 nam và 59 nữ), là trường có đội ngũ CBVC với trình độ chuyên môn cao. Hầu hết cán bộ làm công tác giảng dạy đều có trình độ thạc sĩ trở lên, cụ thể hiện nay trường có 90 giảng viên, hầu hết nhà giáo có trình độ thạc sĩ trở lên: 05 tiến sĩ, chiếm tỷ lệ 5,6%; 56 thạc sĩ, chiếm tỷ lệ 62,2% và 29 cử nhân đại học, chiếm tỷ lệ 32,2%.

Nhà trường đã áp dụng và có kế hoạch ban hành một số chính sách khuyến khích đội ngũ giảng viên đăng ký thi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, trau dồi khả năng ngoại ngữ, tin học nhằm hướng đến mục tiêu trường chất lượng cao. Hiện tại, trường có 36 giảng viên đạt kỹ năng nghề quốc gia bậc 3. Trong thời gian tới, dự kiến cử thêm nhiều lượt giáo viên, đặc biệt là giáo viên các ngành nghề trọng điểm, tham gia sát hạch kỹ năng nghề quốc gia bậc 3.

Để có thể quản lý CBVC, người lao động toàn trường, nhà trường đã ban hành và tổ chức thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch, khách quan các quy định về tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức

và người lao động. Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tạo điều kiện cho CBVC, người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn.

Hàng năm, toàn thể cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của Trường được đánh giá, phân loại viên chức, từ đó chỉ ra các mặt mạnh để phát huy, mặt yếu kém để khắc phục, đồng thời có chính sách khen thưởng, động viên những viên chức có thành tích trong công việc.

Ban Giám hiệu và đội ngũ cán bộ quản lý đạt chuẩn, được bổ nhiệm theo đúng quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều lệ trường cao đẳng.

*** Những điểm mạnh:**

Nhà trường có đầy đủ quy định, hướng dẫn về thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định; Có chế độ khuyến khích nhà giáo học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Tập thể cán bộ công chức viên chức của Nhà trường am hiểu về pháp luật; nói và làm theo chủ trương chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tập thể đoàn kết, tất cả vì sự nghiệp chung, tâm huyết với sự phát triển của Nhà trường.

Số lượng CBVC của Nhà trường đủ về số lượng và chất lượng đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu và sứ mạng của Trường.

Đội ngũ CBQL có ý thức trách nhiệm cao trong nhiệm vụ lãnh đạo.

*** Những hạn chế:**

Số lượng giảng viên, giáo viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên chiếm tỉ lệ cao. Tuy nhiên, số giáo viên, giảng viên này tuổi đời còn trẻ nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và quản lý.

Tỷ lệ giáo viên, giảng viên đạt chuẩn theo quy định về chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội còn chưa cao.

Một vài viên chức có tính ì, an phận, năng lực hạn chế, không chịu vươn lên; viên chức mới tuyển dụng còn thiếu kinh nghiệm và bản lĩnh trong công việc.

Nguồn kinh phí đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ viên chức còn hạn chế.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Nhà trường đã cử một số cán bộ viên chức học Trung cấp chính trị.

Tiếp tục rà soát, lập kế hoạch để chuẩn hóa trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho CBVC nhằm đáp ứng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điểm đánh giá tiêu chí 3:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	15
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trên cơ sở các văn bản pháp luật của Nhà nước và của Bộ NN&PTNT, Nhà trường đã ban hành đầy đủ các văn bản quy định về tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức. Cụ thể:

- Nhà trường đã ban hành quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng viên chức được nêu tại chương VI Quy định về tuyển dụng viên chức (3.1.01 - Quy định hoạt động Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.3.02 - Quyết định số 238/QĐ-CĐNB ngày 15/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường).

- Hàng năm Nhà trường xây dựng Kế hoạch quy hoạch cán bộ lãnh đạo đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu cho từng năm (3.1.02 - Kế hoạch quy hoạch cán bộ từ năm 2019 đến năm 2021).

- Việc phân loại đánh giá nhà giáo hằng năm được thực hiện theo TT 08/2017/TT-BLĐT BXH ngày 10/03/2017 và Thông tư số 21/2020/TT-BLĐT BXH ngày 30/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐT BXH (3.1.03 – Hướng dẫn số 912/HD-CĐNB, ngày 10/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, Đánh giá xếp loại nhà giáo).

- Đánh giá xếp loại chất lượng viên chức thực hiện theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 và Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính Phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức. Căn cứ vào những văn bản hướng dẫn, hàng năm Nhà trường đều xây dựng những hướng dẫn để cụ thể hóa trong việc thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá (3.1.04 - *Hướng dẫn đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021 - 2022*).

- Bên cạnh đó, Nhà trường còn vận dụng Thông tư 08/2018/TT-BNNPTNT ngày 06/08/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động. Công tác này được Nhà trường triển khai theo hình thức đánh giá theo từng tháng, cuối mỗi học kỳ, năm học Nhà trường sẽ tổ chức họp Hội đồng thi đua khen thưởng để đánh giá chung cho học kỳ và năm học (3.1.05 - *Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng*; 3.1.06 – *Quyết định công nhận danh hiệu thi đua học kỳ II và năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022*; 3.1.07 – *QĐ 348-CDNBPH-VP ngày 23/7/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức và lao động hợp đồng năm học 2020-2021*).

Những tiêu chí để đạt danh hiệu lao động được cụ thể hóa và công bố công khai trong Quy định về hoạt động của Trường hàng năm (3.1.01 - *Quy định hoạt động Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2019, 2020, 2021*; 3.1.08 - *Quyết định số 101/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 01/02/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TPHCM về việc ban hành Quy định thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ*; 3.1.09 - *Quyết định số 98/QĐ-CDNBPH-VP ngày 01/2/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TPHCM về việc Ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng*). Hàng năm, thông qua Hội nghị CBVC mà quy định này được chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp (2.10.04 – *Biên bản họp giao ban trong năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: *Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Số lượng CCVC Trường được quản lý bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; căn cứ vào Quyết định giao số lượng người làm việc của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (3.2.01 - *Quyết định về việc giao số lượng người làm việc trong các đơn*

vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2021), Nhà trường rà soát những vị trí việc làm để có kế hoạch bổ sung số lượng phù hợp.

Để tuyển dụng, Nhà trường đều có kế hoạch, quy trình về tuyển dụng viên chức đúng theo quy định, theo yêu cầu phát triển của từng đơn vị (3.2.02 - Kế hoạch Tuyển dụng viên chức năm 2019, 2020, 2021, 2022). Công tác tuyển dụng được thực hiện thông qua Hội đồng tuyển dụng của Nhà trường. Hội đồng làm việc đảm bảo đúng quy định trên tinh thần công khai, minh bạch và khách quan (3.2.03 – Công văn số 4213/BNN-TCCB ngày 04/06/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hợp nhất Trường Trung cấp Thủy sản và Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ). Do đó Nhà trường không tổ chức tuyển dụng viên chức.

Nhà trường luôn tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người lao động tham gia bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn hoặc nghiệp vụ. Nhà trường luôn chú trọng đến hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ của CBVC (3.2.04 - Các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBCCVC từ năm 2019 đến năm 2021). Chính vì vậy, việc phân công công tác luôn dựa vào trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực công tác của đội ngũ công chức, viên chức, đảm bảo sử dụng đúng theo yêu cầu về trình độ chuyên môn đồng thời phát huy được năng lực riêng của mỗi cá nhân.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức hoạt động của Nhà trường, hàng năm Nhà trường đều tổ chức rà soát quy hoạch cán bộ quản lý, (3.1.02 – Kế hoạch Quy hoạch cán bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022; 3.2.06 - Quyết định số 592/QĐ-CDNB ngày 8/5/2019 của Hiệu trưởng Công nhận danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu giai đoạn 2016-2021 và giai đoạn 2021-2026 (rà soát bổ sung năm 2019); 3.2.07 - Quyết định số 259/QĐ-CDNB ngày 16/3/2020 của Hiệu trưởng Công nhận danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu giai đoạn 2016-2021 và giai đoạn 2021-2026 (rà soát bổ sung năm 2020); 3.2.08 - Quyết định số 354/QĐ-CDNB ngày 23/4/2021 của Hiệu trưởng Công nhận danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu năm 2021 và giai đoạn 2021-2026 (rà soát bổ sung năm 2021).

Việc phân loại đánh giá nhà giáo thực hiện theo TT 08/2017/ TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017, Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và đánh giá phân loại cán bộ, công viên chức, viên chức theo Nghị định 56/NĐ-CP ngày 9/6/2015 và công 8674/BNN-TCCB ngày 22/10/2015 của Bộ nông nghiệp và PTNT. Sau khi kết thúc năm học hay năm hành chính, Nhà trường đều gửi hướng dẫn đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và thông báo rộng rãi đến từng đơn vị để tổ chức thực hiện. Sau khi thực hiện đánh giá, Nhà trường sẽ thông báo kết quả đến từng CBVC toàn trường (3.1.03 – Hướng dẫn số 912/HD-CDNB, ngày 10/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, Đánh giá xếp loại nhà giáo; 3.1.04 – Hướng dẫn đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021 - 2022; 3.2.09 – Thông báo Kết quả đánh giá,

xếp loại chất lượng viên chức năm học 2019 -2020, 2020-2021, 2021-2022; 3.2.10 - Báo cáo số 1186/BC-CDNB ngày 27/12/2020 của Hiệu trưởng về kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2019-2020; 3.2.11 - Báo cáo số 1033/BC-CDNB ngày 24/12/2021 của Hiệu trưởng về kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2020-2021).

Nhà trường đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách lao động tiền lương, thực hiện các chế độ ưu đãi của Nhà nước, của Nhà trường cho toàn thể CBVC (3.2.12 – *Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định năm 2019, 2020, 2021).*

Nhà trường luôn có chủ trương, kế hoạch và tổ chức triển khai tốt và nghiêm túc các quy định có liên quan về công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động; Thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Tất cả các hoạt động trên khi kết thúc Nhà trường đều có báo cáo kết quả về cơ quan chủ quản theo đúng yêu cầu và quy định (3.2.13 – *Báo cáo số 639/BC-CDNB, ngày 19/8/2021 báo cáo thành tích tập thể Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2020-2021; 3.2.14 – Báo cáo số 755/BC-CDNB, ngày 20/8/2020 báo cáo thành tích tập thể Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2019-2020).*

Ý kiến CBVC toàn trường về công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động thể hiện trong Bảng thống kê kết quả khảo sát ý kiến CBVC (1.1.09 - *Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form; 1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022)* và thể hiện qua Hội nghị công chức viên chức, người lao động hàng năm (3.2.15 – *Nghị quyết Hội nghị công chức viên chức năm 2019, 2020, 2021, 2022).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hiện nay, Nhà trường đang rà soát đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo Thông tư 08/2017/ TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các viên chức gián tiếp phục vụ đào tạo theo từng chức danh, vị trí việc làm.

Kết quả rà soát cho thấy hầu hết các cán bộ giảng dạy của Trường đều đạt tiêu chuẩn về chuyên môn và nghiệp vụ. Số nhà giáo đảm bảo đạt chuẩn về kỹ năng nghề bậc 3 để tham gia dạy thực hành và tích hợp theo Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017 được nâng lên đáng kể (khoảng 49,28% vào năm 2021). Về trình độ chuyên môn, Nhà trường đảm bảo 100% nhà giáo của trường có trình độ chuyên môn

đáp ứng yêu cầu (100% nhà giáo có trình độ đại học trở lên). Trình độ ngoại ngữ của nhà giáo được yêu cầu cập nhật lại theo khung ngoại ngữ 6 bậc và tính đến thời điểm hiện tại có 100 % nhà giáo giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ từ bậc 2 trở lên. Trình độ tin học của đội ngũ nhà giáo cũng đảm bảo để có thể ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, theo đó trình độ tin học của đội ngũ nhà giáo đạt trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương (3.3.01 - *Danh sách trích ngang nhà giáo của trường có các thông tin về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng nghề hoặc tương đương*).

Nhà trường đang tạo điều kiện để số nhà giáo còn lại tham gia các lớp học bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định. Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý nhà giáo theo từng chức danh, chức vụ cụ thể theo từng đơn vị. Việc quản lý được thực hiện theo Luật công chức 2008, Luật viên chức 2010 sửa đổi bổ sung năm 2019, Nghị định 29/NĐ-CP ngày 12/4/2012 và Nghị định 115/NĐ-CP ngày 25/09/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (3.3.02 – *Hồ sơ quản lý nhà giáo*).

Năm học 2020-2021, Trường liên hệ hợp tác với Trường Đại học SPKT Vinh để cử giáo viên tham gia học lớp bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hạng 2 (3.3.03 – *Quyết định số 587/QĐ-ĐHSPKT ngày 12/10/2020 về việc Mở lớp Bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp. Chứng chỉ bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hạng 2*).

Năm 2021, Nhà trường đã cử một số nhà giáo thuộc lĩnh vực thú y và bảo vệ thực vật, quản trị cơ sở dữ liệu, sửa chữa máy tàu thủy tiếp tục tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghề, tham gia kỳ đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia để hoàn thành tiêu chuẩn dạy thực hành và tích hợp theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: *Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên trường cao đẳng được Nhà trường quy định trong Quy chế tổ chức hoạt động của Trường và lấy đó làm cơ sở để quy định nghĩa vụ cũng như đảm bảo được quyền lợi cho cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên Nhà trường (3.1.01. *Quy định hoạt động Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022*; 3.4.01 - *Quyết định số 327/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 29/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TPHCM về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ Phân hiệu tại TPHCM*).

Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động, Trường đã xây dựng nhiều nội quy quy định cho các hoạt động của Trường như Nội quy làm việc, Nội quy phòng học, Nội quy Ký túc xá, Nội quy Thư viện (3.4.02 – *Nội quy phòng học*; 3.4.03 – *Nội quy Ký túc xá*; 3.4.04 – *Nội quy Thư viện*; 3.4.05 – *Quyết định số 148/QĐ-CDNBPH-VP ngày 01/3/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TPHCM về việc ban hành Nội quy tiếp công dân của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TPHCM*; 3.4.06 – *Quyết định số 149/QĐ-CDNBPH-VP ngày 01/3/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc ban hành Nội quy ra vào cổng của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM*). Theo đó, cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và HSSV của Nhà trường đã nghiêm chỉnh chấp hành và thực hiện rất tốt. Những năm qua không có trường hợp nào vi phạm pháp luật cũng như làm trái chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, các quy định, nội quy của Trường. Đội ngũ nhà giáo nghiêm chỉnh chấp hành quy chế đào tạo, thực hiện đủ khối lượng giảng dạy theo quy định, không ngừng học tập nâng cao trình độ, thường xuyên tu dưỡng rèn luyện đạo đức, tác phong, đảm bảo phẩm chất, danh dự của nhà giáo. Việc này được định kỳ kiểm tra thông qua phiếu đánh giá cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên hàng tháng (3.4.07 – *Phiếu đánh giá cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên hàng tháng*) và họp xét thi đua khen thưởng sau mỗi học kỳ (3.1.06 - *Quyết định công nhận danh hiệu thi đua học kỳ II và năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022*; 3.15.01- *Danh sách CBVC Nhà trường*; 3.10.01- *Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, 2020, 2021 của Trường*; 3.3.02- *Hồ sơ quản lý nhà giáo*; 3.13.01- *Hồ sơ cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm*).

Quyền lợi của cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên cũng được quy định rõ ràng trong Quy định hoạt động của Trường từng năm như: chế độ nghỉ phép, nghỉ hè, lễ, tết, thanh toán các khoản đi công tác, đi học, làm dư giờ, chế độ phụ cấp ưu đãi cho giảng viên, bảo hiểm, chế độ tham quan học tập ở nước ngoài, nâng bậc lương trước thời hạn,... Ngoài ra, cán bộ quản lý, giảng viên và viên chức của Trường còn được đảm bảo quyền dân chủ thông qua các hội nghị với sự tham gia của toàn thể cán bộ, viên chức Nhà trường: Hội nghị công chức, viên chức được tổ chức hằng năm nhằm xây dựng phương hướng hoạt động, chỉ tiêu thi đua của năm học (3.2.15 - *Nghị quyết Hội nghị công chức viên chức năm 2019, 2020, 2021, 2022*). Hội nghị giao ban hàng tháng đánh giá hoạt động trong tháng và xây dựng kế hoạch trọng tâm tháng tiếp theo của Trường và cụ thể cho từng Phòng, Khoa, Bộ môn (2.10.04 – *Biên bản họp giao ban trong năm 2019, 2020, 2021*). Ban thanh tra nhân dân được Hội nghị cán bộ viên chức bầu ra đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ; có kế hoạch thanh tra, báo cáo định kỳ và báo cáo hằng năm (1.11.04 – *Báo cáo số 08/BC-TTrND, ngày 14/01/2021 của Ban thanh tra nhân dân báo cáo hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2020*; 1.11.05 – *Báo cáo số 06/BC-TTrND, ngày 10/01/2019 của Ban thanh tra nhân dân báo cáo hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2019*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Đến 30/06/2022 Nhà trường có tổng số là 90 giảng viên, giáo viên cơ hữu đáp ứng hoàn toàn khối lượng chương trình đào tạo của mỗi ngành. Để đáp ứng nhu cầu thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học, Nhà trường đã tuyển dụng bổ sung giảng viên, đồng thời bồi dưỡng và cử đi học cao học đội ngũ giảng viên trẻ. (3.3.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo của trường có các thông tin về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng nghề hoặc tương đương).

Nhà trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi đảm bảo đạt chuẩn theo quy định trong Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ về việc quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề. Năm 2019, tổng số học sinh và sinh viên quy đổi là 1116, tổng số giảng viên quy đổi là 71 tỷ lệ quy đổi học sinh, sinh viên/giảng viên là 15,65. Năm học 2020, tổng số học sinh và sinh viên quy đổi là 1468, tổng số giảng viên quy đổi là 101, tỷ lệ quy đổi học sinh, sinh viên/giảng viên là 14,45. Năm học 2021, tổng số học sinh và sinh viên quy đổi là 1896, tổng số giảng viên quy đổi là 125 tỷ lệ quy đổi học sinh, sinh viên/giảng viên là 15,11. (3.5.06 - Bảng tính tỷ lệ học sinh, sinh viên/ giảng viên).

Tỷ lệ giáo viên có trình độ sau đại học: trên 67,8% trong khi quy định chuẩn là không ít hơn 30% tổng số giáo viên, giảng viên. Như vậy, Trường cũng đạt được quy định về tiêu chuẩn này.

Chế độ làm việc của nhà giáo được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Trường được ban hành theo từng năm (1.3.05 - QĐ số 141/QĐ-CDNB ngày 19/2/2021 Quyết định ban hành quy định hoạt động Trường năm 2021) và chế độ làm việc của nhà giáo tại Phân hiệu (3.5.01 - Quyết định số 100/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 01/02/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp tại Tp. Hồ Chí Minh ban hành quy định chế độ làm việc của nhà giáo tại Phân hiệu). Căn cứ vào quy định trên, đầu mỗi năm học Nhà trường tiến hành phân công giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo đảm bảo thực hiện đúng chế độ về giờ dạy, môn học phụ trách phù hợp chuyên môn (2.4.05 - Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên; 2.4.06 - Kế hoạch đào tạo; 2.4.07 - Kế hoạch giáo viên; 2.4.08 - Tiến độ đào tạo năm học; 2.4.09 - Lịch học toàn khóa).

Cuối mỗi năm học Nhà trường đều tiến hành nghiệm thu khối lượng giảng dạy của giáo viên làm cơ sở để xét thi đua và thanh toán vượt giờ nếu có (3.5.02 - Bảng nghiệm thu khối lượng giảng dạy năm học 2020 - 2021; 3.5.03 - Bảng thanh toán vượt giờ năm học 2020 - 2021).

Ngoài nhiệm vụ giảng dạy, đội ngũ nhà giáo còn tham gia nhiều hoạt động khác theo chức năng và nhiệm vụ của mình như: tham gia công tác tuyển sinh, nghiên cứu

khoa học, tham gia coi thi, chấm thi kết thúc môn học,...(3.5.04 – Kế hoạch coi thi trong năm 2019, 2020, 2021, 2022; 3.5.05 – Kế hoạch hướng nghiệp tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ vào tiêu chuẩn nhà giáo được quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 và Điều 6 (đối với nhà giáo dạy trình độ sơ cấp); Điều 17, Điều 18, Điều 19 và Điều 20 (đối với nhà giáo dạy trình độ trung cấp); Điều 32, Điều 33, Điều 34 và Điều 35 (đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng) của Thông tư 08/2017/TT-BLĐTĐBXH thì đội ngũ giảng viên, giáo viên của Nhà trường đảm bảo đạt trình độ chuẩn theo quy định (3.3.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo của trường có các thông tin về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng nghề hoặc tương đương).

Căn cứ vào chương trình đào tạo đã được phê duyệt (2.5.01 – Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020) và kết quả xét tiến độ học tập của phòng Đào tạo & KHCN (2.5.02 - Quyết định số 757/QĐ-CĐNB-ĐT ngày 19/09/2019 điều chỉnh tiến độ học sinh/sinh viên cao đẳng khóa 10, 11 và trung cấp khóa 32 năm 2019; 2.5.03 - Quyết định số 954/QĐ-CĐNB ngày 09/11/2020 công nhận Kết quả xét tiến độ học tập trong năm 2020; 2.5.04 - Quyết định số 1047/QĐ-CĐNB&KHCN ngày 28/12/2021 công nhận tiến độ học tập cho sinh viên, học sinh cao đẳng và trung cấp), đầu mỗi năm học các Khoa thực hiện phân bổ môn học/ mô đun và phân công giáo viên giảng dạy cho năm. Nội dung các kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập, phù hợp với các chương trình đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo của Trường (2.4.09 - Lịch học toàn khóa; 2.4.05 - Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên).

Tại Phân hiệu, tổ chức đào tạo theo phương thức “đào tạo theo niên chế” với các lớp học vào các buổi, thứ Bảy và Chủ nhật hàng tuần, các lớp đào tạo tại địa phương nhằm đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng nguyện vọng của người học. Tất cả các lớp đều có kế hoạch đào tạo cụ thể được xây dựng vào đầu mỗi năm học, thời khóa biểu được sắp xếp dự trên kế hoạch đào tạo đầu năm và được công bố công khai cho nhà giáo và HSSV theo dõi và thực hiện (2.5.05 – Bộ Quyết định Ban hành chương trình đào tạo năm 2020 tại Phân hiệu).

Các giảng viên-giáo viên giảng dạy theo đúng kế hoạch đào tạo cho từng ngành nghề đào tạo, theo đúng kế hoạch đào tạo cho từng học kỳ, năm học, theo đúng thời khóa biểu của Trường (2.4.05 - Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên; 2.6.01 - Thời khóa biểu các tuần trong năm học 2019 – 2020; 2020 - 2021; học kỳ I (2021-2022)). Khi lên lớp các giảng viên-giáo viên có đầy đủ các loại sổ quản lý đào

theo quy định như: sổ lên lớp, giáo án (đã được tổ môn/phòng/khoa phê duyệt trước khi lên lớp), sổ tay nhà giáo (2.6.02 - Sổ lên lớp; 2.6.03 – Sổ tay và giáo án nhà giáo).

Căn cứ vào chương trình đào tạo, giáo viên soạn bài giảng để đảm bảo mục tiêu và nội dung đề ra. Điều này được thể hiện rất rõ ràng thông qua giáo án lên lớp và bài giảng điện tử cũng như sổ tay lên lớp của giáo viên. Định kỳ vào cuối mỗi học kỳ, tất cả hồ sơ giảng dạy của nhà giáo bao gồm sổ lên lớp, giáo án, sổ tay giáo viên, bài giảng điện tử đều được Phòng Đào tạo & KHCN kiểm tra và lưu trữ theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định

Những chính sách, biện pháp và việc thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy được thông qua hội nghị cán bộ viên chức và đưa vào trong quy định về hoạt động của Trường hằng năm. Trong quy định thể hiện rõ những quyền lợi và chính sách hỗ trợ cho việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đổi mới phương pháp giảng dạy. Bên cạnh đó, quy định cũng đơn giản hóa các thủ tục tài chính, hành chính để khuyến khích nhà giáo trong việc tự học tập và bồi dưỡng trình độ của bản thân (1.3.05 – QĐ số 141/QĐ-CDNB ngày 19/2/2021 Quyết định ban hành quy định hoạt động Trường năm 2021).

Tại Phân hiệu thực hiện chế độ khuyến khích công chức, viên chức, người lao động học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, như: quy định về định mức đơn giá theo trình độ (điều 5); chi chế độ hỗ trợ học tập, nâng cao trình độ (điều 9) (1.3.04 - Quyết định số 96/QĐ-CDNBPH ngày 01/02/2021 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021).

Năm học 2020-2021, Trường liên hệ hợp tác với Trường Đại học SPKT Vinh để cử giáo viên tham gia học lớp bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hạng 2 (3.3.03 - Quyết định số 587/QĐ-ĐHSPKT ngày 12/10/2020 về việc Mở lớp Bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp. Chứng chỉ bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hạng 2). Năm học 2020 - 2021, Nhà trường đã cử một số nhà giáo học bồi dưỡng kỹ năng nghề: Thú y, bảo vệ thực vật, vận hành và sửa chữa thiết bị lạnh, quản trị cơ sở dữ liệu, sửa chữa máy tàu thủy để hoàn thành tiêu chuẩn dạy thực hành và tích hợp theo quy định (3.3.02 - Hồ sơ quản lý nhà giáo).

Đầu mỗi năm, Phòng Tổ chức - Hành chính và Quản trị lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nhà giáo trình Ban giám hiệu thông qua và công bố rộng rãi để nhà giáo, viên chức đăng ký làm cơ sở để thực hiện công tác đào tạo bồi dưỡng nhà giáo trong năm

(3.7.01 – Kế hoạch số 1187 /KH – CĐNB của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021-2025).

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo được Ban Giám hiệu Nhà trường đặc biệt quan tâm, Trường luôn tạo điều kiện cho cán bộ, viên chức, giáo viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Hàng năm đều có kế hoạch cử giáo viên, viên chức tham gia các khóa tập huấn về chuyên môn hay nghiệp vụ do các cơ quan có thẩm quyền tổ chức.

Báo cáo tổng kết hàng năm của các đơn vị trực thuộc trường có thể hiện nhu cầu bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua nội dung của phương hướng hành động cho năm sau (1.5.02 – Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, 2020 của các đơn vị trực thuộc Trường).

Ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và viên chức về các chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học được thể hiện qua phiếu lấy ý kiến khảo sát (1.1.09 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form; 1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022) qua các cuộc họp giao ban giữa lãnh đạo đơn vị và Ban Giám hiệu, qua các cuộc họp đơn vị và qua hội nghị công chức, viên chức hàng năm (3.2.15 - Nghị quyết Hội nghị công chức viên chức năm 2019, 2020, 2021, 2022; 2.10.04 – Biên bản họp giao ban trong năm 2019, 2020, 2021; 3.8.03- Danh sách nhà giáo, CBVC được cử đi học tập bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng nghề, phương pháp giảng dạy năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch cử một số nhà giáo và CBVC tham gia học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ (3.2.04 - Các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBCCVC từ năm 2019 đến năm 2021).

Nhà trường rất quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ một mặt nhằm đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn của nhà giáo mặt khác khi trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề và phương pháp giảng dạy của nhà giáo được nâng lên sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Trong những năm qua, Nhà trường đã tạo điều kiện và có chế độ chính sách ưu đãi về thời gian, khen thưởng đối với nhà giáo, CBVC đi học tập, bồi dưỡng; qua đó đội ngũ nhà giáo ngày càng đổi mới phương pháp sư phạm, hướng dẫn các em HSSV học tập tốt, rèn luyện tốt (3.8.03 - Danh sách

nhà giáo, CBVC được cử đi học tập bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng nghề, phương pháp giảng dạy năm 2019, 2020, 2021).

Hầu hết giảng viên được cử tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn đều được đơn vị tập huấn cấp chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận sau khi hoàn thành khóa học và nộp về bổ sung vào hồ sơ công chức, viên chức được lưu tại Phòng TCHC&QT (3.3.02 - Hồ sơ quản lý nhà giáo).

Ngoài việc giáo viên được cử đi học, tham gia các lớp tập huấn, bản thân mỗi giáo viên chủ động tham gia các buổi tọa đàm, tập huấn để cập nhật kiến thức, kỹ năng (3.8.04 - Chứng nhận tham gia Hội thảo Chuyển đổi số giảng dạy kế toán trong bối cảnh đào tạo từ xa năm 2021).

Bên cạnh đó, hàng năm Khoa tham gia dự giờ các giáo viên trong khoa, vừa góp ý bài giảng để nâng cao chất lượng giảng dạy, vừa đảm bảo giáo viên luôn dạy đúng tiến độ, giáo án đã duyệt (3.8.05 - Kế hoạch số 190/KH-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 22/3/2021 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về Kế hoạch Tổ chức chương trình Hội giảng Nhà giáo GDNN cấp cơ sở Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ - Phân hiệu tại TP.HCM năm 2021; 3.8.06 - Hồ sơ giáo án, bài giảng của giáo viên tham gia Hội giảng năm 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường luôn chú trọng đến việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn và cập nhật kiến thức cho đội ngũ nhà giáo của Trường, như nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng chính trị sơ cấp, trung cấp, cao cấp về lý luận chính trị, định kỳ cử CCVC đi tập huấn các công nghệ cao, học tập các phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định đặc thù của ngành (3.3.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo của trường có các thông tin về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng nghề hoặc tương đương).

Căn cứ theo quy định tại Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH về chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường đã vận dụng và quy định khối lượng công tác này trong Quy định chung về hoạt động của Nhà trường (1.3.05 - QĐ số 141/QĐ-CĐNB ngày 19/2/2021 Quyết định ban hành quy định hoạt động Trường năm 2021). Hằng năm, nhà giáo được sắp xếp thời gian để tham gia tập huấn, học tập, thực hành tại các cơ sở sản xuất, các đơn vị sử dụng lao động nhằm cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất mới áp dụng vào công tác giảng dạy của mình (3.9.01 - Quyết định số 589/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 01/10/2020 về việc cử giáo viên thực tập doanh nghiệp năm học 2020 – 2021; 3.9.02 - Báo cáo, nhật ký thực

tập doanh nghiệp của giáo viên; 3.9.03 - Bảng thống kê nhà giáo thực tập tại Doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021).

Hoạt động này của giáo viên được kết hợp với thời gian hướng dẫn thực tập của HSSV tại doanh nghiệp và thời gian tham gia dẫn đoàn HSSV thực tập môn học, tham quan tại doanh nghiệp. Hằng năm, Phòng Đào tạo & KHCN của Nhà trường có nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc và nghiệm thu số giờ thực hiện của giáo viên. Đây cũng là tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét thi đua năm học cho CBGV. Trong mỗi đợt thực tập, giáo viên luôn theo sát học sinh để hướng dẫn bên cạnh đó giáo viên cũng được tiếp cận với tình hình thực tế tại đơn vị sử dụng lao động nhằm cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành (2.7.01 – Các Quyết định thực tập cho HSSV năm học 2021-2022 ở cơ sở chính; 2.7.02 – Các Quyết định Phân công giảng viên hướng dẫn và học sinh đủ điều kiện thực tập tốt nghiệp năm học 2021 – 2022 – Phân hiệu).

Đối với Khoa Kinh tế tại Phân hiệu, hàng năm giáo viên Khoa tham dự các hội thảo, đặc biệt là các hội thảo được tổ chức tại Misa, sau mỗi hội thảo, kho tài liệu của Khoa được bổ sung nhiều tài liệu mới, cập nhật được các thông tin mới trong ngành Kế toán.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, Nhà trường đều có thông qua báo cáo tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo của đội ngũ nhà giáo, kết quả được học tập bồi dưỡng của đội ngũ nhà giáo (1.6.08 – Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, 2020, 2021 của Trường); đề ra phương hướng đào tạo cho những năm tiếp theo được đưa vào trong quyết nghị của Hội nghị viên chức hằng năm (3.2.15 - Nghị quyết Hội nghị công chức viên chức năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định

Được sự chỉ đạo sát sao của Ban cán sự Đảng Bộ NN-PTNT về việc bổ nhiệm các chức danh, chức vụ Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, nên Ban Giám hiệu Nhà trường đều đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về quản lý như: hoàn thành lớp cán bộ quản lý nhà nước, lớp cao cấp lý luận chính trị, trình độ về chuyên môn, các chứng chỉ ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ sư phạm. Hiện nay trường có 1 Hiệu trưởng và 3 Phó Hiệu trưởng giúp việc cho Hiệu trưởng, cụ thể:

Hiệu trưởng Nguyễn Tiến Huyền sinh năm 1975 có trình độ chuyên môn là thạc sĩ, trình độ ngoại ngữ đạt B2, tin học cơ bản, cao cấp lý luận chính trị, có chứng chỉ quản lý nhà nước cấp vụ và tương đương, thành tích trong công tác hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được tái bổ nhiệm vào tháng 5 năm 2021 (3.11.01 - Quyết định số 2392/QĐ-BNN-TCCB, ngày 31/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bổ nhiệm cán bộ).

Phó Hiệu trưởng Nguyễn Văn Cồn sinh năm 1963, trình độ chuyên môn: Thạc sĩ, trình độ ngoại ngữ A2, tin học cơ bản, cao cấp lý luận chính trị, thành tích trong công tác: hoàn thành tốt nhiệm vụ, được tái bổ nhiệm vào năm 2020 (3.11.02 - Quyết định số 408/QĐ-BNN-TCCB, ngày 13/2/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bổ nhiệm cán bộ).

Phó Hiệu trưởng Trần Thị Thu Bình sinh năm 1972, trình độ chuyên môn: Thạc sĩ, trình độ ngoại ngữ B1, trình độ tin học căn bản, cao cấp lý luận chính trị, có chứng chỉ quản lý nhà nước cấp vụ và tương đương, thành tích trong công tác: Hoàn thành tốt nhiệm vụ, được bổ nhiệm vào năm 2020 (3.11.03 - Quyết định số 414/QĐ-BNN-TCCB, ngày 13/2/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bổ nhiệm cán bộ).

Phó Hiệu trưởng Trần Văn Tám sinh năm 1974, trình độ chuyên môn: thạc sĩ, ngoại ngữ B1, tin học cơ bản, cao cấp lý luận chính trị, có chứng chỉ quản lý nhà nước cấp vụ và tương đương, thành tích trong công tác: Hoàn thành tốt nhiệm vụ, được bổ nhiệm vào năm 2021 (3.11.04 - Quyết định số 138/QĐ-BNN-TCCB, ngày 11/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bổ nhiệm cán bộ).

Hồ sơ của Ban giám hiệu được lưu trữ tại phòng Tổ chức -Hành chính và Quản trị theo quy định (3.11.05 – Hồ sơ Ban Giám hiệu). Trong quá trình thực thi các công việc được Đảng và Nhà nước giao, các đồng chí trong Ban Giám hiệu luôn giải quyết mọi công việc một cách công bằng, thoả đáng nên nhiều năm liền Nhà trường đều đoàn kết, thống nhất trên dưới một lòng và luôn đạt thành tích cao nhất (3.13.02 - Phiếu phân loại cán bộ quản lý).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.12: *Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường thực hiện quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với cán bộ quản lý các đơn vị trong trường theo Quyết định 2337/QĐ- BNN-TCCB ngày 10/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (3.12.01 - Quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm). Thủ tục tiến hành luôn được thực hiện đúng trình tự các bước theo quy định, sau

khi tổng hợp các kết quả, hồ sơ bổ nhiệm, miễn nhiệm gửi đi phải có đầy đủ các công văn, danh sách, biên bản cuộc họp (3.12.02 - Hồ sơ bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm năm 2019, 2020, 2021).

Trường hiện có 36 cán bộ quản lý cấp trưởng, phó tại các đơn vị trực thuộc Trường (Khoa, Phòng, Trung tâm). Trong đó số cán bộ quản lý đạt trình độ tiến sĩ là 3 người, thạc sĩ là 25 người, trình độ đại học là 08 người. Các trình độ về ngoại ngữ, tin học, chính trị, ... đều đáp ứng yêu cầu theo quy định. Ngoài ra, đội ngũ cán bộ quản lý luôn được đánh giá cao về năng lực lãnh đạo, giải quyết tốt các vấn đề trong công việc giúp việc có hiệu quả cho Ban Giám hiệu trong từng nhiệm vụ được giao cho đơn vị mình quản lý (3.12.03 – Danh sách trích ngang cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm).

Năm 2020, Phân hiệu thực hiện bổ nhiệm lại trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng khoa, phó trưởng khoa do sáp nhập trường (3.12.04 – Quyết định bổ nhiệm số 02/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 26/02/2020; 3.12.05 – Quyết định số 05/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 26/02/2020; 3.12.06 – Quyết định số 08/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 26/02/2020; 3.12.07 – Quyết định số 11/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 26/02/2020; 3.12.08 – Quyết định số 13/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 26/02/2020). Năm 2021, bổ nhiệm mới Phó trưởng khoa Kinh tế, thôi giữ chức vụ 01 trưởng khoa Tin học-Ngoại ngữ và Khoa học cơ bản; cử Phụ trách khoa Tin học-Ngoại ngữ và Khoa học cơ bản (3.12.09 – Quyết định bổ nhiệm số 757/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 28/12/2020; 3.12.10 – Quyết định số 342/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 21/7/2021; 3.12.11 – Quyết định số 343/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 21/7/2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.13: *Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, Nhà trường luôn có kế hoạch rà soát danh sách cán bộ thuộc diện bổ nhiệm vào các chức danh, chức vụ trưởng, phó đơn vị trực thuộc để có kế hoạch bồi dưỡng về quản lý nhà nước, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu phát triển chung của Nhà trường và nhằm tham mưu cho Ban Giám hiệu về công việc được phân công quản lý tốt hơn.

Hiện Nhà trường có 36 cán bộ quản lý, tất cả đều đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ chính trị, quân sự theo quy định (3.12.03 – Danh sách trích ngang cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm).

Hồ sơ của đội ngũ cán bộ quản lý cấp phòng, khoa, trung tâm có đầy đủ và được lưu tại phòng Tổ chức - Hành chính và Quản trị theo quy định (3.13.01 – Hồ sơ cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm).

Chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa, bộ môn và đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng (1.1.02 - Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 9 tháng 12 năm 2019, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ; 3.4.01 - Quyết định số 327/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 29/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TP HCM về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ Phân hiệu tại TP HCM).

Hàng năm, thông qua báo cáo tổng kết hoạt động của đơn vị, phiếu đánh giá cán bộ quản lý, Nhà trường tiến hành đánh giá, phân loại cán bộ quản lý (3.13.02 – Phiếu phân loại cán bộ quản lý; 1.5.03 – Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, 2020, 2021 của các đơn vị trực thuộc Trường). Thông qua hoạt động này, Nhà trường kiểm tra việc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao của các cán bộ quản lý, đảm bảo đội ngũ cán bộ quản lý thực hiện đúng và có hiệu quả các phần việc và nhiệm vụ được giao (3.13.03 – Danh sách CBQL toàn trường năm 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.14: Hàng năm trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định

Cán bộ quản lý là một trong những đội ngũ kế thừa góp phần quan trọng trong sự nghiệp phát triển của Nhà trường. Vì vậy có thể nói công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ này là nhiệm vụ hàng đầu được Đảng ủy, Ban Giám hiệu quan tâm. Hàng năm, Nhà trường đều có triển khai kế hoạch đào tạo, kế hoạch bồi dưỡng nâng cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý theo yêu cầu phát triển chung của Nhà trường như: nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng lý luận chính trị, chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, ngoại ngữ, tin học... Hiện nay đội ngũ cán bộ quản lý của trường hầu hết có trình độ sau đại học, trình độ Trung cấp chính trị và tham gia đầy đủ các khóa tập huấn quân sự theo quy định (3.12.03 – Danh sách trích ngang cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm).

Nhà trường có đầy đủ văn bản về việc cử cán bộ quản lý tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ (3.14.01 – Quyết định số 826/QĐ-CĐNB, ngày 10/10/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cử giảng viên tham gia lớp bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng II; 3.14.02 – Quyết định số 702/QĐ-CĐNB, ngày 24/8/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cử CCVC tham gia khóa học Cao đẳng khai thác, đánh bắt hải sản; 3.14.03 – Quyết định số 754/QĐ-CĐNB, ngày 27/10/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ phân công cán bộ chỉ huy phó tham gia tập huấn năm 2021; 3.14.04 – Quyết định số 352/QĐ-CĐNB, ngày 25/5/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cử cán bộ tham dự Hội nghị tập huấn triển khai

chương trình mỗi xã hội một sản phẩm; 3.14.05 – Quyết định số 947/QĐ-CĐNB, ngày 22/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cử cán bộ tham dự Hội nghị tập huấn triển khai chương trình mỗi xã hội một sản phẩm; 3.14.06 – Quyết định số 751/QĐ-CĐNB, ngày 8/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cử cán bộ tham dự các khóa bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp vụ và tương đương năm 2020; 3.14.07 – Quyết định số 851/QĐ-CĐNB, 14/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cử cán bộ tham dự lớp bồi dưỡng “nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp”; 3.14.08 – Quyết định số 855/QĐ-CĐNB, 14/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cử cán bộ tham dự lớp bồi dưỡng “nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp”; 3.14.09 – Quyết định số 603/QĐ-TCTS-HC ngày 08/10/2019 của Hiệu trưởng Trung cấp Thủy sản về việc cử viên chức học lớp Đào tạo bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng; 3.14.10 – Quyết định số 451/QĐ-TCTS-HC ngày 14/8/2019 Cử viên chức học Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính).

Theo thống kê số liệu từ năm 2014 đến năm 2021, có 200 lượt CBVC được cử đi học các lớp bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ (3.8.03 - Danh sách cán bộ quản lý được cử đi học tập bồi dưỡng năm 2019, 2020, 2021).

Qua kết quả khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động hằng năm, hầu hết đều đồng ý rằng trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý (1.1.09 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form; 1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.15: *Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Tính đến thời điểm hiện tại, *Đội ngũ viên chức, người lao động của trường* 23 người trong đó trình độ Đại học: 16 (69,57%); Cao đẳng: 4 (17,39 %); Trình độ khác: 3 (13,04,%). Với quy mô đào tạo theo mục tiêu và sứ mạng của Trường thì hiện tại số lượng *viên chức, người lao động* phục vụ đảm bảo đủ số lượng (3.15.01 - Danh sách trích ngang viên chức, người lao động của trường).

Hằng năm, *đội ngũ viên chức, người lao động* được Nhà trường rà soát, lập kế hoạch cho bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn hóa về văn bằng, chứng chỉ chuyên môn để đáp ứng nhu cầu công việc (3.15.02 - Danh sách viên chức, người lao động được cử đi học tập bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng nghề, phương pháp giảng dạy năm 2019, 2020, 2021; 3.2.03 - Các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng

CBCCVV từ năm 2019 đến năm 2022). Tất cả kết quả học tập của viên chức, người lao động đều được lưu trong hồ sơ viên chức, người lao động; hồ sơ viên chức, người lao động được lưu giữ tại phòng tổ chức, hành chính và quản trị.

Điểm đạt giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 3: 01 điểm

3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát

Hiện nay, Nhà trường đang đào tạo theo hướng đa ngành, đa nghề, đa cấp bậc. Chương trình đào tạo các ngành nghề của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ đều được xây dựng dựa trên chương trình khung do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội với quy trình xây dựng, thẩm định theo hướng dẫn và quy định tại Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo.

Hệ thống giáo trình và tài liệu tham khảo được biên soạn và lựa chọn đúng quy trình và phù hợp với mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng. Các chương trình đào tạo của Trường được xây dựng dựa trên sự kế thừa của các chương trình đào tạo trước đây, với sự tham gia góp ý của các giảng viên trực tiếp giảng dạy và cán bộ quản lý của Nhà trường, bám sát với thực tế sản xuất. Từ đó góp phần giúp cho chương trình của các ngành nghề Trường đang đào tạo đảm bảo được tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Ngoài ra, chương trình đào tạo của Nhà trường được xây dựng đảm bảo được tính liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp và liên thông được với một số chương trình đào tạo của một số trường đại học. Bên cạnh đó chương trình đào tạo cũng được xây dựng và chỉnh sửa dựa theo những quy định về chuẩn kiến thức và kỹ năng tối thiểu mà người học cần đạt được của từng trình độ sau tốt nghiệp. Chương trình đào tạo thường xuyên được cập nhật, bổ sung những kiến thức mới có liên quan đến ngành, nghề đào tạo và có tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

*** Những điểm mạnh:**

Có đầy đủ chương trình đào tạo các ngành nghề mà trường đang đào tạo. Các chương trình đào tạo được xây dựng đúng quy định, thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng, đảm bảo tính thực tiễn và đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp.

Chương trình đào tạo được xây dựng, điều chỉnh và thẩm định đúng quy trình do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Thực hiện lựa chọn và biên soạn giáo trình phục vụ cho công tác dạy và học tại Trường, đảm bảo 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

*** Những tồn tại:**

Chương trình đào tạo một số ngành nghề chưa tuyển sinh chưa được đăng tải trên website.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Đăng tải tất cả chương trình đào tạo các ngành nghề lên website của Trường.

Định kỳ hoặc theo đề xuất của khoa chuyên môn, Nhà trường cần tiến hành rà soát, bổ sung và chỉnh lý lại một số giáo trình của môn học mô đun cho phù hợp với sự phát triển của xã hội. Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ đẩy nhanh tiến độ xây dựng giáo trình thống nhất sử dụng trong nội bộ Nhà trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 4:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	15
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hiện nay Nhà trường có các ngành nghề đào tạo cụ thể như sau:

Tại trụ sở chính: Xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

TT	Ngành	Mã	Trình độ
1.	Khoa học cây trồng	6620109	Cao đẳng
2.	Bảo vệ thực vật	6620116	Cao đẳng
3.	Chăn nuôi	6620119	Cao đẳng
4.	Thú y	6640101	Cao đẳng
5.	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	6510103	Cao đẳng

6.	Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước	6510422	Cao đẳng
7.	Kế toán doanh nghiệp	6340302	Cao đẳng
8.	Quản trị mạng máy tính	6480209	Cao đẳng
9.	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102	Cao đẳng
10.	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	6480202	Cao đẳng
11.	Chế biến thực phẩm	6540104	Cao đẳng
12.	Kỹ thuật xây dựng	6580201	Cao đẳng
13.	Quản lý đất đai	6850102	Cao đẳng
14.	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	6620304	Cao đẳng
15.	Công nghệ sinh học	6420202	Cao đẳng
16.	Khảo sát địa hình	6510912	Cao đẳng
17.	Xây dựng công trình thủy	6510109	Cao đẳng
18.	Thủy lợi tổng hợp	5620126	Trung cấp
19.	Kế toán doanh nghiệp	5340302	Trung cấp
20.	Quản lý đất đai	5850102	Trung cấp
21.	Công nghệ thực phẩm	5540103	Trung cấp
22.	Quản trị mạng máy tính	5480209	Trung cấp
23.	Cấp thoát nước	5520312	Trung cấp
24.	Chế biến và bảo quản thủy sản	5620302	Trung cấp
25.	Trồng trọt và BVTV	5620111	Trung cấp
26.	Chăn nuôi – thú y	5620120	Trung cấp
27.	Bảo vệ thực vật	5620116	Trung cấp
28.	Thú y	5640101	Trung cấp
29.	Chăn nuôi gia súc gia cầm	5620117	Trung cấp
30.	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5480102	Trung cấp
31.	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	5480202	Trung cấp
32.	Xoài, ổi, chôm chôm		Sơ cấp
33.	Trồng rau công nghệ cao		Sơ cấp
34.	Trồng mai vàng, mai chiếu thủy		Sơ cấp
35.	Trồng sầu riêng, măng cụt		Sơ cấp
36.	Trồng rau hữu cơ		Sơ cấp
37.	Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh		Sơ cấp
38.	Trồng ca cao xen dừa		Sơ cấp
39.	Trồng thanh long		Sơ cấp
40.	Trồng cây có múi		Sơ cấp
41.	Trồng hoa lan		Sơ cấp
42.	Vi nhân giống hoa		Sơ cấp
43.	Trồng rau an toàn		Sơ cấp
44.	Trồng lúa năng suất cao		Sơ cấp

45.	Trồng hoa huệ, lay ơn, đồng tiền, hồng môn		Sơ cấp
46.	Trồng dưa hấu, dưa bở		Sơ cấp
47.	Nhân giống cây ăn quả		Sơ cấp
48.	Quản lý dịch hại tổng hợp		Sơ cấp
49.	Trồng dưa (khóm, thơm)		Sơ cấp
50.	Trồng bầu, bí, dưa chuột		Sơ cấp
51.	Nuôi lợn rừng, lợn nuôi thả		Sơ cấp
52.	Nuôi và phòng bệnh cho gà		Sơ cấp
53.	Nuôi và phòng bệnh cho lợn		Sơ cấp
54.	Nuôi và phòng bệnh cho trâu bò		Sơ cấp
55.	Nuôi chim cú, chim bồ câu thương phẩm		Sơ cấp
56.	Nuôi rắn, tắc kè, kỳ đà		Sơ cấp
57.	Chăn nuôi gà, lợn hữu cơ		Sơ cấp
58.	Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi		Sơ cấp
59.	Nuôi cá diêu hồng, cá rô phi		Sơ cấp
60.	Nuôi cá tra, cá basa		Sơ cấp
61.	Nuôi tôm thẻ chân trắng		Sơ cấp
62.	Chế biến sản phẩm từ đậu nành		Sơ cấp
63.	Quản lý công trình thủy nông		Sơ cấp
64.	Kỹ thuật đo đạc		Sơ cấp
65.	Nề và hoàn thiện công trình		Sơ cấp
66.	Gia công cốt thép		Sơ cấp
67.	Xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi		Sơ cấp
68.	Kỹ thuật xây dựng		Sơ cấp
69.	Điện – Nước		Sơ cấp

Tại phân hiệu Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Tên ngành/ nghề đào tạo	Mã ngành/ nghề	Quy mô tuyển sinh/ năm	Trình độ đào tạo
1	Kế toán doanh nghiệp	6340302	30	Cao đẳng
		5340302	120	Trung cấp
2	Quản trị mạng máy tính	5480209	30	Trung cấp
3	Chế biến và bảo quản thủy sản	6620302	30	Cao đẳng

TT	Tên ngành/ nghề đào tạo	Mã ngành/ nghề	Quy mô tuyển sinh/ năm	Trình độ đào tạo
		5620302	30	Trung cấp
4	Chế biến thực phẩm	6540104	30	Cao đẳng
5	Điện công nghiệp	6520227	30	Cao đẳng
6	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	30	Trung cấp
7	Công nghệ sinh học	6420202	30	Cao đẳng
		5420202	30	Trung cấp
8	Khai thác, đánh bắt hải sản	6620306	25	Cao đẳng
		5620306	30	Trung cấp
9	Tin học ứng dụng	5480205	30	Trung cấp
10	Quản trị cơ sở dữ liệu	5480208	30	Trung cấp
11	Bảo trì, sửa chữa thiết bị nhiệt	5520157	90	Trung cấp
12	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	30	Cao đẳng
		5520205	30	Trung cấp
13	Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm	5540108	30	Trung cấp
14	Nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ	5620305	30	Trung cấp
15	Khai thác hàng hải thủy sản	5620308	30	Trung cấp
16	Nuôi trồng thủy sản	6620303	30	Cao đẳng
		5620303	30	Trung cấp
17	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	5620304	30	Trung cấp
18	Công nghệ thông tin	6480202	30	Cao đẳng

Các ngành nghề có tuyển sinh đào tạo theo từng năm:

Tại cơ sở chính

TT	Tên ngành/ nghề đào tạo	Mã ngành/ nghề	Quy mô tuyển sinh/ năm	Trình độ đào tạo	Ghi chú
-----------	--------------------------------	-----------------------	-------------------------------	-------------------------	----------------

1	Bảo vệ thực vật	6620116	100	Cao đẳng	Tuyển sinh được 2019, 2020, 2021
		5620116	30	Trung cấp	Tuyển sinh được 2019
2	Thú y	6640101	100	Cao đẳng	Tuyển sinh được 2019, 2020, 2021
		5640101	30	Trung cấp	Tuyển sinh được 2020, 2021
3	Kế toán doanh nghiệp	6340302	30	Cao đẳng	Không tuyển sinh được từ 2017-2021
		5340302	30	Trung cấp	Tuyển sinh được 2020
4	Quản trị mạng máy tính	6480209	30	Cao đẳng	Không tuyển sinh được từ 2019
		5480209	30	Trung cấp	Tuyển sinh được 2019, 2020
5	Quản lý đất đai	6850102	40	Cao đẳng	Tuyển sinh được 2020, 2021
		5850102	30	Trung cấp	Không tuyển sinh được từ 2017
6	Khoa học cây trồng	6620109	40	Cao đẳng	Không tuyển sinh được từ 2019
7	Chăn nuôi	6620119	60	Cao đẳng	Không tuyển sinh được từ 2017
8	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	6510103	40	Cao đẳng	Không tuyển sinh được từ 2019
9	Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước	6510422	40	Cao đẳng	Không tuyển sinh được từ 2017
10	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	6620304	30	Cao đẳng	Không tuyển sinh được từ 2017
11	Công nghệ sinh học	6420202	30	Cao đẳng	Không tuyển sinh được từ 2017
12	Khảo sát địa hình	6510912	30	Cao đẳng	Không tuyển sinh được từ 2017
13	Xây dựng công trình thủy	6510109	30	Cao đẳng	Không tuyển sinh được từ 2017
14	Chế biến thực phẩm	6540104	30	Cao đẳng	Không tuyển sinh được từ 2017
15	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	5620111	60	Trung cấp	Tuyển sinh được 2019, 2020, 2021
16	Chăn nuôi - Thú y	5620120	60	Trung cấp	Tuyển sinh được 2019, 2020, 2021
17	Thủy lợi tổng hợp	5620126	40	Trung cấp	Tuyển sinh được 2019, 2020, 2021
18	Công nghệ thực phẩm	5540103	40	Trung cấp	Không tuyển sinh được từ 2020

19	Chăn nuôi gia súc gia cầm	5620117	35	Trung cấp	Không tuyển sinh được từ 2017
20	Cấp thoát nước	5520312	30	Trung cấp	Không tuyển sinh được từ 2017
21	Chế biến và bảo quản thủy sản	5620302	30	Trung cấp	Không tuyển sinh được từ 2017
22	Kỹ thuật xây dựng	6580201	30	Cao đẳng	Không tuyển sinh được từ 2019
23	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102	20	Cao đẳng	Không tuyển sinh được từ 2019
		5480102	30	Trung cấp	Không tuyển sinh được từ 2019
24	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	6480202	20	Cao đẳng	Không tuyển sinh được từ 2019
		5480202	30	Trung cấp	Tuyển sinh được 2019, 2020
25	38 nghề trình độ Sơ cấp				Không tuyển sinh được từ 2017

Tại phân hiệu Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Tên ngành/ nghề đào tạo	Mã	Quy mô	Trình độ đào tạo	Ghi chú
		ngành/ nghề	tuyển sinh/ năm		
1	Kế toán doanh nghiệp	6340302	30	Cao đẳng	Có đào tạo 2020, 2021
		5340302	120	Trung cấp	Có đào tạo từ 2017 đến 2021
2	Quản trị mạng máy tính	5480209	30	Trung cấp	Không tuyển sinh được từ 2017
3	Chế biến và bảo quản thủy sản	6620302	30	Cao đẳng	Không tuyển sinh được từ 2020
		5620302	30	Trung cấp	Có đào tạo 2017, 2018, 2019
4	Chế biến thực phẩm	6540104	30	Cao đẳng	Có đào tạo 2020, 2021
5	Điện công nghiệp	6520227	30	Cao đẳng	Có đào tạo 2020, 2021
6	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	30	Trung cấp	Có đào tạo từ 2017 đến 2021
7	Công nghệ sinh học	6420202	30	Cao đẳng	Không tuyển sinh được từ 2020
		5420202	30	Trung cấp	Không tuyển sinh được từ 2017
8	Khai thác, đánh bắt hải sản	6620306	25	Cao đẳng	Có đào tạo 2020
		5620306	30	Trung cấp	Có đào tạo 2018

9	Tin học ứng dụng	5480205	30	Trung cấp	Có đào tạo từ 2017 đến 2021
10	Quản trị cơ sở dữ liệu	5480208	30	Trung cấp	Không tuyển sinh được từ 2017
11	Bảo trì, sửa chữa thiết bị nhiệt	5520157	90	Trung cấp	Có đào tạo từ 2017 đến 2021
12	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	30	Cao đẳng	Có đào tạo 2020, 2021
		5520205	30	Trung cấp	Không tuyển sinh được từ 2017
13	Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm	5540108	30	Trung cấp	Có đào tạo từ 2017 đến 2020
14	Nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ	5620305	30	Trung cấp	Không tuyển sinh được từ 2017
15	Khai thác hàng hải thủy sản	5620308	30	Trung cấp	Không tuyển sinh được từ 2017
16	Nuôi trồng thủy sản	6620303	30	Cao đẳng	Có đào tạo 2020, 2021
		5620303	30	Trung cấp	Có đào tạo từ 2017 đến 2020
17	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	5620304	30	Trung cấp	Không tuyển sinh được từ 2017
18	Công nghệ thông tin	6480202	30	Cao đẳng	Có đào tạo 2020, 2021

Tất cả các ngành nghề đào tạo đều có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (1.2.07 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017; 1.2.08 – Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 41c/2017/GCNĐKHHĐ-TCDN ngày 13/06/2018; 1.2.09 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019; 1.2.10 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020; 1.2.11 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Phân hiệu; 1.2.12 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 77/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 23/7/2021; 1.2.13 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 14/7/2022).

Năm 2020, Nhà trường có thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng (4.1.01 – Quyết định 385/QĐ-CDNB ngày 4/6/2020 thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng) để rà soát, cập nhật và thẩm định các chương trình đào tạo của các ngành nghề Nhà trường đang tổ chức đào tạo, trong đó thành phần Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo là giảng viên cơ hữu của Nhà trường với nhiều năm kinh nghiệm giảng dạy.

Các ngành nghề đào tạo đều có đầy đủ chương trình đào tạo được ban hành đúng theo quy định (2.5.01 – Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của cơ sở chính; 2.5.05 – Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của Phân hiệu).

Năm 2022, Trường xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ cao đẳng nghề Thú y và nghề Bảo vệ thực vật (4.1.02 - Quyết định số 486/QĐ-CDNB ngày 19/5/2022 thành lập hội đồng xây dựng chương trình chất lượng cao; 4.1.03 - Quyết định số 610/QĐ/CDNB ngày 22/6/2022 thành lập hội đồng thẩm định chương trình chất lượng cao; 4.1.04 - Quyết định số 717/QĐ/CDNB ngày 27/7/2022 ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ cao đẳng nghề Thú y và Bảo vệ thực vật).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Năm 2020, Nhà trường có ban hành Quyết định thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng (4.1.01 – Quyết định 385/QĐ-CDNB ngày 4/6/2020 thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng) để rà soát, cập nhật và thẩm định các chương trình đào tạo của các ngành nghề Nhà trường đang tổ chức đào tạo, trong đó thành phần Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo là giảng viên cơ hữu của Nhà trường với nhiều năm kinh nghiệm giảng dạy.

100% chương trình đào tạo đáp ứng được yêu cầu quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTĐ ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTĐ ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu của người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (4.2.01 - Biên bản rà soát, cập nhật chương trình được lưu tại phòng Đào tạo-KHCN).

Chương trình đào tạo của Phân hiệu được xây dựng, thẩm định dựa trên các văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành theo các trình độ cao đẳng, trung cấp (4.2.03 - Quyết định số 22/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập tổ biên soạn, chuyển đổi chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp; 4.2.04 - Quyết định số 23/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập tổ biên soạn, chuyển đổi chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp; 4.2.05 - Quyết định số 25/QĐ-CDNBPH-

ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp; 4.2.06 - Quyết định số 26/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng).

Năm 2022, Trường xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ cao đẳng nghề Thú y và nghề Bảo vệ thực vật (4.1.02 - *Quyết định số 486/QĐ-CĐNB ngày 19/5/2022 thành lập hội đồng xây dựng chương trình chất lượng cao; 4.1.03 - Quyết định số 610/QĐ/CĐNB ngày 22/6/2022 thành lập hội đồng thẩm định chương trình chất lượng cao; 4.1.04 - Quyết định số 717/QĐ/CĐNB ngày 27/7/2022 ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ cao đẳng nghề Thú y và Bảo vệ thực vật*). Có biên bản họp ban chủ nhiệm xây dựng, chỉnh sửa, rà soát chương trình đào tạo; Biên bản họp của Hội đồng thẩm định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trong từng chương trình đào tạo của Nhà trường đều thể hiện rõ mục tiêu đào tạo, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo, phương thức đánh giá kết quả học tập, hướng dẫn thực hiện chương trình cho từng môn học/ mô đun cụ thể theo từng chuyên ngành và trình độ theo quy định. Các chương trình đào tạo của Trường đã ban hành đều bao gồm chương trình chi tiết các mô-đun, môn học được ban hành kèm theo (2.5.01 – *Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của cơ sở chính; 2.5.05 – Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của Phân hiệu*).

Năm 2022, Trường xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ cao đẳng nghề Thú y và nghề Bảo vệ thực vật (4.1.02 - *Quyết định số 486/QĐ-CĐNB ngày 19/5/2022 thành lập hội đồng xây dựng chương trình chất lượng cao; 4.1.03 - Quyết định số 610/QĐ/CĐNB ngày 22/6/2022 thành lập hội đồng thẩm định chương trình chất lượng cao; 4.1.04 - Quyết định số 717/QĐ/CĐNB ngày 27/7/2022 ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ cao đẳng nghề Thú y và Bảo vệ thực vật*).

Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp.

Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu của người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Trường tổ chức xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa và thẩm định, phê duyệt chương trình căn cứ theo quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định

Năm 2020, Nhà trường có ban hành Quyết định thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng (4.1.01 – Quyết định 385/QĐ-CDNB ngày 4/6/2020 thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng) để rà soát, cập nhật và thẩm định các chương trình đào tạo Nhà trường đang tổ chức đào tạo, trong đó thành phần Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo là giảng viên cơ hữu của Nhà trường với nhiều năm kinh nghiệm giảng dạy. Thành phần Hội đồng gồm có cán bộ quản lý GDNN và đơn vị sử dụng lao động.

Việc rà soát, cập nhật, thẩm định các chương trình đào tạo tuân thủ đúng nguyên tắc và có đầy đủ các hồ sơ liên quan thông qua Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, biên bản thẩm định chương trình đào tạo (4.2.01 - Biên bản rà soát, cập nhật chương trình được lưu tại phòng Đào tạo-KHCN).

Chương trình đào tạo của Phân hiệu được xây dựng và thẩm định có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động. Nhằm mục đích tạo ra các chương trình đào tạo chất lượng đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng cũng như năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm cho người học sau khi tốt nghiệp. Tất cả các chương trình đào tạo do Phân hiệu sau khi xây dựng đều được các chuyên gia là những nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, các cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp tham gia trực tiếp góp ý, xây dựng, sửa chữa (4.2.03 - Quyết định số 22/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập tổ biên soạn, chuyển đổi chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo Luật Giáo dục nghề

nghiệp; 4.2.04 -*Quyết định số 23/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập tổ biên soạn, chuyển đổi chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp*; 4.2.05 -*Quyết định số 25/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp*; 4.2.06 - *Quyết định số 26/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng*).

Sau khi thẩm định, các chương trình được ban hành và đưa vào áp dụng (2.5.01 – *Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của cơ sở chính*; 2.5.05 – *Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của Phân hiệu*). Năm 2022, Trường xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ cao đẳng nghề Thú y và nghề Bảo vệ thực vật (4.1.02 - *Quyết định số 486/QĐ-CĐNB ngày 19/5/2022 thành lập hội đồng xây dựng chương trình chất lượng cao*; 4.1.03 - *Quyết định số 610/QĐ/CĐNB ngày 22/6/2022 thành lập hội đồng thẩm định chương trình chất lượng cao*; 4.1.04 - *Quyết định số 717/QĐ/CĐNB ngày 27/7/2022 ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ cao đẳng nghề Thú y và Bảo vệ thực vật*).

Qua khảo sát ý kiến của CBVC, đơn vị sử dụng lao động hầu hết đều cho rằng chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động (1.1.09 - *Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form*; 1.1.10 - *Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022*; 4.4.01 – *Phiếu khảo sát đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021, về CTĐT, GTĐT*; 4.4.02 - *Báo cáo kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021, về CTĐT, GTĐT*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: *Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.*

Chương trình đào tạo luôn đảm bảo tính thực tiễn. Quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo luôn được cập nhật các kiến thức mới từ thực tiễn có liên quan đến chương trình (2.5.01 – *Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của cơ sở chính*; 2.5.05 – *Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của Phân hiệu*). Năm 2022, Trường xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ cao đẳng nghề Thú y và nghề Bảo vệ thực vật (4.1.02 - *Quyết định số 486/QĐ-CĐNB ngày 19/5/2022 thành lập hội đồng xây dựng chương trình chất lượng cao*; 4.1.03 - *Quyết định số 610/QĐ/CĐNB ngày 22/6/2022 thành lập hội đồng thẩm định chương trình chất lượng cao*; 4.1.04 - *Quyết định số 717/QĐ/CĐNB ngày 27/7/2022 ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ cao đẳng nghề Thú y và Bảo vệ thực vật*).

Thông qua việc lấy ý kiến của doanh nghiệp/ đơn vị sử dụng lao động về chương trình đào tạo đang áp dụng tại trường hàng năm, kết quả khảo sát cho thấy đa số các doanh nghiệp thể hiện sự hài lòng với chương trình đào tạo. Tuy nhiên cần bổ trợ thêm một số nội dung như trang bị thêm kỹ năng mềm, một số nghiệp vụ về chuyên môn cho HSSV (4.4.01 – *Phiếu khảo sát đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021, về CTĐT, GTĐT*; 4.4.02 - *Báo cáo kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021, về CTĐT, GTĐT*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: *Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp, giúp cho người học ở các bậc thấp hơn trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp có thể học liên thông lên các bậc cao hơn trong cùng hệ thống giáo dục nghề nghiệp và cùng ngành, nghề đào tạo. Các nội dung trong CTĐT cũng được xây dựng một cách hệ thống có sự liên hệ và bổ trợ cho nhau. Các học phần giáo dục đại cương được thiết kế theo nhóm ngành liên quan và có sự thống nhất chung giữa các khoa chuyên môn; một số học phần bắt buộc người học phải hoàn thành các học phần tiên quyết, đặc biệt là đối với khối kiến thức giáo dục nghề nghiệp bao gồm phần kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Trong quá trình liên thông lên đại học, người học được cơ sở giáo dục đại học miễn một số học phần có khối lượng kiến thức tương đương. Điều này được thể hiện rõ trong chương trình chi tiết của từng ngành nghề cụ thể (2.5.01 – *Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của cơ sở chính*; 2.5.05 – *Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của Phân hiệu*; 4.1.04 - *Quyết định số 717/QĐ/CĐNB ngày 27/7/2022 ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ cao đẳng nghề Thú y và Bảo vệ thực vật*).

Hiện Nhà trường cũng liên kết với nhiều trường đại học như Đại học Nông lâm Bắc Giang, Đại học Thái Nguyên để tổ chức đào tạo liên thông lên đại học cho HSSV tốt nghiệp của trường các ngành Bảo vệ thực vật, Thú y, Quản lý đất đai,... tạo cơ hội để người học được liên thông lên trình độ cao hơn (4.6.01 – *Văn bản thỏa thuận hoặc chấp thuận của cơ sở giáo dục đại học với trường trong việc đào tạo liên thông, hợp đồng liên kết đào tạo*; 4.6.02 - *CTĐT liên thông đại học Nông Lâm Bắc Giang, Đại học Thái Nguyên lưu tại phòng Đào tạo&KHCN*; 4.6.03 - *Thông báo tuyển sinh liên thông đại học*; 4.6.04 - *Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đã được cơ sở giáo dục đại học ban hành*; 4.6.05 - *Quyết định của trường Đại học công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập của người học khi học liên thông*

từ cao đẳng lên đại học; 4.6.06 – Công văn về việc Hợp tác đào tạo liên thông trình độ Đại học của Đại học Nông lâm Thái Nguyên và Đại học Nông lâm Bắc Giang).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.

Mô tả, phân tích, nhận định

Năm 2020, Nhà trường có ban hành Quyết định thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng (4.1.01 – Quyết định 385/QĐ-CDNB ngày 4/6/2020 thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng) để rà soát, cập nhật và thẩm định các chương trình đào tạo Nhà trường đang tổ chức đào tạo, trong đó thành phần Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo là giảng viên cơ hữu của Nhà trường với nhiều năm kinh nghiệm giảng dạy (2.5.01 – Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của cơ sở chính; 2.5.05 – Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của Phân hiệu).

Năm 2022, Trường xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ cao đẳng nghề Thú y và nghề Bảo vệ thực vật (4.1.02 - Quyết định số 486/QĐ-CDNB ngày 19/5/2022 thành lập hội đồng xây dựng chương trình chất lượng cao; 4.1.03 - Quyết định số 610/QĐ/CDNB ngày 22/6/2022 thành lập hội đồng thẩm định chương trình chất lượng cao; 4.1.04 - Quyết định số 717/QĐ/CDNB ngày 27/7/2022 ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ cao đẳng nghề Thú y và Bảo vệ thực vật).

Đối với chương trình trung cấp, cao đẳng, Trường thực hiện cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo đúng theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (4.7.01 - Chương trình đào tạo chi tiết được lưu tại phòng Đào tạo và KHCN).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiến tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

Mô tả, phân tích, nhận định

Năm 2020 Nhà trường triển khai cập nhật lại chương trình đào tạo cho những ngành nghề đang tổ chức đào tạo (4.1.01 – Quyết định 385/QĐ-CDNB ngày 4/6/2020 thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng). Nội dung của chương trình sau khi chỉnh sửa, bổ sung cập nhật được những thành tựu khoa học công nghệ trong nước có liên quan đến ngành nghề đào tạo

(2.5.01 – Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của cơ sở chính; 2.5.05 – Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của Phân hiệu; 4.8.01 - Thông tin về những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến được cập nhật trong chương trình đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường đã ban hành chương trình đào tạo cho tất cả các ngành nghề hiện đang đào tạo tại trường theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTĐ ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2.5.01 – Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của cơ sở chính; 2.5.05 – Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của Phân hiệu).

Xuất phát từ yêu cầu thực tế, Nhà Trường sẽ xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng cho một số ngành, nghề xã hội có nhu cầu (2.16.06 - Quyết định số 1034/QĐ-CDNB ngày 22/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng liên thông ngành Thú y; 2.16.07 - Quyết định số 767/QĐ-CDNB ngày 1/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng liên thông ngành Bảo vệ thực vật; 2.16.10 – Bộ Quyết định Ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng liên thông từ Trung cấp tại Phân hiệu).

Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, căn cứ chương trình đào tạo và quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông, Trường thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học (2.16.02 - Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông; 4.6.05 - Quyết định của trường Đại học công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập của người học khi học liên thông từ cao đẳng lên đại học).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Danh sách các chương trình đào tạo theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã cấp (1.2.07 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017; 1.2.08 – Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 41c/2017/GCNDKHD-TCDN ngày 13/06/2018; 1.2.09 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019; 1.2.10 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020; 1.2.11 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Phân hiệu; 1.2.12 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 77/2021/GCNDKHD-TCGDNN ngày 23/7/2021; 1.2.13 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56/2022/GCNDKHD-TCGDNN ngày 14/7/2022).

Các chương trình đào tạo đều được lựa chọn và ban hành theo đúng quy định. Có danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp (bao gồm: tất cả các chương trình có tên trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã cấp và chương trình đào tạo khác chưa có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đang được giảng dạy), trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành (4.10.01 - Quyết định số 805/QĐ-CĐNB ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình, tài liệu tham khảo; 4.10.02 - Quyết định số 897/QĐ-CĐNB ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành danh sách giáo trình sử dụng cho từng môn học/ mô đun).

Năm 2020, 2021 Nhà Trường đã tổ chức viết giáo trình môn học/mô đun cho các ngành nghề của Trường.

Có bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo trong thư viện trường hoặc bản điện tử của các giáo trình nêu trên trong Thư viện điện tử của Trường (4.10.03 – Bản in/ file các giáo trình, tập bài giảng của các môn học/ mô đun của các chương trình đào tạo).

Tại Phân hiệu, Nhà trường đảm bảo 100% môn học/ mô đun trong các chương trình đào tạo có giáo trình sử dụng (4.10.04 – Quyết định số 634/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 05/11/2020 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp và Cao đẳng; 4.10.05 - Quyết định số 569/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 21/9/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TPHCM về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Mô tả, phân tích, nhận định

100% giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng được xây dựng, lựa chọn đúng theo quy định tại Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (4.10.01 - Quyết định số 805/QĐ-CĐNB ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình, tài liệu tham khảo; 4.10.02 - Quyết định số 897/QĐ-CĐNB ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành danh sách giáo trình sử dụng cho từng môn học/ mô-đun; 4.10.04 - Quyết định số 634/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 05/11/2020 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp và Cao đẳng; 4.10.05 - Quyết định số 569/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 21/9/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng).

Hàng năm, Trường tổ chức cho giáo viên biên soạn mới giáo trình phục vụ cho công tác giảng dạy và tài liệu học tập cho học sinh. Cụ thể trong năm học 2020 - 2021, Trường đã tổ chức biên soạn và phê duyệt 16 giáo trình thuộc các chuyên ngành đào tạo được đưa vào sử dụng (4.11.01 - Thông báo số 652/TB-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 09/11/2020 về việc biên soạn giáo trình năm học 2020-2021; 4.11.02 - Tờ trình về việc lập dự toán kinh phí thẩm định giáo trình và đề tài nghiên cứu khoa học cấp Phân hiệu năm học 2020-2021; 4.11.03 - Quyết định số 653/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 11/11/2020 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập Tổ biên soạn giáo trình độ Trung cấp và Cao đẳng năm học 2020-2021; 4.11.04 - Quyết định số 04/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 04/11/2021 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình độ Trung cấp và Cao đẳng năm học 2020-2021; 4.11.05 - Hồ sơ lấy ý kiến chuyên gia về cấu trúc giáo trình; 4.11.06 - Hồ sơ hội thảo giáo trình; 4.11.07 - Hồ sơ thẩm định giáo trình; 4.11.08 - Quyết định số 365/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 16/8/2021 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành sử dụng 16 giáo trình; 4.11.09 - Quyết định số 786/QĐ-CĐNB ngày 28/9/2020 của Hiệu trưởng về phân công giảng viên biên soạn giáo trình; 4.11.10 - Quyết định số 351/QĐ-CĐNB ngày 23/4/2021, Quyết định số 494/QĐ-CĐNB ngày 31/5/2021 của Hiệu trưởng về thành lập hội đồng thẩm định giáo trình; 4.11.11 - Quyết định số 524/QĐ-CĐNB ngày 08/6/2021, Quyết định số 629/QĐ-CĐNB ngày 12/8/2021 Hiệu trưởng về ban hành sử dụng giáo trình; 4.11.12 - Quyết định số 722/QĐ-CĐNB ngày 14/10/2021 của Hiệu trưởng về phân công giảng viên biên soạn giáo trình; 4.11.13 - Quyết định số 376/QĐ-CĐNB ngày 27/4/2022 của Hiệu trưởng về thành lập hội đồng

thẩm định giáo trình; 4.11.14 - Quyết định số 602/QĐ-CDNB ngày 20/6/2022 của Hiệu trưởng về ban hành sử dụng giáo trình).

Trong năm học 2021 - 2022, Ban Giám đốc Phân hiệu tiếp tục duyệt cho giáo viên biên soạn 12 giáo trình thuộc các chuyên ngành đào tạo (4.11.15 - Kế hoạch biên soạn giáo trình năm học 2021-2022; 4.11.16 - Quyết định số 387/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 17/9/2021 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập tổ biên soạn giáo trình năm học 2021-2022).

Nhà trường có đầy đủ các bản in giáo trình hoặc tập bài giảng của các mô đun/ môn học của các chương trình đào tạo. Hiện tại, Nhà trường đang sử dụng một số giáo trình tham khảo của các trường khác, một số giáo trình do Nhà trường biên soạn và một số bài giảng do giáo viên nhà trường biên soạn (4.10.03 – Bản in/ file các giáo trình, tập bài giảng của các môn học/ mô đun của các chương trình đào tạo). Có biên bản họp tổ xây dựng giáo trình kèm theo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.12: *Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Danh sách các chương trình đào tạo theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã cấp (1.2.07 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017; 1.2.08 – Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 41c/2017/GCNĐKHH-TCDN ngày 13/06/2018; 1.2.09 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019; 1.2.10 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020; 1.2.11 – Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Phân hiệu; 1.2.12 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 77/2021/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 23/7/2021; 1.2.13 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56/2022/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 14/7/2022).

Trường có quyết định ban hành các chương trình đào tạo cho tất cả các ngành Trường được phép đào tạo. Giáo trình được lựa chọn và xây dựng đảm bảo 100% được cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến của các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật và các chuyên gia. Các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo sẽ được thường xuyên điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn (4.10.01 - Quyết định số 805/QĐ-CDNB ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình, tài liệu tham khảo; 4.10.02 - Quyết định số 897/QĐ-CDNB ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông

nghiệp Nam Bộ về việc ban hành danh sách giáo trình sử dụng cho từng môn học/ mô đun; 4.10.03 – Quyết định số 634/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 05/11/2020 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CD Nông nghiệp Nam Bộ về việc lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp và Cao đẳng; 4.10.04 - Quyết định số 569/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 21/9/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP HCM về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng).

Các giáo trình và bài giảng được sử dụng tại Trường đều được lựa chọn và biên soạn theo đúng quy trình và hướng dẫn, được thẩm định đầy đủ. Nội dung giáo trình cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ quy định trong chương trình khung, chương trình môn học/ mô đun; đáp ứng yêu cầu về phương pháp giáo dục nghề nghiệp và có định hướng cơ bản về phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá. Cũng dựa trên quy định yêu cầu về giáo trình biên soạn, Phân hiệu đã xây dựng các tiêu chí đánh giá giáo trình để Hội đồng thẩm định có cơ sở đánh giá giáo trình đã đạt yêu cầu hay đạt yêu cầu cần chỉnh sửa hoặc không đạt yêu cầu. Năm học 2020-2021, 2021 – 2022, các giáo trình được tổ chức thẩm định theo đúng hồ sơ nhà trường quy định. (4.12.02 – *Biên bản họp thẩm định giáo trình lưu tại Phòng Đào tạo & KH-CN*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.13: *Giáo trình đào tạo đủ điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Theo quy định của Trường về kết cấu của giáo trình biên soạn, trong mỗi chương đều có phần: Mục tiêu chương, câu hỏi - bài tập, ghi nhớ. Đây chính là cơ sở cung cấp kiến thức một cách hệ thống, có định hướng cho học sinh theo từng chương (4.13.01 - *Quyết định số 828/QĐ-CDNB ngày 13/10/2020 của Hiệu trưởng ban hành quy định về cấu trúc, thể thức trình bày giáo trình*).

Trong các tiêu chí đánh giá giáo trình có 4 tiêu chí:

Khối lượng các thông tin viết trong các tiểu mục/bài học phù hợp với mục tiêu và thời lượng trong chương trình chi tiết.

Nội dung phù hợp với đối tượng người học và theo logic hình thành kỹ năng.

Kiến thức cung cấp đủ để thực hiện được các kỹ năng của học phần.

Câu hỏi, bài tập đảm bảo mục tiêu bài học.

(4.13.02 - *Bản phản biện thẩm định giáo trình, Phiếu đánh giá giáo trình, biên bản họp thẩm định giáo trình, lưu tại phòng Đào tạo & KH-CN*).

Giáo trình biên soạn đạt 4 tiêu chí này là cơ sở tạo điều kiện cho giảng viên giảng dạy áp dụng phương pháp dạy học tích cực. Thông qua giáo trình, giảng viên có thể định

hướng một phần nội dung bài giảng và giao nhiệm vụ cho học sinh, sinh viên hay thông qua tổ chức hoạt động nhóm từ đó phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học và tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học. Do cấu trúc của chương trình đào tạo chứa 30% lý thuyết và 70% thực hành, nên để thực hiện được điều này, 100% giáo trình đào tạo thể hiện được phương pháp dạy học tích cực (4.10.01 - Quyết định số 805/QĐ-CDNB ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình, tài liệu tham khảo; 4.10.02 - Quyết định số 897/QĐ-CDNB ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành danh sách giáo trình sử dụng cho từng môn học/ mô đun; 4.10.04 - Quyết định số 634/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 05/11/2020 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CD Nông nghiệp Nam Bộ về việc lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp và Cao đẳng; 4.10.05 - Quyết định số 569/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 21/9/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TPHCM về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng).

Việc sử dụng hiệu quả các phương tiện kỹ thuật hiện đại, các thiết bị thực hành thực tập hiện có cũng được thể hiện rõ nét trong từng nội dung chi tiết của giáo trình đào tạo (4.10.03 - Bản in/ file các giáo trình, tập bài giảng của các môn học/ mô đun của các chương trình đào tạo lưu tại phòng Đào tạo & KHCN).

Theo kết quả khảo sát HSSV về giáo trình giảng dạy trên lớp, trên 90% trả lời là giáo viên có sử dụng phương pháp giảng dạy mới (sử dụng trang thiết bị hỗ trợ) (1.10.20 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.14: Hàng năm trường thực hiện lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, Nhà trường đều triển khai công tác lấy ý kiến của HSSV về các vấn đề trong hoạt động đào tạo của Nhà trường. Một trong những nội dung đó là điều tra về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo. Kết quả điều tra cho thấy hầu hết HSSV được khảo sát hài lòng và đánh giá giáo trình được sử dụng để đào tạo tại Trường là tương đối phù hợp với thực tế (1.10.20 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, có trên 90% CBVC được khảo sát cho rằng giáo trình đào tạo đang áp dụng tại Trường phù hợp với trình độ và nhu cầu chuyên môn. Một số ý kiến còn lại cho rằng Nhà trường nên cập nhật kiến thức mới vào

giáo trình cho phù hợp với thực tiễn (1.1.09 - *Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form; 1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Về việc lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo, Nhà trường tiến hành thông qua phiếu khảo sát và được tiến hành một lần trong năm. Kết quả hàng năm đều có trên 10 doanh nghiệp phản hồi ý kiến, trong đó cho thấy đa số đơn vị sử dụng lao động cho rằng giáo trình đang áp dụng tại trường phù hợp một phần so với yêu cầu từ nhà tuyển dụng, Nhà trường nên tăng cường những phần thực hành, giúp sinh viên hiểu được kiến thức lý thuyết để có thể vận dụng vào thực tế (4.4.01 - *Phiếu khảo sát đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021, về CTĐT, GTĐT; 4.4.02 - Báo cáo kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021, về CTĐT, GTĐT*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.15: *Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đổi với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Năm 2020, nhà Trường triển khai cập nhật chương trình đào tạo cho các nghề đang đào tạo, khi đó Trường triển khai tổ chức biên soạn giáo trình nhằm phục vụ cho giảng dạy. Đồng thời, năm 2020 Trường Trung cấp Thủy sản sáp nhập và trở thành Phân hiệu của Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, Phân hiệu đã xây dựng và tổ chức thẩm định mới toàn bộ chương trình đào tạo Nhà trường tiến hành điều chỉnh một số chương trình đào tạo đã ban hành (2.5.01 – *Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của cơ sở chính; 2.5.05 – Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của Phân hiệu*).

Việc chỉnh sửa giáo trình đào tạo được thực hiện trên cơ sở tham khảo ý kiến của các chuyên gia và nhà tuyển dụng nhằm đảm bảo yêu cầu cập nhật kiến thức mới vào giáo trình cho phù hợp với thực tiễn. Tuy nhiên, Nhà trường chưa lập danh mục giáo trình trước và sau khi thay đổi chương trình đào tạo.

(4.11.09 - *Quyết định số 786/QĐ-CDNB ngày 28/9/2020 của Hiệu trưởng về phân công giảng viên biên soạn giáo trình; 4.11.10 - Quyết định số 351/QĐ-CDNB ngày 23/4/2021, Quyết định số 494/QĐ-CDNB ngày 31/5/2021 của Hiệu trưởng về thành lập hội đồng thẩm định giáo trình; 4.11.11 - Quyết định số 524/QĐ-CDNB ngày 08/6/2021, Quyết định số 629/QĐ-CDNB ngày 12/8/2021 Hiệu trưởng về ban hành sử dụng giáo trình; 4.11.12 - Quyết định số 722/QĐ-CDNB ngày 14/10/2021 của Hiệu trưởng về phân công giảng viên biên soạn giáo trình; 4.11.13 - Quyết định số 376/QĐ-CDNB ngày 27/4/2022 của Hiệu trưởng về thành lập hội đồng thẩm định giáo trình; 4.11.14 - Quyết định số 602/QĐ-CDNB ngày 20/6/2022 của Hiệu trưởng về ban hành sử dụng giáo trình*).

Có Quyết định ban hành chương trình (lần đầu) và chương trình đào tạo chi tiết kèm theo

Có Quyết định ban hành chương trình sau khi có sự thay đổi và chương trình đào tạo chi tiết kèm theo

Có danh sách chương trình đào tạo có sự thay đổi.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 4: 01 điểm.

3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ được hình thành dựa trên cơ sở Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ được thành lập vào ngày 28 tháng 01 năm 2008 theo Quyết định số 479/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở nâng cấp Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ. Năm 2019, Trường được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định cho sáp nhập Trường Trung cấp Thủy sản vào Trường (Quyết định số 1128/QĐ-LĐTĐ ngày 9/8/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Địa chỉ Trường:

- Cơ sở chính: xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
- Cơ sở phân hiệu: 511, An Dương Vương, phường An Lạc A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 02733 850 136. Fax: 02733 850 247

Website: www.nbac.edu.vn. Email: info@nbac.edu.vn

Hiện trạng việc sử dụng đất tại cơ sở chính và phân hiệu của trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ được giao đã đưa vào sử dụng đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Theo quy định, từ khi có quyết định giao đất cho đến thời điểm hiện nay, Nhà trường quản lý, sử dụng phục vụ cho công việc đào tạo, giảng dạy, học tập, thực hành, thực tập của HSSV và sinh hoạt thể chất của cán bộ viên chức, HSSV trong trường.

Đất đai của Trường không có tranh chấp, không lấn chiếm, không cho thuê mướn, không chuyển nhượng hoặc quản lý, sử dụng bằng các hình thức khác. Toàn bộ đất đai thuộc khuôn viên trường được xây dựng hàng rào ngăn cách với bên ngoài.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, Nhà trường luôn chú trọng trang bị những thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu dạy và học. Để triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác theo dõi, điều hành, quản lý, khai thác sử dụng các phòng thí nghiệm - thực hành, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường đã ban hành “*Quy định trách nhiệm quản lý, phục vụ và khai thác các phòng thí nghiệm - thực hành của Trường Cao Đẳng Nông Nghiệp Nam Bộ*”. Hằng năm, Nhà trường đều tiến hành

kiểm kê, đánh giá hiện trạng thiết bị, bổ sung thiết bị mới, thanh lý những thiết bị không còn phù hợp nhằm phục vụ tốt nhất cho quá trình dạy và học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

*** Những điểm mạnh:**

Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước.

Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn; khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Việc quản lý và khai thác thiết bị phục vụ giảng dạy, thực hành thực tập, nghiên cứu khoa học đi vào nề nếp và phát huy hiệu quả.

*** Những tồn tại:**

Thiết bị đào tạo ở một số ngành chưa đáp ứng 100% danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định.

Thiết bị thực hành, thực tập, thí nghiệm trang bị khá hiện đại cho các ngành nhưng khai thác còn hạn chế.

Một số máy móc, thiết bị chưa đồng bộ nên việc đưa vào sử dụng phục vụ đào tạo hiệu quả chưa cao.

Số đầu sách và giáo trình tham khảo còn ít nên chưa thực sự thu hút và đáp ứng được nhu cầu tìm kiếm, nghiên cứu tài liệu của CBGV và HSSV. Thư viện chưa đảm bảo đủ 05 bản in cho mỗi loại giáo trình.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Đề xuất với Bộ chủ quản đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo, đặc biệt thực hành, thực tập nâng cao tay nghề cho HSSV đáp ứng yêu cầu xã hội.

Phối hợp với các Khoa chuyên môn, Tổ bộ môn tổ chức khai thác các thiết bị máy móc có hiệu quả nhằm phục vụ cho việc thực hành thực tập cho các ngành nghề.

Đẩy mạnh hoạt động của thư viện điện tử ở cả 2 cơ sở chính và phân hiệu.

Điểm đánh giá tiêu chí 5:

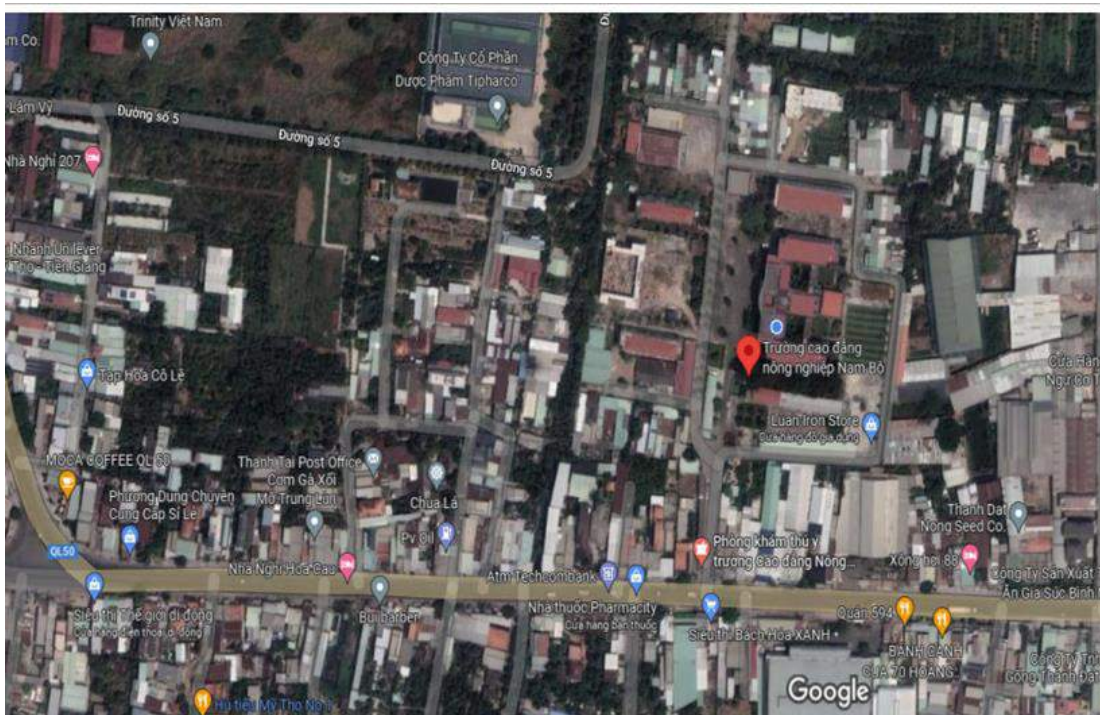
Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	14
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	0
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ được thành lập từ năm 2008 theo Quyết định số 479/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 01 năm 2008 và được xây dựng trên diện tích 79.633 m², trú đóng trên địa bàn xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (5.1.01 - Giấy chứng nhận QSDĐ số:00072QSDĐ/43; 3008; 1563 của Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang cấp ngày, 01 tháng 11, năm 2000; 5.1.02 - Quyết định số 1364/QĐ/BNN-TC ngày 01/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc giữ lại tiếp tục sử dụng đối với cơ sở nhà, đất của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ (Bản vẽ số 01; 01 lưu giữ tại phòng Cơ sở vật chất; 5.1.03 - Giấy thỏa thuận trú đóng tại TP.Hồ Chí Minh số 05/TTTĐ).

Khu vực xây dựng Trường cách mặt tiền quốc lộ 50 theo hướng đi Gò Công là 150 m đảm bảo yên tĩnh thuận lợi cho việc dạy của giảng viên và học tập của HSSV; thuận lợi cho giao thông vì có tuyến xe bus đi các huyện thị, thành trong tỉnh, xe đò liên tỉnh và 03 hãng xe dịch vụ chất lượng cao nên rất thuận tiện cho HSSV đi và đến trường. Trong địa bàn xã nơi Trường trú đóng có 1 khu công nghiệp và một số doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động. Các doanh nghiệp này hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực may mặc, chế biến thủy sản, thức ăn chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp nên không thải ra các chất độc gây ảnh hưởng đến sức khỏe HSSV mặt khác còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực tập và cơ hội việc làm cho HSSV của trường.



Ngoài ra, trong khu vực thành phố Mỹ Tho có các đơn vị Cao đẳng Tiền Giang. Trong đó 2 cơ sở giáo dục nghề nghiệp trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang, Trường Cao đẳng Tiền Giang có nhóm ngành đào tạo không thuộc nhóm ngành nông nghiệp nên không ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo của Trường.

Từ cuối năm 2019 Trường Trung cấp Thủy sản được sáp nhập về Trường và thành lập phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh nên góp phần tạo thuận lợi cho người học tại khu vực miền đông Nam Bộ và tại thành phố hồ Chí Minh (5.1.04 - Quyết định 1128/QĐ-LĐTĐ ngày 09/8/2019 về việc sáp nhập Trường trung cấp Thủy sản vào Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ). Cơ sở phân hiệu Nhà trường được xây dựng phù hợp với quy hoạch chung của thành phố và mạng lưới đào tạo, cơ sở dạy nghề, trực lộ giao thông rộng công số 1 mặt tiền đường An Dương Vương, công số 2, 3 mặt tiền đường số 1 là tuyến đường chính trong khu vực; cách bến xe Miền Tây 2km thuận tiện cho việc đi lại cho người học và cán bộ giảng viên nhà trường (5.1.05 - Trích lục bản đồ địa hình số 442/TTĐK-KT ngày 03/12/2008).

Trường đóng trên địa bàn TP. Mỹ Tho gần Công ty điện lực và Công ty cấp nước TP. Mỹ Tho nên thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước.

+ Hệ thống điện: Điện lực Thành phố Mỹ Tho cung cấp qua máy biến áp 320KVA của Nhà trường. Ngoài ra, Trường còn được trang bị thêm 01 máy phát điện 3 pha động cơ 4 thì 50 KVA để phòng khi hệ thống lưới điện Quốc gia có sự cố hoặc có lịch thông báo cúp điện để bảo trì hệ thống điện của Công ty điện lực Tiền Giang thì nhà Trường cho chạy máy phát điện để đảm bảo công tác hành chính và phục vụ đào tạo được tốt không bị gián đoạn (5.1.07 - Hợp đồng số: 21001191 ngày 13/12/2021 mua bán điện giữa Trường Cao đẳng NN Nam Bộ và Tổng công ty điện lực Miền Nam, mã khách hàng: PB 080810014396- A0911- Q 34- IA 3860000).

+ Hệ thống cấp nước sinh hoạt do Công ty cấp nước Tiền Giang cung cấp (Có bản vẽ hồ sơ hoàn công hệ thống đường ống cấp nước HDPE) (5.1.08 - Hóa đơn giá trị gia tăng phí nước của Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang).

Tất cả các hạng mục khi đưa vào sử dụng đều có biên bản nghiệm thu (5.1.10 – Biên bản nghiệm thu và đưa vào sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống phòng cháy chữa cháy; 5.1.11 – Báo cáo số 1281/BC-CDNB ngày 26/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ báo cáo định kỳ thực hiện công tác PCCC năm 2019; 5.1.12 – Báo cáo số 1191/BC-CDNB ngày 30/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ báo cáo định kỳ thực hiện công tác PCCC năm 2020; 5.4.13 – Báo cáo số 816 ngày 9/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ báo cáo định kỳ thực hiện công tác PCCC năm 2021).

Ý kiến của người học, nhà giáo cán bộ quản lý về vị trí Trường trú đóng có yên tĩnh, quy hoạch phù hợp với mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong khu vực, đảm bảo khoảng cách với các khu công nghiệp, các công ty doanh nghiệp, hệ thống giao thông thuận tiện cho việc đi lại của người học và CBVC được thể hiện trong phiếu lấy ý kiến CBVC và HSSV. Kết quả cho thấy đa số HSSV và CBVC hài lòng về vị trí Trường trú đóng trong khu vực (1.10.20 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.09 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form; 1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ được thành lập vào năm 2008 trên cơ sở nâng cấp từ Trường Trung học Dạy nghề và Phát triển nông thôn Nam Bộ và sử dụng

hệ thống cơ sở hạ tầng của trường cũ. Năm 2001, Trường Trung học Dạy nghề và Phát triển nông thôn Nam Bộ được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình cải tạo xây dựng trường trong đó có hạng mục xây dựng khu nhà hiệu bộ và cải tạo khuôn viên cây cảnh của Trường (5.2.01 - Quyết định số 1818/QĐ-BNN-XDCB ngày 04/05/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình cải tạo XD trường).

Nhà trường đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt quy hoạch tại (5.2.02 - Quyết định số 3939/QĐ-BNN-KH ngày 05/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án quy hoạch mặt bằng tổng thể Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ; 5.2.03 - Bản vẽ số 03, 04; 5.2.04 - Công văn số 10700/BTC-QLCS ngày 01/8/2014 của Bộ Tài Chính về việc phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất khối HCSN thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh) đang triển khai thực hiện.

Số liệu về diện tích khu đất toàn trường, diện tích các công trình xây dựng. Số liệu về diện tích cây xanh

Tại Cơ sở chính:

- Diện tích: 7,96 ha trong đó:
- Khu A (Khu trung tâm xây dựng): Hành chính, học tập, ký túc xá: 3,13ha.
- Khu B: Thực hành nông nghiệp: 4,83ha : chuồng trại chăn nuôi, kho tàng, cánh đồng thí nghiệm. Cụ thể:
 - + Xây dựng khu hiệu bộ (diện tích: 1.972 m²),
 - + Khu KTX (diện tích 2.394 m²; bao gồm 02 dãy 1 trệt 2 lầu; Dãy KTX B3: Tổng 23 phòng: 22 phòng: 4 m x 8 m = 32m² + 01 phòng = 8m x 8m = 64 m²
 - + Dãy KTX B1: Tổng 24 phòng: 4m x 8 m = 32 m²
 - + 02 khu giảng đường (A1 = 18 phòng học lý thuyết; diện tích: 51,5m²/phòng; Giảng đường A3 (07 phòng học lý thuyết: 2 phòng 20 m x 8m = 160 m² + 2 phòng 16 m x 8 m = 128m² + 3 phòng 12 m x 8m = 96m²) + (1 phòng giáo viên 4 m x 8m = 32m²)
 - + Thư viện: 128 m²;
 - + Khu thí nghiệm phía Bắc 9 phòng : 6 phòng 7 m x 8m = 56m² + 2 phòng 7m x 12m = 84m² + 1 phòng 4m x 7m = 28m²; (Kho 2 phòng) 4m x 7m = 28m².
 - + Khu thí nghiệm phía Nam 9 phòng: 5 phòng máy tính: 02 phòng 7m x 12m = 84 m²; 3 phòng 7m x 8m = 56 m²); 02 Phòng thí nghiệm VLXD, Phòng thí nghiệm Phân tích chất lượng nước (7m x 12m = 84m²/phòng); 01 phòng trắc địa 7m x 4m = 28 m²
 - + 01 Phòng thí nghiệm nuôi cấy mô: 150m²
 - + 02 Xưởng chế biến nông sản: 150 m²/ xưởng

+ Nhà hội trường-giảng đường lớn: - Hội trường 01: 23m x 21m = 483m²; 02 giảng đường: 21m x 9m = 189m²; phòng chờ: 4m x 10m = 40 m²

+ Phòng GV: 4m x 5m = 20 m²

+ Nhà thí nghiệm tổng hợp (mới xây dựng năm 2022): Tổng 18 phòng = 714 m²: 4 phòng (9m x 7m) + 10 phòng (4,5m x 7m) + 2 phòng (7m x 7m) + 2 phòng (3,5m x 7m)

+ Nhà giáo dục thể chất (mới xây dựng năm 2022): 1.039 m²

+ Khu thực hành chăn nuôi: (chuồng heo Nái C3= 265 m²; Chuồng heo Nấu C4 = 199m²; Chuồng cách ly = 36m²; Chuồng heo Thịt C6= 100,5m²; Chuồng heo đực giống C7 = 100,6 m²; chuồng heo Nái C8 = 100,5m²)

+ 02 Nhà lưới phục vụ thực hành nghề Trồng trọt = 1008 m²/ nhà lưới

TT	Hạng mục công trình	Năm sử dụng	Số tầng	Kết cấu chính	DT XD (m ²)	Tổng DT sàn XD (m ²)	Ghi chú
1	2		3	4	6	7	8
1	Giảng đường A1	1979	3	Khung BTCT	611	1833	18
2	Giảng đường A3	2011	3	Khung BTCT	547	1496	7
3	Nhà hội trường+ giảng đường lớn	2021	2	Khung BTCT	760	1520	
	+ Hội trường : 760 m ²						
	+ Giảng đường :760 m ²						2p
4	Hiệu bộ, giảng đường , thí nghiệm	2005	3	Khung BTCT			5131
	+ Phòng làm việc BGH, Khoa, Phòng, Tổ Bộ môn				684	1972	
	+ Giảng đường, Phòng thí nghiệm.				1026	3159	
5	Nhà làm việc tại khu trại C1	2002	1	Khung BTCT			
	+ Phòng học				415	415	
	+ Nhà làm việc				49	49	
6	Ký túc xá B1	2000	3	Khung BTCT	400	1197	
7	Ký túc xá B3	2000	3	Khung BTCT	400	1197	
8	Nhà giáo dục thể chất	2021	1	Khung BTCT	1038	1038	
9	Sân bóng đá	2018			834	834	

10	Nhà ở CBVC : 3C1-1998, C2 - 3 căn - XD 2004	1998	1	Khung BTCT	252	252	
11	Kho xưởng khoa Thủy lợi	2001	1	Khung BTCT	160	160	
12	Kho xưởng nông sản, máy móc	2002	1	Khung BTCT	115	115	
13	Xưởng thực hành cơ, điện(phòng TD)	1999	1	Khung Thép	246	246	
14	Nhà để xe ô tô	2001	1	Khung BTCT	154	154	
15	Nhà bảo vệ	1995	1	Khung BTCT	16	16	
14	Nhà xe CBVC	2005	1	Khung Thép	288	288	
15	Nhà xe học sinh	2017	1	Khung BTCT	480	480	
16	Hội trường (nhà ở TTGV + HT)	1978	1	Khung BTCT	1040	1040	
17	Căn tin	2018	1	Khung BTCT	300	300	
18	Chuồng gà C2	2002	1	Khung BTCT	134	134	
19	Chuồng heo nái C3	2002	1	Khung BTCT	265	265	
20	Chuồng heo nái C4	2002	1	Khung BTCT	199	199	
21	Chuồng cách ly C5	2002	1	Khung BTCT	35	35	
22	Chuồng heo thịt C6	2002	1	Khung BTCT	100,5	100,5	
23	Chuồng heo đực C7	2002	1	Khung BTCT	100,5	100,5	
24	Chuồng heo nái C8	2002	1	Khung BTCT	100,5	100,5	
25	2 xưởng thực hành chế biến	2011	1	Khung BTCT	266	266	
26	Nhà nuôi cấy mô	2013	1	Khung BTCT	144	144	
27	11 Gian hàng trưng bày sản phẩm	2014	1	Khung BTCT	172	172	
28	Văn phòng tuyển sinh	2016	1	Khung BTCT	26	26	
29	01 Nhà lưới	2019	1	khung thép	1008	1008	
30	01 Nhà lưới	2020	1	khung thép	1008	1008	
31	Nhà vệ sinh khu trại	2021	1	Khung BTCT	29	29	
32	Nhà thí nghiệm tổng hợp	2021	3	Khung BTCT	402,2	1207	
33	Nhà để xe sinh viên KTX	2021	1	khung thép	282,2	282,2	
Tổng					13785,4	22536,2	

- Số liệu về diện tích cây xanh (cơ sở chính): 1.925m²

Phân hiệu:

+ Khu Hành chính quản trị với các phòng ban trực thuộc gồm: Văn phòng Phân hiệu, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Đào tạo và Công tác học sinh sinh viên, tổng diện tích 529.2 m².

+ Khu Hiệu bộ được đặt tại tầng 2 khu nhà làm việc 5 tầng gồm 4 phòng, diện tích hơn 120 m².

+ Khu học tập và nghiên cứu khoa học, khu thực hành, thực tập, nhà giữ xe, ký túc xá (KTX), hội trường, sân chơi, sân thể dục thể thao. Giữa các khối công trình có hệ thống đường giao thông nên rất thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển thiết bị khi cần (5.2.05 - Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất ngày 08/7/2013 của Ban chỉ đạo 09).

+ Phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, đặt tại khu nhà lớp học 4 tầng, tầng 3,4,5 khu nhà lớp học 5 tầng với diện tích 1.587,6 m², khu giảng đường lớn, khu nhà thực hành gồm 57 phòng. Khu thực hành thực tập được bố trí riêng biệt như: Nhà xưởng số 7 (Xưởng thực hành cơ điện lạnh – máy tàu); Nhà xưởng số 8 (xưởng thực hành điện) với diện tích 1.197m². Khu vực rèn luyện thể chất: Phân hiệu đầu tư xây dựng sân cầu lông trong nhà cho học sinh có diện tích 348m², phòng tập bóng bàn với 2 bàn, sân bóng chuyền, khu rèn luyện thể chất ngoài trời. Khu vực phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo: Phân hiệu có khu vực căn tin phục vụ cho người học với diện tích 600m²; bãi xe giữ xe diện tích 2.000m²; các dịch vụ photo, in ấn tài liệu; văn phòng phẩm.

Tại Phân hiệu, các loài cây như cây bàng, cây phượng vĩ, cây đa... có diện tích che phủ từ 20 m² đến 30 m², một số loài cây nhỏ hơn như cây cau có diện tích bóng mát 10 m² đến 15 m²

Khu vực	Số lượng cây xanh	Diện tích bóng mát
Khu A	78 cây	2255 m ²
Khu C	27 cây	800 m ²
Ký túc xá	23 cây	670 m ²

Ý kiến của người học, nhà giáo và CBVC về quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định được thể hiện trong phiếu lấy ý kiến CBVC và HSSV, kết quả khảo sát cho thấy hầu hết CBVC và HSSV đều cho rằng cơ sở hạ tầng của Nhà trường đáp ứng yêu cầu (1.10.20 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.09 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà

giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form; 1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn; khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường có các khu vực phục vụ cho các hoạt động của Trường theo tiêu chuẩn khu học tập và khu nghiên cứu khoa học; khu thực hành; khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị.

Khu học tập: phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn gồm 02 khu giảng đường với 25 phòng học lý thuyết, 02 hội trường từ 100 chỗ đến 500 chỗ và 04 phòng học tại khu trại thực nghiệm và 16 phòng thí nghiệm bố trí ở 2 dãy nhà. Trại Thực nghiệm của Trường gồm: Khu thực hành cho ngành trồng trọt, khu trại chăn nuôi, khu nhà mổ động vật, khu thực hành thủy lợi, xưởng thực hành chế biến thực phẩm.

Một số công trình phụ trợ và khu sinh hoạt cho người học và giáo viên (ký túc xá HSSV, nhà ở công vụ của GV, nhà xe CBVC, nhà xe HSSV, phòng tuyển sinh, hệ thống phòng trưng bày sản phẩm và các dịch vụ hỗ trợ người học) (5.2.01 - Quyết định số 1818/QĐ-BNN-XDCB ngày 04/05/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình cải tạo XD trường; 5.3.01 - Quyết định số 834/QĐ-BNN-XD, ngày 9/3/2018 của Bộ NN và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư “cải tạo, xây dựng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ”; 5.2.03 - Bản vẽ số 03, 04 - lưu tại phòng Cơ sở vật chất; 5.3.02 - Báo cáo cơ sở vật chất năm 2019; 2020; 2021).

+ Thống kê Khu hành chính (Diện tích, số phòng, vị trí)

STT	Các phòng ban trong Khu Hành chính quản trị	Diện tích (m2)	Số phòng	Vị trí
1	Phòng Đào tạo và khoa học công nghệ	72	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
2	Phòng Tổ chức – Hành chính và Quản trị	72	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
3	Phòng Công tác sinh viên	68	1	Trong khuôn viên cơ sở chính

4	Phòng Cơ sở vật chất	81	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
5	Phòng Tài chính - Kế toán	48	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
6	Phòng Kiểm định và đảm bảo chất lượng	42	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
7	Khoa Chăn nuôi thú y	72	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
8	Khoa Trồng trọt – BVTV	48	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
9	Khoa Thủy lợi	24	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
10	Khoa KHCB	42	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
11	Văn Phòng Công đoàn	24	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
12	Văn Phòng Đoàn thanh niên	24	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
13	Văn Phòng Đảng ủy	24	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
14	Kho lưu trữ	24	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
15	Phòng họp 209	48	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
16	Phòng dạy chuyên dùng	72	1	Trong khuôn viên cơ sở chính

+ Thống kê các công trình phụ trợ và khu sinh hoạt cho người học và giáo viên tại cơ sở chính (Diện tích, số phòng, vị trí)

STT	Công trình phụ trợ và khu sinh hoạt cho người học và giáo viên	Diện tích (m ²)	Số phòng	Vị trí
I	Khu ký túc xá			
1	Ký túc xá B1	1197	22	Trong khuôn viên cơ sở chính
2	Ký túc xá B3	1197	24	Trong khuôn viên cơ sở chính
II	Hội trường			
1	Hội trường 308	128	1	Trong khuôn viên cơ sở chính

2	Hội trường lớn	1040	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
3	Hội trường (Tại nhà Hội trường – giảng đường lớn)	760	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
III	Khu thể dục thể thao			
1	Nhà giáo dục thể chất	1038	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
2	Sân bóng đá mini (02 sân)	834	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
3	Sân cầu lông + thể thao ngoài trời	1400	1	Trong khuôn viên cơ sở chính
IV	Căn tin			
1	Căn tin phục vụ học sinh , sinh viên	300	1	Trong khuôn viên cơ sở chính

Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM đảm bảo có đủ các khu vực phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động trong nhà trường (các khối công trình được bố trí độc lập không ảnh hưởng nhau) như:

Khu Hành chính quản trị với các phòng ban trực thuộc gồm: Văn phòng Phân hiệu, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Đào tạo và Công tác học sinh sinh viên, tổng diện tích 529.2 m².

Khu Hiệu bộ được đặt tại tầng 2 khu nhà làm việc 5 tầng gồm 4 phòng, diện tích hơn 120 m².

Khu học tập và nghiên cứu khoa học, khu thực hành, thực tập, nhà giữ xe, ký túc xá (KTX), hội trường, sân chơi, sân thể dục thể thao. Giữa các khối công trình có hệ thống đường giao thông nên rất thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển thiết bị khi cần (5.2.05 - Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất ngày 08/7/2013 của Ban chỉ đạo 09).

Phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, đặt tại khu nhà lớp học 4 tầng, tầng 3,4,5 khu nhà lớp học 5 tầng với diện tích 1587.6 m², khu giảng đường lớn, khu nhà thực hành gồm 57 phòng. Khu thực hành thực tập được bố trí riêng biệt như: Nhà xưởng số 7 (Xưởng thực hành cơ điện lạnh – máy tàu); Nhà xưởng số 8 (xưởng thực hành điện) với diện tích 1.197m². Khu vực rèn luyện thể chất: Phân hiệu đầu tư xây dựng sân cầu lông trong nhà cho học sinh có diện tích 348m², phòng tập bóng bàn với 2 bàn, sân bóng chuyền, khu rèn luyện thể chất ngoài trời. Khu vực phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo: Phân hiệu có khu vực căn tin phục vụ cho người học với diện tích 600m²; bãi xe giữ xe diện tích 2.000m²; các dịch vụ photo, in ấn tài liệu; văn phòng phẩm.

Ý kiến của người học, nhà giáo và CBVC về các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn; khu học tập và nghiên cứu khoa học; khu thực hành; khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người

học và nhà giáo được thể hiện trong phiếu lấy ý kiến CBVC và HSSV, kết quả khảo sát cho thấy hầu hết CBVC và HSSV đều cho rằng Nhà trường có đầy đủ các khu đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa (1.10.20 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.09 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form; 1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Về cơ sở hạ tầng bao gồm đường, điện, nước hoành chính; hệ thống giao thông được trải nhựa và bê tông hóa toàn bộ khuôn viên trường từ cổng trường ra khu thí nghiệm được thiết kế đầy đủ trong phần thuyết minh các hạng mục công trình xây dựng (5.4.01 – Hồ sơ xây dựng, thiết kế các hạng mục công trình xây dựng, mặt bằng khuôn viên trường).

Tất cả các hạng mục khi đưa vào sử dụng đều có biên bản nghiệm thu (5.1.08 – Hồ sơ hoàn công các công trình xây dựng từ năm 2001 đến nay; 5.1.09 – Biên bản nghiệm thu và đưa vào sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống phòng cháy chữa cháy; 5.4.02 - Bản vẽ số 07;08; 09 – lưu tại phòng cơ sở vật chất).

+ Hệ thống điện: Điện lực Thành phố Mỹ Tho cung cấp qua máy biến áp 320KVA của Nhà trường. Ngoài ra, Trường còn được trang bị thêm 01 máy phát điện 3 pha động cơ 4 thì 50 KVA để phòng khi hệ thống lưới điện Quốc gia có sự cố hoặc có lịch thông báo cúp điện để bảo trì hệ thống điện của Công ty điện lực Tiền Giang thì nhà Trường cho chạy máy phát điện để đảm bảo công tác hành chính và phục vụ đào tạo được tốt không bị gián đoạn (5.1.06 - Hợp đồng số: 21001191 ngày 13/12/2021 mua bán điện giữa Trường Cao đẳng NN Nam Bộ và Tổng công ty điện lực Miền Nam, mã khách hàng: PB 080810014396- A0911- Q 34- IA 3860000).

+ Hệ thống cấp nước sinh hoạt do Công ty cấp nước Tiền Giang cung cấp (5.4.03 - Bản vẽ hồ sơ hoàn công hệ thống đường ống cấp nước HDPE; 5.1.07 - Hóa đơn giá trị gia tăng phí nước của Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang).

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt trong khu KTX (5.4.04 - Bản vẽ hồ sơ hoàn công Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt). Hàng năm nhà Trường có làm báo cáo giám sát môi trường gửi cho Sở Tài nguyên – môi trường về xử lý nước thải, chất thải (5.4.05 - Báo cáo giám sát môi trường năm 2019, 2020, 2021; 5.4.06 - Báo cáo ngày 30/12/2019 về quản lý chất thải nguy hại năm 2019).

+ Hệ thống phòng cháy, chữa cháy khu KTX và giảng đường A3. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường được thiết kế và lắp đặt vận hành đúng theo quy chuẩn với sự kiểm soát của các cơ quan chức năng có liên quan (5.4.07 - Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy số 61/TĐ-PCCC của phòng CSPCCC công an Tiền Giang cấp ngày 25/7/2013).

Công tác bảo trì, bảo dưỡng và tự kiểm tra an toàn về cơ sở hạ tầng, đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy tại cơ sở được Ban giám hiệu chỉ đạo thực hiện thường xuyên. Định kỳ hằng năm Nhà trường thực hiện báo cáo về thực hiện công tác PCCC gửi các cơ quan chức năng tại địa phương (5.1.10 - Báo cáo số 1281/BC-CĐNB ngày 26/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ thực hiện công tác PCCC năm 2019; 5.1.11 - Báo cáo số 1191/BC-CĐNB ngày 30/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ thực hiện công tác PCCC năm 2020; 5.1.12 - Báo cáo số 816 ngày 9/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ thực hiện công tác PCCC năm 2021).

Hằng năm, Nhà trường đều tiến hành rà soát, kiểm tra chất lượng các hạng mục xây dựng, cơ sở hạ tầng để kịp thời bảo trì, sửa chữa để phục vụ tốt nhất cho hoạt động.

+ Năm 2019 sửa chữa các hạng mục: Cải tạo nhà lưới phục vụ thực hành trồng trọt; Cải tạo chống dột kho xưởng thực hành khoa thủy lợi; Cải tạo chống thấm KTX B3; Cải tạo chống dột chuồng thực hành chăn nuôi heo trại thực nghiệm; Cải tạo Bảng hiệu tên trường, phòng giảng dạy phục vụ đào tạo (5.4.08 – Hồ sơ sửa chữa xây dựng năm 2019)

+ Năm 2020 sửa chữa các hạng mục: Cải tạo chống thấm ký túc xá B1; Cải tạo nhà lưới phục vụ thực hành ngành khoa học cây trồng; Cải tạo chống thấm dây phòng học nhà A3; Cải tạo khu nhà lưới phòng nuôi cấy mô, khu thể dục thể thao (5.4.09 - Hồ sơ sửa chữa xây dựng năm 2020).

+ Năm 2021 sửa chữa các hạng mục: Sửa chữa Phòng truyền thống, Nhà thực hành thí nghiệm; Sửa chữa rãnh thoát nước, hàng rào, sân nền khu nhà xe ký túc xá; Sửa nền, hành lang phòng học 108, cửa cổng ký túc xá bị hư hỏng (5.4.10 - Hồ sơ sửa chữa xây dựng năm 2021).

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.CHM đã được thiết kế xây dựng trong khuôn viên với tổng diện tích đất là 17.395m² trên nền đất cao, đủ đáp ứng yêu cầu làm việc và các hoạt động dạy nghề, thực nghiệm, thực hành.

Có đường dây trung hạ thế 3 pha và trạm biến áp riêng đáp ứng công suất tiêu thụ điện cho các hoạt động, có thiết kế lắp đặt đầy đủ hệ thống điện chiếu sáng và vận hành thiết bị.

Hệ thống cấp nước đảm bảo sinh hoạt theo nguồn nước máy trong đó nước uống được lắp đặt qua máy lọc RO cho học sinh sinh viên sử dụng và nước tưới cây xanh trong khuôn viên đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp.

Hệ thống thoát nước từ các công trình có đường cống dẫn đến nơi rút tại mặt cống đường An Dương Vương và đường Số 1 được đầu tư mới (5.4.11 - Mặt bằng hệ thống thoát nước số N01/02; 5.4.12 - Hợp đồng thi công xây dựng số 803/2020/HĐXD ngày 31/7/2020 gói thầu cải tạo hệ thống điện khu A và sửa chữa văn phòng tuyển sinh số 1).

Hệ thống phòng cháy chữa cháy được trường đầu tư lắp đặt từ năm 2003 và được cảnh sát phòng cháy chữa cháy TP.HCM cấp giấy chứng nhận nghiệm thu hệ thống phòng chống cháy ngoài ra trường còn trang bị trang phục chữa cháy và 50 bình chữa cháy các loại như: Bình bột, khói CO₂... Hàng năm, Trường phối hợp Công an Quận Bình Tân diễn tập phương án PCCC và CNCH (5.4.13 - Giấy chứng nhận nghiệm thu hệ thống phòng chống cháy số 300 PCCC/NT; 5.4.14 - Bản vẽ thiết kế hệ thống cấp nước và chữa cháy; 5.4.15 - Phương án chữa cháy cơ sở đã được Công an PCCC và CNCH Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt).

Hàng năm, tại Phân hiệu có bảo trì, bảo dưỡng đường dây, trạm biến áp định kỳ và công tác quản lý và bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của nhà trường được đảm bảo hoạt động đúng chức năng. Văn phòng Phân hiệu đảm bảo vận hành đúng quy trình, hoạt động đúng chức năng, công suất theo thiết kế. Bộ phận kỹ thuật kết hợp với các khoa kiểm tra các trang thiết bị của các phòng học, nhà xưởng, các hệ thống điện nước để kịp thời phát hiện ra hư hỏng và sửa chữa. Ngoài công tác bảo dưỡng thường xuyên, hàng năm vào dịp nghỉ hè đều có kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng gia cố các hư hỏng như: Máy chiếu, bàn ghế, hệ thống âm thanh, hệ thống chiếu sáng tại phòng học, xem xét để xử lý chống dột vào mùa mưa, khai thông cống rãnh, kiểm tra các hệ thống điện, nước.

Ý kiến của người học, nhà giáo và CBVC về hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định được thể hiện trong phiếu lấy ý kiến, kết quả khảo sát CBVC và HSSV (1.10.20 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.09 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form; 1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ vào hướng dẫn tại Thông Tư 38/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2018 về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường có đầy đủ phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo. Phòng học, phòng thí nghiệm hiện tại bố trí cho số HSSV từ 35 - 45 chỗ, có phòng chuyên dùng từ 60-100 chỗ đáp ứng yêu cầu đào tạo, cụ thể:

* Phòng học lý thuyết (giảng đường A1: 18 phòng học) = 611 m²; Khối phòng học lý thuyết (giảng đường A3: 7 phòng học) = 547 m²

* Khu thực hành tin học, phòng thực hành (Khoa Trồng trọt – BVTV); (Khoa Chăn nuôi Thú y) = 1.026 m²

* Phòng thí nghiệm nuôi cấy mô = 150 m²

* Nhà xưởng chế biến nông sản = 150 m² x 2 nhà xưởng

* Nhà hội trường – giảng đường lớn = 875 m²

* Nhà thí nghiệm tổng hợp = 439 m²

* Nhà giáo dục thể chất = 1.039 m²

* Khu giáo dục thể chất ngoài trời = 2.200 m²

* Nhà lưới phục vụ thực hành TT = 1.008 m²/ nhà lưới x 2 nhà lưới

* Khu thực hành chăn nuôi:

+ chuồng gà = 134 m²

+ Chuồng heo nái C3 = 265 m²

+ Chuồng heo nái C4 = 199 m²

+ Chuồng cách ly C5 = 35 m²

+ Chuồng heo thịt C6 = 100,5 m²

+ Chuồng heo đực C7 = 100,5 m²

+ Chuồng heo nái C8 = 100,5 m²

* Ao nuôi thủy sản = 2.500 m²

* Đất ruộng = 2.800 m²

* Đất cây trồng cạn, sân chơi, đường đất, vườn hoa, cây cảnh..... = 31.286 m²

(5.3.02 - Báo cáo cơ sở vật chất 2020, 2021, 2022)

TT	Tên phòng học	Loại phòng học	Diện tích (m ²)	Hình thức phòng	Tình trạng sử dụng	Vị trí
----	---------------	----------------	-----------------------------	-----------------	--------------------	--------

I	Giảng đường A1					
1	Phòng số 202-A1	Phòng giáo viên	26	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
2	Phòng số 103A1	Thư viện	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
3	Phòng số 104-A1	Thư viện	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
4	Phòng số 105	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
5	Phòng số 106	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
6	Phòng số 107	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
7	Phòng số 108	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
8	Phòng số 203	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
9	Phòng số 204	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
10	Phòng số 205	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
11	Phòng số 206	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
12	Phòng số 207	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
13	Phòng số 208	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
14	Phòng số 303	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
15	Phòng số 304	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
16	Phòng số 305	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
17	Phòng số 306	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
18	Phòng số 307	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
19	Phòng số 308	Phòng học lý thuyết	52	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
II	Giảng đường A3					
1	Phòng số 201-A3	Phòng giáo viên	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
2	Phòng số 101-A3	Phòng học lý thuyết	160	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
3	Phòng số 102	Phòng học lý thuyết	160	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
4	Phòng số 202	Phòng học lý thuyết	128	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
5	Phòng số 203	Phòng học lý thuyết	128	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
6	Phòng số 301	Phòng học lý thuyết	96	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
7	Phòng số 302	Phòng học lý thuyết	96	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
8	Phòng số 303	Phòng học lý thuyết	96	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
III	Hội trường - Giảng đường lớn					

1	Phòng số 01-HT	Phòng học lý thuyết	189	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
2	Phòng số 02-HT	Phòng học lý thuyết	189	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
3	Phòng số 03-HT	Phòng giáo viên	20	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
IV	Nhà làm việc trại C1					
1	Phòng số 01-C1	Phòng học lý thuyết	48	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu C
2	Phòng số 02-C1	Phòng học lý thuyết	48	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu C
3	Phòng số 03-C1	Phòng học lý thuyết	48	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu C
4	Phòng số 04-C1	Phòng học lý thuyết	48	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu C
V	Xưởng thực hành chế biến					
1	Xưởng thực hành chế biến 1	Xưởng thực tập, thực hành	133	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu C
2	Xưởng thực hành chế biến 2	Xưởng thực tập, thực hành	133	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu C
VI	Kho xưởng khoa Thủy lợi					
1	Kho xưởng khoa Thủy lợi	Xưởng thực tập, thực hành	160	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu C
VII	Kho xưởng nông sản, máy móc					
1	Kho xưởng nông sản, máy móc	Xưởng thực tập, thực hành	115	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu C
VIII	Nhà thí nghiệm					
1	Phòng kỹ thuật cơ sở (Nghề CTN)	Xưởng thực tập, thực hành	63	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
2	Phòng thực hành cơ bản nghề nước (Nghề CTN)	Xưởng thực tập, thực hành	63	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
3	Phòng kỹ thuật cơ sở (Nghề KSDH)	Xưởng thực tập, thực hành	63	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
4	Phòng thực hành trắc địa (Nghề KSDH)	Xưởng thực tập, thực hành	63	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
5	Phòng thực hành chăn nuôi gia súc (Nghề CN)	Xưởng thực tập, thực hành	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
6	Phòng thực hành chăn nuôi gia cầm (Nghề CN)	Xưởng thực tập, thực hành	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
7	Phòng thực hành thú y (Nghề CN)	Xưởng thực tập, thực hành	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
8	Phòng kỹ thuật cơ sở (Nghề CN)	Xưởng thực tập, thực hành	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
9	Phòng thực hành dinh dưỡng thức ăn (Nghề CN)	Xưởng thực tập, thực hành	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
10	Phòng Côn trùng và vi sinh vật hại khác (Nghề BVTV)	Xưởng thực tập, thực hành	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D

11	Phòng thực hành bệnh cây và vi sinh vật (Nghề BVTV)	Xưởng thực tập, thực hành	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
12	Phòng thực hành môi trường (Nghề NTTS nước ngọt)	Xưởng thực tập, thực hành	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
13	Phòng thực hành bệnh (Nghề NTTS nước ngọt)	Xưởng thực tập, thực hành	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
14	Phòng thực hành sinh học (Nghề NTTS nước ngọt)	Xưởng thực tập, thực hành	32	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
15	Phòng thực hành chuẩn bị và sơ chế nguyên liệu (Nghề Chế biến -BQTS)	Xưởng thực tập, thực hành	49	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
16	Phòng thực hành chế biến (Nghề Chế biến -BQTS)	Xưởng thực tập, thực hành	49	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
17	Phòng thực hành phân tích thực phẩm (Nghề Chế biến -BQTS)	Xưởng thực tập, thực hành	25	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
18	Phòng thực hành đóng gói và bảo quản (Nghề Chế biến -BQTS)	Xưởng thực tập, thực hành	25	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu D
IX	Nhà nuôi cấy mô					
1	Nhà nuôi cấy mô	Phòng thí nghiệm	144	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
X	Nhà Hiệu bộ - giảng đường - thí nghiệm					
	Dãy nhà thí nghiệm phía Bắc					
1	Phòng thực hành tiêu bản mẫu vật (P.114)	Xưởng thực tập, thực hành	28	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
2	Phòng thí nghiệm vi sinh - ký sinh trùng P.115)	Phòng thí nghiệm	56	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
3	Phòng thực hành cơ thể sinh lý chăn nuôi chuyên khoa (P.116)	Xưởng thực tập, thực hành	56	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
4	Phòng thực hành thú y - Dược lý (P.117)	Xưởng thực tập, thực hành	56	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
5	Phòng thí nghiệm sinh học - Giống - cây trồng (P.216)	Phòng thí nghiệm	56	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
6	Phòng dụng cụ thực hành thực tập ngành Trồng trọt -BVTV (P.217)	Xưởng thực tập, thực hành	28	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
7	Phòng thí nghiệm vật lý (P.218)	Phòng thí nghiệm	56	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
8	Phòng thí nghiệm Đất - Phân - BVTV (P.219)	Phòng thí nghiệm	56	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
9	Phòng thí nghiệm hóa sinh (P.312)	Phòng thí nghiệm	84	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
10	Phòng dụng cụ thực hành thực tập ngành Chăn nuôi thú y (P.313)	Xưởng thực tập, thực hành	28	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A

11	Phòng thí nghiệm vi sinh (P.314)	Phòng thí nghiệm	84	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
	Dãy nhà thí nghiệm phía Nam			Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
12	Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng (P.111)	Phòng thí nghiệm	98	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
13	Phòng thí nghiệm Phân tích chất lượng nước (P.112)	Phòng thí nghiệm	84	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
14	Phòng thực hành máy tính 1 (P.212)	Xưởng thực tập, thực hành	56	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
15	Phòng thực hành máy tính 2 (P.213)	Xưởng thực tập, thực hành	56	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
16	Phòng thiết bị thực hành ngành Quản lý đất đai (P.214)	Xưởng thực tập, thực hành	28	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
17	Phòng máy tính 3(P.215)	Thư viện/Trung tâm học liệu	56	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
18	Phòng thực hành máy tính 4 (P.309)	Xưởng thực tập, thực hành	84	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
19	Phòng thực hành máy tính 5 (P.310)	Xưởng thực tập, thực hành	84	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A
	Khu Hiệu bộ					
20	Phòng dạy chuyên dùng	Phòng học lý thuyết	72	Kiên cố	Đang sử dụng	Khu A

Nhà trường có báo cáo đánh giá về mức độ đáp ứng số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các chương trình đào tạo (5.5.02 - Báo cáo số 09/BC-CSVC ngày 5/10/2021 Báo cáo Tự đánh giá thực trạng phòng học, phòng thực hành, xưởng thực tập, khu thí nghiệm phục vụ đào tạo).

Trang thiết bị giảng dạy, thực hành được đầu tư từ nhiều dự án trong các năm qua. Gần nhất là dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và thiết bị mua sắm cho đào tạo các nghề Nông nghiệp năm 2020”, đảm bảo chất lượng và công nghệ mới nhất để phục vụ đào tạo. Nhà trường có đầy đủ danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo đối với phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng học chuyên môn hóa (5.5.03 – Danh mục thiết bị tại các phòng thực hành, thí nghiệm).

Tại Phân hiệu Trường có hệ thống phòng học lý thuyết, hội trường, phòng thí nghiệm, phòng học chuyên môn hóa, xưởng thực hành đáp ứng được hoạt động đào tạo của Phân hiệu, ngoài ra hàng năm Phân hiệu phối hợp đào tạo thực hành thực tế tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất. So với lưu lượng học sinh hiện nay là 1.000 học sinh thì hệ thống các phòng học, xưởng thực hành và các phòng thí nghiệm đáp ứng được các hoạt động đào tạo của Phân hiệu.

Phòng học lý thuyết và các phòng thực hành đặt tại tầng 3, 4, 5 khu nhà lớp học 5 tầng với diện tích 1587.6 m², gồm 14 phòng học trong đó có 4 Phòng thực hành tin học, 1 phòng thực hành điện.

TT	Phòng học lý thuyết	Diện tích phòng (m²)
1	Phòng học 301	56
2	Phòng học 302	56
3	Phòng học 303	56
4	Phòng học 304	56
5	Phòng học 307	84
6	Phòng học 401	84
7	Phòng học 402	84
8	Phòng học 403	84
9	Phòng học 405	56
10	Phòng học 406	56
11	Phòng thực hành tin học 501	56
12	Phòng thực hành tin học 502	56
13	Phòng thực hành tin học 503	56
14	Phòng thực hành tin học 504	56
15	Phòng thực hành điện 506	112

Hiện tại hệ thống Phòng thực hành, thí nghiệm, xưởng thực hành với diện tích xây dựng 3.452m² cụ thể như sau:

TT	Tên xưởng	Số lượng	Diện tích Xưởng (m²)
1	Xưởng thực hành bảo trì thiết bị lạnh và điều hòa không khí - Máy tàu	01 xưởng	150
2	Xưởng thực hành hành điện	01 xưởng	150

3	Phòng thực hành lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp; sửa chữa điện công nghiệp và dân dụng	01 phòng	150
4	Phòng thực hành tin học	04 phòng	224
5	Phòng công nghệ sinh học, phòng tiêu bản ngư loại, phòng thủy sinh	03 phòng	400
6	Khu thực nghiệm nuôi trồng thủy sản ngọt, mặn, lợ	01 khu	800
7	Phòng thí nghiệm hóa, phòng thí nghiệm vi sinh, phòng thực hành công nghệ chế biến, kho vật tư	03 phòng	400
8	Phòng thực hành khai thác thủy sản	01 phòng	112

Hệ thống các phòng học lý thuyết và các xưởng thực hành được bố trí riêng biệt, đảm bảo ngăn cách, không bị ảnh hưởng tiếng ồn giữa khu vực lý thuyết và thực hành, các công trình có quy chuẩn kết cấu, kiến trúc và nội thất đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hệ thống chiếu sáng và thông gió đủ và đúng quy chuẩn thể hiện qua hồ sơ thiết kế các công trình của Phân hiệu. Phân hiệu có đường giao thông nội bộ thuận tiện. Hệ thống các phòng học lý thuyết được xây dựng thoáng mát, thông gió tốt, bố trí các cửa sổ đảm bảo lấy được ánh sáng tự nhiên tối đa. Các xưởng thực hành đều có bố trí đèn, quạt đảm bảo thông thoáng và đầy đủ ánh sáng để học sinh thực hành, thực tập.

Ý kiến của người học, nhà giáo và CBVC về phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo được thể hiện trong phiếu lấy ý kiến, kết quả khảo sát CBVC và HSSV (1.10.20 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.09 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form; 1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 01 điểm

***Tiêu chuẩn 5.6:** Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Để triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác theo dõi, điều hành, quản lý, khai thác sử dụng các phòng thí nghiệm - thực hành, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời, giúp học sinh- sinh viên nắm vững và thực hiện đúng nội quy, quy định của phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng Cơ sở vật chất tham mưu Ban Giám hiệu đã ban hành “Quy định trách nhiệm quản lý, phục vụ và khai thác các phòng thí nghiệm -

thực hành; Quy định trách nhiệm quản lý, phục vụ đào tạo và khai thác máy vi tính ở các phòng thực hành do Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học chịu trách nhiệm quản lý của Trường Cao Đẳng Nông Nghiệp Nam Bộ”. Trong quy định có nêu rõ các vấn đề về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo (5.6.01 - Quyết định số 1283/QĐ-CDNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng thí nghiệm; 5.6.02 - Quyết định số 1282/QĐ-CDNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng máy vi tính).

Nhà trường có tiến hành xây dựng Quy trình ĐBCL về Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị được ban hành và đưa vào sử dụng từ đầu năm 2022 (5.6.03 – Quy trình Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị ban hành kèm QĐ 270/QĐ-CDNB ngày 30/3/2022 Điều chỉnh bổ sung hệ thống quy trình ĐBCL Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ).

Phòng Cơ sở vật chất được giao nhiệm vụ quản lý, theo dõi xuất nhập vật tư thiết bị. Tất cả các thiết bị đều có hồ sơ: xuất xứ, năm, nước sản xuất, nhà sản xuất thể hiện qua các hợp đồng hóa đơn chứng từ mua thiết bị phục vụ công tác đào tạo (5.5.01 – Danh mục thiết bị tại các phòng thực hành, thí nghiệm).

Hàng năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp kinh phí không thường xuyên dùng để mua sắm trang thiết bị, vật tư thực hành, thực tập phục vụ cho công tác đào tạo hoặc Bộ Nông nghiệp & PTNT phân bổ kinh phí cho Trường mua sắm thiết bị thuộc các dự án như: “Dự án đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ đào tạo các nghề nông nghiệp trọng điểm Quốc gia tuyển sinh tốt năm 2019”; hoặc Dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp thuộc CTMT giáo dục nghề nghiệp – Việc làm và an toàn lao động năm 2020”. Căn cứ theo hướng dẫn sử dụng kinh phí hỗ trợ mua sắm thiết bị đào tạo các nghề nông nghiệp trọng điểm quốc gia tuyển sinh tốt năm 2019, 2020, 2021. Nhà trường đã thành lập Hội đồng tư vấn sử dụng kinh phí. Hội đồng đã thảo luận nhất trí sử dụng kinh phí hỗ trợ mua sắm thiết bị đào tạo các nghề nông nghiệp trọng điểm quốc gia tuyển sinh tốt năm 2019, 2020, 2021 để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị cho các nghề được lựa chọn đầu tư nghề trọng điểm. Nhà trường đã triển khai xây dựng hồ sơ mua sắm thiết bị đào tạo theo đúng quy trình hướng dẫn trình Bộ (5.6.04 - Công văn số 3023/BNN-TCCB ngày 04/05/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Thông báo kế hoạch sử dụng kinh phí Dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN năm 2019 và Công văn số 3024/BNN-TCCB ngày 04/05/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc thông báo danh mục thiết bị mua sắm cho đào tạo các nghề nông nghiệp năm 2019; 5.6.05 - Công văn số: 3514/BNN-TCCB ngày 27/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc thông báo danh mục thiết bị mua sắm cho đào tạo các nghề nông nghiệp và Thông báo kế hoạch sử dụng kinh phí Dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN năm 2020; 5.6.06 - Công văn số 2857/BNN-TCCB ngày 18/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc thông báo danh mục thiết bị mua sắm cho đào tạo các nghề nông nghiệp năm 2021).

Trước khi đưa vào sử dụng, Hiệu trưởng nhà trường đã ban hành các Quyết định giao quản lý các máy móc thiết bị cho các đơn vị trực thuộc. Các đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản cử giáo viên trực tiếp quản lý, sử dụng phục vụ đào tạo nghề theo đúng kế hoạch và có kế hoạch bảo trì bảo dưỡng thiết bị hàng năm (5.6.07 - *Quyết định số 190/QĐ-CDNB ngày 25/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc giao quản lý, khai thác và sử dụng tài sản, thiết bị đầu tư năm 2019 cho các đơn vị thuộc trường*; 5.6.08 - *Quyết định số 122/QĐ-CDNB ngày 15/01/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc giao quản, khai thác và sử dụng tài sản, thiết bị đầu tư năm 2020 cho các đơn vị thuộc trường*; 5.6.09 - *Quyết định số 990/QĐ-CDNB ngày 16/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc giao quản lý, khai thác và sử dụng tài sản, thiết bị đầu tư năm 2021 cho các đơn vị thuộc trường*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.

Mô tả, phân tích, nhận định

Phòng học lý thuyết được khai thác sử dụng hợp lý phục vụ giảng dạy về diện tích, ánh sáng, thoáng mát theo quy định. Để dễ dàng trong việc quản lý và sử dụng, Nhà trường xây dựng và ban hành nội quy sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, thực tập, phòng thực hành máy vi tính. Nội quy sử dụng được nhân bản và dán tại mỗi phòng để giáo viên cũng như HSSV biết và thực hiện (5.7.01 – *Nội quy sử dụng phòng học lý thuyết*; 5.6.01 - *Quyết định số 1283/QĐ-CDNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng thí nghiệm*; 5.6.02 – *Quyết định số 1282/QĐ-CDNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về Ban hành Nội quy phòng máy vi tính*; 5.7.02 – *Nội quy làm việc học tập tại trại thực nghiệm*).

Các phòng học lý thuyết được quản lý sử dụng bởi phòng Đào tạo & KH-CN, có sổ sách theo dõi (5.7.03 – *Sổ theo dõi sử dụng phòng học lý thuyết*) và thường xuyên kiểm tra, báo cáo tình trạng sử dụng trong các cuộc họp đơn vị và báo cáo tổng kết Phòng hàng năm. Phòng thí nghiệm, thực hành được quản lý bởi phòng Cơ sở vật chất. Đơn vị có bố trí chuyên viên phụ trách quản lý các phòng thí nghiệm. Việc sử dụng các phòng thí nghiệm được theo dõi qua nhật ký sử dụng và giấy đề nghị mượn phòng thí nghiệm của giáo viên. Giảng viên sử dụng phòng thí nghiệm, nhà xưởng giảng dạy phù hợp với từng bài, trong chương trình đào tạo thể hiện rõ trong nhật ký thực tập, thực hành tại phòng thí nghiệm (5.7.04 – *Nhật ký phòng thí nghiệm, xưởng thực hành*; 5.7.05 – *Giấy đề nghị mượn dụng cụ, phòng thí nghiệm của giáo viên*). Hàng năm, trong báo cáo tổng kết đơn vị đều có nội dung báo cáo về tình trạng sử dụng phòng thí nghiệm. Riêng xưởng thực hành và khu ruộng thực nghiệm, vườn ươm, nhà lưới được các khoa

quản lý và sử dụng cho mục đích giảng dạy, thực hành và nghiên cứu khoa học (1.5.03 – Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, 2020, 2021 của các đơn vị trực thuộc Trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.8: *Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Năm 2008, từ việc được nâng cấp lên thành trường cao đẳng đồng thời nhận được gói hỗ trợ kinh phí 1 triệu USD từ nguồn vốn ADB để đầu tư trang thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Trong năm 2019 được Bộ hỗ trợ kinh phí cho mua sắm thiết bị phục vụ đào tạo các nghề trọng điểm Quốc gia và năm 2020 Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ được Bộ Nông nghiệp hỗ trợ cho mua sắm thiết bị từ nguồn vốn dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp” và thiết bị cho đào tạo các nghề Nông nghiệp năm 2020; đã trang bị cho tất cả các ngành nghề Nhà trường đào tạo những trang thiết bị phù hợp và hiện đại với số lượng và chủng loại phong phú đa dạng, đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu đào tạo của Trường. Một số thiết bị mua sắm trong các năm 2019, 2020, 2021 không có trong danh mục tối thiểu do Bộ Lao động – Thương binh và xã hội ban hành do yêu cầu giảng dạy thực hành thực tập ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo theo công nghệ 4.0 nên các thiết bị hiện đại lại không có trong danh mục thiết bị tối thiểu của Bộ Lao động – TBXH ban hành, nhà trường hàng năm có báo cáo đề xuất Bộ Lao động – TBXH cập nhật thêm một số thiết bị hiện đại mà trước đây trong danh mục chưa ban hành. (5.8.01 - Danh mục trang thiết bị của Trường theo từng ngành).

Căn cứ vào danh mục thiết bị tối thiểu cho một số ngành trường đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành và danh mục trang thiết bị Nhà trường hiện có cho thấy, Nhà trường đảm bảo đáp ứng trên 80% so với danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu của từng trình độ đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Một số ngành từ chuyên nghiệp chuyên sang hiện chưa có danh mục thiết bị tối thiểu do cơ quan Nhà nước quy định, tuy nhiên theo tình hình trang thiết bị của trường đã có, Nhà trường cũng đảm bảo đáp ứng được nhu cầu của chương trình đào tạo (5.8.02 - Bảng tổng hợp so sánh DMTB của Trường với DMTB tối thiểu do Bộ LĐTBXH ban hành).

Kết quả thanh kiểm tra về thiết bị đào tạo: vào tháng 9/2020

THIẾT BỊ ĐÀO TẠO THEO TỪNG NGÀNH, NGHỀ

(Tính đến 31/12/2020)

TT	Tên cơ sở/ Ngành, nghề đào tạo	Mức độ đáp ứng so với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu hiện hành
I	Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ	
	<i>Ngành, nghề đào tạo:</i>	
1	Khoa học cây trồng	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 95%
2	Bảo vệ thực vật	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 95.6%
3	Chăn nuôi gia súc - gia cầm	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 80%
4	Thú y	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 88.9%
5	Quản trị mạng máy tính	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 92%
6	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 89%
7	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 99%
8	Kế toán doanh nghiệp	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 80%
9	Chế biến thực phẩm	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 86%
10	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 91.5%
11	Xây dựng công trình thủy	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 80%
12	Kỹ thuật xây dựng	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 91.5%
13	Quản lý đất đai	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 80%
14	Công nghệ sinh học	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 84.4%
15	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	Thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng được 92.3%

Đối với mỗi ngành, nghề đào tạo, Phân hiệu đều có danh mục trang thiết bị phục vụ đào tạo cho những ngành, nghề đó (5.8.03 - Báo cáo số 76/BC-CĐNBPH-ĐT ngày 09/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về đăng ký hoạt động GDNN; 5.8.04 - Báo cáo số 149/CĐNBPH-ĐT-ĐKBSHĐ ngày 20/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về đăng ký hoạt động GDNN; 5.8.05 - Danh sách kiểm kê tài sản năm 2020; 5.8.06 - Sổ kiểm kê tài sản hàng năm tại Phân hiệu)

Hàng năm, nhà trường cũng mua sắm trang thiết bị bổ sung cho các ngành nghề đào tạo (5.8.07- Quyết định 2149/QĐ-BNN-TC ngày 18/5/2021 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt kế hoạch sử dụng kinh phí và danh mục mua sắm tài sản năm 2021 của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ - Phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh).

Phân hiệu hiện có 04 phòng thực hành tin học để học sinh, sinh viên thực hành theo thời khóa biểu, phòng thực hành tin học có bộ phận chuyên trách quản lý. Giảng viên sử dụng phòng thí nghiệm, nhà xưởng giảng dạy phù hợp với từng bài, trong chương

trình đào tạo thể hiện rõ trong nhật ký thực tập, thực hành tại phòng thí nghiệm (2.8.01 - *Nhật ký phòng thí nghiệm, thực hành*).

Ý kiến của người học, nhà giáo và CBVC về các trang thiết bị tại phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định được thể hiện trong phiếu lấy ý kiến, kết quả khảo sát CBVC và HSSV (1.10.20 - *Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.09 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form; 1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.9: *Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Tất cả thiết bị, dụng cụ của các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và phòng máy vi tính đều được bố trí theo sơ đồ và thiết kế của từng phòng. Mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều bố trí đủ bàn ghế và các dụng cụ, thiết bị cho mỗi nhóm thực hành, thí nghiệm, an toàn, thuận lợi cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng, đảm bảo các yêu cầu sư phạm (5.09.01 – *Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo tại phòng thí nghiệm*).

Nhà trường có bảng nội quy và quy chế của các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và phòng máy vi tính. Những nội quy hướng dẫn cho học sinh sinh viên sử dụng các phòng thực hành, thí nghiệm đảm bảo an toàn lao động, học tập, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ, hóa chất... (5.6.01 - *Quyết định số 1283/QĐ-CDNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng thí nghiệm*).

Trong quá trình sử dụng các dụng cụ, thiết bị, máy móc trong giờ thực hành, thí nghiệm nếu có xảy ra hư hỏng, cháy nổ hay đánh mất, Nhà trường tiến hành lập biên bản về tình trạng hoạt động và hiệu quả sử dụng thiết bị đó (5.9.03 – *Hồ sơ quản lý thiết bị, dụng cụ*).

Phân hiệu hiện có 04 phòng thực hành tin học để học sinh, sinh viên thực hành theo thời khóa biểu, phòng thực hành tin học có bộ phận chuyên trách quản lý. Giảng viên sử dụng phòng thí nghiệm, nhà xưởng giảng dạy phù hợp với từng bài, trong chương trình đào tạo thể hiện rõ trong nhật ký thực tập, thực hành tại phòng thí nghiệm (2.8.01 - *Nhật ký phòng thí nghiệm, thực hành*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Để triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác theo dõi, điều hành, quản lý, khai thác sử dụng các phòng thí nghiệm - thực hành, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời, giúp học sinh- sinh viên nắm vững và thực hiện đúng nội quy, quy định của phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng Cơ sở vật chất tham mưu Ban Giám hiệu đã ban hành “Quy định trách nhiệm quản lý, phục vụ và khai thác các phòng thí nghiệm - thực hành; Quy định trách nhiệm quản lý, phục vụ đào tạo và khai thác máy vi tính ở các phòng thực hành do Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học chịu trách nhiệm quản lý của Trường Cao Đẳng Nông Nghiệp Nam Bộ”. Trong quy định có nêu rõ các vấn đề về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo (5.6.01 - Quyết định số 1283/QĐ-CDNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng thí nghiệm; 5.6.02 - Quyết định số 1282/QĐ-CDNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng máy vi tính).

Nhà trường có tiến hành xây dựng Quy trình ĐBCL về Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị được ban hành và đưa vào sử dụng từ đầu năm 2022 (5.6.03 – Quy trình Bảo trì bảo dưỡng thiết bị ban hành kèm theo QĐ 270/QĐ-CDNB ngày 30/3/2022 Điều chỉnh bổ sung hệ thống quy trình ĐBCL Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ).

Phòng Cơ sở vật chất được giao nhiệm vụ quản lý, theo dõi xuất nhập vật tư thiết bị. Tất cả các thiết bị đều có hồ sơ: xuất xứ, năm, nước sản xuất, nhà sản xuất thể hiện qua các hợp đồng hóa đơn chứng từ mua thiết bị phục vụ công tác đào tạo (5.5.01 – Danh mục thiết bị tại các phòng thực hành, thí nghiệm).

Trong quy định về trách nhiệm quản lý, phục vụ và khai thác các phòng thí nghiệm - thực hành, Trường Cao Đẳng Nông Nghiệp Nam Bộ có quy định về việc định kỳ đánh giá cũng như đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo (5.10.01 - Quyết định số 955/QĐ-CDNB ngày 9/2/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Quy trình bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trong trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ; 5.10.02 - Quyết định số 240/QĐ-CDNB ngày 8/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ).

Để đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo, hàng năm, Ban Giám hiệu ban hành Quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản, công cụ, dụng cụ trong trường (cơ sở chính) và phòng Cơ sở vật sẽ làm kế hoạch kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ vào tháng 11 - 12 của năm, sắp xếp lịch kiểm kê

cho các đơn vị đồng thời thông báo cho các đơn vị chuẩn bị bố trí GV, CNV trực đơn vị cùng với tổ kiểm kê để tiến hành kiểm kê tài sản (5.10.03 – Kế hoạch kiểm kê tài sản, thiết bị năm 2019 ngày 22 tháng 11 năm 2019; 5.10.04 - Quyết định số 944/QĐ-CĐNB ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2020 tại cơ sở chính; 5.10.05 - Kế hoạch số 02/KH-KK ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc kiểm kê tài sản, thiết bị năm 2020; 5.10.06 - Quyết định Số 805/QĐ-CĐNB ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2021 tại cơ sở chính; 5.10.07 - Kế hoạch Số 808/KH-KK ngày 10 tháng 11 năm 2021 V/v kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2021).

Sau khi kết thúc công tác kiểm kê, Hội đồng kiểm kê tài sản của Trường sẽ làm báo cáo kết quả công tác kiểm kê toàn trường trong năm và lên danh mục đề xuất xin thanh lý tài sản không còn sử dụng được nữa kèm theo biên bản và bản giải trình về tình trạng hư hỏng thiết bị, dụng cụ, công cụ của các đơn vị (5.10.08 - Báo cáo Kết quả kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2019; 5.10.09 - Tờ trình về việc Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường tại cơ sở chính năm 2019; 5.10.10 - Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2020; 5.10.11 - Tờ trình về việc Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường tại cơ sở chính năm 2020).

Ban giám hiệu ra Quyết định thành lập Hội đồng xử lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường theo từng năm. Sau khi xem xét trên cơ sở báo cáo của Hội đồng kiểm kê tài sản, BGH sẽ ra Quyết định cho thanh lý thiết bị, dụng cụ, công cụ không còn sử dụng được nữa (5.10.12 - Quyết định Số 85/QĐ-CĐNB ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng xử lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường năm 2019; 5.10.13 - Quyết định Số 1278/QĐ-CĐNB ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường năm 2019; 5.10.14 - Quyết định Số 155/QĐ-CĐNB ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng xử lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường năm 2020; 5.10.15 - Quyết định Số 85/QĐ-CĐNB ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường tại cơ sở chính năm 2020; 5.10.16 - Quyết định Số 154/QĐ-CĐNB ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng xử lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường năm 2021; 5.10.17 - Tờ trình về việc Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường tại cơ sở chính năm 2021; 5.10.18 - Quyết định Số 94, 95/QĐ-CĐNB ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng

Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường tại cơ sở chính năm 2021).

Sau khi kết thúc kiểm kê tài sản, phòng Cơ sở vật chất kết hợp với phòng Tài chính – kế toán lập sổ lưu kiểm kê tài sản hàng năm.

Tại Phân hiệu đã ban hành quy định quản lý tài sản (5.10.18 - *Quyết định số 151/QĐ-CDNBPH-VP ngày 01/03/2021 của Giám đốc phân hiệu ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại Phân hiệu trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh*). Hằng năm, Văn phòng Phân hiệu phối hợp phòng Tài chính kế toán thực hiện kiểm kê đánh giá hiện trạng tài sản còn đang sử dụng hoặc hư hỏng phân loại, thanh lý những thiết bị cũ, hư hỏng, lạc hậu không còn phù hợp cho công tác đào tạo của Nhà trường (5.10.19 - *Quyết định số 484/QĐ-CDNBPH-VP ngày 31/12/2021 về thành lập Ban kiểm kê tài sản năm 2021*; 5.10.20 - *Thông báo số 485/TB-CDNBPH-VP ngày 31/12/2021 của Giám đốc Phân hiệu về việc kiểm kê tài sản năm 2021*; 5.10.21 - *Sổ kiểm kê tài sản hàng năm tại Phân hiệu*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.11: *Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Để thuận tiện trong việc quản lý các trang thiết bị, Phòng Cơ sở vật chất lập hồ sơ danh mục, lý lịch từng thiết bị. Trên mỗi thiết bị, phòng cơ sở vật chất có dán thẻ tài sản cố định, trên thẻ có các thông tin: tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng (5.11.01 - *Thẻ tài sản gắn tại các thiết bị*). Thiết bị đào tạo được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường (5.10.02 - *Quyết định số: 240/QĐ-CDNB ngày 8/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ*).

Để đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo, hàng năm, Ban Giám hiệu ban hành Quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản, công cụ, dụng cụ trong trường (cơ sở chính) và phòng Cơ sở vật sẽ làm kế hoạch kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ vào tháng 11 - 12 của năm, sắp xếp lịch kiểm kê cho các đơn vị đồng thời thông báo cho các đơn vị chuẩn bị bố trí GV, CNV trực đơn vị cùng với tổ kiểm kê để tiến hành kiểm kê tài sản (5.10.03 - *Kế hoạch kiểm kê tài sản, thiết bị năm 2019 ngày 22 tháng 11 năm 2019*; 5.10.04 - *Quyết định số 944/QĐ-CDNB ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2020 tại cơ sở chính*; 5.10.05 - *Kế hoạch số 02/KH-KK ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc kiểm kê tài sản, thiết bị năm 2020*; 5.10.06 - *Quyết định Số 805/QĐ-CDNB ngày 10 tháng 11 năm*

2021 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2021 tại cơ sở chính; 5.10.07 - Kế hoạch Số 808/KH-KK ngày 10 tháng 11 năm 2021 V/v kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2021).

Sau khi kết thúc công tác kiểm kê, Hội đồng kiểm kê tài sản của Trường sẽ làm báo cáo kết quả công tác kiểm kê toàn trường trong năm và lên danh mục đề xuất xin thanh lý tài sản không còn sử dụng được nữa kèm theo biên bản và bản giải trình về tình trạng hư hỏng thiết bị, dụng cụ, công cụ của các đơn vị (5.10.08 - Báo cáo Kết quả kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2019; 5.10.09 - Tờ trình về việc Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường tại cơ sở chính năm 2019; 5.10.10 - Báo cáo số 02/BC/KKTS ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2020; 5.10.11 - Tờ trình về việc Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường tại cơ sở chính năm 2020).

Ban giám hiệu ra Quyết định thành lập Hội đồng xử lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường theo từng năm. Sau khi xem xét trên cơ sở báo cáo của Hội đồng kiểm kê tài sản, BGH sẽ ra Quyết định cho thanh lý thiết bị, dụng cụ, công cụ không còn sử dụng được nữa (5.10.12 - Quyết định số 85/QĐ-CDNB ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng xử lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường năm 2019; 5.10.13 - Quyết định Số 1278/QĐ-CDNB ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường năm 2019; 5.10.14 - Quyết định Số 155/QĐ-CDNB ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng xử lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường năm 2020; 5.10.15 - Quyết định Số 85/QĐ-CDNB ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường tại cơ sở chính năm 2020; 5.10.16 - Quyết định Số 154/QĐ-CDNB ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng xử lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường năm 2021; 5.10.17 - Quyết định Số 94, 95/QĐ-CDNB ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường tại cơ sở chính năm 2021).

Sau khi kết thúc kiểm kê tài sản, phòng Cơ sở vật chất kết hợp với phòng Tài chính – kế toán lập sổ lưu kiểm kê tài sản hàng năm.

Tại Phân hiệu đã ban hành quy định quản lý tài sản (5.10.18 - Quyết định số 151/QĐ-CDNBPH-VP ngày 01/03/2021 của Giám đốc phân hiệu ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại Phân hiệu trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại

Thành phố Hồ Chí Minh). Hằng năm, Văn phòng Phân hiệu phối hợp phòng Tài chính kế toán thực hiện kiểm kê đánh giá hiện trạng tài sản còn đang sử dụng hoặc hư hỏng phân loại, thanh lý những thiết bị cũ, hư hỏng, lạc hậu không còn phù hợp cho công tác đào tạo của Nhà trường (5.10.19 - Quyết định số 484/QĐ-CDNBPH-VP ngày 31/12/2021 về thành lập Ban kiểm kê tài sản năm 2021; 5.10.20 - Thông báo số 485/TB-CDNBPH-VP ngày 31/12/2021 của Giám đốc Phân hiệu về việc kiểm kê tài sản năm 2021; 5.10.21 - Sổ kiểm kê tài sản hàng năm tại Phân hiệu).

Đối với cơ sở Phân hiệu, các Khoa có hồ sơ quản lý thiết bị, dụng cụ, hàng năm luôn được kiểm kê, theo dõi, đánh giá, theo dõi có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất (2.8.01 - Nhật ký phòng thí nghiệm, thực hành). Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; hơn 30 năm hoạt động, phòng thí nghiệm chưa bị sự cố về an toàn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định

Theo thông tư số 14/2017/TT-BLĐTB-XH ngày 25/5/2017 của Bộ Lao động Thương binh- Xã hội “Quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo áp dụng lĩnh vực GDNN” có đề cập việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo áp dụng lĩnh vực GDNN có cả các cơ sở GDNN (Trường Cao đẳng, Trung cấp nghề). Nhưng đến năm 2020, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội lại Ban hành Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/10/2020 “Quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo áp dụng lĩnh vực GDNN” thì lại không đề cập đến các Trường Cao đẳng phải xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cho các nghề.

Căn cứ theo thông tư 07/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/10/2020 của Bộ Lao động Thương binh –Xã hội, nên hiện nay Nhà trường chưa thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng cho một số ngành nghề Trường được phép đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận.

Các phòng máy tính, phòng thí nghiệm quản lý theo ngành, lĩnh vực đào tạo, được kiểm tra thường xuyên, nếu có hư hỏng được đề nghị sửa chữa, thay thế kịp thời không để ảnh hưởng đến công tác dạy và học. Trang thiết bị của các phòng thí nghiệm

có cán bộ quản lý, bảo trì theo quy định, sắp xếp gọn gàng theo từng khu vực, từng ngành.

Đối với các ngành Trồng trọt, Chăn nuôi, Chế biến thực phẩm, Nuôi trồng thủy sản,... khi mua các sản phẩm phục vụ thực hành, thực tập như gà, vịt, heo... thì mua theo kế hoạch cho từng môn học, không có dự trữ. Căn cứ kế hoạch giảng dạy, số học sinh mỗi lớp, đầu mỗi học kỳ, Khoa xây dựng dự toán mua nguyên vật tư tiêu hao đối với các môn học, mô đun thực hành, trình Ban giám hiệu phê duyệt (5.12.01 - Kế hoạch mua vật tư thực hành thực tập).

Hàng năm căn cứ theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Nguyên tắc xác định học phí căn cứ theo điểm b, khoản 2 Điều 8 của Nghị định 81/2021/NĐ-CP quy định cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên xác định mức học phí không vượt mức trần học phí tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 10 của Nghị định 81/2021/NĐ-CP. Căn cứ vào quy định trên Trường Cao đẳng xây dựng quy định mức học phí theo đặc điểm từng ngành nghề đào tạo của nhà trường thuộc khối ngành nghề nông nghiệp khó tuyển sinh để thu hút người học nên mức học phí thấp hơn quy định của Nghị định 81/2021/NĐ-CP (5.12.02 - Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo)

Từ năm 2017 đến năm 2021 Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ đã ký hợp đồng xây dựng Định mức kinh tế kỹ thuật với Tổng Cục giáo dục nghề nghiệp theo các quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp các nghề như: Xây dựng Định mức tiêu hao vật tư trình độ Trung cấp, Cao đẳng nghề Bảo vệ thực vật; Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo, nghề Trồng cây lương thực, thực phẩm trình độ cao đẳng, trung cấp; Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo, nghề Chăn nuôi gia súc gia cầm trình độ cao đẳng, trung cấp; Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo, nghề Xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi trình độ cao đẳng, trung cấp; Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo, nghề Trồng trọt trình độ trung cấp (5.12.03 - Các Hợp đồng và các sản phẩm Xây dựng Định mức tiêu hao vật tư, định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo).

Xây dựng danh mục thiết bị tối thiểu theo các quy định tại Quyết định số 544/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 4 năm 2017 về việc ban hành quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm theo ngành, nghề và danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu cho từng ngành, nghề theo trình độ,

cấp độ đào tạo như nghề: xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng, trung cấp; Xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Chăn nuôi gia súc gia cầm trình độ cao đẳng, trung cấp; Xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Trồng cây lương thực, thực phẩm trình độ cao đẳng, trung cấp; Xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Xây dựng và hoàn thiện công trình Thủy Lợi trình độ cao đẳng, trung cấp; Xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ cao đẳng, trung cấp nghề Trồng cây ăn quả; Xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Trồng trọt trình độ trung cấp (5.12.04 - Các Hợp đồng và các sản phẩm Xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu).

Xây dựng Định mức kinh tế kỹ thuật với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính về việc Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc Gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/10/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, cụ thể các nghề: Xây dựng định mức KTKT nghề Cây có múi trình độ dưới 3 tháng; nghề chăn nuôi dê; nghề chăn nuôi bò; Trồng và nhân giống cây có múi; Trồng và nhân giống cây sầu riêng; Trồng và nhân giống cây thanh long; Trồng dưa lưới và rau trong nhà màng (5.12.05 - Các Hợp đồng và các sản phẩm Xây dựng Định mức kinh tế kỹ thuật với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

Ngoài ra trong năm 2021, Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn giao nhiệm vụ xây dựng thí điểm giá dịch vụ đào tạo nghề Chế biến thực phẩm và nghề Chế biến và Bảo quản thủy sản (5.12.06 - Quyết định số 1543/QĐ-NBB-TC ngày 12/04/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự toán kinh phí thí điểm xây dựng giá dịch vụ đào tạo trình độ Cao đẳng năm 2021 của trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ). Căn cứ vào các Định mức kinh tế kỹ thuật được ban hành, Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo và các văn bản khác của nhà nước để thực hiện (5.12.07 - Các Hợp đồng và các sản phẩm xây dựng thí điểm giá dịch vụ đào tạo nghề Chế biến thực phẩm và nghề Chế biến và Bảo quản thủy sản).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 5: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có thư viện bao gồm một phòng lưu trữ và làm việc của thủ thư. Danh mục các đầu sách trong thư viện được liệt kê đầy đủ các thông tin chi tiết có liên quan như: tên tác giả, năm xuất bản, đơn vị xuất bản, số lượng sách/đầu sách ... và đã được cập nhật vào phần mềm quản lý thư viện Thư viện: Access 2000 (5.13.01 - Danh mục sách, tài liệu tham khảo tại thư viện trên phần mềm Thư viện: Access 2000). Các giáo trình, bài giảng đã qua thẩm định đều có bản in và bản điện tử, đáp ứng được nhu cầu tra cứu tài liệu của cán bộ, giảng viên và HSSV của Trường.

GIÁO TRÌNH DO CÁN BỘ GIÁO VIÊN CƠ SỞ CHÍNH BIÊN SOẠN

TT	Ngành Chăn nuôi	Ngành TT-BVTV	Ngành thủy lợi
1	Giáo trình bệnh ký sinh trùng	Giáo trình cây lương thực	Giáo trình thủy nông
2	Giáo trình di truyền học động vật	Giáo trình cây rau	Giáo trình vẽ kỹ thuật
3	Giáo trình giải phẫu sinh lý bệnh	Giáo trình đất trồng và phân bón	Giáo trình lực học
4	Giáo trình hóa sinh động vật	Giáo trình giống cây trồng	Giáo trình quản lý khai thác công trình thủy lợi
5	Giáo trình kiểm nghiệm thú sản	Giáo trình bảo vệ thực vật	Giáo trình thủy công
6	Giáo trình bệnh truyền nhiễm thú y	Giáo trình cây ăn quả	Giáo trình thi công
7	Nội chẩn	Giáo trình phương pháp thí nghiệm	
8	Chăn nuôi trâu bò	Thuốc bảo vệ thực vật	
9	Dinh dưỡng thức ăn gia súc - gia cầm	Quản lý dịch hại trên cây lương thực	
10	Dược lý thú y	Quản lý dịch hại trên cây rau	
11	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh chó, mèo	Quản lý dịch hại trên cây ăn quả	
12	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	Quản lý dịch hại trên cây công nghiệp	
13	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho gà, vịt		
14	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò		

GIÁO TRÌNH DO GIÁO VIÊN PHÂN HIỆU BIÊN SOẠN

TT	Ngành	Giáo trình
1	Nuôi trồng Thủy sản	Ngư loại
2	Chế biến và Bảo quản Thủy sản	Vệ sinh xí nghiệp chế biến thủy sản
3	Chế biến thực phẩm	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
		Phụ gia thực phẩm
4	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Cơ sở kỹ thuật nhiệt - lạnh
		Máy và thiết bị lạnh công nghiệp

5	Điện công nghiệp và dân dụng	An toàn điện
6	Kế toán doanh nghiệp	Nguyên lý kế toán
		Kinh tế vi mô
7	Công nghệ thông tin	Đồ họa ứng dụng AI
		Thiết kế web
8	Môn chung	Giáo dục chính trị
		Giáo dục thể chất
		Tiếng anh

Tổng diện tích trong Thư viện của Cơ sở chính và Phân hiệu khoảng 700m², bao gồm 2 phòng đọc, 2 phòng internet, 2 phòng lưu trữ (5.13.03 - *Sổ kiểm kê trang thiết bị thư viện hàng năm*).

Tổng số sách hiện có hơn 10.000 cuốn với hơn 1.000 tên sách, số lượng bạn đọc đến thư viện thường tập trung vào các giờ giải lao giữa buổi học (5.13.04 - *Sổ mượn sách của thư viện*). Thư viện có giáo trình do các giảng viên của Phân hiệu biên soạn và chương trình đào tạo mỗi loại thư viện đang lưu trữ trên 5 bản (5.13.05 - *Sổ danh mục tài liệu, sách thư viện tại phân hiệu*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 5: 00 điểm

Tiêu chuẩn 5.14: *Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Thư viện Trường hoạt động xuyên suốt các ngày trong tuần (trừ thứ Bảy và Chủ nhật) được tổ chức hoạt động và phục vụ nhịp nhàng, khoa học phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học. Để tạo thuận tiện và dễ dàng trong hoạt động, Nhà trường có xây dựng nội quy hoạt động của thư viện, bảng nội quy này được bố trí ngay lối vào thư viện để đọc giả có thể xem và thực hiện (5.14.01- *Nội quy hoạt động của thư viện*).

Thư viện hiện có 2.479 đầu sách và 10 đầu báo-tạp chí, trong đó sách tham khảo là 2.369 đầu sách (5.13.01 - *Danh mục sách, tài liệu tham khảo tại thư viện trên phần mềm Thư viện: Access 2000*; 5.13.05 - *Sổ danh mục tài liệu, sách thư viện tại phân hiệu*). Hằng năm, số đầu sách nhập thêm vào thư viện lên đến 100 đầu sách đủ để phục vụ nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học. CBQL, nhà giáo hay HSSV đến thư viện đọc hay mượn sách phải thực hiện đúng quy trình theo quy định. Cán bộ quản lý thư viện thực hiện việc ghi chép vào sổ sách thời gian mượn, trả sách, người mượn, tình trạng sách,... Những sổ sách này thể hiện nhu cầu tra cứu tài liệu của CBVC và HSSV (5.13.04 - *Sổ mượn sách của thư viện*).

Việc đánh giá hoạt động của thư viện hàng năm được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm của phòng Đào tạo & KHCN (1.5.03 – *Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, 2020, 2021 của các đơn vị trực thuộc Trường*).

Tài liệu trong kho luôn được sắp xếp theo môn loại khoa học, theo bảng phân loại DDC để bạn đọc dễ thỏa mãn nhu cầu nghiên cứu chuyên sâu, vì tài liệu có nội dung liên quan, giống nhau được xếp ở một chỗ, cuốn này không có sẽ mượn cuốn khác xếp cạnh đó có nội dung liên quan.

Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường được đánh giá là phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học thông qua việc lấy ý kiến khảo sát CBVC và HSSV trong Trường (1.10.20 - *Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022*; 1.1.09 - *Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form*; 1.1.10 - *Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có thư viện điện tử dùng cho trong trường tại địa chỉ (5.15.01 – *Link thư viện điện tử cơ sở chính: <https://www.nbac.edu.vn/thuvien.php>; 5.15.02 – Link thư viện điện tử phân hiệu: <http://hcm-nbac.edu.vn/thuvien.php>*)

Đối với thư viện trường, thư viện điện tử được đưa vào sử dụng đã góp phần điện tử hóa cho việc tra cứu và tìm kiếm tài liệu tham khảo, giáo trình, bài giảng cho HSSV và CBVC. Các tài liệu tham khảo liên quan đến ngành học được cập nhật thường xuyên lên thư viện điện tử của Trường và được hệ thống theo các ngành đào tạo. (5.15.03 – *Danh mục tài liệu tham khảo được số hóa; 5.15.04 – Danh mục giáo trình được số hóa*).

Thư viện có trang bị máy vi tính phục vụ tra cứu tài liệu, truy cập thông tin cho giáo viên và học sinh, sinh viên. Tổng số máy vi tính tại thư viện là 36 máy, trong đó phòng máy tại cơ sở chính là 30 máy và tại phân hiệu là 6 máy. Tất cả các máy trong thư viện được kết nối internet nhằm phục vụ việc tra cứu (5.15.05 – *Phòng máy vi tính 215-HB của thư viện*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 5: 01 điểm

3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Đánh giá tổng quát

Hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế của Nhà trường luôn tuân thủ theo các quy chế của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Công tác tổ chức nghiên cứu khoa học, thực hiện các sáng kiến cải tiến đều có kế hoạch vào đầu năm học và kiểm tra tổng kết vào cuối mỗi năm học. Các đề tài nghiên cứu khoa

học, sáng kiến cải tiến cấp trường đều được ứng dụng trong công tác quản lý, trong các hoạt động đào tạo hoặc được ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên-giáo viên của Trường.

Ngoài ra, công tác chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế cũng được Nhà trường quan tâm thực hiện. Hằng năm, Nhà trường có giảng dạy các lớp ngắn hạn gieo tinh nhân tạo cho bò, lớp nâng ngạch cho công nhân quản lý khai thác các công trình thủy lợi trên khắp các tỉnh thành Nam Bộ. Trường liên tục có các hoạt động hợp tác quốc tế với các trường ở Lào, Thái Lan, Úc và Ấn Độ (cử giảng viên học tiến sĩ), góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên-giáo viên trong Nhà trường.

*** Những điểm mạnh:**

Kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ được duyệt vào đầu mỗi năm học, có kiểm tra đánh giá thường xuyên.

Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến cấp trường được ứng dụng trong công tác quản lý, trong các hoạt động đào tạo hoặc được ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên-giáo viên của Trường.

Có Tập san Khoa học-Giáo dục-Nông nghiệp, hằng năm xuất bản từ 1 số.

Trường đang triển khai đào tạo 09 lưu học sinh nước Lào theo dạng hợp tác đào tạo nhân lực cho 3 Trường Cao đẳng nước Lào.

*** Những tồn tại:**

Số lượng bài báo khoa học đăng trong các tạp chí chuyên ngành có uy tín trong và ngoài nước, đăng trong Tập san Khoa học-Giáo dục-Nông nghiệp của Trường chưa nhiều, nên chưa tạo được động lực mạnh mẽ thúc đẩy công tác nghiên cứu khoa học của cán bộ giáo viên Nhà trường phát triển lên một bước mới.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tăng cường công tác tuyển chọn, phê duyệt các đề tài, dự án theo hướng đòi hỏi tính thực tiễn cao, khả năng ứng dụng tốt vào giảng dạy, học tập, tổ chức quản lý và phát triển sản xuất kinh doanh.

Hằng năm, giao cho Phòng Đào tạo và Khoa học công nghệ xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật nhằm không ngừng nâng cao năng lực triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 6:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	5

Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1

Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Để khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ, Nhà trường đã ban hành quy định về thực hiện các hoạt động khoa học-công nghệ (6.1.01 - Quyết định số 136/QĐ-CDNB ngày 18/02/2021 của Hiệu trưởng quy định thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học năm 2021; 6.1.02 - Quyết định số 16/QĐ-CDNB ngày 04/01/2022 của Hiệu trưởng quy định thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học năm 2022; 6.1.03 - Quyết định 101/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 01/02/2021 ban hành quy định thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ - Phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh). Để thuận tiện hơn và thống nhất trong cách thực hiện, Nhà trường ban hành quy trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường (6.1.04 – Quy trình Thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường ban hành kèm Quyết định 270/QĐ-CDNB ngày 30/3/2022 ban hành các quy trình đảm bảo chất lượng đào tạo). Các quy định này quy định rất cụ thể về hình thức, phương pháp, cách thức tổ chức thực hiện, cách thức nghiệm thu đề tài, cách thanh quyết toán và những chế độ dành cho người tham gia nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, tại quy chế tổ chức và hoạt động của Trường cũng quy định rất rõ về các chính sách đối với người tham gia nghiên cứu khoa học.

Những văn bản này góp phần hỗ trợ hiệu quả cho quá trình tham gia nghiên cứu khoa học của CBVC, cùng với những chính sách ưu đãi của Nhà trường góp phần thúc đẩy công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong toàn trường.

Năm 2021, Trường xây dựng kế hoạch tổ chức thiết kế thiết bị đào tạo tự làm năm học 2021-2022 để lựa chọn mô hình tham gia cấp Tỉnh (6.1.05 – Kế hoạch 703/KH-CDNB ngày 04/10/2021 về việc tổ chức thiết kế thiết bị đào tạo tự làm cấp Trường năm học 2021-2022; 2.8.06 – Các Quyết định đạt giải tại hội giảng, hội thi các cấp).

Ý kiến của cán bộ viên chức, nhân viên của Trường về các chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo được thể hiện trong biên bản các cuộc họp đơn vị, biên bản Hội nghị công chức, viên chức hàng năm và trong kết quả tổng hợp các phiếu khảo sát ý kiến cán

bộ viên chức hàng năm (1.1.09 - *Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form; 1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 01 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: *Hàng năm, Trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của Trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).*

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, Trường có từ 1 đến 2 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, 10 đến 20 sáng kiến cải tiến được công nhận (6.2.01 – *Quyết định công nhận Sáng kiến-cải tiến năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 – tại cơ sở chính; 6.2.02- Quyết định số 648/QĐ-CDNB ngày 06 tháng 7 năm 2022 công nhận sáng kiến năm học 2021 – 2022 Phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh; 6.2.03 – Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt đề cương đề tài, giao đề tài và hội đồng nghiệm thu đề tài cấp trường 2019, 2020, 2021 (cơ sở chính)*).

Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến cấp trường được ứng dụng trong công tác quản lý, trong các hoạt động đào tạo hoặc được ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên-giáo viên của trường.

Hồ sơ thuyết minh các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến, cải tiến trong năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022 của cán bộ viên chức Nhà trường gồm: danh sách quyết định giao đề tài và nghiệm thu đề tài (6.2.04 – *Hồ sơ thực hiện đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến lưu tại phòng Đào tạo-KHCN; 6.4.02 - Báo cáo kết quả về công tác đề tài NCKH và triển khai ứng dụng trong đào tạo*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 01 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: *Hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Hoạt động nghiên cứu khoa học là hoạt động thường xuyên nằm trong nhiệm vụ của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức. Hàng năm, Trường có nhiều bài báo, ấn phẩm được đăng trên các tạp chí trong và ngoài trường. Năm 2019 - 2020, Nhà trường có 12 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước, trong đó có 4 bài báo đăng tạp chí nước ngoài. Năm 2020 - 2021, Trường có khoảng 11 bài báo đăng trên các Tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước hoặc quốc tế, trong đó có 2 bài đăng tạp chí nước ngoài. Năm học 2021-2022, Trường có khoảng 07 bài báo đăng trên các Tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước (6.3.01 - *Danh sách các sáng kiến cải tiến, bài báo năm 2019,*

2020, 2021). Danh sách các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được lưu tại phòng Đào tạo & KH-CN.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 01 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

Mô tả, phân tích, nhận định

Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của Trường đều xuất phát từ nhu cầu thực tế trong sản xuất và công việc. Việc này được thể hiện thông qua tên đề tài được duyệt thực hiện, đề cương chi tiết để thực hiện đề tài (6.3.01 - Danh sách các sáng kiến cải tiến, đề tài nghiên cứu khoa học, bài báo năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Riêng đối với các sáng kiến cải tiến phải qua quá trình ứng dụng thực tế và mang lại hiệu quả nhất định thì mới được xem xét và công nhận. Hàng năm, Nhà trường đều thành lập Hội đồng xét sáng kiến cải tiến để thực hiện nhiệm vụ này. Đối với các công trình nghiên cứu khoa học là các dự án biên soạn giáo trình, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo nghề, xây dựng chương trình bồi dưỡng kỹ năng thực hành nghề, xây dựng ngân hàng đánh giá kỹ năng nghề,... do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đặt hàng CBVC Nhà trường thực hiện là những công trình nghiên cứu có tính thực tiễn cao. Sau khi được thẩm định tất cả sản phẩm nghiên cứu được cụ thể hóa thành các văn bản như các giáo trình xuất bản, thông tư hướng dẫn sử dụng, các bộ tiêu chuẩn dùng chung trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp (6.4.01 – Danh sách các công trình nghiên cứu khoa học, dự án theo đặt hàng của Tổng cục GDNN; 6.4.02 - Báo cáo kết quả về công tác đề tài NCKH và triển khai ứng dụng trong đào tạo).

Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được liệt kê trong Tiêu chuẩn 6.2 đã số được ứng dụng hiệu quả trong công tác quản lý, trong các hoạt động đào tạo hoặc được ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên-giáo viên của Trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 01 điểm

Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định

Các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế được Ban Giám hiệu Nhà trường quan tâm và tạo điều kiện để cán bộ giáo viên của trường thực hiện. Đội ngũ cán bộ giáo viên của trường đã được đi học tập các trường ở Thái Lan, Úc và Ấn Độ. Kết quả của các hoạt động hợp tác quốc tế này đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý của trường.

Đặt biệt, Trường hiện đã đào tạo 9 lưu học sinh Lào cho 3 trường cao đẳng tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

1. Vientiane Provincial Technical College,
2. Khammouane Technical Vocational College,
3. Dongkhamxang Agricultural Technical College.

(6.5.01 - Biên bản ghi nhớ liên kết: giữa Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ với Trường Cao đẳng Kỹ thuật dạy nghề Khăm Muôn (ngày 12/3/2017); Trường Cao đẳng kỹ thuật tỉnh Viêng Chăn (ngày 10/3/2017) và Trường Cao đẳng Nông nghiệp Đông Khăm Xạng (ngày 11/3/2017)).

Năm 2018, Nhà trường tuyển sinh được 9 du học sinh Lào sang du học ngành Thú y nhập học từ tháng 11 năm 2018. Sau hai năm học tập, hiện các sinh viên này đang dần bắt kịp với chương trình cũng như cách thức đào tạo của trường. Đây là bước khởi đầu thuận lợi tạo điều kiện cho hoạt động liên kết đào tạo với các trường hoặc tổ chức của các quốc gia trong khu vực (6.5.02 – Quyết định số 940/ QĐ-CDNB ngày 05/10/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc tiếp nhận lưu học sinh nước CH DCND Lào sang học tập). Do tình hình dịch Covid-19 năm 2020 và 2021 diễn biến phức tạp nên tiến độ học tập bị chậm lại, hiện các sinh viên này đã hoàn thành chương trình học và nhận bằng tốt nghiệp trong tháng 8 năm 2022.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 6: 01 điểm

3.2.7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính

Đánh giá tổng quát

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ là một trường thuộc hệ thống các trường cao đẳng công lập, hoạt động của Trường theo Điều lệ trường cao đẳng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, thuộc sự quản lý trực tiếp từ Bộ Nông nghiệp và PTNT. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Tiền Giang và các ngân hàng thương mại khác.

Trên cơ sở ngân sách được giao và các nguồn thu học phí, lệ phí, thu sự nghiệp khác, Trường đã có các giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, có một hệ thống quản lý tài chính chặt chẽ, phù hợp với quy định của Nhà nước; Thực hiện phân bổ và sử dụng tài chính hợp lý, công khai, minh bạch và có hiệu quả.

*** Những điểm mạnh:**

Hoạt động tài chính và quản lý tài chính của Nhà trường có bộ phận chuyên trách được biên chế thành phòng nghiệp vụ giúp Hiệu trưởng - chủ tài khoản trong việc quản lý thu, chi của Nhà trường. Phòng Tài chính - Kế toán gồm Trưởng phòng và các kế toán viên có trình độ chuyên môn và có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác.

Dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn của Vụ Tài chính Bộ Nông nghiệp và PTNT, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường công tác tài chính kế toán luôn diễn ra thuận lợi, chấp hành đúng các quy định về quản lý, sử dụng tài chính theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP; các văn bản hướng dẫn thi hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ tài chính, tiến tới thực hiện Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 về Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập thay thế cho Nghị định số 43/2006/NĐCP cho những năm tiếp theo. Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính và hướng dẫn thực hiện thay thế cho Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 về sửa đổi, bổ sung quyết định số 19/2006/QĐ-BTC. Hằng năm, công tác thẩm tra quyết toán với Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính về tài chính đều đạt kết quả tốt chưa để xảy ra sai sót nào.

Quy chế chi tiêu nội bộ, được xây dựng, thảo luận công khai trong toàn Trường và chính thức được đưa vào áp dụng từ năm 2003 đến nay. Hằng năm, Nhà trường đều tiến hành lấy ý kiến và chỉnh sửa quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với thực tế. Quy định này là căn cứ pháp lý để tổ chức hoạt động nhất là công tác quản lý tài chính của Nhà trường. Nhà trường đã tổ chức công tác kế toán hợp lý, đội ngũ cán bộ làm công tác kế toán có kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn để thực hiện đúng công tác quản lý tài chính. Việc quản lý tài chính của Nhà trường luôn tuân thủ theo quy định của Nhà nước. Tài chính của Trường được sự giám sát của cán bộ viên chức thông qua hình thức công khai tài chính tại Hội nghị cán bộ viên chức.

*** Những tồn tại:**

Nguồn tài chính của Nhà trường hằng năm còn hạn chế, nguồn thu tập trung vào ngân sách Nhà nước cấp và thu học phí của HSSV.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Đối với các nguồn tài chính ổn định từ nguồn ngân sách Nhà nước và thu học phí HSSV, Nhà trường thực hiện chế độ chi tiêu hợp lý để đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong đào tạo, nghiên cứu khoa học. Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh cơ chế khoán thực hiện nhiệm vụ cho các đơn vị của Nhà trường như trại thực nghiệm, ký túc xá, các quầy giới thiệu sản phẩm; khai thác tiềm năng trang thiết bị và đội ngũ cán bộ giáo viên để tăng nguồn thu. Đẩy mạnh hoạt động của các trung tâm như: Trung tâm tư vấn Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, triển khai các ứng dụng sản xuất và nghiên cứu khoa học, tăng cường khai thác các tiềm năng sẵn có, tìm kiếm đối tác bên ngoài để tăng nguồn thu cho Trung tâm cũng như Nhà trường. Phát triển quy mô đào tạo, đào tạo liên thông, liên kết, đặc biệt là đào tạo theo đơn đặt hàng của Nhà nước.

Điểm đánh giá tiêu chí 7:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
----------------------	------------------

Tiêu chí 7	6
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường Cao đẳng Nông Nghiệp Nam Bộ có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai. Trường Cao đẳng Nông Nghiệp Nam Bộ là đơn vị sự nghiệp có thu, chế độ tài chính thực hiện theo các văn bản luật pháp và hướng dẫn thực hiện đối với các đơn vị sự nghiệp có thu. Hệ thống văn bản quy định bao gồm: Luật ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH-11 ngày 16/12/2002; Luật kế toán số 03/2003/QH-11 ngày 17/6/2003; Nghị định 43/2006/NĐ-CP; tiến tới thực hiện Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 về Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập thay thế cho Nghị định số 43/2006/NĐCP cho những năm tiếp theo. Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính và hướng dẫn thực hiện thay thế cho Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 về sửa đổi, bổ sung quyết định số 19/2006/QĐ-BTC; Quyết định số 141/QĐ-CĐNB ngày 19/02/2021 về Quy định hoạt động Trường năm 2021 trong đó có quy chế chi tiêu nội bộ và được công khai gửi cho các đơn vị trường nhà trường để thực hiện.

Thực hiện Điều 31, 32 Điều lệ trường Cao đẳng về nguồn tài chính được sử dụng và Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập thì Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ thuộc đơn vị tự chủ một phần kinh phí hoạt động thường xuyên. Căn cứ theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP, Nhà trường đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ cho từng năm học, trong đó qui định các nội dung thu, chi theo quy định, đồng thời quy chế chi tiêu nội bộ cũng quy định cụ thể nội dung thanh quyết toán tài chính. Quy chế chi tiêu nội bộ được Trường gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để báo cáo và gửi Kho bạc nơi giao dịch để kiểm soát thu, chi (1.3.05 - QĐ số 141/QĐ-CĐNB ngày 19/2/2021 Quyết định ban hành quy định hoạt động Trường năm 2021; 1.3.04 - Quyết định số 96/QĐ-CĐNBPH ngày 01/02/2021 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021; 7.1.01 - Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc hằng năm 2019, 2020, 2021; 7.1.02 – Quy trình hướng

dẫn thanh toán tạm ứng; 7.1.03 – Quy trình mua sắm tài sản; 7.1.04 - Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; 7.1.05 - Quy trình thanh toán lương; 7.1.06 - Quy trình cấp lệnh điều xe và quản lý xe ô tô phục vụ công tác).

Quy định hoạt động của Trường hàng năm là cơ sở pháp lý để Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ điều hành việc sử dụng và quyết toán kinh phí nguồn ngân sách với cấp trên, nguồn thu sự nghiệp của Trường, đồng thời là căn cứ để Kho bạc Nhà nước tỉnh Tiền Giang thực hiện việc kiểm soát chi của Trường.

Quy định hoạt động của Trường và qui trình quản lý được rà soát, bổ sung, sửa đổi hằng năm vào các kỳ Hội nghị Cán bộ công nhân viên chức. Nhà trường tổ chức thảo luận dân chủ Quy định này để phù hợp với thực tế của Nhà trường và quy định của Nhà nước (3.2.15 - *Nghị quyết Hội nghị công chức viên chức năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Để thực hiện chế độ tài chính theo đúng quy định, Nhà trường đã tổ chức công tác kế toán hợp lý, bố trí cán bộ làm kế toán có năng lực, thực hiện đúng các quy định về công tác tài chính của Nhà nước cụ thể: Nhà trường đã lập dự toán thu, chi tài chính (7.1.08 - *Dự toán thu chi tài chính 2019, 2020, 2021, 2022*). Thực hiện quản lý tài chính đúng quy định, lập và nộp báo cáo tài chính cho cơ quan quản lý tài chính các cấp (7.1.09 - *Báo cáo tài chính năm 2019, 2020, 2021; 7.1.10- Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2019, 2020, 2021*). Thực hiện đúng chế độ báo cáo thuế, nộp thuế của Nhà trường đầy đủ và có văn bản rõ ràng. Các quỹ hằng năm đều được báo cáo công khai tại Hội nghị Cán bộ công nhân viên chức. Công tác quản lý tài chính của Nhà trường đã thực hiện theo đúng quy định về chế độ tài chính và được công khai đến toàn thể cán bộ viên chức.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 01 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: *Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh dịch vụ đúng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Công tác quản lý, sử dụng nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, tham gia sản xuất kinh doanh dịch vụ của Nhà trường thực hiện theo các qui định sau: Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm 2015 đến năm 2020; Quyết định số 141/QĐ-CĐNB ngày 19/02/2021 về Quy định hoạt động Trường năm 2021 và các Thông tư hướng dẫn về quản lý, sử dụng tài chính khác của các Bộ, ngành.

Hằng năm, căn cứ vào các quy định của Nhà nước và quy chế nội bộ của Nhà trường, phòng Tài chính kế toán đề xuất quy định mức thu học phí theo lộ trình năm học của Nghị định 86/2015/NĐ-CP trình Ban Giám hiệu Nhà trường ban hành quyết định mức học phí cho từng năm học (7.2.01 - *Quyết định về thu học phí năm học 2019-2020,*

2020-2021, 2021- 2022, 2022 - 2023; 7.2.02 - *Quyết định số 13/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 08/01/2021 của Giám đốc Phân hiệu về mức thu học phí đào tạo trung cấp, cao đẳng, cao đẳng liên thông năm 2021*).

Lập dự toán thu, chi các hoạt động dịch vụ đào tạo ngắn hạn, liên thông, liên kết, các hoạt động sản xuất dịch vụ của từng nội dung cụ thể (7.1.08 - *Dự toán thu chi tài chính 2019, 2020, 2021*).

Các nguồn thu được ghi chép đầy đủ vào các sổ kế toán theo từng hoạt động dịch vụ; phản ánh các khoản doanh thu, chi phí vào sổ sách kế toán, nộp nghĩa vụ với Nhà nước, trích hao mòn tài sản, công cụ dụng cụ cho các hoạt động dịch vụ đào tạo, chênh lệch thu lớn hơn chi được trích lập các quỹ theo quy định của Nghị định 43/2006/NĐ-CP (7.2.03 - *Sổ chi tiết doanh thu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm 2019,2020, 2021*; 7.2.04 – *Các hợp đồng liên kết đào tạo; khai thác căn tin; nhà xe*; 7.2.05 - *Bảng giá cho thuê tài sản*; 7.2.06- *Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 01 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: *Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên, nguồn thu của Nhà trường bao gồm: Ngân sách Nhà nước cấp và các nguồn thu hợp pháp khác của Nhà trường.

Nguồn tài chính từ ngân sách Nhà nước cấp hằng năm đảm bảo cho hoạt động thường xuyên của Nhà trường. Hằng năm, căn cứ vào quyết định giao dự toán của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Trường tiến hành lập dự toán chi tiết theo từng mục lục ngân sách (7.3.01 – *Quyết định giao Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019, 2020, 2021, 2022*; 7.1.08 - *Dự toán thu chi tài chính 2019, 2020, 2021, 2022*).

Nhà trường được Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp thêm kinh phí không thường xuyên, đồng thời trích từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn thu sự nghiệp khác của Nhà trường để nâng cấp xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học theo dự án và kế hoạch. Nguồn thu hợp pháp của Trường từ các hoạt động như: Thu học phí, lệ phí của HSSV, thu từ các hoạt động sản xuất, dịch vụ, chuyên giao đào tạo, liên kết đào tạo... Trong đó, thu từ học phí, lệ phí là chính, các hoạt động sản xuất dịch vụ chiếm tỉ lệ nhỏ.

Đối với các nguồn tài chính ổn định từ nguồn ngân sách Nhà nước và học phí HSSV, Nhà trường thực hiện chế độ chi tiêu hợp lý để đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong đào tạo, nghiên cứu khoa học. Để kiểm soát việc chi tiêu và đảm bảo kinh phí cho các hoạt động, Trường đều lập kế hoạch cụ thể cho từng hoạt động (5.12.01 – *Kế hoạch mua*

vật tư thực hành, thực tập năm 2019, 2020, 2021; 7.3.03 – Kế hoạch quảng bá tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Để tăng nguồn thu, Nhà trường tập trung phát triển trại thực nghiệm, khai thác cơ sở vật chất thiết bị sẵn có, phát huy tiềm năng của cán bộ giáo viên. Đẩy mạnh hoạt động của các trung tâm như: Trung tâm Tư vấn Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học tăng cường khai thác các tiềm năng sẵn có, tìm kiếm đối tác bên ngoài để tăng nguồn thu cho Trung tâm cũng như Nhà trường. Phát triển quy mô đào tạo, đặc biệt là đào tạo liên thông, liên kết, đào tạo theo đơn đặt hàng của Nhà nước, tìm kiếm các đối tác nước ngoài để liên kết đào tạo (*7.2.04 – Các hợp đồng liên kết đào tạo; khai thác căn tin; nhà xe; 7.3.05 - Bảng giá cho thuê tài sản, mức thu ký túc xá; 7.2.06 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022).*

Cơ quan quản lý tài chính cấp trên đánh giá Trường quản lý và phân bổ chi tiêu các nguồn tài chính đúng mục đích, đúng quy định, không vi phạm và thực hiện đầy đủ các báo cáo tài chính hằng năm theo quy định (*7.3.06 - Báo cáo quyết toán năm 2019, 2020, 2021; 7.1.10 - Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2019, 2020, 2021).*

Từ các nguồn thu tài chính hiện có của Trường, so với nhu cầu thực tế hiện nay của Trường, Trường có nguồn lực tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ cho các hoạt động giáo dục đào tạo của Nhà trường. Hằng năm, Trường đều có được khoản chênh lệch thu lớn hơn chi để trích lập các quỹ như quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ ổn định thu nhập để hỗ trợ thu nhập thêm cho viên chức, người lao động, tăng cường năng lực trong hoạt động phát triển trường (*7.3.08 – Báo cáo khoản chênh lệch thu chi trích lập quỹ năm 2019, 2020, 2021).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 01 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: *Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn của Vụ Tài chính Bộ Nông nghiệp và PTNT, của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường, công tác tài chính, kế toán luôn diễn ra thuận lợi, chấp hành đúng các quy định về tài chính của Nhà nước đề ra. Hằng năm, công tác thẩm tra quyết toán với Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính về tài chính đều đạt kết quả tốt chưa hề xảy ra sai sót (*7.3.06 – Báo cáo quyết toán 2019, 2020, 2021; 7.1.10 - Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2019, 2020, 2021).*

Các nguồn tài chính của trường được thực hiện theo quy định tại ND 43/2006/ND-CP về tự chủ, Thông tư 107/2017/TT - BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; Nghị định số 86/2015/NĐ – CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học. Các hoạt động thu – chi và thanh quyết toán được thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ và các quy trình được ban hành (*1.3.05 - QĐ số 141/QĐ-CDNB ngày 19/2/2021 Quyết định ban hành*

quy định hoạt động Trường năm 2021; 1.3.04 - Quyết định số 96/QĐ-CDNBPH ngày 01/02/2021 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021). Quy chế chi tiêu nội bộ, được xây dựng và thảo luận công khai trong toàn trường, áp dụng từ năm 2003 trở lại đây và được chỉnh sửa, bổ sung hằng năm cho phù hợp với thực tế.

Tất cả các hoạt động tài chính của nhà trường đều được theo dõi bằng hệ thống hồ sơ sổ sách. Hệ thống sổ sách tài chính của Trường được quản lý, lưu trữ theo đúng quy định của Nhà nước (7.4.02 - Hệ thống sổ sách kế toán 2019, 2020, 2021; 7.4.03 - Sổ cái, sổ chi tiết các tài khoản năm 2019, 2020, 2021). Nhà trường đã tổ chức công tác kế toán hợp lý, đội ngũ cán bộ làm công tác kế toán có kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn để thực hiện đúng công tác quản lý tài chính. Việc quản lý tài chính của Nhà trường luôn tuân thủ theo quy định của Nhà nước.

Trong quá trình thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài chính luôn có sự kiểm tra giám sát chặt chẽ của Kho bạc nhà nước tỉnh Tiền Giang. Trường thực hiện đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí với Kho bạc (7.4.04 – Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc theo quý năm 2019, 2020, 2021, 2022; 7.1.01 – Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc năm 2019, 2020, 2021).

Qua báo cáo của Ban thanh tra nhân dân tại Hội nghị CBVC, nhà trường đã thực hiện thu chi tài chính theo đúng chế độ (7.4.05 - Thông báo công khai dự toán thu – chi ngân sách; 7.4.06 – Báo cáo thanh tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 01 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán hàng năm thông qua kế hoạch kiểm tra và đánh giá của Ban Thanh tra nhân dân (7.4.06- Báo cáo của ban thanh tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021). Công tác kiểm kê theo định kỳ của trường được thực hiện nghiêm túc và theo đúng quy định của Bộ Tài chính. (7.5.02 – Biên bản kiểm kê quỹ hằng tháng, năm 2019, 2020, 2021; 7.4.04 – Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc theo quý năm 2019, 2020, 2021, 2022 ; 7.1.01 – Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc năm 2019, 2020, 2021); Hằng năm, Trường đều nộp các báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán cho đơn vị chủ quản (Vụ tài chính thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và được đơn vị chủ quản thẩm tra công tác tài chính, có Thông báo xét duyệt quyết toán hằng năm (7.1.10- Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2019, 2020, 2021). Trường có thực hiện công khai tài chính theo Thông tư 90/2018 ngày 28/9/2018 sửa đổi bổ sung Thông tư 61/2017/TTBTC ngày

15/06/2017 của Bộ Tài chính của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học (7.1.09 – Báo cáo công khai tài chính tại Hội nghị cán bộ viên chức năm 2019, 2020, 2021).

Trong thời gian qua, Nhà trường thực hiện nghiêm túc các kết luận của thanh tra, kiểm toán về công tác tài chính kế toán như đoàn thanh tra về công tác liên kết đào tạo của Nhà trường, thanh tra về cơ cấu tổ chức nhân sự.

Công tác công khai tài chính của Nhà trường thực hiện theo Thông tư 90/2018 ngày 28/9/2018 sửa đổi bổ sung Thông tư 61/2017/TTBTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ Tài chính, thực hiện quy chế dân chủ trong Nhà trường. Hằng năm, Trường tổ chức công khai tài chính trong đó có công khai dự toán, công khai quyết toán, công khai các nguồn thu, chi tài chính và các quỹ của Nhà trường tại Hội nghị viên chức và dân tại bảng tin Nhà trường (7.5.01 - Biên bản Hội nghị CBVC năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 01 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng của các hoạt động của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường. Công tác đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của Nhà trường được thể hiện qua các Báo cáo tài chính hằng năm gửi các cấp như Bộ Nông nghiệp và PTNT, Cục thống kê tỉnh Tiền Giang, qua báo cáo cho thấy tổng thu của Trường đều lớn hơn tổng chi trong năm, và chênh lệch từ tổng thu chi vẫn duy trì ổn định qua các năm (7.1.01 – Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc năm 2019, 2020, 2021; 7.2.07 – Hệ thống sổ sách kế toán năm 2019, 2020, 2021; 7.1.09 – Báo cáo tài chính năm 2019, 2020, 2021; 7.3.06 – Báo cáo quyết toán năm 2019, 2020, 2021; 7.3.08 – Báo cáo khoản chênh lệch thu chi trích lập quỹ năm 2019, 2020, 2021; 7.1.10 – Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2019, 2020, 2021).

Hằng năm, Trường đều phân tích đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm tài chính với đơn vị chủ quản, trong đó có nêu tồn tại khó khăn trong quá trình thực hiện tự chủ, có đề xuất các biện pháp thực hành tiết kiệm và tăng nguồn thu trường (7.6.01 – Báo cáo kết quả thực hiện tự chủ; 7.5.01 - Biên bản Hội nghị CBVC năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Trường có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường, như có ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và mỗi năm đều có báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm chống

lãng phí để báo cáo với Đơn vị chủ quản (7.6.02 – *Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019, 2020, 2021, 2022*; 7.6.03- *Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019, 2020, 2021*).

Trước Hội nghị cán bộ viên chức, các đơn vị trong Nhà trường họp góp ý sửa đổi Quy chế hoạt động của Nhà trường trong đó có nội dung quản lý, sử dụng tài chính cho phù hợp với thực tế. Thông qua đó, công tác tài chính của Nhà trường luôn thực hiện đúng quy định của pháp luật áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu, đảm bảo nguyên tắc dân chủ (7.6.04 – *Biên bản họp ban soạn thảo sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 01 điểm

3.2.8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát

Học sinh sinh viên là một trong những nhân tố quan trọng hàng đầu trong Nhà trường. Với phương châm “**Lấy người học làm trung tâm**”, ngoài chất lượng giảng dạy, Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ luôn đảm bảo mọi người học có được thông tin đầy đủ về nghề đào tạo, khoá đào tạo, các dịch vụ khác như ăn, ở, chăm sóc sức khoẻ, vui chơi giải trí và các quy định khác của trường ngay từ khi nhập học. Việc định hướng nghề nghiệp cho người học nắm rõ mục tiêu đào tạo, chương trình học của từng ngành, chuyên ngành và những thông tin cần thiết về Nhà trường cũng là vấn đề quan trọng và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm. Vì vậy, hàng năm Nhà trường đều tổ chức nhiều hoạt động cho người học để đáp ứng mục tiêu đề ra như: tổ chức các buổi sinh hoạt đầu khoá phổ biến về thông tin, nội quy, quy chế, cách thức tổ chức đào tạo của Nhà trường; tổ chức các buổi tư vấn định hướng nghề nghiệp cho HSSV mới nhập học; tổ chức các buổi tư vấn việc làm cho HSSV năm cuối; tổ chức các cuộc thi tay nghề, thi tìm hiểu pháp luật,... và các hoạt động đoàn thể như văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia tình nguyện vì cộng đồng,... Những hoạt động này không những cung cấp những kiến thức, thông tin cần thiết mà còn trang bị cho HSSV những kỹ năng sống, tạo sân chơi lành mạnh để cho người học có cơ hội và điều kiện phát triển toàn diện bản thân.

*** Những điểm mạnh:**

Nhà trường tổ chức học tập đầu khoá cho HSSV, cung cấp đầy đủ thông tin cho HSSV về nội quy, quy chế của trường; HSSV thường xuyên cập nhật thông tin trên Website của trường.

Nhà trường đã thực hiện và vận dụng những chế độ, chính sách xã hội theo quy định của Nhà nước, của ngành kịp thời.

Nhà trường có khu ký túc xá cho HSSV và có nhiều biện pháp tích cực nhằm thường xuyên cải thiện, nâng cao điều kiện ăn ở, sinh hoạt, học tập,... cho HSSV.

Công tác Đoàn và phong trào thanh niên hoạt động có hiệu quả, tạo nhiều sân chơi văn nghệ, thể thao thu hút HSSV tham gia rèn luyện.

Nhà trường đã triển khai thực hiện tốt, phối hợp tốt các biện pháp trong công tác bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và HSSV; tình hình trật tự an ninh được đảm bảo.

*** Những tồn tại:**

Tuần sinh hoạt đầu khoá chưa đi sâu vào chất lượng và nội dung, chưa tìm ra cách truyền đạt hấp dẫn, thu hút sự tập trung, chú ý của người học. Vì vậy, hiệu quả của đợt sinh hoạt chưa cao, các quy chế được phổ biến chưa được HSSV nhận thức một cách đầy đủ.

Cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị, sân bãi phục vụ cho hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao còn hạn chế và chất lượng chưa cao nên ảnh hưởng đến các hoạt động văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao trong nội bộ trường, cũng như những hoạt động phối hợp với các cơ sở khác.

Một số hoạt động của Tổ chức Đoàn chưa thật sự đi vào chiều sâu.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tiếp tục đẩy mạnh việc thường xuyên nhắc lại các quy chế đào tạo, chương trình học,... đến người học thông qua buổi sinh hoạt lớp hàng tuần.

Tập trung đầu tư để tăng cường cơ sở vật chất, xây dựng khu giảng đường, khu tập luyện thể thao và các khu bổ trợ khác một cách đầy đủ, đồng bộ.

Tổ chức quản lý để tạo môi trường xanh - sạch - đẹp nâng cao sức khỏe cho người học.

Nâng cao chất lượng phục vụ ở căn tin của Nhà trường.

Đa dạng hoá các hình thức hoạt động ngày càng phong phú thiết thực và có chiều sâu góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, thu hút hơn nữa sự quan tâm ủng hộ của CBVC và HSSV.

Nhà trường xử lý nghiêm khắc đối với những trường hợp HSSV vi phạm nội qui, gây mất trật tự, an ninh.

Điểm đánh giá tiêu chí 8:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	9
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1

Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1

Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Ngay từ đầu khi chọn nhập học vào Trường, các bạn tân HSSV đã được tư vấn và cung cấp một số thông tin về chương trình học, một số chế độ chính sách, ưu đãi cho người học (1.2.05 - Thông báo tuyển sinh 2019, 2020, 2021, 2022).

Thông qua tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khoá, lãnh đạo các phòng, khoa chuyên môn gặp gỡ và sinh hoạt những nội dung, thông tin cơ bản về hoạt động của trường để tân HSSV khóa mới biết được các quy định của Nhà trường và được giới thiệu về các ngành nghề mà học sinh sinh viên đã chọn, tạo tâm lý yên tâm học tập cho các em. Theo đó, đầu năm học Phòng Công tác HSSV phối hợp với các đơn vị lập thời khóa biểu Tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khóa để các đơn vị sinh hoạt với HSSV khóa mới. Nội dung sinh hoạt gắn với chức năng và nhiệm vụ của từng đơn vị (8.1.01 - Kế hoạch sinh hoạt đầu khóa; Thời khóa biểu sinh hoạt chính trị đầu khóa năm 2019, 2020, 2021, 2022 - tại cơ sở chính; 8.1.03 - Kế hoạch sinh hoạt đầu khóa; Thời khóa biểu sinh hoạt chính trị đầu khóa năm 2019, 2020, 2021, 2022 - tại Phân hiệu).

Qua đó, học sinh sinh viên được phổ biến về chương trình đào tạo, quy định thi, kiểm tra, nội quy nhà trường cũng như các chính sách, chế độ hiện hành về quyền lợi mà HSSV được hưởng. Qua đó, HSSV có thể trao đổi những vấn đề còn thắc mắc và được Nhà trường giải đáp để HSSV hiểu rõ về công việc học tập của mình.

Phòng Công tác HSSV sinh hoạt về các vấn đề liên quan đến người học như: chế độ chính sách, xét miễn giảm học phí, xét thi đua khen thưởng, cấp phát bổng, vay vốn, hoãn nghĩa vụ quân sự, đánh giá kết quả rèn luyện, nội quy ký túc xá,... Phòng Đào tạo & KHCN sinh hoạt về các nội dung như: quy chế đào tạo, cách thức tổ chức đào tạo, cách đánh giá kết quả học tập, cách đăng ký học lại, xét tiến độ học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp... Phòng Tài chính - Kế toán cung cấp các thông tin về học phí, lệ phí, bảo hiểm y tế,... Phòng Cơ sở vật chất sinh hoạt về nội quy sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị tại phòng học, thực hành, khu trại thực nghiệm, các công trình khác trong khuôn viên Trường,... Tất cả những thông tin trên được thể hiện trong Sổ tay học sinh sinh viên phát cho HSSV vào đầu khóa học (8.1.02 – Sổ tay Học sinh sinh viên).

Phòng Kiểm định và BDCL sinh hoạt về các vấn đề liên quan đến thi kết thúc môn học/ mô đun, thi lại, thi học lại, quy chế tổ chức thi, cách thức đăng ký thi cải thiện, phúc khảo bài thi, ... (1.8.02 - *Quyết định 722/QĐ-CDNB ngày 11/8/2020 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô đun*).

Các Khoa chuyên môn sinh hoạt về chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, cách thức tổ chức thực hành, thực tập, định hướng trong học tập cho các tân học sinh, sinh viên.

Ngoài ra, các thông tin trên được giáo viên chủ nhiệm các lớp cung cấp đến học sinh sinh viên trong các buổi sinh hoạt lớp hàng tuần (8.1.07 - *Quyết định 356-QĐ-CDNB-CTHSSV ngày 23/4/2021 về việc thành lập Hội đồng chủ nhiệm lớp năm học 2020-2021*; 8.1.08 – *Biên bản sinh hoạt lớp 2019, 2020, 2021, 2022*).

Theo kết quả khảo sát HSSV, 100% số HSSV được khảo sát cho rằng Nhà trường có thực hiện đầy đủ các nội dung của tiêu chuẩn (1.10.20 - *Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022*; 1.1.10 - *Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 8: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.2: *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Ngay từ đầu mỗi khóa học, thông qua tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khoá, Nhà trường phổ biến đến toàn thể HSSV các văn bản của Nhà nước về các chế độ chính sách liên quan đến người học (8.1.01 - *Kế hoạch sinh hoạt đầu khoá và Thời khóa biểu sinh hoạt chính trị đầu khóa năm 2019, 2020, 2021, 2022 - tại cơ sở chính*; 8.1.03 - *Kế hoạch sinh hoạt đầu khoá và Thời khóa biểu sinh hoạt chính trị đầu khóa năm 2019, 2020, 2021, 2022 - tại Phân hiệu*).

HSSV được Nhà trường hướng dẫn các văn bản, cách làm hồ sơ, thủ tục để được hưởng các chế độ, chính sách ưu đãi hiện hành theo quy định của Nhà nước. Tất cả những nội dung trên được tổng hợp tại “Phần 5: Các chế độ chính sách đối với HSSV” trong quyển Sổ tay HSSV và được giáo viên chủ nhiệm nhắc nhở hàng tuần thông qua sinh hoạt lớp (8.1.02 - *Sổ tay HSSV*; 8.1.08 – *Biên bản sinh hoạt lớp 2019, 2020, 2021, 2022*).

HSSV thuộc diện hưởng chế độ chính sách, miễn giảm học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định 81/2020/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ (có hiệu lực từ 15/10/2021) và Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2016 được Nhà trường xét theo từng học kỳ và thông báo đến cho các em HSSV được biết, được lưu tại phòng Công tác HSSV cụ thể như sau:

- Miễn giảm học phí đối với con thương binh, bệnh binh, liệt sỹ (8.2.01 – Bộ Quyết định miễn học phí cho HSSV năm học 2019-2020; 8.2.02 – Bộ Quyết định miễn học phí cho HSSV năm học 2020-2021; 8.2.03 – Bộ Quyết định miễn học phí cho HS năm học 2021-2022).

- Miễn giảm học phí đối với HSSV ngành nặng nhọc, độc hại (8.2.04 – Bộ Quyết định Giảm học phí cho HSSV ngành nặng nhọc độc hại trình độ TC-CD năm học 2019-2020; 8.2.05 – Bộ Quyết định Giảm học phí cho SV ngành nặng nhọc độc hại trình độ CD năm học 2020-2021; 8.2.06 – Bộ Quyết định Giảm học phí cho HSSV ngành nặng nhọc độc hại trình độ TC-CD năm học 2021-2022).

- Miễn giảm học phí đối với học sinh tốt nghiệp THCS học trung cấp (8.2.07 – Bộ Quyết định Miễn học phí cho HSSV năm học 2019-2020- tốt nghiệp THCS học TC; 8.2.08 – Bộ Quyết định Miễn học phí cho HS năm học 2020-2021-tốt nghiệp THCS học TC; 8.2.09 – Bộ Quyết định Miễn học phí cho HS năm học 2021-2022-tốt nghiệp THCS học TC).

Tất cả những chính sách, số liệu về thực hiện chế độ chính sách, miễn giảm học phí cho người học được tổng kết và báo cáo hằng năm (1.5.03 – Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, 2020, 2021 của các đơn vị trực thuộc Trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 8: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định

Vào đầu mỗi học kỳ của năm học, Nhà trường tổ chức xét các danh hiệu thi đua và xét học bổng khuyến khích học tập cho HSSV toàn trường căn cứ vào các văn bản quy định của Nhà nước và theo quy trình Nhà trường xây dựng (8.3.11 – Quy trình xét thi đua khen thưởng HSSV; Quy trình xét bổng khuyến khích học tập). Kết quả xét được thông báo cho các lớp và tất cả HSSV đều biết:

- Khen thưởng thi đua học kỳ (8.3.01 – Bộ Quyết định khen thưởng cho HSSV năm học 2019-2020; 8.3.02 – Bộ Quyết định khen thưởng HSSV năm học 2020-2021; 2021-2022).

- Khen thưởng toàn khóa (8.3.03 – Bộ Quyết định khen thưởng cho học sinh năm học 2019-2020 tại Phân hiệu; 8.3.04 - Quyết định 219a/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 28/4/2021 về việc khen thưởng toàn khóa cho học sinh các lớp khóa 35 học tại Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Chánh khóa học 2018-2020; 8.3.05 - Quyết định 220/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 28/4/2021 về việc khen thưởng toàn khóa cho học sinh các lớp 19TCB36CS-FMS; 19TCB36PT-FMS; 19TCB36-FMS khóa học 2019-2021; 8.3.06 - Quyết định 221/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 28/4/2021 về việc khen

thường toàn khóa cho học sinh các lớp 19TCB36CS-SGF; 19TCB36PT-SGF; 19TCB36-SGF khóa học 2019-2021).

- Xét cấp học bổng:

Học bổng được xét theo thông tư số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐT BXH, ngày 25/08/1998 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập, quyết định số 28/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ Giáo dục - Đào tạo về “Học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh - sinh viên trong trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở Giáo dục Đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”, Nghị định 84/2020/NĐ-CP, ngày 17/7/2020 Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục (8.3.07 – Bộ Quyết định cấp học bổng Khuyến khích học tập cho HSSV năm học 2019-2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022 tại cơ sở chính; 8.3.08 - Bộ Quyết định cấp học bổng Khuyến khích học tập cho HSSV năm học 2019-2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022 tại Phân hiệu)

Nhằm khuyến khích, động viên phong trào thi đua học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp của Trường, Nhà trường đã ban hành quy định về quản lý, sử dụng quỹ Khuyến học cho HSSV nghèo vượt khó Quỹ Khuyến học cho HSSV được thành lập dựa trên nguồn tài trợ, đóng góp từ các doanh nghiệp, các cơ quan ban ngành, các cựu HSSV của Nhà trường đã thành đạt trong cuộc sống, các cô giáo, thầy giáo, các cán bộ, viên chức đã và đang công tác tại trường (8.3.09 - Quyết định 1096/QĐ-CĐNB ngày 10/10/2016 quy định về quản lý và sử dụng quỹ khuyến học).

Quỹ Khuyến học được trao vào đầu mỗi năm học cho HSSV có điều kiện khó khăn đã cố gắng vươn lên đạt thành tích cao hoặc những HSSV có kết quả xuất sắc trong học tập và rèn luyện (8.3.10 - Quyết định 888/QĐ-CĐNB-CTHSSV ngày 4/10/2019 về việc cấp học bổng cho HSSV từ Quỹ khuyến học).

Bên cạnh đó, Nhà trường quan tâm hỗ trợ kịp thời cho học sinh, sinh viên trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập thông qua các hoạt động như: Tư vấn học tập, hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho HSSV, tìm kiếm học bổng từ doanh nghiệp cho HSSV,.... (8.3.12 – Kế hoạch hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ HSSV và QHDN năm 2019, 2020, 2021, 2022). Nhà trường còn hỗ trợ học sinh sinh viên học tập như gặp khó khăn trong mùa dịch COVID 19 (8.3.13 – Giấy đề nghị giảm ký túc xá cho học sinh sinh viên nội trú do dịch bệnh covid 19; 8.3.14 - Báo cáo V/v Trao quà cho HSSV Nhà trường ở KTX trong mùa dịch năm 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 8: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trong các hoạt động của Nhà trường từ công tác tuyển sinh đến công tác dạy và học, công tác đoàn thể đều đặt trên nền tảng tôn trọng người học, đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. Điều này được thể hiện qua các quy định của Nhà trường từ: Công tác tuyển sinh (Tờ bướm tuyển sinh), chế độ bổng, khen thưởng học sinh sinh viên (8.1.02 – *Sổ tay Học sinh sinh viên*) và trong giới thiệu việc làm, tham gia các hoạt động chung của nhà trường: tham gia hoạt động phong trào văn hóa văn nghệ, Thể dục thể thao, sử dụng thư viện, đăng ký ở Ký túc xá, Hằng năm, thông qua các tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khoá, Phòng Công tác sinh viên tổ chức phổ biến cho HSSV biết những quyền lợi này (8.1.01 - *Kế hoạch sinh hoạt đầu khoá và Thời khóa biểu sinh hoạt chính trị đầu khóa năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Ngoài ra, được thể hiện trong các nội quy, quy định của Nhà trường như: nội quy ra vào trường, nội quy ký túc xá, nội quy lớp học, nội quy phòng học thực hành, nội quy phòng học thí nghiệm, nội quy thư viện (8.4.01 - *Nội quy ra vào trường*; 8.4.02 - *Nội quy ký túc xá*; 8.4.03 - *Nội quy lớp học*; 5.6.01 - *Quyết định số 1361/QĐ-CDNB ngày 19/12/2013 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng thí nghiệm*; 5.14.01 - *Nội quy thư viện*; 8.4.04 - *Quyết định số 407/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 14/10/2021 về việc ban hành Nội quy lớp học của Phân hiệu trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM*; 8.4.05 - *Quyết định số 96/QĐ-TCTS-CTHS ngày 12/02/2020 về việc ban hành Nội quy Ký túc xá của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM*). Trong tất cả các văn bản trên của Nhà trường không có văn bản nào vi phạm quyền bình đẳng, phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

Theo kết quả khảo sát HSSV về “người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân” có 100% cho ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý (1.10.20 - *Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022*; 1.1.10 - *Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 8: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.5: *Ký túc xá bảo đảm đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường hiện có khu ký túc xá dành cho HSSV, với khuôn viên rộng gần 9.000m², được xây dựng khang trang với 3 dãy nhà 3 tầng và 1 dãy nhà 2 tầng với 108 phòng ở khép kín, sức chứa 968 HSSV (5.3.02 - *Báo cáo cơ sở vật năm 2019, 2020, 2021*).

Khu KTX có nhà giữ xe, có căn tin liên kê phục vụ ăn uống, có phòng sinh hoạt tập thể tại KTX. Các phòng ở được trang bị cơ sở vật chất như giường ngủ, bàn ghế, đèn thấp sáng, quạt... có nhà vệ sinh riêng, được cung cấp điện, nước sạch đầy đủ, Nhà

trường đã lắp đặt wifi, phục vụ nhu cầu học tập, sinh hoạt cho tất cả HSSV ở ký túc xá, có phòng khách để phụ huynh của HSSV lưu trú khi đến thăm đảm bảo cơ bản nhu cầu sinh hoạt và học tập cho HSSV ở nội trú. Ngoài ra, KTX có sân bóng chuyên, sân bóng đá mini cỏ nhân tạo, sân cầu lông, phòng sinh hoạt tập thể để các em tập luyện văn nghệ thể thao sau những giờ học tập (8.5.03 - Kế hoạch tu sửa ký túc xá Phân hiệu năm 2019; 8.5.04 - Kế hoạch tu sửa ký túc xá Phân hiệu năm 2020; 8.5.05 - Sơ đồ bản vẽ ký túc xá Trường Cao đẳng Nam nghiệp Nam bộ Phân hiệu tại TP.HCM; 8.5.06 - Quyết định số 96/QĐ-TCTS-CTHS ngày 12/02/2020 về việc ban hành Nội quy Ký túc xá Trường Trung cấp Thủy sản; 8.5.07 - Thông báo số 60/TB-TCTS-CTHS ngày 04/02/2020 về việc phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp tại khu nội trú; 8.5.08 - Thông báo số 253/TB-CDNBPH-VP ngày 20/5/2021 về việc tăng cường, chủ động thực hiện phòng chống dịch bệnh COVID-19 cho toàn bộ cán bộ, CNV, HSSV và những người ở KTX của trường).

Bên cạnh đó, Nhà trường đã lắp đặt wifi (8.5.09 – Phiếu yêu cầu cung cấp dịch vụ viễn thông), phục vụ nhu cầu học tập, sinh hoạt cho tất cả HSSV ở ký túc xá, có phòng khách để phụ huynh của HSSV lưu trú khi đến thăm đảm bảo cơ bản nhu cầu sinh hoạt và học tập cho HSSV ở nội trú. Ngoài ra, Nhà trường có sân bóng đá mini cỏ nhân tạo, sân cầu lông, phòng sinh hoạt tập thể để các HSSV nội trú tập luyện thể thao sau những giờ học tập.

Dịch vụ phục vụ người học được Nhà trường quan tâm. Hằng năm, Nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá các hoạt động dịch vụ, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch nâng cấp, mở rộng quy mô ký túc xá, căn tin và cải thiện chất lượng các dịch vụ phục vụ người học

Theo kết quả khảo sát HSSV về vấn đề trên, năm 2022 có 100% HSSV được khảo sát trả lời ký túc xá Nhà trường đảm bảo diện tích, điều kiện sinh hoạt. (1.10.20 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 8: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường có phòng y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho người học với diện tích: cơ sở chính 32m², phân hiệu 16m², tại phòng y tế có bố trí giường để người bệnh nằm nghỉ, có tủ thuốc sơ cấp cứu tại chỗ cho CBVC và HSSV trong trường. Có các thiết bị y tế như: máy đo huyết áp, máy đo thân nhiệt, bộ dụng cụ sơ cứu vết thương, khay chia thuốc, tủ thuốc,... hàng năm đều được kiểm kê và kiểm tra, bảo trì sửa chữa định kỳ đảm bảo phục vụ tốt nhất cho công tác chăm sóc sức khỏe tại chỗ cho HSSV (8.6.01 – Theo dõi tài sản cố định và dụng cụ tại nơi sử dụng).

Vào đầu năm học, Nhà trường vận động tất cả HSSV đều tham gia mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể để có thể khám chữa bệnh khi có nhu cầu, nhằm đảm bảo sức khỏe trong thời gian học tập (8.6.02 – *Danh sách học sinh tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn 2019, 2020, 2021*).

Về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, nhà ăn, căn tin, khu nhà bếp, kho chứa thực phẩm đều đạt theo yêu cầu của công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Trong hơn 3 năm qua, chất lượng nhà ăn đều đạt yêu cầu, chất lượng phục vụ tốt, không gây ra ngộ độc thực phẩm (8.6.03 – *Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm của Căn tin; Giấy khám sức khỏe nhân viên căn tin*). Nhà trường vừa xây mới căn tin, nhà ăn và hoàn thành đưa vào hoạt động từ cuối năm 2018 góp phần nâng cao chất lượng của các dịch vụ ăn uống, phục vụ người học. Để đáp ứng nhu cầu của HSSV học tập và ở nội trú, nhà trường có 2 căn tin với tổng diện tích hơn 1.000m² phục vụ nhu cầu ăn uống cho HSSV. Căn tin của Trường đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và có kiểm tra vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định (8.6.04 – *Hợp đồng căn tin tại Cơ sở chính và Phân hiệu*).

Trong năm 2021, Nhà trường thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quyết liệt thực hiện đợt cao điểm phòng, chống dịch COVID-19, thực hiện cách ly xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31-3-2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19, đồng thời thực hiện triệt để các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 theo quy định của Bộ Y tế (8.6.05 – *Kế hoạch số 384-KH/CĐNBPH-VP ngày 17/9/2021 về Phòng, chống dịch Covid-19 và các phương án xử trí khi có trường hợp mắc Covid-19 tại Phân hiệu của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh*; 8.6.06 – *Phương án số 404/CĐNBPH-VP ngày 14/10/2021 về Tổ chức hoạt động GDNN gắn với việc đảm bảo an toàn phòng chống dịch Covid-19 tại Phân hiệu của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 8: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.7: *Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao: Nhà giáo dục thể chất (mới xây dựng năm 2022): 1039 m², 2 sân bóng đá mini nhân tạo ngoài trời 834 m², sân thể thao và cầu lông ngoài trời 1400 m², Hội trường 1040 m² để phục vụ các hoạt động phong trào của Nhà trường (5.3.02 - *Báo cáo cơ sở vật năm 2019, 2020, 2021*).

Công tác Đoàn và phong trào thanh niên Nhà trường không ngừng lớn mạnh, BCH Đoàn trường thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ như: Tổ chức Hội diễn Văn nghệ Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 (8.7.01 - *Kế hoạch Tổ*

chức Hội diễn Văn nghệ Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 ngày 01/10/2020). Tổ chức các hoạt động thể dục – Thể thao như: Giải bóng đá cấp trường (8.7.02 - Kế hoạch Giải Bóng đá cấp trường; 8.7.18 - Kế hoạch số 595/KH-TCTS-HC ngày 07/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Thủy sản về Kế hoạch Kỷ niệm 33 năm thành lập Trường Trung cấp Thủy sản (1986 - 2019); 37 năm Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 và Hưởng ứng phong trào “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hoá công sở”; 8.7.19 - Kế hoạch số 27/KH-CDT ngày 25/10/2019 về Tổ chức Hội thi thể thao - văn nghệ Kỷ niệm 33 năm thành lập Trường Trung cấp Thủy sản (1986 - 2019) chào mừng 37 năm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11; 8.7.20 - Kế hoạch số 04/KH-ĐTN ngày 21/9/2020 của Đoàn thanh niên Phân hiệu về tổ chức giải bóng đá mini chào mừng năm học mới (2020 -2021); 8.7.21 - Kế hoạch số 08/KH-ĐTN ngày 30/10/2020 của Đoàn thanh niên Phân hiệu về việc tổ chức chương trình chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2020) ... đã tạo sân chơi lành mạnh, thu hút đông đảo ĐV-TN tham gia, góp phần thực hiện một phần nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

Ngoài ra, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động xã hội như: chiến dịch “Thanh niên tình nguyện hè” với các nội dung: Hỗ trợ phòng chống dịch covid 19 trên địa bàn Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang năm 2021 (8.7.03 - Quyết định V/v Thành lập Đội hình Thanh niên tình nguyện Hè năm 2021); Phong trào “Hiển máu nhân đạo” cũng được quan tâm tổ chức (8.7.04 - Kế hoạch Tổ chức Hiến máu tình nguyện năm 2022); Phong trào “đền ơn đáp nghĩa” cũng được chú trọng: Tổ chức thăm, tặng quà cho các gia đình chính sách nhân dịp Tết Nguyên đán năm 2021 (8.7.05 - Kế hoạch thăm, tặng quà gia đình chính sách và giao lưu Đồn biên phòng Hải đội 2). Công tác giáo dục truyền thống luôn được chú trọng, quan tâm, các hoạt động như: Kỷ niệm 131 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5 (8.7.06 - Kế hoạch tổ chức Kỷ niệm 131 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5); Kỷ niệm 110 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước 5/6 (8.7.07 - Kế hoạch tổ chức Kỷ niệm 110 ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước); Tham, gia Hội thi Olympic toàn quốc các môn Khoa học Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh “Ánh sáng soi đường” lần IV năm học 2020-2021 (8.7.08 - Kế hoạch Phát động Sinh viên tham, gia Hội thi Olympic toàn quốc các môn Khoa học Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh “Ánh sáng soi đường” lần IV năm học 2020-2021); Tổ chức chương trình Hành trình về địa chỉ đỏ cách mạng năm học 2020 – 2021 (8.7.09- Kế hoạch tổ chức Tổ chức chương trình Hành trình về địa chỉ đỏ cách mạng năm học 2020 - 2021); Tổ chức thực hiện hoạt động kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ năm 2021 (8.7.10 - Kế hoạch tổ chức thực hiện hoạt động kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ năm 2021).

Ngoài ra, Đoàn Thanh niên Nhà trường cũng chú trọng kết hợp giữa vui chơi và giáo dục, đặc biệt là giáo dục về các giá trị văn hóa truyền thống cũng như cập nhật các kiến thức về chính trị xã hội cho đoàn viên thanh niên (8.7.22 - Thông báo số 09/TB-ĐTN ngày 07/12/2020 của Đoàn thanh niên Phân hiệu về việc mở lớp Dân ca và Đờn ca tài tử Nam Bộ; 8.7.23 - Thông báo số 14/TB-ĐTN ngày 24/01/2021 của Đoàn thanh niên Phân hiệu về việc tổ chức tiếp sóng trực tiếp Phiên khai mạc Đại hội Đại biểu toàn quốc

lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam; 8.7.24 - Kế hoạch số 16/KH-ĐTN ngày 22/3/2021 của Đoàn thanh niên Phân hiệu về tổ chức các hoạt động Chào mừng kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931 - 26/3/2021).

Những hoạt động khác cũng được Đoàn trường quan tâm như: Triển khai phong trào Sinh viên 5 tốt, Học sinh 3 rèn luyện năm học 2020-2021 (8.7.11 – *Quyết định công nhận “Sinh viên 5 tốt” và “Học sinh 3 rèn luyện” năm học 2020-2021*); tổ chức “Hội thi Tìm hiểu kiến thức nghề khối Học sinh sinh viên năm học 2020-2021 (8.7.13 - *Kế hoạch phối hợp tổ chức “Hội thi Tìm hiểu kiến thức nghề khối Học sinh sinh viên năm học 2020-2021*); Tổ chức Hội thi Tìm hiểu Pháp luật năm 2020 hưởng ứng ngày Pháp luật Việt Nam (9/11) (8.7.14- *Kế hoạch tổ chức Hội thi Tìm hiểu Pháp luật năm 2020 hưởng ứng ngày Pháp luật Việt Nam (9/11)*); Tổ chức Diễn đàn hỗ trợ phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học và chia sẻ cách đọc sách hiệu quả năm học 2020-2021 (8.7.15- *Kế hoạch tổ chức Diễn đàn hỗ trợ phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học và chia sẻ cách đọc sách hiệu quả năm học 2020-2021*); Tổ chức hội thi Tìm hiểu luật Giao thông đường bộ, kỹ năng lái xe mô tô an toàn và chạy thử xe mới cho đoàn viên năm 2021 (8.7.16- *Kế hoạch tổ chức hội thi Tìm hiểu luật Giao thông đường bộ, kỹ năng lái xe mô tô an toàn và chạy thử xe mới cho đoàn viên năm 2021*). Công tác tuyên truyền giáo dục ý thức tự giác chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và các quy định về bảo vệ an ninh trật tự cho HSSV qua các hoạt động sinh hoạt đầu khóa, đầu năm học.

Công tác đảm bảo an ninh, trật tự: luôn được Nhà trường quan tâm thực hiện. Có sự phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an địa phương – nơi Trường đặt trụ sở để kịp thời giải quyết khi có các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy xảy ra trong Trường, đảm bảo an ninh trật tự cho HSSV học tập, sinh hoạt và tham gia giữ gìn trật tự trị an ở địa phương bằng các hoạt động thực tế như:

Đối với cơ sở chính: Hàng năm Nhà trường phân công phòng Tổ chức, Hành chính và Quản trị xây dựng Kế hoạch an toàn về an ninh trật tự và hàng tháng, hàng quý đều có báo cáo tình hình an ninh trật tự về Phòng PA 04, PV 05 Công an Tiền Giang. (8.7.28- *Kế hoạch thực hiện công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông năm 2019.*; 8.7.29 – *Kế hoạch xây dựng cơ quan an toàn về an ninh trật tự các năm 2020, 2021, 2022*; 8.7.30 – *Báo cáo Tình hình an ninh trật tự hàng tháng, quý, năm 2019,2020, 2021, 2022*).

Nhà trường thành lập đội dân quân tự vệ, hàng năm đều được cử đi tập huấn và bồi dưỡng nghiệp vụ tại Thành đội Thành phố Mỹ Tho (8.7.17 - *Quyết định Kiện toàn tiểu đội Tự vệ cơ quan năm 2021*).

Ngoài ra, Nhà trường còn quan tâm tới an toàn phòng chống dịch bệnh covid 19 cho học sinh sinh viên (8.7.31 – *Kế hoạch phòng chống dịch Covid 19 và các phương án xử trí khi có các trường hợp mắc covid 19 tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ*).

Đối với Phân hiệu: Nhà trường có xây dựng kế hoạch cho Đoàn viên và giáo viên, công nhân viên trực ổn định nội quy, nề nếp đầu giờ và giờ ra chơi trong khuôn viên đơn vị (8.7.25 - *Kế hoạch số 06/KH-ĐTN ngày 12/10/2020 của Đoàn Phân hiệu về việc thực hiện ổn định trật tự nề nếp học sinh*). Phối hợp với địa phương trong công tác phòng chống dịch Covid-19 (8.7.26 - *Kế hoạch số 21/KH-ĐTN ngày 26/7/2021 của Đoàn Phân hiệu về việc hỗ trợ Quận đoàn Bình Tân trong công tác phòng chống Covid-19*; 8.7.27 - *Kế hoạch số 134/KH-CĐNB ngày 10/2/2022 của trường Cao đẳng NN Nam Bộ về việc tổ chức cho người học đảm bảo điều kiện an toàn phòng, chống dịch Covid-19*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 8: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường rất coi trọng công tác tư vấn và giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. Chính vì vậy, từ khi được nâng cấp lên thành trường cao đẳng, Nhà trường đã quyết định thành lập Trung tâm Hỗ trợ HSSV và Quan hệ doanh nghiệp nhằm mục đích tạo mối quan hệ với các công ty, doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động tìm việc làm giới thiệu cho HSSV tốt nghiệp ra trường.

Để đẩy mạnh vai trò tìm đầu ra cho sản phẩm Nhà trường đào tạo, năm 2016, Nhà trường quyết định đổi tên Trung tâm Hỗ trợ HSSV và Quan hệ doanh nghiệp thành Trung tâm Giới thiệu việc làm và Quan hệ doanh nghiệp (8.8.01 - *Quyết định số 393/QĐ-CĐNB ngày 25/5/2016 về việc thành lập Trung tâm Giới thiệu việc làm và Quan hệ doanh nghiệp*). Trung tâm có nhiều nhiệm vụ, một trong những nhiệm vụ đó là liên hệ với doanh nghiệp để tìm cơ hội việc làm; cung cấp thông tin về tuyển dụng và thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu cho HSSV sau khi tốt nghiệp (8.8.02 – *Đề án hoạt động Trung tâm*).

Hàng năm, Trung tâm tiến hành thu thập thông tin liên lạc của HSSV tốt nghiệp ra trường để liên lạc tư vấn việc làm mỗi khi có nhu cầu tuyển lao động từ phía doanh nghiệp. Công tác tư vấn giới thiệu việc làm được Trung tâm chú trọng thực hiện thông qua nhiều hình thức đa dạng. Với mối quan hệ lâu dài, khăng khít với nhiều doanh nghiệp, từ năm 2019 đến tháng 6 năm 2022, Trung tâm đã nhận và triển khai 195 thông báo tuyển dụng của các công ty, doanh nghiệp đến HSSV có nhu cầu tìm việc (1.2.03 – *Thống kê các thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp Trung tâm đã triển khai đến HSSV trong năm 2019, 2020, 2021*). Ngoài việc giới thiệu việc làm cho HSSV, Trung tâm còn tổ chức các buổi tọa đàm định hướng nghề nghiệp cho HSSV chuẩn bị tốt nghiệp ra trường, để các em không bỡ ngỡ khi lựa chọn một vị trí việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn và năng khiếu của bản thân (8.8.03 – *Kế hoạch số 892/KH-CĐNB, ngày 03/10/2019 tổ chức Tọa đàm định hướng nghề nghiệp cho HSSV năm 2019*; 8.8.04 – *Kế*

hoạch số 1015/KH-CĐNB, ngày 30/11/2020 tổ chức Tọa đàm định hướng nghề nghiệp cho HSSV năm 2020).

Hàng năm, Trung tâm Hỗ trợ HSSV và Quan hệ doanh nghiệp của Nhà trường phối hợp với các công ty, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động tổ chức các buổi tư vấn việc làm và phỏng vấn tuyển dụng trực tiếp cho HSSV tốt nghiệp ra trường (8.8.05 – *Kế hoạch số 500/KH-CĐNB, ngày 08/7/2019 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2019;* 8.8.06 – *Kế hoạch số 712/KH-CĐNB, ngày 27/8/2020 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2020;* 8.8.07 – *Kế hoạch số 758/KH-CĐNB, ngày 27/10/2021 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2021;* 8.8.08 – *Kế hoạch số 553/KH-CĐNB, ngày 09/6/2022 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2022).* Qua các buổi phỏng vấn, HSSV được giao lưu trực tiếp với nhà tuyển dụng, được tìm hiểu và giải đáp thắc mắc về doanh nghiệp, được lãnh đạo các công ty, doanh nghiệp truyền cho những kinh nghiệm quý báu, phục vụ cho quá trình công tác sau này. Thống kê trong 3 năm từ năm 2019 đến năm 2021, Trung tâm đã giới thiệu việc làm cho gần 869 HSSV sau tốt nghiệp (8.8.09 - *Báo cáo số 1280/BC-CĐNB ngày 31/12/2019 Báo cáo tổng kết tình hình việc làm HSSV sau tốt nghiệp 2019;* 8.8.10 - *Báo cáo số 17/BC-CĐNB ngày 21/01/2021 Báo cáo tổng kết tình hình việc làm HSSV sau tốt nghiệp 2020;* 8.8.11 - *Báo cáo số 1058/BC-CĐNB ngày 31/12/2021 Báo cáo tổng kết tình hình việc làm HSSV sau tốt nghiệp 2021).*

Từ năm 2019 đến tháng 6 năm 2022, Trung tâm đã tổ chức 8 buổi giới thiệu việc làm cho HSSV tại Trường với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp (8.8.12 – *Danh sách các doanh nghiệp tham gia buổi tư vấn và tuyển dụng năm 2019, 2020, 2021, 2022).* Qua các buổi phỏng vấn trực tiếp và các thông báo tuyển dụng, một số HSSV đã tìm được việc làm cho mình (8.8.13 - *Danh sách HSSV tham gia buổi Tư vấn và tuyển dụng trực tiếp năm 2019, 2020, 2021, 2022).*

Theo số liệu thống kê năm 2022, 100% HSSV tốt nghiệp trong năm được tham dự buổi tư vấn và tuyển dụng với các công ty/ doanh nghiệp. Ngoài ra, hoạt động giới thiệu việc làm thực hiện qua việc triển khai thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp đến HSSV thông qua website của Trường, bảng tin, văn phòng tuyển sinh... Hoạt động tư vấn việc làm kết hợp với công tác tư vấn hướng nghiệp tuyển sinh hàng năm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 8: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.9: *Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Hằng năm, Trung tâm Hỗ trợ HSSV và Quan hệ doanh nghiệp của Nhà trường phối hợp với các công ty, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động tổ chức Hội chợ việc làm hoặc tham gia Hội chợ việc làm do Trung tâm Dịch vụ việc làm Tiền Giang tổ chức để học sinh, sinh viên có cơ hội phỏng vấn tìm việc. Tuy nhiên, năm 2019 và năm 2020 do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Trung tâm Dịch vụ việc làm Tiền Giang không tổ chức được hoạt động này và Trung tâm HSSV và Quan hệ doanh nghiệp của Nhà trường cũng không tổ chức quy mô lớn được. Chính vì vậy, Nhà trường đã tổ chức các buổi tư vấn việc làm và phỏng vấn tuyển dụng trực tiếp chủ yếu cho đối tượng là HSSV tốt nghiệp của trường (8.8.05 – Kế hoạch số 500/KH-CĐNB, ngày 08/7/2019 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2019; 8.8.06 – Kế hoạch số 712/KH-CĐNB, ngày 27/8/2020 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2020; 8.8.07 – Kế hoạch số 758/KH-CĐNB, ngày 27/10/2021 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2021). Qua các hoạt động này, HSSV được giao lưu trực tiếp với nhà tuyển dụng, được tìm hiểu và giải đáp thắc mắc về doanh nghiệp, được phỏng vấn xin việc và được tuyển dụng tại chỗ.

Năm 2019, có 9 doanh nghiệp và 337 HSSV tham gia buổi tư vấn việc làm và phỏng vấn tuyển dụng trực tiếp tại trường. Có 213 HSSV được tuyển dụng ngay trong buổi phỏng vấn tuyển dụng.

Năm 2020, có 8 doanh nghiệp và 203 HSSV tham gia buổi tư vấn việc làm và phỏng vấn tuyển dụng trực tiếp tại trường. Có 168 HSSV được tuyển dụng ngay trong buổi phỏng vấn tuyển dụng.

Năm 2021, có 8 doanh nghiệp và 155 HSSV tham gia buổi tư vấn việc làm và phỏng vấn tuyển dụng online do Trường tổ chức. Có 108 HSSV được tuyển dụng ngay trong buổi phỏng vấn tuyển dụng.

(8.8.10 – Danh sách các doanh nghiệp tham gia buổi tư vấn và tuyển dụng năm 2019, 2020, 2021); (8.8.12 - Danh sách HSSV tham gia buổi Tư vấn và tuyển dụng trực tiếp năm 2019, 2020, 2021).

Ngoài ra, năm 2021, Trung tâm Dịch vụ việc làm Tiền Giang tổ chức Phiên giao dịch việc làm trực tuyến có mời một số đơn vị tham gia trong đó có Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ. Khi nhận được kế hoạch từ Trung tâm Dịch vụ việc làm Tiền Giang, Nhà trường đã cử HSSV tham gia nhằm hỗ trợ cho HSSV đã và chuẩn bị tốt nghiệp tìm hiểu tiếp cận thị trường lao động, tìm kiếm việc làm trong nước và ngoài nước. Hoạt động này đã thu hút 155 HSSV tốt nghiệp năm 2021 tham gia tư vấn, phỏng vấn tìm kiếm được việc làm (8.9.02 – Công văn 1062/CĐNB-KĐ&BDCL về việc gửi danh sách HSSV tham dự Phiên giao dịch việc làm trực tuyến đợt 4 ngày 23/12/2021 do Trung tâm Dịch vụ việc làm tổ chức kèm Danh sách HSSV tham gia).

Năm 2022, Nhà trường đang lên kế hoạch tổ chức Hội chợ việc làm cho HSSV ra trường trong năm 2022 dự kiến thời gian tổ chức vào ngày 29/10/2022 (8.9.03 – Kế hoạch số 678/KH-CDNB ngày 15/7/2022 Tổ chức Hội chợ việc làm năm 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 8: 01 điểm

3.2.9. Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát

Nhà trường luôn chú trọng công tác giám sát, đánh giá chất lượng đào tạo. Ngay từ khi được nâng cấp thành trường Cao đẳng, Nhà trường đã thành lập đơn vị chuyên trách phụ trách công tác đảm bảo chất lượng đó là Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng (năm 2019 Phòng đổi tên thành Kiểm định và Bảo đảm chất lượng). Phòng có chức năng thực hiện và giám sát việc đánh giá kết quả học tập của người học; tham mưu cho Ban Giám hiệu những vấn đề liên quan đến đảm bảo chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Những năm qua, Nhà trường đã thực hiện được một số công tác về đảm bảo chất lượng như: hoàn thành tự đánh giá trường cao đẳng theo các tiêu chí đánh giá của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; tổ chức lấy ý kiến về khóa đào tạo dành cho HSSV tốt nghiệp ra trường; tổ chức lấy ý kiến phản hồi về HSSV tốt nghiệp ra trường từ các nhà tuyển dụng; tổ chức điều tra tình hình việc làm của HSSV sau khi ra trường... Hằng năm, Trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá.

Từ những nhận thức đúng đắn của Nhà trường trong việc chú trọng chất lượng đã tạo nên thương hiệu của Trường trong thời gian qua. Chính vì vậy, hầu hết người học sau khi tốt nghiệp đều có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 3 hoặc 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

**** Những điểm mạnh:***

Từ mối quan hệ tốt đẹp và bền chặt với các doanh nghiệp, hằng năm Nhà trường thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Khảo sát tình hình việc làm của HSSV sau tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng được thực hiện thuận lợi. Qua khảo sát cho thấy HSSV Nhà trường đào tạo khi ra trường có trên 80% có việc làm và đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp.

Hằng năm, Nhà trường đều tiến hành tự đánh giá căn cứ vào tiêu chí đánh giá và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Từ đó hằng năm Nhà trường đều tiến hành rà soát, tự đánh giá lại các hoạt động của Nhà trường sau 1 năm thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng đề ra.

**** Những tồn tại:*** Không

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Trên cơ sở đã có một số cán bộ viên chức được tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng:

- Tiếp tục nghiên cứu các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công tác kiểm định chất lượng.

- Triển khai tập huấn, hướng dẫn cho các đơn vị trực thuộc trường về công tác đảm bảo chất lượng.

Lập kế hoạch giám sát thường xuyên các hoạt động của Nhà trường, kịp thời phát hiện và có kế hoạch khắc phục những vấn đề chưa đáp ứng yêu cầu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiếp tục giữ mối quan hệ tốt đẹp với các đơn vị sử dụng lao động nhằm khảo sát mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp trong thực hiện công việc tại công ty/ doanh nghiệp.

Tiếp tục duy trì liên lạc với HSSV tốt nghiệp ra trường nhằm khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 9:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 9	6
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 9.1: *Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Thông qua các buổi tư vấn việc làm và tuyển dụng trực tiếp của các đơn vị sử dụng lao động tổ chức tại Trường, Nhà trường thực hiện việc thu thập thông tin về HSSV tốt nghiệp của Trường đang làm việc tại doanh nghiệp (8.8.05 – Kế hoạch số 500/KH-CĐNB, ngày 08/7/2019 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2019; 8.8.06 – Kế hoạch số 712/KH-CĐNB, ngày 27/8/2020 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2020; 8.8.07 – Kế hoạch số 758/KH-CĐNB, ngày 27/10/2021 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2021; 8.8.08 – Kế hoạch số 553/KH-

CDNB, ngày 09/6/2022 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2022). Qua kết quả khảo sát, đa số các doanh nghiệp cho ý kiến rất hài lòng và đánh giá cao mức độ đáp ứng trong công việc của HSSV do Nhà trường đào tạo ra.

Ngoài hình thức trên, thông qua điện thoại liên lạc, gửi email khảo sát hoặc khảo sát trực tuyến thông qua google biểu mẫu đối với các công ty, Nhà trường cũng nắm được tình hình HSSV của mình đào tạo đang làm việc tại doanh nghiệp (9.1.01 - Kế hoạch số 573/KH-CDNB, ngày 9/8/2019 triển khai lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động năm 2019; 9.1.02 - Kế hoạch số 861/KH-CDNB, ngày 20/10/2020 lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng sinh viên tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2020; 9.1.03 - Kế hoạch số 759/KH-CDNB, ngày 28/10/2021 lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng sinh viên tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2021; 9.1.04 - Kế hoạch số 759/KH-CDNB, ngày 03/8/2022 lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về HSSV tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2022).

Hàng năm, Nhà trường triển khai lấy ý kiến của 30 doanh nghiệp có sử dụng lao động là HSSV tốt nghiệp tại trường về mức độ đáp ứng công việc của người tốt nghiệp (9.1.05 - Danh sách doanh nghiệp gửi phiếu khảo sát ý kiến năm 2019, 2020, 2021, 2022). Trong số những doanh nghiệp được triển khai lấy ý kiến, hàng năm đều có trên 10 doanh nghiệp phản hồi thông tin về Trường (năm 2019: 15 doanh nghiệp; năm 2020: 13 doanh nghiệp và năm 2021: 11 doanh nghiệp; năm 2022: 12 doanh nghiệp) (9.1.06 - Danh sách doanh nghiệp phản hồi ý kiến năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Từ kết quả thống kê ý kiến của các doanh nghiệp cho thấy hầu hết doanh nghiệp đều cho rằng HSSV do Trường đào tạo đáp ứng được một phần yêu cầu công việc của công ty. Các HSSV của Nhà trường có tinh thần học hỏi, khả năng tiếp thu và thích ứng cao. Tuy nhiên, các bạn vẫn còn thiếu một số kinh nghiệm thực tế và cần bổ trợ thêm một số kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống trong công việc (9.1.07 - Phiếu khảo sát đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form; 9.1.08 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 9: 01 điểm

Tiêu chuẩn 9.2: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, Nhà trường đều triển khai công tác lấy ý kiến toàn thể cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động thông qua các cuộc họp toàn cơ quan, hội nghị

Cán bộ viên chức, hợp Hội đồng Khoa học và Đào tạo (7.5.01 - *Biên bản Hội nghị CBVC năm 2019, 2020, 2021*; 9.2.01 - *Thông báo số 69/TB-CDNBPH-VP của Phân hiệu Trường CD Nông nghiệp Nam Bộ tại TPHCM về việc tổ chức hội nghị Công chức Viên chức năm 2021*). Ngoài ra, để lấy ý kiến chi tiết về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, Nhà trường tiến hành khảo sát thông qua phiếu khảo sát ý kiến (1.1.09 - *Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form*).

Phiếu được xây dựng trên cơ sở những nội dung cần lấy ý kiến của CBVC để phục vụ báo cáo tự đánh giá. Việc khảo sát được triển khai cho tất cả CBVC thông qua email và trực tuyến. Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng có nhiệm vụ soạn thảo phiếu, triển khai và tổng hợp kết quả khảo sát (9.2.02 - *Kế hoạch số 978/KH-CDNB ngày 04/11/2019 Kế hoạch lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2019*; 9.2.03 - *Kế hoạch số 860/KH-CDNB ngày 20/10/2020 lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2020*; 9.2.04 - *Kế hoạch số 738/KH-CDNB ngày 25/10/2021 lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2021*; 9.2.05 - *Kế hoạch số 758/KH-CDNB ngày 03/7/2022 Kế hoạch lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2022*).

Kết quả khảo sát các năm qua cho thấy trên có trên 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được khảo sát ý kiến về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (năm 2019: 50/88 CBVC chiếm 56.8%; năm 2020: 76/87 CBVC chiếm 87%; năm 2021: 127/132 CBVC chiếm 96%; năm 2022: 114/124 chiếm 91.9%). Trong số đó có trên 90% CBVC cho rằng, các hoạt động của Nhà trường về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động đều đúng quy định và đáp ứng nhu cầu của CBVC (1.1.09 - *Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form*; 1.1.10 - *Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 9: 01 điểm

Tiêu chuẩn 9.3: *Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành lấy ý kiến của HSSV đang học tập tại trường về các vấn đề như chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học. Việc lấy

ý kiến được tiến hành thông qua phiếu khảo sát (1.10.20 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022 lưu tại Phòng Kiểm định & BDCL).

Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng xây dựng kế hoạch triển khai lấy ý kiến HSSV bằng nhiều hình thức khác nhau như phát phiếu bảng in, khảo sát trên google biểu mẫu, thu phiếu và tổng hợp kết quả dựa trên ý kiến HSSV cho trong phiếu khảo sát (9.2.02 - Kế hoạch số 978/KH-CĐNB ngày 04/11/2019 Kế hoạch lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2019; 9.2.03 - Kế hoạch số 860/KH-CĐNB ngày 20/10/2020 lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2020; 9.2.04 - Kế hoạch số 738/KH-CĐNB ngày 25/10/2021 lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2021; 9.2.05 - Kế hoạch số 758/KH-CĐNB ngày 03/7/2022 Kế hoạch lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2022).

Tỷ lệ HSSV được thu thập ý kiến đảm bảo trên 30% số người học hàng năm (năm 2019: 328/1004 HSSV chiếm 32%; năm 2020: 672/1.315 HSSV chiếm 51%; năm 2021: 727/1.231 HSSV chiếm 59%; năm 2022: 551/1.212 chiếm 45,4%) (1.1.10 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 9: 01 điểm

Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ theo hướng dẫn tại thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hằng năm Trường đều xây dựng kế hoạch thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng Nhà trường (9.4.01 - Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019; 2020; 2021; 2022).

Hội đồng tự đánh giá chất lượng Nhà trường được thành lập hằng năm. Thành phần tham gia hội đồng luôn đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo quy định đề ra (9.4.02 – Quyết định Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2019; 2020; 2021; 2022).

Kết quả tự đánh giá chi tiết các tiêu chí của bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá trường cao đẳng được tổng hợp thành báo cáo chung (9.4.03 – Quyết định Ban hành Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2019; 2020; 2021) và được đăng tải công khai trên website của Nhà trường (9.4.04 - Link đăng tải Báo cáo tự đánh giá năm 2021: <https://nbac.edu.vn/read.php?m=2021350&t=33>).

Về tự đánh giá chương trình đào tạo, căn cứ vào tiêu chuẩn để tự đánh giá theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và hướng dẫn tại Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019

của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, năm 2021 là năm đầu tiên Trường tiến hành tự đánh giá chương trình đào tạo bậc cao đẳng cho 2 ngành/ nghề Thú y và Bảo vệ thực vật (9.4.05 - *Kế hoạch 810/KH-CĐNB ngày 10/11/2021 tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Thú y và Bảo vệ thực vật*). Việc triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo được giao nhiệm vụ cho từng hội đồng riêng cho từng nghề (9.4.06 - *Quyết định số 666/QĐ-CĐNB ngày 08/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo bậc cao đẳng ngành Bảo vệ thực vật*; 9.4.07 - *Quyết định số 667/QĐ-CĐNB ngày 08/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo bậc cao đẳng ngành Thú y*). Kết thúc đợt đánh giá, Trường ký quyết định ban hành báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo và công bố công khai báo cáo trên website của Trường (9.4.08 - *Quyết định Ban hành Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cao đẳng Thú y và Bảo vệ thực vật*).

Nhà trường đã lập kế hoạch thực hiện công tác xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng, cho giai đoạn 2020 – 2022 (1.7.02 - *Kế hoạch 277/KH-CĐNB ngày 5/5/2020 về xây dựng, vận hành, đánh giá cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng giai đoạn 2020 - 2022*). Theo đó, tháng 01 năm 2021, hệ thống đảm bảo chất lượng Nhà trường đã được công bố bao gồm chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng và 23 quy trình đảm bảo chất lượng (1.7.04 – *Quyết định số 90/QĐ-CĐNB ngày 29/01/2021 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc công bố chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng và hệ thống quy trình đảm bảo chất lượng*).

Trong năm 2021, Nhà trường tiến hành kiểm tra việc vận hành các quy trình và hệ thống đảm bảo chất lượng (1.7.05 – *Kế hoạch số 368/KH-CĐNB ngày 28/4/2021 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về kiểm tra việc vận hành 23 quy trình đảm bảo chất lượng đã ban hành*). Trên cơ sở kết quả của đợt kiểm tra, Nhà trường tiến hành chỉnh sửa bổ sung cho các quy trình ĐBCL đã ban hành và đề xuất xây dựng một số quy trình ĐBCL mới (1.7.06 – *Kế hoạch số 676/KH-CĐNB ngày 20/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về điều chỉnh các quy trình đảm bảo chất lượng đang vận hành và xây dựng mới một số quy trình ĐBCL trong năm 2021*). Kết quả thực hiện việc rà soát đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng, năm 2022 Nhà trường ban hành quyết định điều chỉnh 15 quy trình đang vận hành và xây dựng mới 14 quy trình ĐBCL (9.4.09 – *Quyết định số 270/KH-CĐNB ngày 30/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc điều chỉnh, bổ sung hệ thống quy trình ĐBCL*).

Định kỳ cuối mỗi năm Nhà trường đều tiến hành báo cáo kết quả thực hiện hệ thống bảo đảm chất lượng và tự đánh giá về các cơ quan có thẩm quyền đúng qui định

(1.7.09 – Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2019, 2020, 2021; 1.7.10 – Báo cáo tổng hợp công tác tự đánh giá chất lượng năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 9: 01 điểm

Tiêu chuẩn 9.5: Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, căn cứ vào kết quả tự đánh giá Trường năm liền trước, Nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo sau tự đánh giá. Kế hoạch nêu rõ nội dung cần cải tiến, các biện pháp cụ thể thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo cũng như thời gian thực hiện, đơn vị thực hiện. Các đơn vị phòng/khoa trong trường căn cứ vào kế hoạch sẽ tự đề ra phương hướng, giải pháp để tiến hành cải tiến, khắc phục những tiêu chí chưa đạt yêu cầu thuộc lĩnh vực đơn vị mình phụ trách (9.5.01 - Kế hoạch số 173/KH-CĐNB ngày 20/2/2020 Cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá năm 2019; 9.5.02 - Kế hoạch số 172/KH-CĐNB ngày 24/2/2021 Cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá năm 2020; 9.5.03 - Kế hoạch số 250/KH-CĐNB ngày 30/3/2022 Cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá năm 2021).

Cuối năm, Nhà trường tiến hành cập nhật kết quả cải tiến vào báo cáo tự đánh giá và tiến hành tự đánh giá lại hoạt động đào tạo của mình (9.4.01 - Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019; 2020; 2021; 2022).

Kết quả thực hiện được thể hiện trong báo cáo tự đánh giá hàng năm (9.4.03 – Quyết định Ban hành Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2019; 2020; 2021) và trong Nghị quyết của Đảng bộ Nhà trường (1.1.06 - Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 9: 01 điểm

Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỉ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Vấn đề việc làm của HSSV được các cấp lãnh đạo Nhà trường hết sức quan tâm. Vì vậy, ngay thời điểm trước khi thi tốt nghiệp, Nhà trường đã phối hợp với đơn vị sử dụng lao động tổ chức những buổi tư vấn việc làm, tuyển dụng cho HSSV (8.8.05 – Kế hoạch số 500/KH-CĐNB, ngày 08/7/2019 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2019; 8.8.06 – Kế hoạch số 712/KH-CĐNB, ngày 27/8/2020 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2020; 8.8.07 – Kế hoạch số 758/KH-CĐNB, ngày 27/10/2021 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng

vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2021; 8.8.08 – Kế hoạch số 553/KH-CĐNB, ngày 09/6/2022 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2022). Một mặt, do nhu cầu của thị trường lao động một số ngành Trường đào tạo thuộc lĩnh vực chăn nuôi thú y, bảo vệ thực vật, kế toán doanh nghiệp, thủy lợi tổng hợp, công nghệ thực phẩm,...rất lớn nên đa số HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường đều có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo.

Hằng năm, căn cứ vào danh sách HSSV tốt nghiệp, Nhà trường định kỳ điều tra tình hình việc làm thông qua hình thức: điều tra trực tiếp thông qua phiếu khảo sát, gửi email và gọi điện thoại trực tiếp (9.6.01 - *Mẫu phiếu khảo sát việc làm HSSV; 9.6.02 - Danh sách HSSV được điều tra tình hình việc làm 2019, 2020, 2021*). Ngoài ra, thông qua mối quan hệ với các doanh nghiệp, Nhà trường cũng lấy được một số thông tin về HSSV tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp chuyên ngành.

Qua những thông tin thu thập được, Nhà trường khẳng định rằng trên 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp (8.8.09 - *Báo cáo số 1280/BC-CĐNB ngày 31/12/2019 Báo cáo tổng kết tình hình việc làm HSSV sau tốt nghiệp 2019; 8.8.10 - Báo cáo số 17/BC-CĐNB ngày 21/01/2021 Báo cáo tổng kết tình hình việc làm HSSV sau tốt nghiệp 2020; 8.8.11 - Báo cáo số 1058/BC-CĐNB ngày 31/12/2021 Báo cáo tổng kết tình hình việc làm HSSV sau tốt nghiệp 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 9: 01 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Tăng cường biện pháp phổ biến nội dung sứ mạng và mục tiêu của Trường trong cán bộ công chức, viên chức và HSSV toàn trường. Đồng thời mở rộng giới thiệu sứ mạng, mục tiêu của Trường đến các tổ chức, công ty, doanh nghiệp... nhằm quảng bá thương hiệu của Trường.

Đưa mục tiêu giáo dục lâu dài và mục tiêu giáo dục cụ thể của từng năm học lên website của Trường.

Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý để đảm bảo đạt tiêu chuẩn đề ra.

Trong thời gian tới Nhà trường nghiên cứu và ban hành quy chế về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Hoàn thiện đưa vào vận hành và đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường.

Tổ chức Đảng các cấp thường xuyên cải tiến phương thức hoạt động để phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện đối với mọi hoạt động của Trường. Tăng cường hơn nữa công tác phát triển Đảng trong HSSV. Tăng cường công tác tập huấn, học tập nghiệp vụ công tác Đảng cho đảng viên. Tiếp tục nghiên cứu và cụ thể hóa quy chế lãnh đạo của chi uỷ; đặc biệt là đối với các đoàn thể quần chúng cùng cấp.

Các đoàn thể đa dạng hoá các hình thức hoạt động ngày càng phong phú thiết thực và có chiều sâu, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, thu hút hơn nữa sự quan tâm ủng hộ của CBVC và HSSV.

2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Tiếp tục đa dạng hóa các loại hình đào tạo, mở rộng ngành nghề ở nhiều lĩnh vực đào tạo để thu hút người học.

Tăng cường công tác bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên-giáo viên, về các nghiệp vụ chuyên môn và công tác quản lý hành chính, bồi dưỡng kỹ năng thực hành nghề để nâng cao chất lượng giảng dạy.

Trang bị thêm sách giáo khoa, giáo trình, bài giảng, các tài liệu tham khảo cho các môn học thêm phong phú, đa dạng hơn.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm, thực hiện báo cáo hàng tháng, hàng năm.

3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Tiếp tục rà soát, lập kế hoạch để chuẩn hóa trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho CBVC nhằm đáp ứng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Tất cả chương trình đào tạo được đăng lên website của Trường.

Định kỳ, Nhà trường cần tiến hành rà soát, bổ sung và chỉnh lý lại một số giáo trình của môn học cho phù hợp với sự phát triển của xã hội. Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ đẩy nhanh việc xây dựng giáo trình, bài giảng thống nhất sử dụng trong nội bộ Nhà trường.

5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Nhà trường đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt và tiếp tục thực hiện dự án quy hoạch tổng thể Trường đã được phê duyệt:

Quyết định số 3939/QĐ-BNN-KH ngày 05/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án quy hoạch mặt bằng tổng thể Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ;

Quyết định số 2048/QĐ-BNN-KH ngày 27/05/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, xây dựng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam bộ.

Tiếp tục thực hiện việc rà soát và mua sắm trang thiết bị bổ sung cho các ngành nghề đào tạo tại trường.

Bổ sung giáo trình tại thư viện đảm bảo đủ số lượng bản in theo quy định. Tăng cường hoạt động của thư viện điện tử, cập nhật danh mục tài liệu tham khảo được số hóa.

6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Tăng cường công tác tuyển chọn, phê duyệt các đề tài, dự án theo hướng đòi hỏi tính thực tiễn cao, khả năng ứng dụng tốt vào giảng dạy, học tập, tổ chức quản lý và phát triển sản xuất kinh doanh.

Hằng năm, giao cho Phòng Đào tạo & KHCN xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật nhằm không ngừng nâng cao năng lực triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường.

7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính

Đối với các nguồn tài chính ổn định từ nguồn ngân sách Nhà nước và thu học phí HSSV, Nhà trường thực hiện chế độ chi tiêu hợp lý để đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh cơ chế khoán thực hiện nhiệm vụ cho các đơn vị của Nhà trường như trại thực nghiệm, ký túc xá, các quầy giới thiệu sản phẩm; khai thác tiềm năng trang thiết bị, của đội ngũ cán bộ giáo viên để tăng nguồn thu.

Đẩy mạnh hoạt động của các trung tâm như: Trung tâm Tư vấn Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, triển khai các ứng dụng sản xuất và nghiên cứu khoa học, tăng cường khai thác các tiềm năng sẵn có, tìm kiếm đối tác bên ngoài để tăng nguồn thu cho Trung tâm cũng như Nhà trường. Phát triển quy mô đào tạo, đào tạo liên thông, liên kết, đặc biệt là đào tạo theo đơn đặt hàng của Nhà nước.

8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

Tiếp tục đẩy mạnh việc thường xuyên nhắc lại các quy chế đào tạo, chương trình học,... đến người học thông qua buổi sinh hoạt lớp hàng tuần.

Tập trung đầu tư để tăng cường cơ sở vật chất, xây dựng khu giảng đường, khu tập luyện thể thao và các khu bổ trợ khác một cách đầy đủ, đồng bộ.

Tổ chức quản lý để tạo môi trường xanh - sạch - đẹp nâng cao sức khỏe cho người học.

Nâng cao chất lượng phục vụ của dịch vụ y tế và căn tin của Nhà trường nhằm đảm bảo đủ điều kiện về chăm sóc sức khỏe và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Đa dạng hoá các hình thức hoạt động Đoàn ngày càng phong phú thiết thực và có chiều sâu góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, thu hút hơn nữa sự quan tâm ủng hộ của CBVC và HSSV.

Nhà trường xử lý nghiêm khắc đối với những trường hợp HSSV vi phạm nội qui, gây mất trật tự, an ninh.

9. Tiêu chí 9: Công tác giám sát, đánh giá chất lượng

Tiếp tục nghiên cứu các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công tác kiểm định chất lượng.

Lập kế hoạch giám sát thường xuyên các hoạt động của Nhà trường, kịp thời phát hiện và có kế hoạch khắc phục những vấn đề chưa đáp ứng yêu cầu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiếp tục giữ mối quan hệ tốt đẹp với các đơn vị sử dụng lao động do Nhà trường đào tạo ra nhằm khảo sát được mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp trong thực hiện công việc tại công ty/ doanh nghiệp.


Tiếp tục giữ liên lạc với cựu HSSV để thu thập thông tin về việc làm sau tốt nghiệp.

PHẦN IV: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Công tác tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp được Nhà trường đặc biệt chú trọng và tiến hành từ năm 2017. Theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hàng năm Trường tiến hành rà soát, cập nhật lại nội dung báo cáo cho phù hợp với kết quả cải tiến chất lượng của Trường. Qua một năm thực hiện việc cải tiến, kết quả có nhiều hoạt động của Nhà trường được Hội đồng tự đánh giá cho là được cải thiện về chất lượng nên kết quả tự đánh giá cho năm 2022 đạt 99/100 điểm.

Trong những tiêu chuẩn đạt yêu cầu, thế mạnh của Trường vẫn tập trung ở các yếu tố như: Nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng và số lượng, có kinh nghiệm và nhiệt huyết trong công tác giảng dạy; Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ đào tạo được nâng cấp mới phong phú, đa dạng về chủng loại, hiện đại về chức năng; Chương trình đào tạo của các ngành được xây dựng lại trên cơ sở chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Nội dung đào tạo chuẩn xác, thiết thực, phương pháp đào tạo được quan tâm thay đổi theo hướng lấy học viên làm trung tâm, kế hoạch đào tạo được xây dựng rõ ràng và công bố rộng rãi, kết quả học tập của HSSV được đánh giá khách quan, công bố và lưu trữ đúng quy định; Lĩnh vực hợp tác quốc tế được Nhà trường đặc biệt chú trọng, năm 2022 là năm thứ 4 Nhà trường hợp tác với 3 trường cao đẳng tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, hoàn thành đào tạo 9 du học sinh Lào đồng thời tiếp tục tuyển sinh đợt thứ 2; Thực hiện chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực chăn nuôi thú y và trồng trọt bảo vệ thực vật.

Từ kết quả tự đánh giá trong báo cáo này, Nhà trường sẽ sử dụng để làm căn cứ phát huy các thế mạnh hiện có và tiến hành khắc phục những tồn tại để nâng cao chất lượng giáo dục của cơ sở, nhằm góp phần đào tạo ra đội ngũ kỹ thuật viên có tay nghề và đạo đức nghề nghiệp, phục vụ cho nhu cầu nhân lực của địa phương nói riêng và của ngành nói chung.

Tuy nhiên, do nguồn kinh phí thực hiện công tác bảo đảm chất lượng của Nhà trường cũng như trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm trong lĩnh vực này còn hạn chế nên một số nội dung chưa thực sự đi vào chiều sâu và mang lại hiệu quả cao nhất. Từ nguyên nhân trên, Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ kính đề nghị Bộ Nông nghiệp & PTNT và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tạo điều kiện về tài chính đồng thời hướng dẫn về mặt nghiệp vụ để Trường sớm mạnh dạn đăng ký đánh giá ngoài tiến tới được công nhận đạt tiêu chuẩn về chất lượng trong giáo dục đào tạo nghề nghiệp. 

HIỆU TRƯỞNG

THS. NGUYỄN TIẾN HUYỀN

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng năm 2022

BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP NAM BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 514/QĐ-CĐNB

Tiền Giang, ngày 24 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Cao đẳng Nông nghiệp
Nam Bộ năm 2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP NAM BỘ

Căn cứ vào Quyết định số 479/QĐ-BGDĐT, ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ;

Căn cứ Quyết định số Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 9 tháng 12 năm 2019, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội qui định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức hành chính và Quản trị, Trưởng Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2022 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng kế hoạch tự đánh giá chất lượng Trường và phục vụ công tác đánh giá ngoài năm 2022, khi kết thúc có báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện về Ban Giám hiệu, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tiền Giang, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các Quyết định trước đây có nội dung trái với Quyết định này không còn hiệu lực thi hành.

Điều 3. Trưởng các đơn vị trực thuộc và các cá nhân có tên ở Điều 1, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

-Như Điều 3;

-Lưu VT, KĐ&BDCL.



T.S. NGUYỄN TIẾN HUYỀN

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG
CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP NAM BỘ NĂM 2022
CƠ SỞ CHÍNH**

(Ban hành theo Quyết định số: 514/QĐ-CDNB, ngày 24 tháng 5 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ)

1. Chủ tịch Hội đồng: ThS. Nguyễn Tiến Huyền, Hiệu trưởng.
2. Phó Chủ tịch Hội đồng: ThS. Trần Văn Tám, Phó Hiệu trưởng.
3. Thư ký: ThS. Bùi Ngọc Phước Hảo, Trưởng phòng Kiểm định và BDCL.
4. Các thành viên Hội đồng:
 - TS. Cao Hồ Thanh Xuân, Trưởng phòng Đào tạo và Khoa học công nghệ.
 - CN. Nguyễn Văn Ngọc, Trưởng phòng Cơ sở vật chất.
 - ThS. Hà Chi Trục, Q. Trưởng phòng Công tác học sinh sinh viên.
 - ThS. Trần Văn Thanh, Trưởng phòng Tổ chức hành chính và Quản trị.
 - ThS. Dương Văn Thọ, Trưởng phòng Tài chính, Kế toán.
 - TS. Trần Văn Lên, Phụ trách khoa Chăn nuôi, Thú y.
 - ThS. Nguyễn Văn Dũng, Trưởng khoa Trồng trọt, Bảo vệ thực vật.
 - ThS. Nguyễn Triệu Phú Quý, Trưởng khoa Khoa học cơ bản.
 - ThS. Huỳnh Lê Ninh Khoa, Trưởng khoa Thủy lợi.
 - CN. Lê Trọng Hiếu, Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.
 - CN. Trần Quốc Hùng, Bí thư Đoàn thanh niên.
 - ThS. Bùi Thị Kim Dung, Phó trưởng phòng Kiểm định và BDCL.
 - Ông Trần Văn Hiệp, Quản lý vùng, Công ty TNHH thương mại Tân Thành.
 - Ông Võ Ngọc Chính, Tổ phó Tổ Kỹ thuật dịch vụ, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã Cai Lậy, Tiền Giang.
 - Ông Nguyễn Thành Sơn, Phó giám đốc Xí nghiệp thủy lợi Bảo Định, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang.
5. Thành viên Ban thư ký:
 - KS. Trần Thị Xuân Đào, giảng viên phòng Kiểm định và BDCL.
 - CN. Nguyễn Thị Thanh Huy, giảng viên phòng Kiểm định và BDCL.
 - ThS. Nguyễn Duy Tân, giảng viên phòng Kiểm định và BDCL.
 - ThS. Lưu Hồng Minh Tâm, giảng viên phòng Kiểm định và BDCL.

BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP NAM BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG
CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP NAM BỘ NĂM 2022
PHÂN HIỆU THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Ban hành theo Quyết định số: 5M4 /QĐ-CĐNB, ngày 24 tháng 5 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ)

1. Chủ tịch Hội đồng: ThS. Nguyễn Tiến Huyền, Hiệu trưởng.
2. Phó Chủ tịch Hội đồng: ThS. Trần Thị Thu Bình, Phó Hiệu trưởng
3. Thư ký: CN. Tăng Thị Thanh Hằng, Chuyên viên phòng Đào tạo và CTH: SV
4. Các thành viên Hội đồng:
 - KS. Lê Tiến Dũng, Chánh văn phòng Phân hiệu
 - CN. Bùi Văn Quyền, Phó chánh văn phòng PH
 - ThS. Phạm Thị Giang, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán
 - ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo, Trưởng khoa Chế biến và BQTS
 - ThS. Nguyễn Thị Lý, Phó trưởng khoa Tin học, Ngoại ngữ và KHCB
 - ThS. Lê Thái Tú Tiên, Bí thư Đoàn Thanh niên Phân hiệu
 - Ông Nguyễn Văn Cảnh, Giám đốc Công ty CP dịch vụ tư vấn ABE
 - Bà Lê Thị Sơn, Phó Tổng giám đốc Công ty CP thực phẩm FAMISEA
 - Ông Võ Huy, Giám đốc Công ty TNHH cơ điện lạnh Huy Hiếu.
5. Thành viên Ban thư ký:
 - CN. Võ Thị Hồng Vân, Thư viện viên phòng Đào tạo và Công tác HSSV
 - CN. Nguyễn Thanh Hiền, Chuyên viên phòng Đào tạo và CTHSSV
 - CN. Nguyễn Thị Nhung, Giảng viên Văn phòng Phân hiệu
 - CN. Ngô Huỳnh Diệu Anh, Chuyên viên Văn phòng Phân hiệu.

Phụ lục 2: Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2022

**BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP NAM BỘ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 515 /KH-CĐNB

Tiền Giang, ngày 25 tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH

Tự đánh giá chất lượng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2022

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về ban hành Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường cao đẳng

Căn cứ Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp, cao đẳng.

Căn cứ báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng năm 2021 của Nhà trường.

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành kế hoạch tự đánh giá chất lượng năm 2022, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu tự kiểm định chất lượng

- Rà soát tình hình thực tế của Nhà trường so với tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để đánh giá chất lượng đào tạo của Nhà trường.

- Từ kết quả tự đánh giá tiếp tục phát huy những tiêu chí, tiêu chuẩn đạt yêu cầu, đồng thời lập kế hoạch khắc phục những nội dung chưa đạt theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá.

- Nâng cao nhận thức của CBVC, HSSV về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong Trường cùng nhau tham gia công tác này.

2. Công cụ đánh giá

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường cao đẳng ban hành kèm Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng ban hành kèm Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 03 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Quy trình tự đánh giá chất lượng

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng trường được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng;
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng;
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng;
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi về Sở Lao động Thương binh & Xã hội; Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

4. Nhiệm vụ chung

4.1. Đối với Hội đồng Tự đánh giá chất lượng Nhà trường

- Hướng dẫn và kiểm tra, giám sát các đơn vị tiến hành thực hiện công tác tự đánh giá theo chức năng, nhiệm vụ. Phân công các thành viên trong Hội đồng, chỉ đạo các đơn vị thực hiện theo tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách.
- Nghiên cứu báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của các đơn vị.
- Tổng hợp, phân loại thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng. Thu thập bổ sung thông tin, minh chứng (nếu cần thiết).
- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của Nhà trường, gửi các đơn vị để lấy ý kiến.
- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của Nhà trường năm 2022.
- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trong nội bộ trường và gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, đúng thời hạn quy định.

4.2. Đối với các Phòng, Khoa, đơn vị thuộc cơ sở chính

- Căn cứ vào bảng phân công các tiêu chí, tiêu chuẩn theo đơn vị phụ trách; Căn cứ theo báo cáo tự đánh giá năm 2021, lập kế hoạch cải tiến chất lượng, điều chỉnh, bổ sung những nội dung thay đổi (nếu có) vào phần tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công thực hiện.
- Tập hợp đầy đủ thông tin minh chứng sử dụng trong báo cáo cung cấp cho Hội đồng.
- Viết báo cáo kết quả thực hiện của đơn vị, gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng của Nhà trường để tổng hợp vào báo cáo tự đánh giá chung của Nhà trường (*kế hoạch chi tiết bên dưới*)

4.3. Đối với Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng

- Xây dựng kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng Nhà trường năm 2022, trình Hiệu trưởng phê duyệt;
- Hướng dẫn các đơn vị, cá nhân trong Nhà trường thực hiện tự đánh giá chất lượng trường và viết báo cáo;
- Hướng dẫn thực hiện tự đánh giá chất lượng trường theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 và Điều 17 của Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Nghiên cứu báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trường của các đơn vị;
- Thu thập và tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng;

- Rà soát thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng;
- Tổng hợp, dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trường, gửi các đơn vị lấy ý kiến;
- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trường;
- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng trường;
- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trường trong nội bộ Nhà trường và gửi báo cáo về Sở Lao động Thương binh và Xã hội Tiền Giang; Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đúng thời hạn quy định.

4.4. Đối với Phân hiệu tại Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào kế hoạch chung, đơn vị phụ trách công tác đảm bảo chất lượng tại Phân hiệu tiến hành:

- Xây dựng kế hoạch phân công nhiệm vụ và thời gian thực hiện cụ thể cho các đơn vị trực thuộc phân hiệu.
- Hoàn thành báo cáo tự đánh giá của đơn vị kèm theo minh chứng gửi về cơ sở chính trước ngày **25/06/2022** để tổng hợp và báo cáo.

5. Kế hoạch, thời gian biểu thực hiện tại cơ sở chính

Thời gian	Các hoạt động	Nguồn lực phụ trách
25/5/2022 – 15/6/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Các đơn vị căn cứ vào bảng phân công tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách theo phòng/khoa/trung tâm (<i>phụ lục đính kèm</i>) và báo cáo tự đánh giá năm 2021 để rà soát, chỉnh sửa, bổ sung nội dung những tiêu chí, tiêu chuẩn đơn vị mình phụ trách - Viết báo cáo, tập hợp minh chứng và gửi kết quả về Ban thư ký để tổng hợp trước ngày 15/6/2022. 	Các đơn vị được phân công
16/6/2022 – 30/6/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp báo cáo của các đơn vị thành bản Dự thảo Báo cáo tự đánh giá chất lượng của trường. - Kiểm tra lại các thông tin minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá. - Mã hóa và sắp xếp các thông tin minh chứng. - Gửi Dự thảo báo cáo đến các thành viên Hội đồng góp ý trước ngày 01/7/2022. 	Ban thư ký
01/7/2022 – 15/7/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉnh sửa lại báo cáo theo góp ý của Hội đồng (nếu có). - Gửi báo cáo hoàn chỉnh cho Hội đồng và toàn thể CBVC lấy ý kiến trước ngày 15/7/2022. 	Ban thư ký
16/7/2022 – 31/7/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Làm việc với chuyên gia hiệu chỉnh dự thảo Báo cáo tự đánh giá của trường 	Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, Đoàn chuyên gia

	Hội đồng thông qua Dự thảo báo cáo tự đánh giá, đề nghị chỉnh sửa (nếu có).	Hội đồng tự đánh giá.
	Hoàn thiện Báo cáo lần cuối, trình Hiệu trưởng phê duyệt.	Ban thư ký
01/8/2022 14/8/2022	Công bố bản báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường).	Ban Thư ký
15/8/2022 30/8/2022	Hiệu chỉnh Báo cáo tự đánh giá, chuẩn bị minh chứng, cơ sở dữ liệu phục vụ đánh giá ngoài.	Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký. Đoàn chuyên gia

6. Kinh phí thực hiện: Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng trích từ nguồn thu hợp pháp của Nhà trường.

7. Triển khai thực hiện

Căn cứ vào kế hoạch của Nhà trường các đơn vị xây dựng kế hoạch tự đánh giá và phân công công việc cụ thể cho nhân viên đơn vị mình phụ trách.

Thư ký Hội đồng và Phòng Kiểm định & Bảo đảm chất lượng có nhiệm vụ hướng dẫn, theo dõi và đôn đốc các đơn vị thực hiện kế hoạch; Báo cáo Hội đồng về tiến độ thực hiện kế hoạch.

Công tác tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Nhà trường, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Yêu cầu tất cả các Phòng, Khoa và đơn vị thuộc trường phải tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Phòng ĐT, TCHC, TCKT, CTSV;
- Phân hiệu TP.HCM;
- Đoàn TN;
- Đảng ủy;
- Ban Thanh tra nhân dân;
- Lưu: VT, KD&BDCL.

HIỆU TRƯỞNG



TS. NGUYỄN TIẾN HUYỀN

Phụ lục
BẢNG PHÂN CÔNG TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN PHỤ TRÁCH THEO
PHÒNG/ KHOA TẠI CƠ SỞ CHÍNH

(Kèm theo Kế hoạch số 515/KH-CDNB ngày 25 tháng 5 năm 2022)

TT	Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện	Tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách
1	Phòng Tổ chức, Hành chính và Quản trị	- Tiêu chí 1: Tiêu chuẩn 1, 3, 4, 5, 6, 10, 12. - Tiêu chí 3: Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15.
2	Phòng Đào tạo & KHCN	- Tiêu chí 1: Tiêu chuẩn 2 - Tiêu chí 2: Tiêu chuẩn 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 16, 17. - Tiêu chí 3: Tiêu chuẩn 6. - Tiêu chí 4: Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15. - Tiêu chí 5: Tiêu chuẩn 13, 14, 15. - Tiêu chí 6: Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5.
3	Phòng Cơ sở vật chất	Tiêu chí 5: Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12.
4	Phòng Tài chính, Kế toán	Tiêu chí 7: Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6.
5	Phòng Công tác Học sinh sinh viên	Tiêu chí 8: Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6.
6	Phòng Kiểm định & BDCL	- Tiêu chí 1: Tiêu chuẩn 7,8 - Tiêu chí 2: Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 12, 13, 14, 15. - Tiêu chí 4: Tiêu chuẩn 14. - Tiêu chí 8: Tiêu chuẩn 8, 9. - Tiêu chí 9: Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6.
7	Đảng Ủy	Tiêu chí 1: Tiêu chuẩn 9
8	Đoàn Thanh niên	Tiêu chí 8: Tiêu chuẩn 7
9	Ban Thanh tra nhân dân	Tiêu chí 1: Tiêu chuẩn 11

Phụ lục 3: Bảng mã minh chứng

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		<i>Quyết định số 479/QĐ-BGDĐT, ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ</i>
2				5.1.04	<i>Quyết định 1128/QĐ-LĐTĐ ngày 09/8/2019 về việc sáp nhập Trường trung cấp Thủy sản vào Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ</i>
3			1.1.02		<i>QĐ số 1805/QĐ-BNN-TCCB, ngày 27 tháng 4 năm 2021, của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phê duyệt chiến lược phát triển trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ đến năm 2030</i>
4			1.1.03		<i>Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 9 tháng 12 năm 2019, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ</i>
5			1.1.04		<i>Quyết định số 4746/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh</i>
6			1.1.05		<i>Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020-2025</i>
7			1.1.06		<i>Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025</i>
8			1.1.07		<i>Kỷ yếu 40 năm thành lập trường</i>
9			1.1.08		<i>http://nbac.edu.vn/read.php?m=2021328&g=2</i>
10			1.1.09		<i>Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form</i>
11			1.1.10		<i>Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
12	1	2		1.1.05	<i>Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020-2025</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
13				1.1.06	<i>Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025</i>
14			1.2.01		<i>Quyết định 124/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính Phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030</i>
15			1.2.02		<i>Biên bản họp Hội đồng Khoa học và đào tạo từ năm 2019, 2020 và 2021</i>
16			1.2.03		<i>Bảng tổng hợp thông tin tuyển dụng hàng năm 2019, 2020, 2021</i>
17			1.2.04		<i>Biên bản làm việc với các doanh nghiệp</i>
18			1.2.05		<i>Thông báo tuyển sinh 2019, 2020, 2021, 2022</i>
19			1.2.06		<i>Các thông báo của Bộ Nông nghiệp & PTNT về giao chỉ tiêu tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
20			1.2.07		<i>Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017</i>
21			1.2.08		<i>Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 41c/2017/GCNDKHĐ-TCĐN ngày 13/06/2018</i>
22			1.2.09		<i>Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019</i>
23			1.2.08		<i>Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 41c/2017/GCNDKHĐ-TCĐN ngày 13/06/2018</i>
24			1.2.09		<i>Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019</i>
25			1.2.10		<i>Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020</i>
26			1.2.11		<i>Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Phân hiệu</i>
27			1.2.12		<i>Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 77/2021/GCNDKHĐ-TCGDNN ngày 23/7/2021</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
28			1.2.13		<i>Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56/2022/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 14/7/2022</i>
29	1	3		1.1.01	<i>Quyết định số 479/QĐ-BGDĐT, ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ</i>
30			1.3.01		<i>Quyết định số 329/QĐ-CĐNB ngày 10/6/2008 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường</i>
31				1.1.02	<i>Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 9 tháng 12 năm 2019, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ</i>
32				1.1.03	<i>Quyết định số 4746/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh</i>
33			1.3.02		<i>Quyết định số 238/QĐ-CĐNB ngày 15/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường</i>
34			1.3.03		<i>Quyết định số 96/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 01/02/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ Phân hiệu tại TP.HCM</i>
35			1.3.04		<i>QĐ số 2154/QĐ-BNN-TCCB ngày 30/5/2017 quyết định tạm giao quyền tự chủ tài chính năm 2017 cho Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ</i>
36			1.3.05		<i>Quyết định số 2195/ QĐ-BNN- TCCB ngày 16/8/2010 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc thành lập Trung tâm Tư vấn Nông nghiệp và phát</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>triển nông thôn trực thuộc trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ</i>
37				3.1.01	<i>Quy định hoạt động trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
38				1.1.09	<i>Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021 - lưu tại phòng KĐ&ĐCL</i>
39				1.1.10	<i>Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
40	1	4		1.3.01	<i>Quyết định số 329/QĐ-CĐNB ngày 10 tháng 6 năm 2008 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường</i>
41				1.4.01	<i>Quyết định thành lập tiểu ban soạn thảo và sửa đổi quy định về hoạt động của Nhà trường các năm 2019; 2020; 2021</i>
42				1.3.02	<i>Quyết định số 238/QĐ-CĐNB ngày 15/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường</i>
43				1.3.03	<i>Quyết định số 96/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 01/02/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TPHCM về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ Phân hiệu tại TP.HCM</i>
44				3.1.01	<i>Quy định hoạt động trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
45	1	5		1.3.02	<i>Quyết định số 238/QĐ-CĐNB ngày 15/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường</i>
46				1.5.01	<i>Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Trường</i>
47				1.5.03	<i>Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, 2020, 2021 của các đơn vị trực thuộc Trường</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
48				1.2.07	Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017
49				1.2.08	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 41c/2017/GCNĐKHD-TCDN ngày 13/06/2018
50				1.2.09	Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019
51				1.2.10	Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020
52				1.2.11	Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Phân hiệu
53				1.2.12	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 77/2021/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 23/7/2021
54				1.2.13	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56/2022/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 14/7/2022
55	1	6	1.6.01		Quyết định 2551/QĐ-BNN-TCCB ngày 01/7/2019 về việc thành lập Hội đồng Trường CDNN Nam Bộ khóa I
56			1.6.02		Quyết định 4218/QĐ-BNN-TCCB ngày 28/10/2021 về việc thành lập Hội đồng trường CDNN Nam Bộ khóa II
57			1.6.03		Kế hoạch hoạt động; Nghị quyết; Biên bản họp của Hội đồng trường năm 2019, 2020, 2021, 2022
58				1.5.02	Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc trường
59			1.6.05		Báo cáo số: 14/BC-HĐT, ngày 9/9/2021, Báo cáo về việc thực hiện công tác của Hội đồng trường năm học 2020-2021
60			1.6.06		Báo cáo số: 10/BC-HĐT, ngày 20/12/2020, của Hội đồng trường về báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng trường năm 2020.
61			1.6.07		Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
62				1.5.03	Báo cáo tổng kết năm học của các phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc trường từ năm 2019, 2020 và 2021
63			1.6.08		Báo cáo kết quả thực hiện công tác trong năm của trường
64			1.6.09		Các quyết định khen thưởng hàng năm 2019, 2020, 2021
65	1	7	1.7.01		Quyết định 266/QĐ-CĐNB ngày 22/4/2020 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến HTĐCL giai đoạn 2020 – 2022; Quyết định số 158/QĐ-CĐNB ngày 16/2/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ giao nhiệm vụ phụ trách xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng cho Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng
66			1.7.02		Kế hoạch 277/KH-CĐNB ngày 5/5/2020 về xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến HTĐCL giai đoạn 2020 - 2022
67			1.7.03		Kế hoạch số 526/KH-CĐNB ngày 25/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, quy trình công cụ đảm bảo chất lượng
68			1.7.04		Quyết định số 90/QĐ-CĐNB ngày 29/01/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc công bố Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng và hệ thống các quy trình đảm bảo chất lượng
69			1.7.05		Kế hoạch số 368/KH-CĐNB ngày 28/4/2021 về việc kiểm tra vận hành 23 quy trình đảm bảo chất lượng đã ban hành
70			1.7.06		Kế hoạch số 676/KH-CĐNB ngày 20/9/2021 về điều chỉnh các quy trình đảm bảo chất lượng đang vận hành và xây dựng mới một số quy trình đảm bảo chất lượng trong năm 2021
71			1.7.07		Báo cáo kết quả kiểm tra việc vận hành 23 quy trình ĐBCL đã ban hành

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
72			1.7.08		<i>Quyết định số 270/QĐ-CĐNB ngày 30/3/2022 về điều chỉnh bổ sung hệ thống các quy trình đảm bảo chất lượng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ</i>
73			1.7.09		<i>Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2019, 2020, 2021</i>
74			1.7.10		<i>Báo cáo tổng hợp công tác tự đánh giá chất lượng năm 2019, 2020, 2021</i>
75	1	8		1.1.02	<i>Quyết định 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT</i>
76				1.1.03	<i>Quyết định số 4746/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh</i>
77			1.8.01		<i>Kế hoạch số 151/KH-CĐNB ngày 22/2/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện công tác bảo đảm chất lượng năm 2021</i>
78			1.8.02		<i>Kế hoạch số 131/KH-CĐNB ngày 08/2/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện công tác bảo đảm chất lượng năm 2022</i>
79			1.8.03		<i>Báo cáo tổng kết công tác phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
80			1.8.04		<i>Quyết định 654/QĐ-CĐNB ngày 10/8/2020 công nhận danh hiệu thi đua học kỳ II và năm học 2019-2020</i>
81			1.8.05		<i>Quyết định 598/QĐ-CĐNB ngày 20/7/2021 công nhận danh hiệu thi đua học kỳ II và năm học 2020-2021</i>
82			1.8.06		<i>Quyết định 649/QĐ-CĐNB ngày 6/7/2022 công nhận danh hiệu thi đua học kỳ II và năm học 2021-2022</i>
83			1.8.07		<i>Quyết định 4479/QĐ-BNN-TCCB ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc tặng bằng khen cho</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2019-2020 và 2020-2021</i>
84	1	9	1.9.01		<i>Quyết định số 66-QĐ/ĐU ngày 06/08/2019 về đổi tên các chi bộ trực thuộc</i>
85			1.9.02		<i>Quyết định chuẩn y của Đảng uỷ Khối</i>
86			1.9.03		<i>Báo cáo văn kiện Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 – 2025</i>
87			1.9.04		<i>Quyết định số 01-QĐ/ĐU ngày 01/07/2020 - Quy chế làm việc của BCH Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025</i>
88			1.9.05		<i>Kế hoạch số 05-KH/ĐU ngày 12/03/2021 về tạo nguồn và kết nạp đảng viên năm 2021</i>
89			1.9.06		<i>Kế hoạch số 65-KH/ĐU về Chuẩn bị và tổ chức đại hội chi bộ trực thuộc và Đại hội Đảng bộ Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020-2025, ban hành ngày 20 tháng 09 năm 2019</i>
90			1.9.07		<i>Quyết định 354/QĐ-CĐNB ngày 23/04/2021 công nhận danh sách Quy hoạch cán bộ lãnh đạo đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu năm 2021 và giai đoạn 2021-2026</i>
91			1.9.08		<i>Nghị quyết số 18-NQ/ĐU về lãnh đạo tổ chức Đại hội công đoàn cơ sở nhiệm kỳ 2017-2022, ban hành ngày 20/4/2017</i>
92			1.9.09		<i>Nghị quyết số 78-NQ/ĐU ngày 10/02/2020 về cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với tổ chức công đoàn, Nghị quyết số 79-NQ/ĐU ngày 10/02/2020 về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với tổ chức đoàn thanh niên</i>
93				1.1.07	<i>Kỷ yếu 40 năm thành lập trường</i>
94			1.9.10		<i>Quyết định số 112-QĐ/ĐUK ngày 19/8/2021 công nhận kết quả bầu ban chấp hành, bí thư, phó bí thư Chi bộ Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>ng nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh</i>
95			1.9.11		<i>Sổ ghi biên bản sinh hoạt Chi bộ hàng tháng</i>
96			1.9.12		<i>Kế hoạch và sổ ghi biên bản báo cáo chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh</i>
97			1.9.13		<i>Báo cáo định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng của chi bộ gửi Đảng ủy khối cơ sở Bộ Nông nghiệp và PTNT.</i>
98	1	10	1.10.01		<i>Quyết định số 321/QĐ-CDN, ngày 24/10/2017, của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về công nhận Ban Chấp hành, Ủy ban Kiểm tra Công đoàn Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ khóa VIII, nhiệm kỳ 2017-2022</i>
99			1.10.02		<i>Quyết định số 141-QĐ/TĐTN-TCKT ngày 19/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn Tiền Giang về việc công nhận Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Trường Cao Đẳng Nông nghiệp Nam Bộ lần thứ XIV nhiệm kỳ 2019-2022</i>
100			1.10.03		<i>Kế hoạch hoạt động Công đoàn năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
101			1.10.04		<i>Kế hoạch công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022</i>
102			1.10.05		<i>Báo cáo công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
103			1.10.06		<i>Báo cáo kết quả hoạt động Công đoàn năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
104			1.10.07		<i>Thông báo kết quả bảng điểm đánh giá, xếp loại Công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học đơn vị Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2019, 2020, 2021</i>
105			1.10.08		<i>Quyết định của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về xếp loại chất lượng hoạt động công đoàn cơ</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					sở năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020 - 2021
106			1.10.09		Quyết định của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về tặng Bằng khen của BCH Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam 2018 – 2019, 2019-2020
107			1.10.10		Quyết định số 122/QĐ-CĐN, ngày 29/9/2021, của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về tặng cờ thi đua năm học 2010-2021
108			1.10.11		Quyết định số 208/QĐ-CĐN, ngày 5/9/2019, của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về tặng Bằng khen của BCH Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam
109			1.10.12		Quyết định số 167/QĐ-CĐN, ngày 10/7/2019, của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về tặng Bằng khen của BCH Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam
110			1.10.13		Kế hoạch số 04/KH-ĐTN ngày 21/9/2020 của Đoàn Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM về việc Tổ chức giải bóng đá Mini chào mừng năm học (2020-2021)
111			1.10.14		Kế hoạch số 06/KH-ĐTN ngày 12/10/2020 của Đoàn Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TPHCM về việc Thực hiện ổn định trật tự nề nếp học sinh
112			1.10.15		Kế hoạch số 08/KH-ĐTN ngày 30/10/2020 của Đoàn Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TPHCM về việc Tổ chức chương trình chào mừng ngày Nhà Giáo Việt Nam 20/11/2020
113			1.10.16		Thông báo số 15/TB-ĐTN ngày 05/3/2021 của Đoàn Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TPHCM về việc mở lớp đối tượng đoàn năm 2021
114			1.10.17		Danh sách kết nạp đoàn năm 2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
115			1.10.18		Kế hoạch số 13/KH-ĐTN ngày 04/01/2021 của Đoàn thanh niên Phân hiệu về việc tổ chức chăm lo Tết Nguyên Đán năm 2021
116			1.10.19		Kế hoạch số 20/KH-ĐTN ngày 18/7/2021 của Đoàn thanh niên Phân hiệu về việc Hỗ trợ học sinh, sinh viên Kí túc xá trong tình hình dịch Covid-19
117			1.10.20		Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022
118				1.1.09	Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021 - lưu tại phòng KĐ&ĐCL
119				1.1.10	Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022
120	1	11	1.11.01		Quyết định số 04/QĐ-CĐCS-NK8, ngày 20/01/2020 về việc công nhận Ban thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 2020-2021
121			1.11.02		Quyết định số 1003/QĐ-CĐNB, ngày 8/12/2011 về việc phân công phụ trách thanh tra giáo dục Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ)
122			1.11.03		Kế hoạch hoạt động của Thanh tra giáo dục về công tác thanh tra năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021
123			1.11.04		Các biên bản thanh tra
124			1.11.05		Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra công tác giáo dục năm học 2019, 2020, 2021
125				1.1.09	Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021
126				1.1.10	Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022
127	1	12		1.3.05	QĐ số 141/QĐ-CĐNB ngày 19/2/2021 Quyết định ban hành quy định hoạt động Trường năm 2021
128				1.3.04	Quyết định số 96/QĐ-CĐNBPH ngày 01/02/2021 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Phân hiệu Trường Cao đẳng

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021</i>
129			1.12.01		<i>Quyết định số 433/QĐ-CĐNB, ngày 21/5/2021 của Hiệu trưởng về cấp phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy năm 2021</i>
130			1.12.02		<i>Quyết định số 434/QĐ-CĐNB, ngày 21/5/2021 của Hiệu trưởng về nâng mức hưởng thâm niên nhà giáo năm 2021</i>
131			1.12.03		<i>Quyết định số 467/QĐ-CĐNB, ngày 21/5/2021 của Hiệu trưởng về nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn và nâng mức hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung năm 2021</i>
132			1.12.04		<i>QĐ số 97/QĐ-CĐNBPH ngày 01/02/2021 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021</i>
133			1.12.05		<i>Quyết định nâng lương, thâm niên vượt khung, thâm niên nhà giáo, nâng lương trước thời hạn của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021</i>
134			1.12.06		<i>Quyết định ban hành quy chế học sinh, sinh viên</i>
135				8.3.11	<i>Quy trình xét thi đua khen thưởng HSSV; Quy trình xét bổng khuyến khích học tập</i>
136				8.3.09	<i>Quyết định 1096/QĐ-CĐNB ngày 10/10/2016 quy định về quản lý và sử dụng quỹ khuyến học</i>
137			1.12.10		<i>Quyết định cấp học bổng khuyến khích học nghề năm 2019, 2020, 2021</i>
138			1.12.11		<i>Quyết định giảm học phí học sinh, sinh viên ngoài chế độ chính sách</i>
139			1.12.12		<i>Quyết định cấp học bổng khuyến học đối với HSSV nghèo vượt khó học tập năm 2018, 2019, 2020</i>
140			1.12.13		<i>Hồ sơ thanh toán chế độ ưu đãi lưu tại phòng TCKT</i>
141			1.12.14		<i>QĐ số 17/QĐ-CĐNB, ngày 6/01/2020 của Hiệu trưởng về thành lập Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
142	2	1		1.2.07	Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017
143				1.2.08	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 41c/2017/GCNĐKHD-TCDN ngày 13/06/2018
144				1.2.09	Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019
145				1.2.10	Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020
146				1.2.11	Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Phân hiệu
147				1.2.12	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 77/2021/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 23/7/2021
148				1.2.13	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56/2022/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 14/7/2022
149			2.1.01		QĐ 27/QĐ-CĐNB ngày 13/1/2020 thực hiện quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp của Bộ LĐTB&XH
150			2.1.02		Chuẩn đầu ra đăng website của Trường. Link: http://nbac.edu.vn/read.php?m=2021184&g=9
151			2.1.03		QĐ số 1340 ngày 10/12/2017 ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ
152				1.10.20	Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022
153				1.1.09	Phiếu khảo sát CBVC năm 2019, 2020, 2021, 2022
154				1.1.10	Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022
155	2	2	2.2.01		Quy chế tuyển sinh trung cấp, cao đẳng trường CĐNNNB – cơ sở chính năm 2019, 2020, 2021, 2022

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
156			2.2.02		<i>Quy chế tuyển sinh của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ - Phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh năm 2020, 2021, 2022</i>
157	2	3	2.3.01		<i>Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
158				1.2.06	<i>Thông báo của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về giao Nhiệm vụ thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
159			2.3.03		<i>Quyết định Thành lập hội đồng tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
160			2.3.04		<i>Kế hoạch tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
161			2.3.05		<i>Hồ sơ đăng ký tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021 lưu tại Kho lưu trữ</i>
162				1.2.05	<i>Thông báo tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
163			2.3.07		<i>Tờ bướm tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
164			2.3.08		<i>Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh 2019, 2020, 2021</i>
165			2.3.09		<i>Bộ Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển trung cấp, cao đẳng năm 2019, 2020, 2021</i>
166			2.3.10		<i>Giấy báo nhập học năm 2019, 2020, 2021</i>
167			2.3.11		<i>Quyết định phân lớp và kèm theo danh sách 2019, 2020, 2021</i>
168			2.3.12		<i>Quyết định Thành lập Hội đồng tuyển sinh tại Phân hiệu 2020, 2021</i>
169			2.3.13		<i>Kế hoạch tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022- Phân hiệu</i>
170			2.3.14		<i>Thông báo tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022-Phân hiệu</i>
171			2.3.15		<i>Công văn số 01/KHLT-HNDNTP-TTĐVVLTN ngày 19/01/2021 của hộ GDNN Thành phố và Trung tâm ĐVVL Thanh niên về tổ chức ngày hội “Hướng nghiệp - Dạy nghề” lần IX năm 2021, Chủ đề “Đánh thức tiềm năng – Vững tin lập nghiệp”;</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
172			2.3.16		Công văn số 389/KHLT-GDDT-GDNN-GDTX ngày 22/3/2021 của Trưởng Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Bình Chánh, Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX Huyện Bình Chánh về Tư vấn hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau Tốt nghiệp THCS năm học 2020-2021
173			2.3.17		Biên bản họp xét tuyển sinh Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM năm 2021
174			2.3.18		Quyết định trúng tuyển Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM năm 2021
175			2.3.19		Biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021
176			2.3.20		Báo cáo Tổng kết công tác tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021
177				1.10.20	Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022
178				1.1.09	Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form
179				1.1.10	Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022
180	2	4	2.4.01		Quyết định số 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế và Quyết định số 1306/QĐ-CĐNB ngày 18/12/2017 Bổ sung một số Điều của Quyết định 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế
181			2.4.02		Quyết định số 825/QĐ-CĐNB ngày 12/10/2020, về việc sửa đổi một số Điều của Quyết định số 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế
182			2.4.03		Quyết định số 331/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 29/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc Ban hành Hướng dẫn

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>Thực hiện đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam bộ Phân hiệu tại TP.HCM</i>
183			2.4.04		<i>Quyết định số 433/QĐ-CDNB ngày 13/05/2022 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hệ GDNN theo niên chế</i>
184			2.4.05		<i>Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên</i>
185			2.4.06		<i>Kế hoạch đào tạo</i>
186			2.4.07		<i>Kế hoạch giáo viên</i>
187			2.4.08		<i>Tiến độ đào tạo năm học</i>
188			2.4.09		<i>Lịch học toàn khóa</i>
189				1.10.20	<i>Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
190				1.1.10	<i>Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
191	2	5		2.4.05	<i>Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên</i>
192				2.4.06	<i>Kế hoạch đào tạo</i>
193				2.4.07	<i>Kế hoạch giáo viên</i>
194				2.4.08	<i>Tiến độ đào tạo năm học</i>
195				2.4.09	<i>Lịch học toàn khóa</i>
196			2.5.01		<i>Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020</i>
197			2.5.02		<i>Quyết định số 757/QĐ-CDNB-ĐT ngày 19/09/2019 điều chỉnh tiến độ học sinh/sinh viên cao đẳng khóa 10, 11 và trung cấp khóa 32 năm 2019</i>
198			2.5.03		<i>Quyết định số 954/QĐ-CDNB ngày 09/11/2020 công nhận Kết quả xét tiến độ học tập trong năm 2020; Quyết định số 1137/QĐ-CDNB&KHCN ngày 17/12/2020 công nhận Kết quả xét tiến độ học tập trong năm 2020 đợt 2</i>
199			2.5.04		<i>Quyết định số 1047/QĐ-CDNB&KHCN ngày 28/12/2021 công nhận tiến độ học tập cho sinh viên, học sinh cao đẳng và trung cấp năm 2021</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
200			2.5.05		<i>Bộ Quyết định Ban hành chương trình đào tạo năm 2020 tại Phân hiệu</i>
201	2	6		2.4.05	<i>Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên</i>
202			2.6.01		<i>Thời khóa biểu các tuần trong năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022</i>
203			2.6.02		<i>Sổ lên lớp</i>
204			2.6.03		<i>Sổ tay và giáo án nhà giáo</i>
205				2.5.02	<i>Quyết định số 757/QĐ-CDNB-ĐT ngày 19/09/2019 điều chỉnh tiến độ học sinh/sinh viên cao đẳng khóa 10, 11 và trung cấp khóa 32 năm 2019</i>
206				2.5.03	<i>Quyết định số 954/QĐ-CDNB ngày 09/11/2020 công nhận Kết quả xét tiến độ học tập trong năm 2020; Quyết định số 1137/QĐ-CDNB&KHCN ngày 17/12/2020 công nhận Kết quả xét tiến độ học tập trong năm 2020 đợt 2</i>
207				2.5.04	<i>Quyết định số 1047/QĐ-CDNB&KHCN ngày 28/12/2021 công nhận tiến độ học tập cho sinh viên, học sinh cao đẳng và trung cấp</i>
208			2.6.04		<i>Kế hoạch kiểm tra công tác đào tạo năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
209			2.6.05		<i>Biên bản dự giờ/ kiểm tra hoạt động giảng dạy 2019, 2020, 2021</i>
210			2.6.06		<i>Báo cáo sơ kết hoạt động dạy và học học kỳ 1 năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
211			2.6.07		<i>Báo cáo tổng kết hoạt động dạy và học năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
213	2	7		2.6.02	<i>Sổ lên lớp</i>
214				2.6.03	<i>Sổ tay và giáo án nhà giáo</i>
215				2.4.05	<i>Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên</i>
216			2.7.01		<i>Các Quyết định thực tập cho HSSV năm học 2021-2022 ở cơ sở chính</i>
217			2.7.02		<i>Các Quyết định Phân công giảng viên hướng dẫn và học sinh đủ điều kiện thực tập tốt nghiệp năm học 2021 – 2022</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			2.7.03		Danh sách các doanh nghiệp liên kết với trường về đào tạo thực hành và thực tập cho HSSV
218			2.7.04		Quyết định số 492/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 20/8/2020 về việc cử học sinh đi thực tập
219			2.7.05		Đề cương thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp
220			2.7.06		Báo cáo thực tập của HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022
221			2.7.07		Văn bản nhận xét của đơn vị sử dụng lao động về HSSV thực tập
222			2.7.08		Biên bản ghi nhớ sử dụng lao động ngày 31/12/2020 giữa Phân hiệu và Công ty Sài Gòn Food
223			2.7.09		Biên bản ghi nhớ sử dụng lao động ngày 31/12/2020 giữa Phân hiệu và Công ty THNN TM DV Cơ điện lạnh Phú Trọng
224			2.7.10		Biên bản ghi nhớ sử dụng lao động ngày 31/12/2020 giữa Phân hiệu và Công ty THNN TM DV Hùng Tấn Phát
225			2.7.11		Biên bản ghi nhớ sử dụng lao động ngày 31/12/2020 giữa Phân hiệu và công ty TNHH Tôm giống Châu Phi
226	2	8		2.6.02	Sổ lên lớp
227				2.6.03	Sổ tay và giáo án nhà giáo
228			2.8.01		Nhật ký phòng thí nghiệm, thực hành
229				2.6.05	Biên bản dự giờ/ kiểm tra hoạt động giảng dạy 2019, 2020, 2021
230			2.8.03		Kế hoạch hội giảng; Quyết định số 314/QĐ-CĐNB-ĐT ngày 10/05/2019 về việc công nhận kết quả Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Trường năm 2019; Báo cáo tổng kết hội giảng
231			2.8.04		Kế hoạch hội giảng; Quyết định số 610/QĐ-CĐNB-ĐT ngày 22/07/2020 về việc công nhận kết quả Hội giảng nhà giáo GDNN cấp Trường năm 2020; Báo cáo tổng kết hội giảng
232			2.8.05		Kế hoạch hội giảng; Quyết định số 491/QĐ-CĐNB-ĐT ngày 28/05/2021 về việc công nhận kết quả Hội giảng nhà

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>giáo GDNN cấp Trường năm 2021; Báo cáo tổng kết hội giảng</i>
233			2.8.06		<i>Các Quyết định đạt giải tại hội giảng, hội thi các cấp</i>
234				1.10.20	<i>Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021</i>
235				1.1.10	<i>Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
236	2	9	2.9.01		<i>Công văn số 543/CĐNB-ĐT về việc đề nghị triển khai thí điểm Hệ thống thông tin Quản lý đào tạo GDNN</i>
237			2.9.02		<i>Thống kê trang thiết bị ở lớp học, giảng đường</i>
238			2.9.03		<i>Giáo án điện tử của giáo viên</i>
239				1.10.20	<i>Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
240				1.1.09	<i>Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
241				1.1.10	<i>Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
242			2.9.04		<i>Bảng kiểm kê tài sản năm 2020</i>
243			2.9.05		<i>Hợp đồng kinh tế số 41/CCS-HĐ/2021 ngày 04/01/2021 hợp đồng nâng cấp và bảo trì phần mềm quản lý đào tạo CCSTrain giữa Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh và công ty TNHH Giải pháp công nghệ Chíp Chíp</i>
244	2	10	2.10.01		<i>Chương trình công tác các tháng trong năm 2019, 2020, 2021, 2022 của Trường</i>
245				2.4.03	<i>Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên</i>
246				2.6.01	<i>Thời khóa biểu các tuần trong năm học 2019 – 2020; 2020 -2021; 2021-2022</i>
247			2.10.02		<i>Báo cáo tình hình dạy bù của giảng viên, giáo viên năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
248			2.10.03		<i>Thống kê tình hình ghi sổ lên lớp năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
249			2.10.04		<i>Biên bản họp giao ban trong năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
250			2.10.06		<i>Bảng theo dõi tình hình ghi chép số lên lớp hàng tháng</i>
251			2.10.07		<i>Số theo dõi ý thức học tập</i>
252				2.6.04	<i>Kế hoạch kiểm tra công tác đào tạo năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
253				2.6.05	<i>Biên bản dự giờ/ kiểm tra hoạt động giảng dạy 2019, 2020, 2021</i>
254				2.6.06	<i>Báo cáo tổng kết hoạt động dạy và học năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
255				2.6.07	<i>Báo cáo tổng kết hoạt động dạy và học năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
256	2	11		2.6.04	<i>Kế hoạch kiểm tra công tác đào tạo năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
257				2.10.04	<i>Biên bản họp giao ban trong năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
258			2.11.01		<i>Biên bản họp giao ban hàng tháng của Văn phòng Phân hiệu năm 2020, 2021, 2022</i>
259				2.10.06	<i>Bảng theo dõi tình hình ghi chép số lên lớp hàng tháng</i>
260				2.10.02	<i>Báo cáo tình hình dạy bù của giảng viên, giáo viên năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
261				2.10.03	<i>Thống kê tình hình ghi số lên lớp năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
262			2.11.02		<i>Biên bản họp định kỳ của các Khoa chuyên môn</i>
263				1.1.09	<i>Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
264				1.1.10	<i>Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
265				2.6.04	<i>Kế hoạch kiểm tra công tác đào tạo năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
266				2.6.07	<i>Báo cáo tổng kết hoạt động dạy và học năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
267			2.11.03		<i>Kế hoạch nhập học ngày 08/5/2020</i>
268			2.11.04		<i>Kế hoạch điều chỉnh hoạt động dạy và học</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
269	2	12		1.8.02	Quyết định 601/QĐ-CĐNB ngày 20/6/2022 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô đun
270				2.4.01	Quyết định số 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế và Quyết định số 1306/QĐ-CĐNB ngày 18/12/2017 Bổ sung một số Điều của Quyết định 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế
271				2.4.02	Quyết định số 825/QĐ-CĐNB ngày 12/10/2020, về việc sửa đổi một số Điều của Quyết định số 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế
273				2.4.04	Quyết định số 433/QĐ-CĐNB ngày 13/05/2022 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hệ GDNN theo niên chế
274				2.4.03	Quyết định số 331/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 29/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc Ban hành Hướng dẫn thực hiện đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam bộ Phân hiệu tại TP.HCM
275			2.12.01		Quyết định số 664/QĐ-CĐNB ngày 05/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành Quy chế quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến
276			2.12.02		Quyết định số 137/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/2/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP. HCM về việc ban hành quy chế công tác học sinh sinh viên của Phân hiệu
277			2.12.03		Hướng dẫn số 155/HD-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 01/30/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>ngành Nam Bộ tại TP. HCM về việc hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện học sinh sinh viên hệ chính quy của Phân hiệu</i>
278			2.12.04		<i>Số cấp phát văn bằng năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
279	2	13		2.7.01	<i>Các Quyết định thực tập cho HSSV ở cơ sở chính</i>
280				2.7.03	<i>Danh sách các doanh nghiệp liên kết với trường về đào tạo thực hành và thực tập cho HSSV</i>
281				2.7.07	<i>Văn bản nhận xét của đơn vị sử dụng lao động về HSSV thực tập</i>
282			2.13.01		<i>Hợp đồng giảng dạy, bảng điểm quá trình, bài thi</i>
283			2.13.02		<i>Phiếu đánh giá thực tập tay nghề, thực tập tốt nghiệp</i>
284	2	14		1.8.02	<i>Quyết định 601/QĐ-CĐNB ngày 20/6/2022 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô đun</i>
285				2.4.01	<i>Quyết định số 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế và Quyết định số 1306/QĐ-CĐNB ngày 18/12/2017 Bổ sung một số Điều của Quyết định 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế</i>
286				2.4.02	<i>Quyết định số 825/QĐ-CĐNB ngày 12/10/2020, về việc sửa đổi một số Điều của Quyết định số 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế</i>
287				2.4.03	<i>Quyết định số 331/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 29/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc Ban hành Hướng dẫn thực hiện đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam bộ Phân hiệu tại TP.HCM</i>
288				2.4.04	<i>Quyết định số 433/QĐ-CĐNB ngày 13/05/2022 ban hành Hướng dẫn thực</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hệ GDNN theo niên chế</i>
289			2.14.01		<i>Hồ sơ tổ chức thi kết thúc môn học năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022 lưu tại Phòng Kiểm định&BDCL</i>
290			2.14.02		<i>Hồ sơ tổ chức thi tốt nghiệp 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 – 2022 lưu tại Phòng Kiểm định&BDCL</i>
291			2.14.03		<i>Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 – 2022 lưu tại Phòng Đào tạo&KHCN</i>
292			2.14.04		<i>Hồ sơ xét kết quả rèn luyện 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022 lưu tại Phòng Công tác HSSV</i>
293				2.12.04	<i>Sổ cấp phát văn bằng năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
294	2	15	2.15.01		<i>Quyết định 417/QĐ-CĐNB ngày 11/5/2017 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô đun</i>
295			2.15.02		<i>Quyết định 847/QĐ-CĐNB ngày 13/9/2018 ban hành quy định Điều chỉnh, bổ sung một số điều trong Quy định thi kết thúc môn học, mô-đun ban hành kèm theo Quyết định số 417/QĐ-CĐNB ngày 11/5/2017 của Hiệu trưởng</i>
296			2.15.03		<i>Quyết định 722/QĐ-CĐNB ngày 11/8/2020 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô đun</i>
297				1.8.02	<i>Quyết định 601/QĐ-CĐNB ngày 20/6/2022 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô đun</i>
298				2.4.01	<i>Quyết định số 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế và Quyết định số 1306/QĐ-CĐNB ngày 18/12/2017 Bổ sung một số Điều của Quyết định 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế</i>
299				2.4.02	<i>Quyết định số 825/QĐ-CĐNB ngày 12/10/2020, về việc sửa đổi một số Điều của Quyết định số 1046/QĐ-CĐNB ngày</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>05/09/2017 hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế</i>
300				2.4.04	<i>Quyết định số 433/QĐ-CĐNB ngày 13/05/2022 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hệ GDNN theo niên chế</i>
301				2.4.03	<i>Quyết định số 331/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 29/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc Ban hành Hướng dẫn thực hiện đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam bộ Phân hiệu tại TP.HCM</i>
302				2.12.02	<i>Quyết định số 664/QĐ-CĐNB ngày 05/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành Quy chế quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến</i>
303			2.15.04		<i>Quyết định số 674/QĐ-CĐNB ngày 17/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ quy định tạm thời về nội quy thi trực tuyến</i>
304				1.1.09	<i>Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021</i>
305				1.1.10	<i>Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
306	2	16	2.16.01		<i>Quyết định số 738/QĐ-CĐNB ngày 08/8/2018 của Hiệu trưởng về hướng dẫn đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp được cụ thể hóa từ nội dung của Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội</i>
307				1.2.07	<i>Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017</i>
308				1.2.08	<i>Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 41c/2017/GCNDKHHĐ-TCĐN ngày 13/06/2018</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
309				1.2.09	Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019
310				1.2.10	Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020
311				1.2.11	Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Phân hiệu
312				1.2.12	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 77/2021/GCNDKHD-TCGDNN ngày 23/7/2021
313				1.2.13	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56/2022/GCNDKHD-TCGDNN ngày 14/7/2022
314			2.16.02		Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông
315			2.16.03		Danh sách lớp liên thông cao đẳng thú y
316			2.16.04		Danh sách lớp liên thông cao đẳng bảo vệ thực vật
317			2.16.05		Thời khóa biểu lớp liên thông cao đẳng thú y
318			2.16.06		Thời khóa biểu lớp liên thông cao đẳng bảo vệ thực vật
319			2.16.07		Quyết định số 1034/QĐ-CĐNB ngày 22/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng liên thông ngành Thú y
320			2.16.08		Quyết định số 767/QĐ-CĐNB ngày 1/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng liên thông ngành Bảo vệ thực vật
321			2.16.09		Quyết định 256/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 10/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về đào tạo liên thông

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
322			2.16.10		Bộ Quyết định Ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng liên thông từ Trung cấp tại Phân hiệu
323			2.16.11		Thời khóa biểu học kỳ I, II các lớp liên thông Cao đẳng từ Trung cấp bao gồm: 20CTP01-TC, 20CML01-TC, 20CĐC01-TC, 20CKT01-TC, 20CCT01-TC
324				1.10.20	Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022
325				1.1.09	Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022
326				1.1.10	Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022
327	2	17		2.4.01	Quyết định số 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế và Quyết định số 1306/QĐ-CĐNB ngày 18/12/2017 Bổ sung một số Điều của Quyết định 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế
328				2.4.02	Quyết định số 825/QĐ-CĐNB ngày 12/10/2020, về việc sửa đổi một số Điều của Quyết định số 1046/QĐ-CĐNB ngày 05/09/2017 hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế;
329				2.4.03	Quyết định số 331/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 29/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc Ban hành Hướng dẫn thực hiện đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam bộ Phân hiệu tại TP.HCM
330				2.4.04	Quyết định số 433/QĐ-CĐNB ngày 13/05/2022 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hệ GDNN theo niên chế
331				2.9.01	Công văn số 543/CĐNB-ĐT về việc đề nghị triển khai thí điểm Hệ thống thông

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>tin Quản lý ĐT.GDNN</i>
332			2.17.01		<i>Hồ sơ lưu trữ của văn thư</i>
333				1.5.03	<i>Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, 2020, 2021 của các đơn vị trực thuộc Trường</i>
334			2.17.02		<i>http://csdl.gdnn.gov.vn</i>
335				2.9.05	<i>Hợp đồng kinh tế số 41/CCS-HĐ/2021 ngày 04/01/2021 hợp đồng nâng cấp và bảo trì phần mềm quản lý đào tạo CCSTrain giữa Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh và công ty TNHH Giải pháp công nghệ Chíp Chíp</i>
336				1.10.20	<i>Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
337				1.1.09	<i>Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
338				1.1.10	<i>Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
339	3	1	3.1.01		<i>Quy định hoạt động Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
340				1.3.02	<i>Quyết định số 238/QĐ-CĐNB ngày 15/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường</i>
341			3.1.02		<i>Kế hoạch quy hoạch cán bộ từ năm 2019 đến năm 2021</i>
342			3.1.03		<i>Hướng dẫn số 912/HD-CĐNB, ngày 10/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, Đánh giá xếp loại nhà giáo</i>
343			3.1.04		<i>Hướng dẫn đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021 - 2022</i>
344			3.1.05		<i>Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng</i>
345			3.1.06		<i>Quyết định công nhận danh hiệu thi đua học kỳ II và năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
346			3.1.07		<i>QĐ 348-CĐNBPH-VP ngày 23/7/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>đảng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức và lao động hợp đồng năm học 2020-2021</i>
347			3.1.08		<i>Quyết định số 101/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 01/02/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TPHCM về việc ban hành Quy định thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ</i>
348			3.1.09		<i>Quyết định số 98/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 01/2/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TPHCM về việc Ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng</i>
349				2.10.04	<i>Biên bản họp giao ban trong năm 2019, 2020, 2021</i>
350	3	2	3.2.01		<i>Quyết định về việc giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2021</i>
351			3.2.02		<i>Kế hoạch Tuyển dụng viên chức năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
352			3.2.03		<i>Công văn số 4213/BNN-TCCB ngày 04/06/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hợp nhất Trường Trung cấp Thủy sản và Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ</i>
353			3.2.04		<i>Các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBCCVC từ năm 2019 đến năm 2022</i>
354				3.1.02	<i>Kế hoạch Quy hoạch cán bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
355			3.2.06		<i>Quyết định số 592/QĐ-CĐNB ngày 8/5/2019 của Hiệu trưởng Công nhận danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu giai đoạn 2016-2021 và giai đoạn 2021-2026 (rà soát bổ sung năm 2019)</i>
356			3.2.07		<i>Quyết định số 259/QĐ-CĐNB ngày 16/3/2020 của Hiệu trưởng Công nhận danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu giai đoạn 2016-2021 và giai đoạn 2021-2026</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>(rà soát bổ sung năm 2020)</i>
357			3.2.08		<i>Quyết định số 354/QĐ-CĐNB ngày 23/4/2021 của Hiệu trưởng Công nhận danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu năm 2021 và giai đoạn 2021-2026 (rà soát bổ sung năm 2021)</i>
358				3.1.03	<i>Hướng dẫn số 912/HD-CĐNB, ngày 10/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, Đánh giá xếp loại nhà giáo</i>
359				3.1.04	<i>Hướng dẫn đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021 - 2022</i>
360			3.2.09		<i>Thông báo Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022</i>
361			3.2.10		<i>Báo cáo số 1186/BC-CĐNB ngày 27/12/2020 của Hiệu trưởng về kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2019-2020</i>
362			3.2.11		<i>Báo cáo số 1033/BC-CĐNB ngày 24/12/2021 của Hiệu trưởng về kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2020-2021</i>
363			3.2.12		<i>Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định năm 2019, 2020, 2021</i>
364			3.2.13		<i>Báo cáo số 639/BC-CĐNB, ngày 19/8/2021 báo cáo thành tích tập thể Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2020-2021</i>
365			3.2.14		<i>Báo cáo số 755/BC-CĐNB, ngày 20/8/2020 báo cáo thành tích tập thể Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2019-2020</i>
366				1.1.09	<i>Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
367				1.1.10	<i>Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
368			3.2.15		<i>Nghị quyết Hội nghị công chức viên chức năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
369	3	3	3.3.01		Danh sách trích ngang nhà giáo của trường có các thông tin về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng nghề hoặc tương đương
370			3.3.02		Hồ sơ quản lý nhà giáo
371			3.3.03		Quyết định số 587/QĐ-ĐHSPKT ngày 12/10/2020 về việc Mở lớp Bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp. Chứng chỉ bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hạng II
372	3	4		1.3.05	QĐ số 141/QĐ-CĐNB ngày 19/2/2021 Quyết định ban hành quy định hoạt động Trường năm 2021
373			3.4.01		Quyết định số 327/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 29/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TPHCM về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ Phân hiệu tại TPHCM)
374			3.4.02		Nội quy phòng học
375			3.4.03		Nội quy Ký túc xá
376			3.4.04		Nội quy Thư viện
377			3.4.05		Quyết định số 148/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 01/3/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TPHCM về việc ban hành Nội quy tiếp công dân của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TPHCM
378			3.4.06		Quyết định số 149/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 01/3/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM về việc ban hành Nội quy ra vào cổng của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TP.HCM).
379			3.4.07		Phiếu đánh giá cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên hàng tháng
380				3.1.06	Quyết định công nhận danh hiệu thi đua học kỳ II và năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022
381				3.15.01	Danh sách CBVC Nhà trường

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
382				3.10.01	Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, 2020, 2021 của Trường
383				3.3.02	Hồ sơ quản lý nhà giáo
384				3.13.01	Hồ sơ cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm
385				3.2.15	Nghị quyết Hội nghị công chức viên chức năm 2019, 2020, 2021, 2022
386				2.10.04	Biên bản họp giao ban trong năm 2019, 2020, 2021
387				2.10.02	Biên bản họp giao ban trong năm 2019, 2020, 2021
388				1.11.04	Báo cáo số 08/BC-TTrND, ngày 14/01/2021 của Ban thanh tra nhân dân báo cáo hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2020
389				1.11.05	Báo cáo số 06/BC-TTrND, ngày 10/01/2019 của Ban thanh tra nhân dân báo cáo hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2019
390	3	5		3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo của trường có các thông tin về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng nghề hoặc tương đương
391				1.3.05	QĐ số 141/QĐ-CĐNB ngày 19/2/2021 Quyết định ban hành quy định hoạt động Trường năm 2021
392			3.5.01		Quyết định số 100/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 01/02/2021 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp tại Tp. Hồ Chí Minh ban hành quy định chế độ làm việc của nhà giáo tại Phân hiệu
393				2.4.05	Quyết định số 807/QĐ-CĐNB, ngày 4/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về phân công khối lượng công tác giáo viên năm học 2021-2022
394				2.4.03	Quyết định số 1009/QĐ-CĐNB ngày 4/11/2019 Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên năm học 2019-2020
395				2.5.03	Quyết định số 954/QĐ-CĐNB ngày

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					09/11/2020 công nhận Kết quả xét tiến độ học tập trong năm 2020
396			3.5.02		Bảng nghiệm thu khối lượng giảng dạy năm học 2020 – 2021
397			3.5.03		Bảng thanh toán vượt giờ năm học 2020 – 2021
398			3.5.04		Kế hoạch coi thi trong năm 2019, 2020, 2021, 2022
399			3.5.05		Kế hoạch hướng nghiệp tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022
400			3.5.06		Bảng tính tỷ lệ học sinh, sinh viên/ giảng viên
401	3	6		3.3.01	- Danh sách trích ngang nhà giáo của trường có các thông tin về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng nghề hoặc tương đương
402				2.5.01	Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020
403				2.5.02	Quyết định số 757/QĐ-CDNB-ĐT ngày 19/09/2019 điều chỉnh tiến độ học sinh/sinh viên cao đẳng khóa 10, 11 và trung cấp khóa 32 năm 2019;
404				2.5.03	Quyết định số 954/QĐ-CDNB ngày 09/11/2020 công nhận Kết quả xét tiến độ học tập trong năm 2020;
405				2.5.04	Quyết định số 1047/QĐ-CDNB&KHCCN ngày 28/12/2021 công nhận tiến độ học tập cho sinh viên, học sinh cao đẳng và trung cấp
406					2.4.09 - Lịch học toàn khóa
407					2.4.05 - Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên
408				2.5.05	Bộ Quyết định Ban hành chương trình đào tạo năm 2020 tại Phân hiệu
409				2.4.05	Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên
410				2.6.01	Thời khóa biểu các tuần trong năm học 2019 – 2020; 2020 -2021; học kỳ I (2021-2022)
411				2.6.02	Sổ lên lớp
412				2.6.03	Sổ tay và giáo án nhà giáo

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
413	3	7		1.3.05	<i>QĐ số 141/QĐ-CĐNB ngày 19/2/2021 Quyết định ban hành quy định hoạt động Trường năm 2021</i>
414				1.3.04	<i>Quyết định số 96/QĐ-CĐNBPH ngày 01/02/2021 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021</i>
415				3.3.03	<i>Quyết định số 587/QĐ-ĐHSPKT ngày 12/10/2020 về việc Mở lớp Bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp. Chứng chỉ bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hạng 2</i>
416				3.3.02	<i>Hồ sơ quản lý nhà giáo</i>
417				3.2.04	<i>Kế hoạch số 1187 /KH – CĐNB của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021-2025</i>
418				1.5.02	<i>Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, 2020 của các đơn vị trực thuộc Trường</i>
419				1.1.09	<i>Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
420				1.1.10	<i>Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
421				3.2.15	<i>Nghị quyết Hội nghị công chức viên chức năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
422				2.10.04	<i>Biên bản họp giao ban trong năm 2019, 2020, 2021</i>
423				3.8.03	<i>Danh sách nhà giáo, CBVC được cử đi học tập bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng nghề, phương pháp giảng dạy năm 2019, 2020, 2021</i>
424	3	8		3.2.04	<i>- Các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBCCVC từ năm 2019 đến năm 2021</i>
425			3.8.03		<i>Danh sách nhà giáo, CBVC được cử đi học tập bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng nghề, phương pháp giảng dạy năm 2019, 2020, 2021</i>
426				3.3.02	<i>Hồ sơ quản lý nhà giáo</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
427			3.8.04		<i>Chứng nhận tham gia Hội thảo Chuyển đổi số giảng dạy kế toán trong bối cảnh đào tạo từ xa năm 2021</i>
428			3.8.05		<i>Kế hoạch số 190/KH-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 22/3/2021 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về Kế hoạch Tổ chức chương trình Hội giảng Nhà giáo GDNN cấp cơ sở Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ - Phân hiệu tại TP.HCM năm 2021</i>
429			3.8.06		<i>Hồ sơ giáo án, bài giảng của giáo viên tham gia Hội giảng năm 2021</i>
430	3	9		3.3.01	<i>Danh sách trích ngang nhà giáo của trường có các thông tin về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng nghề hoặc tương đương</i>
431				1.3.05	<i>QĐ số 141/QĐ-CĐNB ngày 19/2/2021 Quyết định ban hành quy định hoạt động Trường năm 2021</i>
432			3.9.01		<i>Quyết định số 589/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 01/10/2020 về việc cử giáo viên thực tập doanh nghiệp năm học 2020 – 2021</i>
433			3.9.02		<i>Báo cáo, nhật ký thực tập doanh nghiệp của giáo viên</i>
434				3.9.03	<i>Bảng thống kê nhà giáo thực tập tại Doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021</i>
435				2.7.01	<i>Danh sách các Quyết định thực tập cho HSSV ở cơ sở chính</i>
436				2.7.02	<i>Các Quyết định Phân công giảng viên hướng dẫn và học sinh đủ điều kiện thực tập tốt nghiệp năm học 2021 – 2022 – Phân hiệu</i>
437	3	10		1.6.08	<i>Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, 2020, 2021 của Trường</i>
438				3.2.15	<i>Nghị quyết Hội nghị công chức viên chức năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
439	3	11	3.11.01		<i>Quyết định số 2392/QĐ-BNN-TCCB, ngày 31/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bổ nhiệm cán bộ</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
440			3.11.02		Quyết định số 408/QĐ-BNN-TCCB, ngày 13/2/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bổ nhiệm cán bộ
441			3.11.03		Quyết định số 414/QĐ-BNN-TCCB, ngày 13/2/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bổ nhiệm cán bộ
442			3.11.04		Quyết định số 138/QĐ-BNN-TCCB, ngày 11/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bổ nhiệm cán bộ
443			3.11.05		Hồ sơ Ban Giám hiệu
444				3.13.02	Phiếu phân loại cán bộ quản lý
445	3	12	3.12.01		Quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm
446			3.12.02		Hồ sơ bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm năm 2019, 2020, 2021
447			3.12.03		Danh sách trích ngang cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm
448			3.12.04		Quyết định bổ nhiệm số 02/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 26/02/2020
449			3.12.05		Quyết định số 05/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 26/02/2020
450			3.12.06		Quyết định số 08/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 26/02/2020
451			3.12.07		Quyết định số 11/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 26/02/2020
452			3.12.08		Quyết định số 13/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 26/02/2020
453			3.12.09		Quyết định bổ nhiệm số 757/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 28/12/2020
454			3.12.10		Quyết định số 342/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 21/7/2021
455			3.12.11		Quyết định số 343/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 21/7/2021
456	3	13		3.12.03	Danh sách trích ngang cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm
457			3.13.01		Hồ sơ cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm
458				1.1.02	Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 9 tháng 12 năm 2019, quy định

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ</i>
459				3.4.01	<i>Quyết định số 327/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 29/6/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ TPHCM về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ Phân hiệu tại TPHCM</i>
460			3.13.02		<i>Phiếu phân loại cán bộ quản lý;</i>
461				1.5.01	<i>Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, 2020, 2021 của các đơn vị trực thuộc Trường</i>
462			3.13.03		<i>Danh sách CBQL toàn trường năm 2021</i>
463					
464	3	14		3.12.03	<i>Danh sách trích ngang cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm</i>
465				3.14.01	<i>Quyết định số 826/QĐ-CĐNB, ngày 10/10/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cử giảng viên tham gia lớp bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng II</i>
466				3.14.02	<i>Quyết định số 702/QĐ-CĐNB, ngày 24/8/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cử CCVC tham gia khóa học Cao đẳng khai thác, đánh bắt hải sản</i>
467				3.14.03	<i>Quyết định số 754/QĐ-CĐNB, ngày 27/10/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ phân công cán bộ chỉ huy phó tham gia tập huấn năm 2021</i>
468				3.14.04	<i>Quyết định số 352/QĐ-CĐNB, ngày 25/5/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cử cán bộ tham dự Hội nghị tập huấn triển khai chương trình môi xã hội một sản phẩm</i>
469				3.14.05	<i>Quyết định số 947/QĐ-CĐNB, ngày 22/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cử cán bộ</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>tham dự Hội nghị tập huấn triển khai chương trình mỗi xã hội một sản phẩm;</i>
470			3.14.06		<i>Quyết định số 751/QĐ-CĐNB, ngày 8/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cử cán bộ tham dự các khóa bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp vụ và tương đương năm 2020;</i>
471			3.14.07		<i>Quyết định số 851/QĐ-CĐNB, 14/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cử cán bộ tham dự lớp bồi dưỡng “nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp”</i>
472			3.14.08		<i>Quyết định số 855/QĐ-CĐNB, 14/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cử cán bộ tham dự lớp bồi dưỡng “nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp”</i>
473			3.14.09		<i>Quyết định số 603/QĐ-TCTS-HC ngày 08/10/2019 của Hiệu trưởng Trung cấp Thủy sản về việc cử viên chức học lớp Đào tạo bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng</i>
474			3.14.10		<i>Quyết định số 451/QĐ-TCTS-HC ngày 14/8/2019 Cử viên chức học Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính</i>
475				3.8.03	<i>Danh sách cán bộ quản lý được cử đi học tập bồi dưỡng năm 2019, 2020, 2021</i>
476				1.1.09	<i>Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
477				1.1.10	<i>Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
478	3	15	3.15.01		<i>Danh sách trích ngang viên chức, người lao động của trường</i>
479				3.8.03	<i>Danh sách viên chức, người lao động được cử đi học tập bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng nghề, phương pháp giảng dạy năm 2019, 2020, 2021</i>
480				3.2.03	<i>Các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBCCVC từ năm 2019 đến năm 2022</i>
481	4	1		1.2.07	<i>Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
482				1.2.08	<i>Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 41c/2017/GCNĐKHD-TCĐN ngày 13/06/2018</i>
483				1.2.09	<i>Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019</i>
484				1.2.10	<i>Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020</i>
485				1.2.11	<i>Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Phân hiệu</i>
486				1.2.12	<i>Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 77/2021/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 23/7/2021</i>
487				1.2.13	<i>Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56/2022/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 14/7/2022</i>
488			4.1.01		<i>Quyết định 385/QĐ-CĐNB ngày 4/6/2020 thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng</i>
489				2.5.01	<i>Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của cơ sở chính</i>
490				2.5.05	<i>Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của Phân hiệu</i>
491			4.1.02		<i>Quyết định số 486/QĐ-CĐNB ngày 19/5/2022 thành lập hội đồng xây dựng chương trình chất lượng cao</i>
492			4.1.03		<i>Quyết định số 610/QĐ/CĐNB ngày 22/6/2022 thành lập hội đồng thẩm định chương trình chất lượng cao</i>
493			4.1.04		<i>Quyết định số 717/QĐ/CĐNB ngày 27/7/2022 ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ cao đẳng nghề Thú y và Bảo vệ thực vật</i>
494	4	2		4.1.01	<i>Quyết định 385/QĐ-CĐNB ngày 4/6/2020 thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
495			4.2.01		<i>Biên bản rà soát, cập nhật chương trình được lưu tại phòng Đào tạo-KHCN</i>
496			4.2.03		<i>Quyết định số 22/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập tổ biên soạn, chuyển đổi chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp</i>
497			4.2.04		<i>Quyết định số 23/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập tổ biên soạn, chuyển đổi chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp</i>
498			4.2.05		<i>Quyết định số 25/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp</i>
499			4.2.06		<i>Quyết định số 26/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng</i>
500				4.1.02	<i>Quyết định số 486/QĐ-CĐNB ngày 19/5/2022 thành lập hội đồng xây dựng chương trình chất lượng cao</i>
501				4.1.03	<i>Quyết định số 610/QĐ/CĐNB ngày 22/6/2022 thành lập hội đồng thẩm định chương trình chất lượng cao</i>
502				4.1.04	<i>Quyết định số 717/QĐ/CĐNB ngày 27/7/2022 ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ cao đẳng nghề Thú y và Bảo vệ thực vật</i>
503	4	3		2.5.01	<i>Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của cơ sở chính</i>
504				2.5.05	<i>Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của Phân hiệu</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
505				4.1.02	<i>Quyết định số 486/QĐ-CĐNB ngày 19/5/2022 thành lập hội đồng xây dựng chương trình chất lượng cao</i>
506				4.1.03	<i>Quyết định số 610/QĐ/CĐNB ngày 22/6/2022 thành lập hội đồng thẩm định chương trình chất lượng cao</i>
507				4.1.04	<i>Quyết định số 717/QĐ/CĐNB ngày 27/7/2022 ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ cao đẳng (nghề Thú y và Bảo vệ thực vật).</i>
508	4	4		4.1.01	<i>Quyết định 385/QĐ-CĐNB ngày 4/6/2020 thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng</i>
509				4.2.01	<i>Biên bản rà soát, cập nhật chương trình được lưu tại phòng Đào tạo-KHCN</i>
510				4.2.03	<i>Quyết định số 22/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập tổ biên soạn, chuyển đổi chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp</i>
511				4.2.04	<i>Quyết định số 23/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập tổ biên soạn, chuyển đổi chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp</i>
512				4.2.05	<i>Quyết định số 25/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp</i>
513				4.2.06	<i>Quyết định số 26/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 26/02/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
514				2.5.01	Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của cơ sở chính
515				2.5.05	Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của Phân hiệu
516				4.1.02	Quyết định số 486/QĐ-CĐNB ngày 19/5/2022 thành lập hội đồng xây dựng chương trình chất lượng cao
517				4.1.03	Quyết định số 610/QĐ/CĐNB ngày 22/6/2022 thành lập hội đồng thẩm định chương trình chất lượng cao
518				4.1.04	Quyết định số 717/QĐ/CĐNB ngày 27/7/2022 ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ cao đẳng nghề Thú y và Bảo vệ thực vật).
519				1.1.09	Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022
520				1.1.10	Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022
521			4.4.01		Phiếu khảo sát đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021, về CTĐT, GTĐT
522			4.4.02		Báo cáo kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021, về CTĐT, GTĐT
523	4	5		2.5.01	Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của cơ sở chính
524				2.5.05	Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của Phân hiệu
525				4.1.02	Quyết định số 486/QĐ-CĐNB ngày 19/5/2022 thành lập hội đồng xây dựng chương trình chất lượng cao
526				4.1.03	Quyết định số 610/QĐ/CĐNB ngày 22/6/2022 thành lập hội đồng thẩm định chương trình chất lượng cao
527				4.1.04	Quyết định số 717/QĐ/CĐNB ngày 27/7/2022 ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ cao đẳng nghề Thú y và Bảo vệ thực vật).
528				4.4.01	Phiếu khảo sát đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021, về CTĐT, GTĐT
529				4.4.02	Báo cáo kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021, về CTĐT, GTĐT

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
530	4	6		2.5.01	Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của cơ sở chính
531				2.5.05	Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của Phân hiệu
532				4.1.04	Quyết định số 717/QĐ/CĐNB ngày 27/7/2022 ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ cao đẳng nghề Thú y và Bảo vệ thực vật
533			4.6.01		Văn bản thỏa thuận hoặc chấp thuận của cơ sở giáo dục đại học với trường trong việc đào tạo liên thông, hợp đồng liên kết đào tạo
534			4.6.02		CTĐT liên thông đại học Nông Lâm Bắc Giang, Đại học Thái Nguyên lưu tại phòng Đào tạo & KHCN
535			4.6.03		Thông báo tuyển sinh liên thông đại học
536			4.6.04		Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đã được cơ sở giáo dục đại học ban hành
537			4.6.05		Quyết định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập của người học
538			4.6.06		Công văn về việc Hợp tác đào tạo liên thông trình độ Đại học của Đại học Nông lâm Thái Nguyên và Đại học Nông lâm Bắc Giang
539	4	7		4.1.01	Quyết định 385/QĐ-CĐNB ngày 4/6/2020 thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
540				2.5.01	Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của cơ sở chính
541				2.5.05	Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của Phân hiệu
542				4.1.02	Quyết định số 486/QĐ-CĐNB ngày 19/5/2022 thành lập hội đồng xây dựng chương trình chất lượng cao
543				4.1.03	Quyết định số 610/QĐ/CĐNB ngày 22/6/2022 thành lập hội đồng thẩm định chương trình chất lượng cao

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
544				4.1.04	<i>Quyết định số 717/QĐ/CĐNB ngày 27/7/2022 ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ cao đẳng nghề Thú y và Bảo vệ thực vật</i>
545			4.7.01		<i>Chương trình đào tạo chi tiết được lưu tại phòng Đào tạo và KHCN</i>
546	4	8		4.1.01	<i>Quyết định 385/QĐ-CĐNB ngày 4/6/2020 thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng</i>
547				2.5.01	<i>Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của cơ sở chính</i>
548				2.5.05	<i>Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của Phân hiệu</i>
549			4.8.01		<i>Thông tin về những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến được cập nhật trong chương trình đào tạo</i>
550	4	9		2.5.01	<i>Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của cơ sở chính</i>
551				2.5.05	<i>Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của Phân hiệu</i>
552				2.16.06	<i>Quyết định số 1034/QĐ-CĐNB ngày 22/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng liên thông ngành Thú y</i>
553				2.16.07	<i>Quyết định số 767/QĐ-CĐNB ngày 1/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng liên thông ngành Bảo vệ thực vật</i>
554				2.16.10	<i>Bộ Quyết định Ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng liên thông từ Trung cấp tại Phân hiệu</i>
555				2.16.02	<i>Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông</i>
556	4	10		1.2.07	<i>Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017</i>
557				1.2.08	<i>Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					41c/2017/GCNĐKHD-TCDN ngày 13/06/2018
558				1.2.09	Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019
559				1.2.10	Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020
560				1.2.11	Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Phân hiệu
561				1.2.12	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 77/2021/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 23/7/2021
562				1.2.13	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56/2022/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 14/7/2022
563			4.10.01		Quyết định số 805/QĐ-CĐNB ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình, tài liệu tham khảo
564			4.10.02		Quyết định số 897/QĐ-CĐNB ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành danh sách giáo trình sử dụng cho từng môn học/ mô đun
565			4.10.03		Bản in/ file các giáo trình, tập bài giảng của các môn học/ mô đun của các chương trình đào tạo
566			4.10.04		Quyết định số 634/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 05/11/2020 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp và Cao đẳng;
567			4.10.05		Quyết định số 569/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 21/9/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TPHCM về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình sử dụng cho

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>các chuyên ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng</i>
568	4	11		4.10.01	<i>Quyết định số 805/QĐ-CĐNB ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình, tài liệu tham khảo</i>
569				4.10.02	<i>Quyết định số 897/QĐ-CĐNB ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành danh sách giáo trình sử dụng cho từng môn học/ mô đun</i>
570				4.10.04	<i>Quyết định số 634/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 05/11/2020 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp và Cao đẳng</i>
571				4.10.05	<i>Quyết định số 569/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 21/9/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TPHCM về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng</i>
572				4.11.01	<i>Thông báo số 652/TB-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 09/11/2020 về việc biên soạn giáo trình năm học 2020-2021</i>
573				4.11.02	<i>Tờ trình về việc lập dự toán kinh phí thẩm định giáo trình và đề tài nghiên cứu khoa học cấp Phân hiệu năm học 2020-2021</i>
574				4.11.03	<i>Quyết định số 653/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 11/11/2020 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập Tổ biên soạn giáo trình độ Trung cấp và Cao đẳng năm học 2020-2021</i>
575				4.11.04	<i>Quyết định số 04/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 04/11/2021 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập Hội</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>đồng thẩm định giáo trình độ Trung cấp và Cao đẳng năm học 2020-2021</i>
576			4.11.05		<i>Hồ sơ lấy ý kiến chuyên gia về cấu trúc giáo trình</i>
577			4.11.06		<i>Hồ sơ hội thảo giáo trình</i>
578			4.11.07		<i>Hồ sơ thẩm định giáo trình</i>
579			4.11.08		<i>Quyết định số 365/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 16/8/2021 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành sử dụng 16 giáo trình.</i>
580			4.11.09		<i>Quyết định số 786/QĐ-CĐNB ngày 28/9/2020 của Hiệu trưởng về phân công giảng viên biên soạn giáo trình</i>
581			4.11.10		<i>Quyết định số 351/QĐ-CĐNB ngày 23/4/2021, Quyết định số 494/QĐ-CĐNB ngày 31/5/2021 của Hiệu trưởng về thành lập hội đồng thẩm định giáo trình</i>
582			4.11.11		<i>Quyết định số 524/QĐ-CĐNB ngày 08/6/2021, Quyết định số 629/QĐ-CĐNB ngày 12/8/2021 Hiệu trưởng về ban hành sử dụng giáo trình</i>
583			4.11.12		<i>Quyết định số 722/QĐ-CĐNB ngày 14/10/2021 của Hiệu trưởng về phân công giảng viên biên soạn giáo trình</i>
584			4.11.13		<i>Quyết định số 376/QĐ-CĐNB ngày 27/4/2022 của Hiệu trưởng về thành lập hội đồng thẩm định giáo trình</i>
585			4.11.14		<i>Quyết định số 602/QĐ-CĐNB ngày 20/6/2022 của Hiệu trưởng về ban hành sử dụng giáo trình</i>
586			4.11.15		<i>Kế hoạch biên soạn giáo trình năm học 2021-2022</i>
587			4.11.16		<i>Quyết định số 387/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 17/9/2021 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập tổ biên soạn giáo trình năm học 2021-2022</i>
588				4.10.03	<i>Bản in/ file các giáo trình, tập bài giảng của các môn học/ mô đun của các chương trình đào tạo</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
589	4	12		1.2.07	Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017
590				1.2.08	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 41c/2017/GCNĐKHD-TCDN ngày 13/06/2018
591				1.2.09	Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019
592				1.2.10	Bộ Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020
593				1.2.11	Bộ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Phân hiệu
594				1.2.12	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 77/2021/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 23/7/2021
595				1.2.13	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56/2022/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 14/7/2022
596				4.10.01	Quyết định số 805/QĐ-CĐNB ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình, tài liệu tham khảo
597				4.10.02	Quyết định số 897/QĐ-CĐNB ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành danh sách giáo trình sử dụng cho từng môn học/ mô đun
598				4.10.04	Quyết định số 634/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 05/11/2020 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp và Cao đẳng
599				4.10.05	Quyết định số 569/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 21/9/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TPHCM về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình sử dụng cho

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>các chuyên ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng</i>
600			4.12.02		<i>Biên bản họp thẩm định giáo trình lưu tại phòng Đào tạo&KHCN</i>
601	4	13	4.13.01		<i>Quyết định số 828/QĐ-CĐNB ngày 13/10/2020 của Hiệu trưởng ban hành quy định về cấu trúc, thể thức trình bày giáo trình</i>
602			4.13.02		<i>Bản phản biện thẩm định giáo trình, Phiếu đánh giá giáo trình, biên bản họp thẩm định giáo trình, lưu tại phòng Đào tạo&KHCN</i>
603				4.10.01	<i>Quyết định số 805/QĐ-CĐNB ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình, tài liệu tham khảo</i>
604				4.10.02	<i>Quyết định số 897/QĐ-CĐNB ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành danh sách giáo trình sử dụng cho từng môn học/ mô đun</i>
605				4.10.04	<i>Quyết định số 634/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 05/11/2020 của Giám đốc Phân hiệu tại TP.HCM Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ về việc lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp và Cao đẳng</i>
606				4.10.05	<i>Quyết định số 569/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 21/9/2020 của Giám đốc Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TPHCM về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình sử dụng cho các chuyên ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng</i>
607				4.10.03	<i>Bản in/ file các giáo trình, tập bài giảng của các môn học/ mô đun của các chương trình đào tạo lưu tại phòng Đào tạo&KHCN</i>
608				1.10.20	<i>Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
609				1.1.10	Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022
610	4	14		1.10.20	Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022
611				1.1.10	Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022
612				1.1.09	Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022
613				4.4.01	Phiếu khảo sát đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021, về CTĐT, GTĐT
614				4.4.02	Báo cáo kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021, về CTĐT, GTĐT
615	4	15		2.5.01	Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của cơ sở chính
616				2.5.05	Bộ Quyết định ban hành Chương trình đào tạo năm 2020 của Phân hiệu
617				4.11.09	Quyết định số 786/QĐ-CĐNB ngày 28/9/2020 của Hiệu trưởng về phân công giảng viên biên soạn giáo trình
618				4.11.10	Quyết định số 351/QĐ-CĐNB ngày 23/4/2021, Quyết định số 494/QĐ-CĐNB ngày 31/5/2021 của Hiệu trưởng về thành lập hội đồng thẩm định giáo trình
619				4.11.11	Quyết định số 524/QĐ-CĐNB ngày 08/6/2021, Quyết định số 629/QĐ-CĐNB ngày 12/8/2021 Hiệu trưởng về ban hành sử dụng giáo trình
620				4.11.12	Quyết định số 722/QĐ-CĐNB ngày 14/10/2021 của Hiệu trưởng về phân công giảng viên biên soạn giáo trình
621				4.11.13	Quyết định số 376/QĐ-CĐNB ngày 27/4/2022 của Hiệu trưởng về thành lập hội đồng thẩm định giáo trình
622				4.11.14	Quyết định số 602/QĐ-CĐNB ngày 20/6/2022 của Hiệu trưởng về ban hành sử dụng giáo trình
623	5	1	5.1.01		Giấy chứng nhận QSDĐ số:00072QSDĐ/43; 3008; 1563 của

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang cấp ngày, 01 tháng 11, năm 2000</i>
624			5.1.02		<i>Quyết định số 1364/QĐ/BNN-TC ngày 01/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc giữ lại tiếp tục sử dụng đối với cơ sở nhà, đất của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ (Bản vẽ số 01; 01 lưu giữ tại phòng Cơ sở vật chất;</i>
625			5.1.03		<i>Giấy thỏa thuận trú đóng tại TP.Hồ Chí Minh số 05/TTTĐ</i>
626			5.1.04		<i>Quyết định 1128/QĐ-LĐTĐ ngày 09/8/2019 về việc sáp nhập Trường trung cấp Thủy sản vào Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ)</i>
627			5.1.05		<i>Trích lục bản đồ địa hình số 442/TTĐK-KT ngày 03/12/2008</i>
628					
629			5.1.07		<i>Hợp đồng số: 21001191 ngày 13/12/2021 mua bán điện giữa Trường Cao đẳng NN Nam Bộ và Tổng công ty điện lực Miền Nam, mã khách hàng: PB 080810014396- A0911- Q 34- IA 3860000</i>
630			5.1.08		<i>Hóa đơn giá trị gia tăng phí nước của Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang</i>
631			5.1.10		<i>Biên bản nghiệm thu và đưa vào sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống phòng cháy chữa cháy</i>
632			5.1.11		<i>Báo cáo số 1281/BC-CĐNB ngày 26/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ báo cáo định kỳ thực hiện công tác PCCC năm 2019</i>
633			5.1.12		<i>Báo cáo số 1191/BC-CĐNB ngày 30/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ báo cáo định kỳ thực hiện công tác PCCC năm 2020</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
634			5.1.13		Báo cáo số 816 ngày 9/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ báo cáo định kỳ thực hiện công tác PCCC năm 2021
635				1.10.20	Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022
636				1.1.09	Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022
637				1.1.10	Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022
638	5	2	5.2.01		Quyết định số 1818/QĐ-BNN-XDCB ngày 04/05/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình cải tạo XD trường
639			5.2.02		Quyết định số 3939/QĐ-BNN-KH ngày 05/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án quy hoạch mặt bằng tổng thể Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ
640			5.2.03		Bản vẽ số 03, 04
641			5.2.04		Công văn số 10700/BTC-QLCS ngày 01/8/2014 của Bộ Tài Chính về việc phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất khối HCSN thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
642			5.2.05		Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất ngày 08/7/2013 của Ban chỉ đạo 09
643				1.10.20	Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022
644				1.1.09	Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022
645				1.1.10	Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022
646	5	3		5.2.01	Quyết định số 1818/QĐ-BNN-XDCB ngày 04/05/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình cải tạo XD trường

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
647			5.3.01		<i>Quyết định số 834/QĐ-BNN-XD, ngày 9/3/2018 của Bộ NN và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư “cải tạo, xây dựng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ”</i>
648				5.2.03	<i>Bản vẽ số 03, 04 - lưu tại phòng Cơ sở vật chất;</i>
649			5.3.02		<i>Báo cáo cơ sở vật chất năm 2019; 2020; 2021</i>
650				5.2.05	<i>Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất ngày 08/7/2013 của Ban chỉ đạo 09</i>
651				1.10.20	<i>Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
652				1.1.09	<i>Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
653				1.1.10	<i>Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
654	5	4	5.4.01		<i>Hồ sơ xây dựng, thiết kế các hạng mục công trình xây dựng, mặt bằng khuôn viên trường</i>
655				5.1.08	<i>Hồ sơ hoàn công các công trình xây dựng từ năm 2001 đến nay;</i>
656				5.1.09	<i>Biên bản nghiệm thu và đưa vào sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống phòng cháy chữa cháy;</i>
657			5.4.02		<i>Bản vẽ số 07;08; 09 – lưu tại phòng cơ sở vật chất</i>
658				5.1.07	<i>Hợp đồng số: 21001191 ngày 13/12/2021 mua bán điện giữa Trường Cao đẳng NN Nam Bộ và Tổng công ty điện lực Miền Nam, mã khách hàng: PB 080810014396- A0911- Q 34- IA 3860000</i>
659			5.4.03		<i>Bản vẽ hồ sơ hoàn công hệ thống đường ống cấp nước HDPE</i>
660				5.1.08	<i>Hóa đơn giá trị gia tăng phí nước của Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang</i>
661			5.4.04		<i>Bản vẽ hồ sơ hoàn công Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
662			5.4.05		Báo cáo giám sát môi trường năm 2019, 2020, 2021
663			5.4.06		Báo cáo ngày 30/12/2019 về quản lý chất thải nguy hại năm 2019
664			5.4.07		Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy số 61/TĐ-PCCC của phòng CSPCCC công an Tiền Giang cấp ngày 25/7/2013).
665				5.1.111	Báo cáo số 1281/BC-CĐNB ngày 26/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ thực hiện công tác PCCC năm 2019;
666				5.1.12	Báo cáo số 1191/BC-CĐNB ngày 30/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ thực hiện công tác PCCC năm 2020
667				5.1.13	Báo cáo số 816 ngày 9/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ thực hiện công tác PCCC năm 2021
668			5.4.08		Hồ sơ sửa chữa xây dựng năm 2019
669			5.4.09		Hồ sơ sửa chữa xây dựng năm 2020
670			5.4.10		Hồ sơ sửa chữa xây dựng năm 2021
671			5.4.11		Mặt bằng hệ thống thoát nước số N01/02
672			5.4.12		Hợp đồng thi công xây dựng số 803/2020/HĐXD ngày 31/7/2020 gói thầu cải tạo hệ thống điện khu A và sửa chữa văn phòng tuyển sinh số 1
688			5.4.13		Giấy chứng nhận nghiệm thu hệ thống phòng chống cháy số 300 PCCC/NT
689			5.4.14		Bản vẽ thiết kế hệ thống cấp nước và chữa cháy
690			5.4.15		Phương án chữa cháy cơ sở đã được Công an PCCC và CNCH Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt
691				1.10.20	Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022
692				1.1.09	Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022
693				1.1.10	Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022
694	5	5		5.3.02	Báo cáo cơ sở vật chất 2020; 2021, 2022

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
695			5.5.02		Báo cáo số 09/BC-CSVC ngày 5/10/2021 Báo cáo Tự đánh giá thực trạng phòng học, phòng thực hành, xưởng thực tập, khu thí nghiệm phục vụ đào tạo
696			5.5.03		Danh mục thiết bị tại các phòng thực hành, thí nghiệm
697				1.10.20	Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022
698				1.1.09	Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022
699				1.1.10	Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022
700	5	6	5.6.01		Quyết định số 1283/QĐ-CĐNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng thí nghiệm
701			5.6.02		Quyết định số 1282/QĐ-CĐNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng máy vi tính
702			5.6.03		Qui trình Bảo trì bảo dưỡng thiết bị ban hành kèm QĐ 270/QĐ-CĐNB ngày 30/3/2022 Điều chỉnh bổ sung hệ thống quy trình ĐBCL Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ
703				5.5.03	Danh mục thiết bị tại các phòng thực hành, thí nghiệm
704			5.6.04		Công văn số 3023/BNN-TCCB ngày 04/05/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Thông báo kế hoạch sử dụng kinh phí Dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN năm 2019 và Công văn số 3024/BNN-TCCB ngày 04/05/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc thông báo danh mục thiết bị mua sắm cho đào tạo các nghề nông nghiệp năm 2019
705			5.6.05		Công văn số: 3514/BNN-TCCB ngày 27/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc thông báo danh mục thiết bị mua sắm cho đào tạo các

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>nghề nông nghiệp và Thông báo kế hoạch sử dụng kinh phí Dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN năm 2020</i>
706			5.6.06		<i>Công văn số 2857/BNN-TCCB ngày 18/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc thông báo danh mục thiết bị mua sắm cho đào tạo các nghề nông nghiệp năm 2021</i>
707			5.6.07		<i>Quyết định số 190/QĐ-CDNB ngày 25/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc giao quản lý, khai thác và sử dụng tài sản, thiết bị đầu tư năm 2019 cho các đơn vị thuộc trường</i>
708			5.6.08		<i>Quyết định số 122/QĐ-CDNB ngày 15/01/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc giao quản, khai thác và sử dụng tài sản, thiết bị đầu tư năm 2020 cho các đơn vị thuộc trường</i>
709			5.6.09		<i>Quyết định số 990/QĐ-CDNB ngày 16/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc giao quản lý, khai thác và sử dụng tài sản, thiết bị đầu tư năm 2021 cho các đơn vị thuộc trường</i>
710	5	7	5.7.01		<i>Nội quy sử dụng phòng học lý thuyết</i>
711				5.6.01	<i>Quyết định số 1283/QĐ-CDNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng thí nghiệm</i>
712				5.6.02	<i>Quyết định số 1282/QĐ-CDNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về Ban hành Nội quy phòng máy vi tính</i>
713			5.7.02		<i>Nội quy làm việc học tập tại trại thực nghiệm</i>
714			5.7.03		<i>Sổ theo dõi sử dụng phòng học lý thuyết</i>
715				2.8.01	<i>Nhật ký phòng thí nghiệm, xưởng thực hành</i>
716			5.7.05		<i>Giấy đề nghị mượn dụng cụ, phòng thí nghiệm của giáo viên</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
717				1.5.01	Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, 2020, 2021 của các đơn vị trực thuộc Trường
718	5	8	5.8.02		Bảng tổng hợp so sánh DMTB của Trường với DMTB tối thiểu do Bộ LĐTBXH ban hành
719			5.8.03		Báo cáo số 76/BC-CDNBPH-ĐT ngày 09/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về đăng ký hoạt động GDNN
720			5.8.04		Báo cáo số 149/CDNBPH-ĐT-ĐKBSDH ngày 20/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về đăng ký hoạt động GDNN
721			5.8.05		Danh sách kiểm kê tài sản năm 2020
722			5.8.06		Sổ kiểm kê tài sản hàng năm tại Phân hiệu
723			5.8.07		Quyết định 2149/QĐ-BNN-TC ngày 18/5/2021 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt kế hoạch sử dụng kinh phí và danh mục mua sắm tài sản năm 2021 của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ - Phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh
724				2.8.01	Nhật ký phòng thí nghiệm, thực hành
725				1.10.20	Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022
726				1.1.09	Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022
727				1.1.10	Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022
728					
729	5	9	5.9.01		Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo tại phòng thí nghiệm
730					
731				5.6.01	Quyết định số 1283/QĐ-CDNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng thí nghiệm
732			5.9.03		Hồ sơ quản lý thiết bị, dụng cụ
733				2.8.01	Nhật ký phòng thí nghiệm, thực hành

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
734	5	10		5.6.01	Quyết định số 1283/QĐ-CĐNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng thí nghiệm
735				5.6.02	Quyết định số 1282/QĐ-CĐNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng máy vi tính
736				5.6.03	Quy trình Bảo trì bảo dưỡng thiết bị ban hành kèm theo QĐ 270/QĐ-CĐNB ngày 30/3/2022 Điều chỉnh bổ sung hệ thống quy trình ĐBCL Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ
737				5.5.03	Danh mục thiết bị tại các phòng thực hành, thí nghiệm
738			5.10.01		Quyết định số 955/QĐ-CĐNB ngày 9/2/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Quy trình bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trong trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ
739			5.10.02		Quyết định số 240/QĐ-CĐNB ngày 8/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ).
740			5.10.03		Kế hoạch kiểm kê tài sản, thiết bị năm 2019 ngày 22 tháng 11 năm 2019
741			5.10.04		Quyết định số 944/QĐ-CĐNB ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2020 tại cơ sở chính;
742			5.10.05		Kế hoạch số 988/KH-KK ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc kiểm kê tài sản, thiết bị năm 2020
743			5.10.06		Quyết định Số 805/QĐ-CĐNB ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng kiểm kê tài sản,

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2021 tại cơ sở chính</i>
744			5.10.07		<i>Kế hoạch Số 808/KH-KK ngày 10 tháng 11 năm 2021 V/v kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2021</i>
745			5.10.08		<i>Báo cáo Kết quả kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2019</i>
746			5.10.09		<i>Tờ trình về việc Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường tại cơ sở chính năm 2019</i>
747			5.10.10		<i>Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2020</i>
748			5.10.11		<i>Tờ trình về việc Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường tại cơ sở chính năm 2020</i>
749			5.10.12		<i>Quyết định Số 85/QĐ-CĐNB ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng xử lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường năm 2019</i>
750			5.10.13		<i>Quyết định Số 1278/QĐ-CĐNB ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường năm 2019</i>
751			5.10.14		<i>Quyết định Số 155/QĐ-CĐNB ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng xử lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường năm 2020</i>
752			5.10.15		<i>Quyết định Số 85/QĐ-CĐNB ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường tại cơ sở chính năm 2020;</i>
753			5.10.16		<i>Quyết định Số 154/QĐ-CĐNB ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng xử lý tài sản</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường năm 2021</i>
754			5.10.17		<i>Tờ trình về việc Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường tại cơ sở chính năm 2021</i>
755			5.10.18		<i>Quyết định Số 94, 95/QĐ-CĐNB ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường tại cơ sở chính năm 2021</i>
756			5.10.19		<i>Quyết định số 151/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 01/03/2021 của Giám đốc phân hiệu ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại Phân hiệu trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh</i>
757			5.10.20		<i>Quyết định số 484/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 31/12/2021 về thành lập Ban kiểm kê tài sản năm 2021</i>
758			5.10.21		<i>Thông báo số 485/TB-CĐNBPH-VP ngày 31/12/2021 của Giám đốc Phân hiệu về việc kiểm kê tài sản năm 2021</i>
759			5.10.22		<i>Sổ kiểm kê tài sản hàng năm tại Phân hiệu</i>
760	5	11	5.11.01		<i>Thẻ tài sản gắn tại các thiết bị</i>
761				5.10.02	<i>Quyết định số: 240/QĐ-CĐNB ngày 8/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ</i>
762				5.10.03	<i>Kế hoạch kiểm kê tài sản, thiết bị năm 2019 ngày 22 tháng 11 năm 2019</i>
763				5.10.04	<i>Quyết định số 944/QĐ-CĐNB ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2020 tại cơ sở chính</i>
764				5.10.05	<i>Kế hoạch số 02/KH-KK ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc kiểm kê tài sản, thiết bị năm 2020</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				5.10.06	Quyết định Số 805/QĐ-CDNB ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2021 tại cơ sở chính
765				5.10.07	Kế hoạch Số 808/KH-KK ngày 10 tháng 11 năm 2021 V/v kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2021
766				5.10.08	Báo cáo Kết quả kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2019
767				5.10.09	Tờ trình về việc Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường tại cơ sở chính năm 2019
768				5.10.10	Báo cáo số 02/ BC/KKTS ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản, thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2020
769				5.10.11	Tờ trình về việc Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường tại cơ sở chính năm 2020
770				5.10.12	Quyết định Số 85/QĐ-CDNB ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng xử lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường năm 2019
771				5.10.13	Quyết định Số 1278/QĐ-CDNB ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường năm 2019
772				5.10.14	Quyết định Số 155/QĐ-CDNB ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng xử lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường năm 2020
773				5.10.15	Quyết định Số 85/QĐ-CDNB ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thanh lý tài sản không cần dùng và

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>không còn sử dụng được trong trường tại cơ sở chính năm 2020</i>
774				5.10.16	<i>Quyết định Số 154/QĐ-CĐNB ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thành lập hội đồng xử lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường năm 2021</i>
775				5.10.17	<i>Quyết định Số 94, 95/QĐ-CĐNB ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ V/v Thanh lý tài sản không cần dùng và không còn sử dụng được trong trường tại cơ sở chính năm 2021</i>
776				5.10.18	<i>Quyết định số 151/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 01/03/2021 của Giám đốc phân hiệu ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại Phân hiệu trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh</i>
777				5.10.19	<i>Quyết định số 484/QĐ-CĐNBPH-VP ngày 31/12/2021 về thành lập Ban kiểm kê tài sản năm 2021</i>
778				5.10.20	<i>Thông báo số 485/TB-CĐNBPH-VP ngày 31/12/2021 của Giám đốc Phân hiệu về việc kiểm kê tài sản năm 2021</i>
779				5.10.21	<i>Sổ kiểm kê tài sản hàng năm tại Phân hiệu</i>
780				2.8.01	<i>Nhật ký phòng thí nghiệm, thực hành</i>
781	5	12	5.12.01		<i>Kế hoạch mua vật tư thực hành thực tập</i>
782			5.12.02		<i>Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo</i>
783			5.12.03		<i>Các Hợp đồng và các sản phẩm Xây dựng Định mức tiêu hao vật tư, định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo</i>
784			5.12.04		<i>Các Hợp đồng và các sản phẩm Xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
785			5.12.05		Các Hợp đồng và các sản phẩm Xây dựng Định mức kinh tế kỹ thuật với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
786			5.12.06		Quyết định số 1543/QĐ-NBB-TC ngày 12/04/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự toán kinh phí thi điểm xây dựng giá dịch vụ đào tạo trình độ Cao đẳng năm 2021 của trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ
787			5.12.07		Các Hợp đồng và các sản phẩm xây dựng thi điểm giá dịch vụ đào tạo nghề Chế biến thực phẩm và nghề Chế biến và Bảo quản thủy sản
788	5	13	5.13.01		Danh mục sách, tài liệu tham khảo tại thư viện trên phần mềm Thư viện: Access 2000
789			5.13.03		Sổ kiểm kê trang thiết bị thư viện hàng năm
790			5.13.04		Sổ mượn sách của thư viện
791			5.13.05		Sổ danh mục tài liệu, sách thư viện tại phân hiệu
792	5	14	5.14.01		Nội quy hoạt động của thư viện
793				5.13.01	Danh mục sách, tài liệu tham khảo tại thư viện trên phần mềm Thư viện: Access 2000
794				5.13.05	Sổ danh mục tài liệu, sách thư viện tại phân hiệu
795				5.13.04	Sổ mượn sách của thư viện
796				1.5.03	Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, 2020, 2021 của các đơn vị trực thuộc Trường
797				1.10.20	Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022
798				1.1.09	Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022
799				1.1.10	Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022
800	5	15	5.15.01		Link thư viện điện tử cơ sở chính: https://www.nbac.edu.vn/thuvien.php
801			5.15.02		Link thư viện điện tử phân hiệu: http://hcm-nbac.edu.vn/thuvien.php

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
802			5.15.03		Danh mục tài liệu tham khảo được số hóa
803			5.15.04		Danh mục giáo trình được số hóa
804				5.13.02	Sơ đồ thư viện
805	6	1	6.1.01		Quyết định số 136/QĐ-CĐNB ngày 18/02/2021 của Hiệu trưởng quy định thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học năm 2021
806			6.1.02		Quyết định số 16/QĐ-CĐNB ngày 04/01/2022 của Hiệu trưởng quy định thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học năm 2022
807			6.1.03		Quyết định 101/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 01/02/2021 ban hành quy định thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ - Phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh
808			6.1.04		Quy trình Thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường ban hành kèm Quyết định 270/QĐ-CĐNB ngày 30/3/2022 ban hành các quy trình đảm bảo chất lượng đào tạo
809			6.1.05		Kế hoạch 703/KH-CĐNB ngày 04/10/2021 về việc tổ chức thiết kế thiết bị đào tạo tự làm cấp Trường năm học 2021-2022
810				2.8.06	Các quyết định đạt giải tại các hội giảng, hội thi các cấp
811				1.1.09	Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022
812				1.1.10	Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022
813	6	2	6.2.01		Quyết định công nhận Sáng kiến-cải tiến năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 – tại cơ sở chính
814			6.2.02		Quyết định số 648/QĐ-CĐNB ngày 06 tháng 7 năm 2022 công nhận sáng kiến năm học 2021 – 2022 Phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh
815			6.2.03		Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt đề cương đề tài, giao đề tài và hội đồng

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>nghiệm thu đề tài cấp trường 2019, 2020, 2021 (cơ sở chính)</i>
816			6.2.04		<i>Hồ sơ thực hiện đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến lưu tại phòng Đào tạo-KHCN</i>
817	6	3	6.3.01		<i>Danh sách các sáng kiến cải tiến, bài báo năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
818	6	4		6.3.01	<i>Danh sách các sáng kiến cải tiến, đề tài nghiên cứu khoa học, bài báo năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
819			6.4.01		<i>Danh sách các công trình nghiên cứu khoa học, dự án theo đặt hàng của Tổng cục GDNN</i>
820			6.4.02		<i>Báo cáo kết quả về công tác đề tài NCKH và triển khai ứng dụng trong đào tạo</i>
821	6	5	6.5.01		<i>Biên bản ghi nhớ liên kết: giữa Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ với Trường Cao đẳng Kỹ thuật dạy nghề Khăm Muộn (ngày 12/3/2017); Trường Cao đẳng kỹ thuật tỉnh Viêng Chăn (ngày 10/3/2017) và Trường Cao đẳng Nông nghiệp Đông Khăm Xạng (ngày 11/3/2017)</i>
822			6.5.02		<i>Quyết định số 940/QĐ-CĐNB ngày 05/10/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc tiếp nhận lưu học sinh nước CH DCND Lào sang học tập</i>
823	7	1		1.3.05	<i>QĐ số 141/QĐ-CĐNB ngày 19/2/2021 Quyết định ban hành quy định hoạt động Trường năm 2021</i>
824				1.3.04	<i>Quyết định số 96/QĐ-CĐNBPH ngày 01/02/2021 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021</i>
825			7.1.01		<i>Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc năm 2019, 2020, 2021</i>
826			7.1.02		<i>Quy trình hướng dẫn thanh toán tạm ứng</i>
827			7.1.03		<i>Quy trình mua sắm tài sản</i>
828			7.1.04		<i>Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị</i>
829			7.1.05		<i>Quy trình thanh toán lương</i>
830			7.1.06		<i>Quy trình cấp lệnh điều xe và quản lý xe ô tô phục vụ công tác</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
831				3.2.15	<i>Nghị quyết Hội nghị công chức viên chức năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
832			7.1.08		<i>Dự toán thu chi tài chính 2019, 2020, 2021, 2022</i>
833			7.1.09		<i>Báo cáo công khai tài chính năm 2019, 2020, 2021</i>
834			7.1.10		<i>Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2019, 2020, 2021</i>
835	7	2	7.2.01		<i>Quyết định về thu học phí năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021- 2022, 2022 - 2023</i>
836			7.2.02		<i>Quyết định số 13/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 08/01/2021 của Giám đốc Phân hiệu về mức thu học phí đào tạo trung cấp, cao đẳng, cao đẳng liên thông năm 2021</i>
837				7.1.08	<i>Dự toán thu chi tài chính 2019, 2020, 2021, 2022</i>
838			7.2.03		<i>Sổ chi tiết doanh thu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm 2019, 2020, 2021</i>
839			7.2.04		<i>Các hợp đồng liên kết đào tạo; khai thác căn tin; nhà xe</i>
840			7.2.05		<i>Bảng giá cho thuê tài sản</i>
841			7.2.06		<i>Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
842	7	3	7.3.01		<i>Quyết định giao Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
843				7.1.08	<i>Dự toán thu chi tài chính 2019, 2020, 2021, 2022</i>
844				5.12.01	<i>Kế hoạch mua vật tư thực hành, thực tập năm 2019, 2020, 2021</i>
845			7.3.03		<i>Kế hoạch quảng bá tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
846				7.2.04	<i>Các hợp đồng liên kết đào tạo; khai thác căn tin; nhà xe</i>
847			7.3.05		<i>Bảng giá cho thuê tài sản, mức thu ký túc xá</i>
848				7.2.06	<i>Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
849			7.3.06		<i>Báo cáo quyết toán năm 2019, 2020, 2021</i>
850				7.1.10	<i>Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2019, 2020, 2021</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
851			7.3.08		<i>Báo cáo khoản chênh lệch thu chi trích lập quỹ năm 2019, 2020, 2021</i>
852	7	4		7.3.06	<i>Báo cáo quyết toán 2019, 2020</i>
853				7.3.07	<i>Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2019, 2020, 2021</i>
854				1.3.05	<i>QĐ số 141/QĐ-CDNB ngày 19/2/2021 Quyết định ban hành quy định hoạt động Trường năm 2021</i>
855				1.3.04	<i>Quyết định số 96/QĐ-CDNBPH ngày 01/02/2021 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021</i>
856			7.4.02		<i>Hệ thống sổ sách kế toán 2019, 2020, 2021</i>
857			7.4.03		<i>Sổ cái, sổ chi tiết các tài khoản năm 2019, 2020, 2021</i>
858			7.4.04		<i>Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc theo quý năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
859				7.1.01	<i>Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc năm 2019, 2020, 2021</i>
860			7.4.05		<i>Thông báo công khai dự toán thu – chi ngân sách năm 2019, 2020, 2021</i>
861			7.4.06		<i>Báo cáo thanh tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021</i>
862	7	5		7.4.06	<i>Báo cáo của ban thanh tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021</i>
863			7.5.01		<i>Biên bản Hội nghị CBVC năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
864			7.5.02		<i>Biên bản kiểm kê quỹ hằng tháng, năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
865				7.4.04	<i>Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc theo quý năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
866				7.1.01	<i>Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc hằng năm 2019, 2020, 2021</i>
867				7.1.10	<i>Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2019, 2020, 2021</i>
868				7.1.09	<i>Báo cáo công khai tài chính tại Hội nghị cán bộ viên chức năm 2019, 2020, 2021</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
869	7	6		7.1.01	Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc năm 2019, 2020, 2021
870				7.2.07	Hệ thống sổ sách kế toán năm 2019, 2020, 2021
871				7.1.09	Báo cáo công khai tài chính năm 2019, 2020, 2021
872				7.3.06	Báo cáo quyết toán năm 2019, 2020, 2021
873				7.3.08	Báo cáo khoản chênh lệch thu chi trích lập quỹ năm 2019, 2020, 2021
874				7.1.10	Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2019, 2020, 2021
875			7.6.01		Báo cáo kết quả thực hiện tự chủ
876				7.5.01	Biên bản hội nghị công nhân viên chức năm 2019, 2020, 2021
877			7.6.02		Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019, 2020, 2021, 2022
878			7.6.03		Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019, 2020, 2021
879			7.6.04		Biên bản họp ban soạn thảo sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022
880	8	1		1.2.05	Thông báo tuyển sinh 2019, 2020, 2021, 2022
881			8.1.01		Kế hoạch sinh hoạt đầu khoá và Thời khóa biểu sinh hoạt chính trị đầu khóa năm 2019, 2020, 2021, 2022 - tại cơ sở chính
882			8.1.03		Kế hoạch sinh hoạt đầu khoá và Thời khóa biểu sinh hoạt chính trị đầu khóa năm 2019, 2020, 2021, 2022 - tại Phân hiệu
883			8.1.02		Sổ tay Học sinh sinh viên
884				1.8.02	Quyết định 722/QĐ-CĐNB ngày 11/8/2020 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô đun
885			8.1.07		Quyết định 356-QĐ-CĐNB-CTHSSV ngày 23/4/2021 về việc thành lập Hội đồng chủ nhiệm lớp năm học 2020-2021
886				1.10.20	Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
887				1.1.10	Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020,2021, 2022
888	8	2		8.1.01	Thời khóa biểu sinh hoạt đầu khóa, cuối khóa năm 2019, 2020, 2021
889				8.1.03	Kế hoạch số 403/KH-TCTS-CTHS ngày 01/8/2018 về việc tiếp đón học sinh khóa 35 nhập học năm học 2018 - 2019
890				8.1.04	Kế hoạch số 422/KH-TCTS-CTHS ngày 01/8/2019 về “Tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa năm học 2019-2020”
891				8.1.05	Kế hoạch số 502/KH-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 27/8/2020 về việc tiếp đón học sinh khóa 37 nhập học năm học 2020-2021
892				8.1.06	Kế hoạch về việc sinh hoạt quy chế đào tạo và công tác học sinh, sinh viên năm học 2021 - 2022
893				8.1.02	Sổ tay HSSV
894			8.2.01		Bộ Quyết định miễn học phí cho HSSV năm học 2019-2020
895			8.2.02		Bộ Quyết định miễn học phí cho HSSV năm học 2020-2021
896			8.2.03		Bộ Quyết định miễn học phí cho HS năm học 2021-2022
897			8.2.04		Bộ Quyết định Giảm học phí cho HSSV ngành nặng nhọc độc hại trình độ TC-CD năm học 2019-2020
898			8.2.05		Bộ Quyết định Giảm học phí cho SV ngành nặng nhọc độc hại trình độ CD năm học 2020-2021
899			8.2.06		Bộ Quyết định Giảm học phí cho HSSV ngành nặng nhọc độc hại trình độ TC-CD năm học 2021-2022
900			8.2.07		Bộ Quyết định Miễn học phí cho HSSV năm học 2019-2020- tốt nghiệp THCS học TC
901			8.2.08		Bộ Quyết định Miễn học phí cho HS năm học 2020-2021-tốt nghiệp THCS học TC
902			8.2.09		Bộ Quyết định Miễn học phí cho HS năm học 2021-2022-tốt nghiệp THCS học TC

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
903				1.5.01	Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, 2020, 2021 của các đơn vị trực thuộc Trường
904	8	3	8.3.01		Bộ Quyết định khen thưởng cho HSSV năm học 2019-2020
905			8.3.02		Bộ Quyết định khen thưởng HSSV năm học 2020-2021; 2021-2022
906			8.3.03		Bộ Quyết định khen thưởng cho học sinh năm học 2019-2020 tại Phân hiệu
907			8.3.04		Quyết định 219a/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 28/4/2021 về việc khen thưởng toàn khóa cho học sinh các lớp khóa 35 học tại Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Chánh khóa học 2018-2020
908			8.3.05		Quyết định 220/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 28/4/2021 về việc khen thưởng toàn khóa cho học sinh các lớp 19TCB36CS-FMS; 19TCB36PT-FMS; 19TCB36-FMS khóa học 2019-2021
909			8.3.06		Quyết định 221/QĐ-CĐNBPH-ĐTCTHS ngày 28/4/2021 về việc khen thưởng toàn khóa cho học sinh các lớp 19TCB36CS-SGF; 19TCB36PT-SGF; 19TCB36-SGF khóa học 2019-2021
910			8.3.07		Bộ Quyết định cấp học bổng Khuyến khích học tập cho HSSV năm học 2019-2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022 tại cơ sở chính
911			8.3.08		Bộ Quyết định cấp học bổng Khuyến khích học tập cho HSSV năm học 2019-2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022 tại Phân hiệu
912			8.3.09		Quyết định 1096/QĐ-CĐNB ngày 10/10/2016 quy định về quản lý và sử dụng quỹ khuyến học
913			8.3.10		Quyết định 888/QĐ-CĐNB-CTHSSV ngày 4/10/2019 về việc cấp học bổng cho HSSV từ Quỹ khuyến học
914			8.3.11		Quy trình xét thi đua khen thưởng HSSV; Quy trình xét bổng khuyến khích học tập

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
915			8.3.12		Kế hoạch hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ HSSV và QHDN năm 2019, 2020, 2021, 2022
916			8.3.13		Giấy đề nghị giảm ký túc xá cho học sinh sinh viên nội trú do dịch bệnh covid 19
917			8.3.14		Báo cáo V/v Trao quà cho HSSV Nhà trường ở KTX trong mùa dịch năm 2021
918	8	4		8.1.01	Thời khóa biểu sinh hoạt đầu khóa, cuối khóa năm 2019, 2020, 2021
919			8.4.01		Nội quy ra vào trường
920				3.4.03	Nội quy ký túc xá
921			8.4.03		Nội quy lớp học
922				5.6.01	Quyết định số 1361/QĐ-CDNB ngày 19/12/2013 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng thí nghiệm
923				5.14.01	Nội quy thư viện
924			8.4.04		Quyết định số 407/QĐ-CDNBPH-ĐTCTHS ngày 14/10/2021 về việc ban hành Nội quy lớp học của Phân hiệu trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM
925			8.4.05		Quyết định số 96/QĐ-TCTS-CTHS ngày 12/02/2020 về việc ban hành Nội quy Ký túc xá của Phân hiệu Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại TP.HCM
926				1.10.20	Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022
927				1.1.10	Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022
928	8	5		5.3.02	Báo cáo cơ sở vật chất 2019, 2020, 2021
929			8.5.03		Kế hoạch tu sửa ký túc xá Phân hiệu năm 2019
930			8.5.05		Sơ đồ bản vẽ ký túc xá Trường Cao đẳng Nam nghiệp Nam bộ Phân hiệu tại TP.HCM
931			8.5.06		Quyết định số 96/QĐ-TCTS-CTHS ngày 12/02/2020 về việc ban hành Nội quy Ký túc xá Trường Trung cấp Thủy sản
962			8.5.07		Thông báo số 60/TB-TCTS-CTHS ngày 04/02/2020 về việc phòng chống dịch

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>bệnh viêm đường hô hấp cấp tại khu nội trú</i>
933			8.5.08		<i>Thông báo số 253/TB-CĐNBPH-VP ngày 20/5/2021 về việc tăng cường, chủ động thực hiện phòng chống dịch bệnh COVID-19 cho toàn bộ cán bộ, CNV, HSSV và những người ở KTX của trường</i>
934				1.10.20	<i>Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
935				1.1.10	<i>Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
936	8	6	8.6.01		<i>Danh mục các thiết bị y tế cơ bản của trường</i>
937			8.6.02		<i>Danh sách học sinh tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn 2019, 2020, 2021</i>
938			8.6.03		<i>Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm của Căn tin; Giấy khám sức khỏe nhân viên căn tin</i>
939			8.6.04		<i>Hợp đồng căn tin tại Cơ sở chính và Phân hiệu</i>
940			8.6.05		<i>Kế hoạch số 384-KH/CĐNBPH-VP ngày 17/9/2021 về Phòng, chống dịch Covid-19 và các phương án xử trí khi có trường hợp mắc Covid-19 tại Phân hiệu của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh</i>
941			8.6.06		<i>Phương án số 404/CĐNBPH-VP ngày 14/10/2021 về Tổ chức hoạt động GDNN gắn với việc đảm bảo an toàn phòng chống dịch Covid-19 tại Phân hiệu của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh</i>
942	8	7	8.7.01		<i>Kế hoạch Tổ chức Hội diễn Văn nghệ Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 ngày 01/10/2020</i>
943				5.3.02	<i>Báo cáo cơ sở vật chất năm 2019, 2020, 2021</i>
944			8.7.02		<i>Kế hoạch Giải Bóng đá cấp trường</i>
945			8.7.18		<i>Kế hoạch số 595/KH-TCTS-HC ngày 07/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Thủy sản về Kế hoạch Kỷ niệm 33 năm thành lập Trường Trung cấp Thủy sản (1986 - 2019); 37 năm</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 và Hướng ứng phong trào “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hoá công sở”
946			8.7.19		Kế hoạch số 27/KH-CĐT ngày 25/10/2019 về Tổ chức Hội thi thể thao - văn nghệ Kỷ niệm 33 năm thành lập Trường Trung cấp Thủy sản (1986 - 2019) chào mừng 37 năm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11
947			8.7.20		Kế hoạch số 04/KH-ĐTN ngày 21/9/2020 của Đoàn thanh niên Phân hiệu về tổ chức giải bóng đá mini chào mừng năm học mới (2020 -2021)
948			8.7.21		Kế hoạch số 08/KH-ĐTN ngày 30/10/2020 của Đoàn thanh niên Phân hiệu về việc tổ chức chương trình chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2020
949			8.7.03		Quyết định V/v Thành lập Đội hình Thanh niên tình nguyện Hè năm 2021
950			8.7.04		Kế hoạch Tổ chức Hiến máu tình nguyện năm 2022
951			8.7.05		Kế hoạch thăm, tặng quà gia đình chính sách và giao lưu Đoàn biên phòng Hải đội 2
952			8.7.06		Kế hoạch tổ chức Kỷ niệm 131 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5
953			8.7.07		Kế hoạch tổ chức Kỷ niệm 110 ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước
954			8.7.08		Kế hoạch Phát động Sinh viên tham, gia Hội thi Olympic toàn quốc các môn Khoa học Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh “Ánh sáng soi đường” lần IV năm học 2020-2021
955			8.7.09		Kế hoạch tổ chức Tổ chức chương trình Hành trình về địa chỉ đỏ cách mạng năm học 2020 - 2021
956			8.7.10		Kế hoạch tổ chức thực hiện hoạt động kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ năm 2021
957			8.7.22		Thông báo số 09/TB-ĐTN ngày 07/12/2020 của Đoàn thanh niên Phân

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>hiệu về việc mở lớp Dân ca và Đờn ca tài tử Nam Bộ</i>
958			8.7.23		<i>Thông báo số 14/TB-ĐTN ngày 24/01/2021 của Đoàn thanh niên Phân hiệu về việc tổ chức tiếp sóng trực tiếp Phiên khai mạc Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam</i>
959			8.7.24		<i>Kế hoạch số 16/KH-ĐTN ngày 22/3/2021 của Đoàn thanh niên Phân hiệu về tổ chức các hoạt động Chào mừng kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931 - 26/3/2021)</i>
960			8.7.11		<i>Quyết định công nhận “Sinh viên 5 tốt” và “Học sinh 3 rèn luyện” năm học 2020-2021</i>
961			8.7.13		<i>Kế hoạch phối hợp tổ chức “Hội thi Tìm hiểu kiến thức nghề khối Học sinh sinh viên năm học 2020-2021</i>
962			8.7.14		<i>Kế hoạch tổ chức Hội thi Tìm hiểu Pháp luật năm 2020 hưởng ứng ngày Pháp luật Việt Nam (9/11)</i>
963			8.7.15		<i>Kế hoạch tổ chức Diễn đàn hỗ trợ phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học và chia sẻ cách đọc sách hiệu quả năm học 2020-2021</i>
964			8.7.16		<i>Kế hoạch tổ chức hội thi Tìm hiểu luật Giao thông đường bộ, kỹ năng lái xe mô tô an toàn và chạy thử xe mới cho đoàn viên năm 2021</i>
965			8.7.17		<i>Quyết định Kịch bản toàn tiểu đội Tự vệ cơ quan năm 2021</i>
966			8.7.25		<i>Kế hoạch số 06/KH-ĐTN ngày 12/10/2020 của Đoàn Phân hiệu về việc thực hiện ổn định trật tự nề nếp học sinh</i>
967			8.7.26		<i>Kế hoạch số 21/KH-ĐTN ngày 26/7/2021 của Đoàn Phân hiệu về việc hỗ trợ Quận đoàn Bình Tân trong công tác phòng chống Covid-19</i>
968			8.7.28		<i>Kế hoạch thực hiện công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông năm 2019</i>
969			8.7.29		<i>Kế hoạch xây dựng cơ quan an toàn về an ninh trật tự các năm 2020, 2021, 2022</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
970			8.7.30		<i>Báo cáo Tình hình an ninh trật tự hàng tháng, quý, năm 2019,2020, 2021, 2022</i>
971			8.7.31		<i>Kế hoạch phòng chống dịch Covid 19 và các phương án xử trí khi có các trường hợp mắc covid 19 tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ</i>
972			8.7.27		<i>Kế hoạch số 134/KH-CĐNB ngày 10/2/2022 của trường Cao đẳng NN Nam Bộ về việc tổ chức cho người học đảm bảo điều kiện an toàn phòng, chống dịch Covid-19</i>
973	8	8	8.8.01		<i>Quyết định số 393/ QĐ-CĐNB ngày 25/5/2016 về việc thành lập Trung tâm Giới thiệu việc làm và Quan hệ doanh nghiệp</i>
974			8.8.02		<i>Đề án hoạt động Trung tâm Giới thiệu việc làm và Quan hệ doanh nghiệp</i>
975				1.2.03	<i>Thống kê các thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp Trung tâm đã triển khai đến HSSV trong năm 2019, 2020, 2021</i>
976			8.8.03		<i>Kế hoạch số 892/KH-CĐNB, ngày 03/10/2019 tổ chức Tọa đàm định hướng nghề nghiệp cho HSSV năm 2019</i>
977			8.8.04		<i>Kế hoạch số 1015/KH-CĐNB, ngày 30/11/2020 tổ chức Tọa đàm định hướng nghề nghiệp cho HSSV năm 2020</i>
978			8.8.05		<i>Kế hoạch số 500/KH-CĐNB, ngày 08/7/2019 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2019</i>
979			8.8.06		<i>Kế hoạch số 712/KH-CĐNB, ngày 27/8/2020 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2020</i>
980			8.8.07		<i>Kế hoạch số 758/KH-CĐNB, ngày 27/10/2021 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2021</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
981			8.8.08		<i>Kế hoạch số 553/KH-CĐNB, ngày 09/6/2022 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2022</i>
982			8.8.09		<i>Báo cáo số 1280/BC-CĐNB ngày 31/12/2019 Báo cáo tổng kết tình hình việc làm HSSV sau tốt nghiệp 2019</i>
983			8.8.10		<i>Báo cáo số 17/BC-CĐNB ngày 21/01/2021 Báo cáo tổng kết tình hình việc làm HSSV sau tốt nghiệp 2020</i>
984			8.8.11		<i>Báo cáo số 1058/BC-CĐNB ngày 31/12/2021 Báo cáo tổng kết tình hình việc làm HSSV sau tốt nghiệp 2021</i>
985			8.8.12		<i>Danh sách các doanh nghiệp tham gia buổi tư vấn và tuyển dụng năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
986			8.8.13		<i>Danh sách HSSV tham gia buổi Tư vấn và tuyển dụng trực tiếp năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
987	8	9		8.8.05	<i>Kế hoạch số 500/KH-CĐNB, ngày 08/7/2019 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2019</i>
988				8.8.06	<i>Kế hoạch số 712/KH-CĐNB, ngày 27/8/2020 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2020</i>
989				8.8.07	<i>Kế hoạch số 758/KH-CĐNB, ngày 27/10/2021 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2021</i>
990				8.8.08	<i>Kế hoạch số 553/KH-CĐNB, ngày 09/6/2022 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2022</i>
991				8.8.10	<i>Danh sách các doanh nghiệp tham gia buổi tư vấn và tuyển dụng năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
992				8.8.11	<i>Thống kê các thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp Trung tâm đã triển khai đến HSSV trong năm 2019, 2020, 2021</i>
993				8.8.12	<i>Danh sách HSSV tham gia buổi Tư vấn và tuyển dụng trực tiếp năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
994			8.9.01		<i>Kế hoạch số 142/KH-TCTS-BTS ngày 04/3/2019 về việc tổ chức Ngày hội tham quan hướng nghiệp</i>
995	9	1		8.8.05	<i>Kế hoạch số 500/KH-CĐNB, ngày 08/7/2019 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2019</i>
996				8.8.06	<i>Kế hoạch số 712/KH-CĐNB, ngày 27/8/2020 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2020</i>
997				8.8.07	<i>Kế hoạch số 758/KH-CĐNB, ngày 27/10/2021 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2021</i>
998				8.8.08	<i>Kế hoạch số 553/KH-CĐNB, ngày 09/6/2022 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2022</i>
999			9.1.01		<i>Kế hoạch số 573/KH-CĐNB, ngày 9/8/2019 triển khai lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động năm 2019</i>
1000			9.1.02		<i>Kế hoạch số 861/KH-CĐNB, ngày 20/10/2020 lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng sinh viên tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2020</i>
1001			9.1.03		<i>Kế hoạch số 759/KH-CĐNB, ngày 28/10/2021 lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng sinh viên tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2021</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1002			9.1.04		<i>Kế hoạch số 759/KH-CĐNB, ngày 03/7/2022 lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về HSSV tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2022</i>
1003			9.1.05		<i>Danh sách doanh nghiệp gửi phiếu khảo sát ý kiến năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
1004			9.1.06		<i>Danh sách doanh nghiệp phản hồi ý kiến năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
1005			9.1.07		<i>Phiếu khảo sát đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form</i>
1006			9.1.08		<i>Báo cáo kết quả lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>
1007	9	2		7.5.01	<i>Biên bản Hội nghị CBVC năm 2019, 2020, 2021</i>
1008			9.2.01		<i>Thông báo số 69/TB-CĐNBPH-VP của Phân hiệu Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ tại TPHCM về việc tổ chức hội nghị Công chức Viên chức năm 2021</i>
1009				1.1.09	<i>Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form</i>
1010			9.2.02		<i>Kế hoạch số 978/KH-CĐNB ngày 04/11/2019 Kế hoạch lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2019</i>
1011			9.2.03		<i>Kế hoạch số 860/KH-CĐNB ngày 20/10/2020 lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2020</i>
1012			9.2.04		<i>Kế hoạch số 738/KH-CĐNB ngày 25/10/2021 lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2021</i>
1013			9.2.05		<i>Kế hoạch số 758/KH-CĐNB ngày 03/7/2022 Kế hoạch lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2022</i>
1014				1.1.09	<i>Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021, 2022 file lưu trên email và google form</i>
1015				1.1.10	<i>Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1016	9	3		1.10.20	Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022 lưu tại Phòng Kiểm định & BĐCL
1017				9.2.02	Kế hoạch số 978/KH-CĐNB ngày 04/11/2019 Kế hoạch lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2019
1018				9.2.03	Kế hoạch số 860/KH-CĐNB ngày 20/10/2020 lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2020
1019				9.2.04	Kế hoạch số 738/KH-CĐNB ngày 25/10/2021 lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2021
1020				9.2.05	Kế hoạch số 758/KH-CĐNB ngày 03/8/2022 Kế hoạch lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2022
1021				1.1.10	Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC và HSSV phục vụ công tác tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021, 2022
1022	9	4	9.4.01		Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019, 2020, 2021, 2022
1023			9.4.02		Quyết định Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022
1024			9.4.03		Quyết Ban hành Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022
1025			9.4.04		Link đăng tải Báo cáo tự đánh giá năm 2021: https://nbac.edu.vn/read.php?m=2021350&t=33
1026			9.4.05		Kế hoạch 810/KH-CĐNB ngày 10/11/2021 tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Thú y và Bảo vệ thực vật
1027			9.4.06		Quyết định số 666/QĐ-CĐNB ngày 08/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo bậc cao đẳng ngành Bảo vệ thực vật

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1028			9.4.07		<i>Quyết định số 667/QĐ-CĐNB ngày 08/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo bậc cao đẳng ngành Thú y</i>
1029			9.4.08		<i>Quyết Ban hành Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cao đẳng Thú y và Bảo vệ thực vật</i>
1030				1.7.02	<i>Kế hoạch 277/KH-CĐNB ngày 5/5/2020 về xây dựng, vận hành, đánh giá cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng giai đoạn 2020 - 2022</i>
1031				1.7.04	<i>Quyết định số 90/QĐ-CĐNB ngày 29/01/2021 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc công bố chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng và hệ thống quy trình đảm bảo chất lượng</i>
1032				1.7.05	<i>Kế hoạch số 368/KH-CĐNB ngày 28/4/2021 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về kiểm tra việc vận hành 23 quy trình đảm bảo chất lượng đã ban hành</i>
1033				1.7.06	<i>Kế hoạch số 676/KH-CĐNB ngày 20/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về điều chỉnh các quy trình đảm bảo chất lượng đang vận hành và xây dựng mới một số quy trình ĐBCL trong năm 2021</i>
1034			9.4.09		<i>Quyết định số 270/KH-CĐNB ngày 30/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc điều chỉnh, bổ sung hệ thống quy trình ĐBCL</i>
1035				1.7.09	<i>Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2019, 2020, 2021</i>
1036				1.7.10	<i>Báo cáo tổng hợp công tác tự đánh giá chất lượng năm 2019, 2020, 2021</i>
1037	9	5	9.5.01		<i>Kế hoạch số 173/KH-CĐNB ngày 20/2/2020 Cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá năm 2019</i>

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1038			9.5.02		Kế hoạch số 172/KH-CĐNB ngày 24/2/2021 Cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá năm 2020
1039			9.5.03		Kế hoạch số 250/KH-CĐNB ngày 30/3/2022 Cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá năm 2021
1040				9.4.01	Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019, 2020, 2021, 2022
1041				9.4.03	Quyết Ban hành Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022
1042				1.1.06	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025
1043	9	6		8.8.05	Kế hoạch số 500/KH-CĐNB, ngày 08/7/2019 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2019
1044				8.8.06	Kế hoạch số 712/KH-CĐNB, ngày 27/8/2020 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2020
1045				8.8.07	Kế hoạch số 758/KH-CĐNB, ngày 27/10/2021 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2021
1046				8.8.08	Kế hoạch số 553/KH-CĐNB, ngày 09/6/2022 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2022
1047			9.6.01		Mẫu phiếu khảo sát việc làm HSSV;
1048			9.6.02		Danh sách HSSV được điều tra tình hình việc làm 2019, 2020, 2021
1049				8.8.09	Báo cáo số 1280/BC-CĐNB ngày 31/12/2019 Báo cáo tổng kết tình hình việc làm HSSV sau tốt nghiệp 2019

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1050				8.8.10	<i>Báo cáo số 17/BC-CĐNB ngày 21/01/2021 Báo cáo tổng kết tình hình việc làm HSSV sau tốt nghiệp 2020</i>
1051				8.8.11	<i>Báo cáo số 1058/BC-CĐNB ngày 31/12/2021 Báo cáo tổng kết tình hình việc làm HSSV sau tốt nghiệp 2021</i>